

PHƯƠNG LÂN

ANH THU NƯỚC VIỆT

TỪ LẬP QUỐC ĐẾN HIỆN ĐẠI



BÀ PHƯƠNG LAN

ANH THƯ NƯỚC VIỆT

TỪ LẬP QUỐC ĐẾN HIỆN ĐẠI



ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử **BỐN NGÀN NĂM** liên tục đấu tranh để sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt-Nam, nữ giới đã đóng góp một phần không nhỏ với đất nước.

Phụ nữ Việt-Nam quả là những người đàn bà « **ĐÁM ĐANG, THÔNG MINH ANH DŨNG** và **TÌNH NGHĨA** ».

Ấy thế mà trong hiện tại, giá trị người phụ nữ bị tổn thương rất nhiều, lòng dạ người đàn bà bị nghi ngờ cũng lắm. Có lẽ trong lịch sử chưa bao giờ như bây giờ.

Tại sao có tình trạng bi đát như thế? Hỏi tức là trả lời :

**Thà là nín quách cho xong
Nói bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.**

Những ai còn có tự trọng dân tộc, nhất là những người phụ nữ còn biết sĩ diện, có tự ái cho giới mình, không thể không buồn tẻ, tức nhục.

Là một người phụ nữ, lại là người phụ nữ làm báo viết văn trong bao nhiêu năm qua, vốn sẵn có nhiều tài liệu ở Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đại, Khuê-Phòng tuần báo, Đàn Bà, Tri-Tán, Nam Phong, v.v... Nên tôi không ngần ngại sưu khảo tập tài liệu **ANH THƯ NƯỚC VIỆT** này, để làm tấm gương soi chiếu cho chị em phụ nữ chúng ta.

Những quân công, chính nghiệp, văn nghiệp và tiết hạnh trung trinh của tiền nhân sẽ là món thuốc hồi sinh, là bùa hộ mạng cho chị em chúng ta trong giai đoạn này.

PHƯƠNG-LAN

*Chị ngã thì em phải nâng
Xin đừng chị ngã em bưng miệng cười.*

Ca-đạo cũ

oOo

*Phấn son tô điểm sơn hà
Làm cho rõ mặt đàn bà Việt-Nam.*

*Phụ nữ Tân-Văn
(Sài-Gòn)*

oOo

*Chung tay đúc quả chuông đồng
Đề họa quân quý trắng biết bạn má hồng của nước Việt-Nam.*

*Báo-Thanh-Niên ở Tàu 1927
(mục Phụ nữ)*

oOo

*Ghế vai chung gánh sơn hà
Trai gươm Lê-Lợi, gái cờ Trưng-Vương.*

*Báo Cứu-Quốc Khu bốn 1947
(Mục phụ nữ)*

oOo

ÂU CƠ

bà mà mẹ đầu tiên của dân tộc Việt Nam

Âu Cơ chỉ là một nhân vật thần thoại, thần thoại phát sinh ra nòi giống Việt-Nam. Nhưng nghiên cứu lịch sử các dân tộc trên thế giới chưa có một dân tộc nào khi phát tích ra nòi giống lại không do một thần thoại.

Ví dụ người Nhật bản thì thần thoại lập quốc của họ thì nói rằng : nòi giống Nhật-Bản là con cháu của Thái dương thần nữ. Người Trung-Hoa thì có thần thoại nói rằng, nói người Trung-Hoa là con của Hoàng-Đế, tức là ông Thần đại diện Trời, những nhân Bần-Cổ, Toại Nhân, Thần-Nông đều là những nhân vật thần thoại.

Một quốc gia tầm thường nhỏ bé như nước Lào, họ cũng có thần thoại lập quốc. Chuyện thần thoại lập quốc của Lào bào rằng : Nước Lào từ đời xưa đời xưa, chỉ là những đồi núi, thế rồi trên cung trăng đáng hạ một ông tiên, tay cầm một cái dùi nhọn, tiếp đó lại cũng trên cung trăng rơi xuống một quả bầu to lớn không ai ước lượng nổi. Thế rồi ông tiên cầm cái dùi đâm vào quả bầu, hột bầu chảy sôi trào ra, cứ mỗi hột bầu như thế thì nở ra một con người. Nhưng hột bầu nhiều quá chảy ra không kịp, ông Tiên ấy phải dùng một thanh sắt dùi thêm một lỗ khác nữa để cho hột bầu ra và hóa ra người cho kịp. Người nào ra ở lỗ dùi thì da trắng, người nào ra ở lỗ thanh sắt thì da đen. Người Lào sở dĩ có hai giống « Trắng Đen » khác nhau là vì như vậy đó.

Nói tóm lại dân tộc nào cũng đều có chuyện thần thoại lập quốc cả. Cho nên nàng Âu-Cơ, người lấy Lạc-Long-Quân đẻ ra trăm quả trứng đẻ rồi nở ra trăm đứa con, lẽ dĩ nhiên cũng chỉ là một

chuyện Thần Thoại. Nhưng trong tinh thần tự hào dân tộc, nước trở về nguồn, cho nên tập tài liệu nhân vật phụ nữ Việt-Nam này chúng ta cũng cần phải đề cập tới bà cho phải đạo :

Lại cũng trong chuyện thần thoại kể rằng : Khi Đế-Lai thống trị ở Bắc phương, vốn giòng giõi Thần-Nông, Ngài đi thăm nước Xích Quỷ ở phương Nam. Trong lúc ấy Lạc-Long-Quân đang ở Thủy Phủ, Đế-Lai để lại một con gái yêu tên là Âu-Cơ tại đó rồi Ngài đi nơi khác. Khi Lạc-Long-Quân tới bắt gặp Âu-Cơ ở một mình, trước một cô gái đẹp lại ở một mình, Lạc-Long-Quân đắm ra mê cảm và Âu-Cơ cũng thế. Rồi Lạc-Long-Quân đưa Âu-Cơ về Long-Trang-Trang cũng ở chung thành đôi lứa.

Ở với nhau được một độ thì Âu-Cơ có thai và sau đó sanh ra được một cái bọc trong đó có 100 cái trứng, nở ra 100 người con trai.

Lũ trẻ chóng lớn khác thường, khỏe mạnh, trí dũng hơn người. Lạc-Long-Quân thường ở Thủy-Pủ để mặc Âu-Cơ sống cùng các con trong cung điện trên đất. Xa chồng, Âu-Cơ đắm ra nhớ quê cũ bèn dẫn các con về thăm phương Bắc. Bấy giờ Đế-Lai ở bên Tàu đã bị Hoàng Đế tiêu diệt. Nghe tin Âu-Cơ đưa 100 con trai tới bờ cõi, Hoàng Đế sợ tới báo thù, bèn đem binh ra ngăn, Âu-Cơ cùng các con quay trở lại phía Nam, gọi Lạc-Long-Quân tới, rồi vợ chồng, cha con gặp nhau ở Động « Cồn », Âu-Cơ nói :

— Thiếp ăn ở cùng chàng, sinh được 100 con trai. Nay chàng bỏ thiếp mà đi, khiến con không cha, vợ không chồng, thiệt là ngang trái. Vậy xin cho mẹ con chúng tôi đi theo với.

Nhưng Lạc Long Quân nói :

— Ta thuộc giống Rồng, Nàng thuộc giống Tiên, Rồng thì phải ở nước, Tiên thì phải ở núi, chớ nên không thể ở chung với nhau được. Bấy giờ tôi đề nghị thế này, trong 100 đứa con đứa nào thích ở nước, thì đi theo tôi ; đứa nào thích ở núi thì đi theo nàng.

Tương truyền rằng lúc đó một cuộc tình nguyện được thực hiện, kết quả 50 người con đứng về một bên đề về vùng biển theo cha : đồng thời 50 con khác đứng về một bên đề đi về núi theo mẹ.

Tổ tiên Việt-nam bắt đầu từ đó. Âu Cơ cùng 50 ở con Phong-Sơn, này là huyện Bạch-Hạc, tôn người con trưởng làm chúa, gọi là Hùng-Vương, tức là Thủy tổ của dân-tộc Việt-Nam vậy.

oOo

MAN - HOÀNG THÁI - HẬU

(Mẹ hai Bà Trưng)

Xuất thân trong hệ phái Quý tộc, Man Hoàng Thái Hậu là cháu ngoại Lạc-Vương. Vừa mới có hai người con gái là Hai Bà Trưng thì chồng chết. Bà ở góa nuôi Hai bà Trắc và Nhị đến tuổi trưởng thành, Bà đã giáo-dục hai người con gái của bà không những thành hai đứa con chí hiếu, mà còn trở nên hai vị nữ anh thư dân tộc, hai tấm gương trong sáng cho nữ giới muôn đời.

Trong chương trình bà dạy dỗ con, ngoài những công việc trong gia đình, Bà còn khuyên bảo con học chữ văn ôn võ luyện, vì theo bà đất nước đang cần.

Không phải là chỉ đề dạy con cái mà bản thân bà đối với việc đất nước giống nòi, không bao giờ mà bà không quan tâm tới.

Thiệt vậy, chính bà Man Hoàng-Thái-Hậu đã lắng nghe tiếng gọi của tổ quốc, tự đứng ra làm đại biểu cho toàn thể bộ lạc Giao-Chỉ dùng mọi hình thức, biện pháp chống lại đế quốc phong kiến Trung-hoa.

Thiệt ra cuộc khởi nghĩa chống lại quân Tàu của Ông Thi-Sách và hai bà Trưng. Động cơ chính yếu vẫn là Man-Hoàng-Thái-Hậu.

Sử chép rằng : Khi bà được tin quân Hai Bà Trưng bị bại, Bà khẳng khái lên ngựa định thúc quân ra mặt trận để chi viện cho nghĩa quân.

Nhưng qua mấy trận ác chiến « quả bất địch chúng » bà ngừng mặt lên trời than. Xong, Bà nhảy xuống sông tự tận.

HAI BÀ TRƯNG

Lịch sử Việt-Nam vào thời đại Bắc thuộc lần thứ nhất. Năm ấy là năm Giáp ngọ (34) là năm Kiến-Vô thứ 10, Hán Quang Vũ phái Tô Định sang làm Thái thú quận Giao-Chi. Họ Tô có nhiều hành động tham tàn, hiếp sát nên lòng người căm giận. Một vài sử gia Trung quốc, có lẽ muốn che dấu bộ mặt thực cướp nước của mình nên đã xuyên tạc đi rằng : Chính vì Tô-Định đã gây ra cuộc cách mạng chống xâm lăng của hai Bà Trưng. Phải nên nói rằng thủ đoạn bóc lột của thời Hán thuộc đã tích lũy từ trên một thế kỷ đã đẻ ra cuộc cách mạng giải phóng dân tộc năm canh-tý trên đất Việt ; thật ra Tô-Định chỉ là người khơi ngòi lửa cách mạng đã có từ lâu như lửa cháy ngầm, họ Tô đã ném mỗi lửa vào kho thuốc súng thì đúng hơn. Hán không riêng là kẻ phải chịu trách nhiệm trước lịch sử, lịch sử của kẻ cướp nước bị dân mất nước nổi lên chống lại.

Thời bấy giờ ông Đặng-thị-Sách, một tù trưởng có nhiều uy tín ở bộ lạc Giao-Chi thuộc đẳng cấp quý tộc Lạc-việt, làm quan tại huyện Châu-diên (thuộc phủ Vinh Tường, tỉnh Vinh yên bây giờ) và cũng là người sinh trưởng ở châu này, đã cùng vợ là Trưng-Trắc và em vợ là Trưng-Nhị mưu đồ lật đổ chính quyền ngoại bang Hán tộc đô hộ.

Nguyên Hai Bà Trưng là con gái một vị Lạc tướng ở huyện Mê-Linh ở làng Hạ-lôi, tổng yên lăng, tỉnh Phúc-yên.

Theo thần tích làng Hạ lồi vừa là làng Cồ lại tỉnh Phúc-yên, phủ Yên-Lăng thì Hai bà là chị em sinh đôi, và sinh vào ngày 1-8 năm Giáp tuất. Theo thần tích làng Nam-nguyên có chỗ bất đồng nói :

« Bà Trắc hơn bà Nhị 5 tuổi và khi chết bà mới có 29 tuổi. Hai Bà quả là bậc anh thư tuấn kiệt, dũng cảm vô song. Điều đó

không làm cho ai ngạc nhiên hết cả. Đối với những con người xuất thân ở Trường môn vô luận trai hay gái đều phải là những người gan dạ, ngoại trừ tội hèn nhát tầm thường.

Hai bà khi vừa mới thay quyền tướng quân, phát cờ nơi đây, anh hùng hào kiệt bốn phương đều chạy theo về. Những người tầm thường đâu có được một thứ thế như kia.

Khi cuộc khởi nghĩa của bà Trưng mới bắt đầu thì người chủ động đầu tiên là Thi-Sách đã bị Thái-Thú Tô-định bắt giết.

Sau khi Thi-Sách bị giết thì hai bà đứng dậy tiếp tục chỉ huy đại cuộc. Quân số dưới Trướng hai bà lúc bấy giờ có độ 60.000 người.

Đầu hết hai bà tiến công vào Liên-châu thành của giặc và các thị trấn gần đó.

Buổi đầu nhờ có tinh thần chiến đấu anh dũng tạo nên bởi chỉ khi cảm thù nên quân hai Bà đã đánh bại quân Hán ở những Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-phố và toàn thể các tầng lớp nhân dân nổi lên hưởng ứng nhiệt liệt nên không bao lâu Hai Bà khôi phục được toàn bộ giang sơn. Tô-Định và bọn quan cai trị của nhà Hán phải chạy về Nam-Hải sau khi thành Liên-Lâu lọt vào nghĩa quân Hai Bà.

Tổng cộng được giặc Tàu về nước, Hai Bà xưng vương, thiết lập kinh đô ở Mê-Linh là nguyên quán Hai bà. Nền tự chủ quốc gia bắt đầu từ năm 40 tới 43 (Tây lịch kỷ nguyên). Quy mô chánh trị, văn hóa quân sự chưa có gì đặc biệt cho lắm. Ngoại trừ tinh thần anh dũng thiết tha với nền độc lập của giống nòi Lạc Việt.

Tới tháng chạp năm Tân-sửu (41). Nhà Đông-Hán phong cho Mã Viện chức Phục Ba tướng quân. Viện là một tướng già ngoài việc giỏi về hình thức, binh pháp và chỉ huy ba quân ra, gã còn là một tay đầy mưu mô, chước quỷ.

Trước hết Trung Lăng tướng của Viện là Lưu Long, Thủy sư đô đốc là Đoán Chỉ với quân số 20.000 cả thủy lục tấn công vào Giao-Chi (Việt-Nam). Bị Thánh-Thiên Công chúa, một nữ tướng của hai bà xua quân đánh bại. Trận này trên một nghìn quân Hán bị giết.

Đại bại trận đầu tiên này, quân Hán phải rút lui về vùng Hắc-giang, rồi cấp báo về Tàu xin thêm viện binh.

Khi quân Tàu rút về mạn Cao-Bằng, Tuyên Quang cố thủ chờ viện binh, thì Trưng-Vương liền phái Thánh-Thiên Công chúa cấp tốc đem quân đánh vào những vùng đó liền. Làm cho quân đại bản doanh bị mỏng manh đi. Thừa chỗ hở đó, tướng Mã-Viện liền thúc quân đánh vào đại bản doanh của hai bà. Qua mấy ngày từ chiến, vì lực lượng phòng vệ ở đây hơi yếu, lại thêm có quân Tàu mới thêm sang tiếp viện kịp lúc nữa. Vì thế làm cho Nam-quân núng thối.

Nữ tướng Thánh-Thiên ở mạn Việt Bắc hay tin hai bà bị nguy bách, kéo quân trở về giải vây. Nhưng vì đường quá xa không kịp ứng thời, ứng phó cứu nguy.

Cho nên khi hai bà chạy tới xã Hát-Môn, huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây, bị giặc bức bách quá đổi hai bà liền nhảy xuống Hát Giang để hiến mình cho Tô - quốc giữa ngày 6-2 năm QUỶ - MỆO

Các sử giả nhà Hán, kể cả Tư mã-Thiên đã chép cuộc khởi nghĩa của Hai Bà như thế nào ? Hán sử chép: « Nam Man Trưng Trắc bạn, để sứ mã viện binh chi » Nghĩa là : Rợ phương Nam là Trưng Trắc làm phản loạn, vua sai tướng Mã-Viện dẹp yên. Ta thử hỏi mấy anh Tàu chép sử : « Ai là phản loạn ? » rõ ràng là sứ quan của kẻ cướp nước.

Người Tàu chép sử Việt-Nam sai lạc đã đành, chứ chính sử giả Việt Nam chép về cuộc khởi nghĩa của Hai bà cũng vẫn bị sai thất.

Ví dụ : Việt Nam sử lược của Trần-Trọng-Kim. Việt-Nam Văn hóa sử cương của Đào duy-Anh. Đại Nam quốc sử diễn ca của Lê-Ngô-Cát v..v..., đều nói chung rằng : cuộc khởi nghĩa của bà Trưng động cơ chính là vấn đề thù-chống. Như vậy các sử giả kể trên đã vô tình phủ nhận ý thức và giá trị của cuộc cách mạng phản đề đầu tiên qua dân tộc V.N. và cái nghĩa khí cao cả của các vị anh thư nữ kiệt đã lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc này.

Hai bà Trưng mất, giang sơn đất Việt lại lọt vào tay quân Tàu đề gọi là Bắc thuộc lần thứ hai. Tuy vậy ngọn lửa ái quốc, tinh thần đấu tranh vẫn không vì thế mà bị dập tắt. Chiến công của Hai bà vẫn còn in sâu vào tâm khảm con dân nước Việt đề rồi có những cuộc khởi nghĩa kế tiếp sau.

oOo

BÁT NÀN CÔNG CHÚA :

Một nữ tướng của hai bà Trưng

Cho tới nay chưa có một sử liệu nào cho biết rõ công chúa chính tên thật là gì ? Bát Nàn công chúa chỉ là một cái tên thường gọi.

Theo thần tích làng Tiên-la, thuộc huyện Duyên-Hà, tỉnh Thái Bình, Bắc bộ cho hay thì chồng bà là Lạc tướng Trương Quán, một nhân vật được nhân dân đương thời tín ái, đồng thời cũng là một người có địa vị xã-hội.

Cầm phần trước ác sách bạo tàn vô đạo của Thái-Thú Tàu Tô-Định. Hai vợ chồng bà cùng một số nghĩa quân nghĩa dân phát cờ khởi nghĩa chống đánh giặc Tàu.

Trước hết nghĩa quân vợ chồng nhà bà chỉ huy bí mật liên kết với nghĩa quân Thi-Sách, cho nên khi Thi-Sách bị giết vì cơ mưu bại lộ ở Châu Diên, thì chồng bà Bát-Nàn Công chúa cũng bị giết ở Diên hà.

Cùng một cảnh ngộ chồng bị giặc giết như bà Trưng, cho nên khi hay tin hai chị em Bà Trưng cùng đứng dậy thay thế chồng chỉ huy đại cuộc khởi nghĩa, Bát-Nàn công chúa liền đem số quân lính, lương thảo, chiến cụ tới xin gia nhập vào nghĩa quân nhà Trưng, tự nguyện làm một tỳ tướng của Hai bà Trưng.

Trong bước đầu thắng lợi đuổi được Tô-định về Tàu của cuộc cách-mạng giải phóng dân tộc đầu tiên của hai bà Trưng, Bát-Nàn công chúa đóng góp một phần không phải là ít.

Sau khi đuổi được Tô-Định về Tàu, nhà Trưng được thành lập đóng đô ở Mê-Linh, khi bàn tới chuyện tướng thường công

trạng thì Bà Bát-Nàn lại cương quyết từ chối mà chỉ yêu cầu với Trưng Vương có hai việc :

1) Được đem về một giặc Tàu về làng Tiên-La để chặt đầu tế chồng bà, bị giặc Tàu giết trước đó.

2) Cho Bà được phép giải ngũ rồi đi tu ở một ngôi chùa gọi là « NAM LIÊN » tự.

Sử chép rằng : ngày 16 tháng 3 âm lịch là ngày nữ si Tịch diệt ở chùa Nam-Liên này.

Sau đây là câu đối ở ngôi mộ bà ở chùa Nam-Liên :

« Vị quốc quên khu, quốc thước tinh thần bình bắc khấu

« Xuất gia thành Phật, anh hoa khí tiết bạn Nam-Liên ».

Dịch nghĩa :

« Vì nước quên mình, quốc thước tinh thần bình giặc Bắc

« Tìm về cõi Phật, anh hoa khí tiết gửi chùa Nam ».

oOo

ĐÔNG CUNG TƯỚNG QUÂN

Chính tên là Hoàng-Thiệu-Hoa, cũng một nữ tướng tài của Hai bà Trưng, người ở huyện Gia-Hưng, tỉnh Thanh-Hóa (phía bắc Trung bộ),

Thời gian Thái Thú Tô-Định thi hành những ác sách tàn bạo mặc dù là một cô gái vừa lớn lên, nhưng bà hết sức căm phẫn. Đồng thời với Thi-Sách và hai bà Trưng ngoài ở Bắc, thì ở vùng Thanh-Hóa, Đông-Cung Tướng quân cũng đứng lên hô hào những anh hùng dũng sĩ bốn phương, tổ chức nghĩa quân, mua sắm gươm đao, tích trữ lương thảo, chờ thời khởi sự. Công việc chuẩn bị vừa xong thì được tin ngoài Bắc hai chị em bà Trưng đã phất cờ đứng dậy rồi.

Trước kẻ thù của dân tộc, trước đại cuộc đuổi giặc cứu nước, bà vất bỏ mọi ý thức địa phương và cục bộ, bèn kéo thẳng nghĩa quân ra Bắc xin gia nhập và chịu huy động dưới cờ của Hai Bà Trưng. Hành động ấy được hai bà hết sức ca ngợi.

Trong những trận đầu đánh đuổi Tô-Định về Tàu, bà đã góp vô công rất nhiều cho đại cuộc.

Khi nhà Trưng được thành lập, ở Mê-Linh bàn chuyện khen thưởng chức tước công trạng. Bà nói : « Tôi chỉ làm nhiệm vụ cứu dân, chưa bao giờ nghĩ tới vấn đề đó » câu nói bất hủ của bà được ghi vào sử sách.

THỊ NỘI TƯỚNG QUÂN

Tên thật là Phùng-Thị-Chính, một nữ danh tướng của Hai Bà Trưng. Vợ chính thất của ông Đinh Lượng, người ở trang (cũng như trại hay làng xóm) Phú-Nghĩa, nay thuộc tỉnh Sơn-Tây (Bắc bộ).

Bà là một nữ tướng tức trí đa mưu, không những thế bà còn có một sức mạnh phi thường, một võ nghệ tuyệt luân, được vua Trưng hết sức tin dụng.

Khi Mã-Viên mang quân sang V.N. để đánh trả thù cho Tô-Định, bà chỉ huy Nam quân cự địch, mấy trận đầu làm cho quân Viên thua xiềng liềng.

Điều mà bà làm cho đương thời và hậu thế phải báỉ phục kẻ cả đối phương tức là chính bản thân lão tướng Mã-Viên là khi có giặc Tàu tới là lúc bà đương có thai đã cận kỳ sinh, mà bà vẫn cứ lên ngựa xông ra trận.

Thiệt là kỳ khôi, trong khi bà đang đương đầu với giặc thì bà chuyển bụng rồi lâm bồn đẻ con ngay ở mặt trận. Bà lấy chính bào bọc cẩn thận mang bên người rồi lại tiếp tục nắm vũ khí sát phạt địch, địch lui bà mới lui về.

Khi quân Nhà Trưng bị đánh tan vỡ, bà phải lánh nạn, khi hay tin chị em bà Trưng đã hiển minh cho tổ quốc, thì bà cũng làm theo. Trong cuốn sách chữ Hán « Mã thị Nam Chính » Mã Viên rất báỉ phục bà.

LÊ CHÂN (bà)

Nữ-tướng của Trưng-Nữ-Vương.

— Người làng An-Biên, huyện Đông-Triều (thuộc tỉnh Hải-Dương, Bắc-phần).

Cha bị hại về tay Tô-Định, đến năm kỷ hợi (39), bà hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Nhị-Trương, từ Đông-Triều đến xin gia nhập vào đội Nghĩa-binh. Được chiêu dụ và giữ chức Tiên-phong. Nữ-tướng-quân, bà đem quân đánh Tô-Định, lập được nhiều chiến công oanh liệt.

Khi Hai Bà tuần tiết ở Hát-Giang, bà cũng tự-trẫm chết theo. Có chỗ chép khác : Bà Lê-Chân thua quân ở hồ Lãng Bạc, vừa đánh vừa lui quân, và cuối cùng bỏ mình dưới lưỡi gươm thù tại Mai-Động.

oOo

BÀ CAO NHỰ

một nữ tướng tài ba của hai bà Trưng

Có một lần nào bạn được làm du khách đặt chân tới đất An-Bồi, một làng phồn thịnh vào bậc nhất, nhì trong địa hạt Kiến-Xương. Một tiếng chuông ngân nga, quện theo mùi nhang thơm ngát sẽ đưa chân bạn theo con đường đất đỏ, giữa hai hàng cỏ đượm hơi sương, tiến dần lên khu đất rộng. Giữa đám cỏ thụ um tùm, nhô lên một ngôi đền lớn toàn bằng đá xanh trạm trổ rất công phu. Bà tử coi ngôi đền đó sẽ hướng dẫn du khách ngoạn cảnh trong, ngoài. Du khách sẽ như rụt rè, sợ sệt trong không khí trang nghiêm của ngôi đền, sẽ không quên tới trước bàn thờ, thắp nén hương thơm tỏ lòng sùng bái vị liệt nữ thời xưa, Bà CAO-NHỰ. Phải, nơi đó chính là đền thờ Cao-Tướng-quân, một nữ tướng tài kiêm văn võ, đã đem thân liễu yếu chống lại áp bức Đông Hán dưới lá cờ khởi nghĩa của Trưng-Vương. Cuốn sử của bà đặt trên hương án, sẽ đưa du khách lùi lại hơn hai nghìn năm về trước... Du khách thăm kính và trầm tưởng niệm tới người xưa,

Hồi xưa, hồi mà nước ta còn gọi Giao-Chỉ bộ, hồi mà dân ta còn quản quai dưới ách thống trị của quan lại nhà Đông-Hán, ở huyện Trần-Định (nay gọi là phủ Kiến-xương tỉnh Thái-Bình), làng Thiên-Bôi (nay gọi là An-Bôi), có Cao công nhà khá giả, rất giàu lòng từ thiện. Dân miền Bôi thôn đều kính phục Cao Công vì phần lớn mỗi người đều nhờ vả họ Cao. Cao Công hiếm hoi chỉ sinh được một gái : CAO-NHỰ. Được thân phụ chiều chuộng, lại sẵn bản tính thông minh. Cao-Nhự thạo cả văn lẫn cả võ.

Dân Thiên-Bôi, dưới quyền cai trị của Tô-Định, cũng chịu chung phần cực khổ, sưu thuế nặng nề nhiều người cùng túng, không kịp dâng tiền làm đầy túi viên Thái-Thú họ Tô ; liền bị tra tấn dã

man tức khắc. Trước cảnh đau lòng của người đồng loại, Cao-Công can đảm đứng lên thay mặt dân Thiên-Bôi, xin giảm thuế. Tô-Định giận lắm, vu cho ông có ý muốn xúi dân kháng cự, liền bắt giam ông và sai quân về vây bắt nhà ông. Nhờ lòng dân quý mến, Cao-Như được báo ngầm cho biết, nửa đêm hai thầy trò Cao-Như và nữ Tiều-Mai cải dạng nam trang lên chốn thoát. Để tránh sự lùng xét gắt gao của giặc Tàu, thầy trò Cao-Như tìm vào một ngôi chùa gần Yên-tử-Sơn, tạm khoác nâu sòng, nấp bóng cửa từ bi, nhưng vẫn ngầm thao luyện võ nghệ, chờ cơ hội trả thù cha.

Người lão bộc của Cao-Công là Cao-Nghĩa trốn khỏi vòng vây của quân giặc, cố công tìm Cao-Như để cùng Tiều chủ bàn mưu kế rửa hận cho Cao-Công.

Lang thang tới đất Mê-Linh, dò được tin Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa, Cao-Nghĩa mừng rỡ, càng sốt ruột tìm cho chóng thấy Cao-Như để báo tin lành.

Một chiều kia, qua nơi Yên-Tử, Cao-Nghĩa nhờ độ đường xin vào chùa ngủ nhờ. Thấy bóng Tiều-Mai ra mở cửa, Cao-Nghĩa ngờ ngợ nhìn theo Tiều-Mai thấy vậy giận lắm, lại nghi là người của Tô-Định đi dò tông tích chủ mình, nên đuổi luôn Cao-Nghĩa ra ngoài, đóng sập cửa lại. Cao-Nghĩa nổi sung đập cửa vào, hoa quyền đánh Tiều-Mai. Ngờ đâu người nữ Tỳ của Cao-Như cũng là tay giỏi võ, Cao-Nghĩa luống cuống không kịp đỡ gạt, đang lúc nguy cấp một tiếng quát trên thềm : Tiều-Mai ! hãy ngừng tay Cao-Nghĩa giật mình nhìn lên : một vị sư nữ trẻ tuổi đang trách mắng Tiều-Mai. Nhận được bà Cao-Như, Nghĩa hết sức vui mừng sụp lạy tiều chủ kể rõ lòng mong mỏi của mình và tình hình trong nước. Y không quên kể lại kỹ càng những tin tức lược được về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, sự phản uất của dân chúng trước cái chết của ông Thi-Sách và tri tranh đấu giành độc lập của dân-tộc đã nổi lên như nước vỡ bờ.

Thấy cơ hội đã tới, Cao-Như lập tức trút nâu sòng khoác nhung y cùng Tiều-Mai và Cao-Nghĩa xuống cúi đầu quân để trả

nợ nước, báo thù nhà ; Cao-Nhự được Hai Bà tin dùng đối đãi như em ruột : Thấy Cao-Nhự xuất thân nơi miền duyên Hải, Hai Bà Trưng liền ủy thác Cao-Nhự về Kỳ bá Hải khẩu một thủy quân Lãnh đạo toàn quân đánh trên mặt nước. Bà đánh đâu được đấy, lập được rất nhiều chiến công trong cuộc đánh đuổi Tô-Định về Tàu.

Ba năm qua, khi Mã-Viện đem quân sang đánh. Trưng Nữ Vương sai bà đem thủy quân về đóng tại Hát Giang. Bà dùng chiến thuật du kích, chặn đánh lương thực khiến Mã-Viện nhiều phen khốn đốn. Khi được tin Trưng-Vương bị thua Mã-Viện tại hồ Lãng-bạc, bà vội đem quân đến tiếp cứu, nhưng quân Tàu khí thế đang hăng, tràn tấn như vũ bão, bà chống không nổi phải phụ giá Trưng Nữ vương chạy trở lại Hát Giang; quân Mã-Viện đuổi mỗi lúc một gấp Hai Bà Trưng phải nhảy xuống sông tự vận, thấy chủ tướng đã hy sinh thân mình để bảo-toàn danh tiết, lại biết đại sự đã hỏng bà Cao Nhự cũng theo gương Trưng-Vương mượn giòng nước trong để rửa sạch nợ trần, mang theo một mối hận ; chưa kịp thời cơ để đem hết tài hoa giúp nước, giành lại độc-lập lâu dài cho dân-tộc khổ lắm than.

Sau đó dân quanh vùng mò tìm thi thể của Bà nhưng không thấy, chỉ vớt được một đai kiếm bằng vàng mà Cao-Tướng Quán vẫn thường đeo. Dân liền đặt đai kiếm đó lên bàn thờ. Từ đó khói hương vẫn nghi ngút tại miền Hát Giang cũng như ở Thiên Bồi, nơi Bà Cao-Nhự sinh trưởng để nhắc nhở tới lòng sùng bái chân thành của toàn dân đối với một nữ tướng oanh liệt trong cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng giành độc lập đầu tiên của Dân-tộc Việt-Nam vào năm canh-tý (40),

BÀ TRIỆU

Vị nữ anh hùng dân-tộc chúng ta được gọi nhiều tên :

- Triệu-Thị-Trinh
- Triệu Trinh Vương
- Triệu-Trinh
- Triệu-Âu

Triệu-Âu là tên bọn Tàu gọi bà. Vì « Âu » chữ Hán nghĩa là mẹ, chữ dùng để chỉ một người đàn bà vô loại nhất. Tại sao bọn sử gia Tàu lại gọi bà Triệu chúng ta bằng chữ đó ? Hỏi tức là trả lời.

Năm Mậu Thìn (248) tức là năm thứ II Đông-Ngô. Lục Dân sang làm Thứ-sử Giao-Châu. Non sông V.N. lại xuất hiện thêm một vị nữ kiệt. Một lần nữa ngọn cờ Nương-Tử được phát lên tại huyện Cửu-Chân, theo gương Hai Bà Trưng — trước đó 2 thế kỷ, lần này người khởi cuộc cách mạng năm Mậu-Thìn là một thiếu nữ sinh trưởng ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh-Hóa, đó là bà Triệu mới trên 20 tuổi đời, cũng thuộc giống quý tộc.

Cầm thù với quân giặc nước dày xéo lên quê hương tổ quốc. Mặc dù là gái nhưng sẵn chí khí anh hùng, bà không sao chịu nổi. Đó là động cơ của cuộc cách mạng Mậu Thìn.

Bà mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, ở với người anh là Triệu Quốc-Đạt, gặp người chị dâu cay nghiệt, Sự cay nghiệt khó khăn đó, chính vì bà Triệu đã có những thái độ phi thường, mà chế độ đương thời đối với người đàn bà có thể cho là quái gở. Đã vậy thì những người đàn bà tầm thường, kể cả vợ Triệu-quốc-Đạt không sao chịu

đứng được. Ở cô gái thơ ấy có cả một sự cương-cường, một tinh thần bất-khuất mà đáng lẽ phải phát xuất ở tâm hồn một đấng nam-nhi khí-khải. Có lẽ vì các di-tính đó mà bà Triệu đã giết chị dâu để khỏi có sự cản trở trên con đường tranh-đấu cho dân cho nước của mình. Không những bà có chí anh-hùng, bà lại có sức mạnh, có mưu lược nên hàng nghìn tráng sĩ xin theo dưới cờ và cũng vào rừng núi để thao-luyện quân mã, mưu cuộc khởi-nghĩa,

Buổi đầu, ông Triệu Quốc-Đạt không tán thành công cuộc của Bà và lấy, những lời lẽ thông thường để khuyên can, nhưng sau Ông chịu theo ý-kiến của em, xét cuộc tranh-đấu thành hay bại vẫn là điều hữu-ích. Bà Triệu, trong cuộc biện-luận với anh đã để lại sau này trong lịch-sử một lời hiên-ngang ngàn thu bất hủ ; « Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng-kình ở bể Đông, quét bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng làm ti-thiếp cho người ta... »

Ông Triệu Quốc-Đạt cùng Bà khởi binh đánh vào quận Cửu-Châu. Trong chiến trận, Bà tỏ ra can-dảm phi-thường nên được tôn làm chủ-tướng. Bà mặc áo giáp vàng, cưỡi voi xông ra trước quân địch như đi vào chỗ không người. Tiếng « Nhụy-Kiều tướng quân » một thời vang lừng cõi Giao-châu và từng làm khiếp đảm quân Ngô, vì vậy quân thù phải tôn Bà là « Lệ Hải Bà Vương ».

Thứ sử Giao-Châu là Lục Dân phải tự cầm binh đối địch với Bà trong nửa năm ròng mà vẫn không thắng nổi. Về sau lực lượng quân Ngô mỗi ngày một mạnh, thêm nữa Triệu-quốc-Đạt lại bị đầu độc chết nên Bà bị cô thế và thua sút trước lực lượng của giặc. Bà lui quân về xã Bồ-Điền (nay là Phú Điền, huyện Mỹ Hòa tỉnh Thanh Hóa) và tuấn tiết tại đó. Để kỷ công người nữ chiến-sĩ đã hy sinh cho nền tự do độc lập của dân tộc, Vua Nam Đế nhà Tiền Lý sau này đã cho dựng miếu thờ và phong cho Bà tước hiệu « Bật chính anh liệt hùng tài trinh nhất phu nhân ».

Công nghiệp của Bà tuy không thấu được kết quả mỹ mãn

nhưng gương anh dũng còn chói mãi trong lịch sử vàng son của dân tộc.

Một thi sĩ khuyết danh đã có bài thơ vịnh bà như sau :

*Tướng lạ tài cao gái khác thường
 Sau Hai Trưng nữa có Bà Vương
 Cửu Châu trăm trận an hơn sắt
 Lục dậu mười phen mắt đã vàng
 Toàn lấy yếm khăn trùm vũ trụ
 Quấn gì son phấn nhuộm tang thương
 Kìa gương nhi nữ anh hùng đầy
 Miếu vũ ngàn thu ngút khói hương*

oOo

Ỡ - LAN PHU NHÂN

Vợ vua Lý Thánh-Tông và là mẹ vua Lý Nhân-Tôn.

— Người ở Siêu-Loại (thuộc tỉnh Bắc-Ninh, Bắc-phần hiện nay).

Tương truyền vua Lý Thánh-Tôn đã 40 tuổi mà chưa có con, đi cầu-tự qua làng Thồ-Lội (sau đổi là Siêu Loại), gặp người con gái hái dâu đứng tựa vào cây lan chứ không ra xem như những người khác ; nhà vua lấy làm lạ, cho đòi đến, và khi thấy người con gái có nhan sắc tuyệt trần, mới cho truyền vào cung, phong làm Ỡ-Lan Phu-nhân. Được ít lâu. Phu-nhân có thai đẻ ra Hoàng-tử là Càn-Đức (sau này là vua Nhân-Tôn) và được phong làm Nguyễn-phi.

Nguyễn-phi là người có tài chính trị. Sử chép : Năm kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh-Tông thân chinh đi đánh Chiêm-thành giao quyền giám-quốc cho bà Nguyễn-Pho Đánh lần đầu không thành công, nhà vua đem quân trở về. Đến châu Cự-Liên, hay tin nhờ tài bà Nguyễn-phi mà trong nước được yên trị, nhà vua tự thẹn, nghĩ mình không bằng người đàn bà, lại phẫn chí đem quân trở lại Chiêm-Thành, và trong một trận quyết chiến, đã đánh bắt được Chăm-Chế Củ ; Chế-Củ phải xin dâng 3 châu Đại-lý, Ma-Linh và Bố-Chính (nay thuộc 3 tỉnh Quảng-Bình và Quảng-Trị) để chuộc tội.

NGUYỄN - THỊ - BÍCH - CHÂU

Bậc mẫu nghi đời Trần ; vợ vua Trần Duệ-Tôn (1374-1377)

Bà là tác giả bài « Kê-minh-thập-sách », một bản điều trần dâng lên vua chồng đề tỏ bày sự lợi hại trong việc trị dân. Kết quả là vua Trần tuy có ban khen, nhưng không đem thi hành những phương sách nêu trong bản văn.

Khi vua Duệ-Tôn thân chinh Chiêm-Thành (1376), bà cùng với Trương-Dỗ, Lê-Tích dân số khuyên can, nhưng không được nghe theo. Trần ấy, nhà vua bỏ mạng ở thành Đồ-Bàn.

— Trong « Kê-minh thập-sách », đại ý bà nêu ra 10 điều nên áp dụng để cho nước được mạnh :

- 1) Bền gốc nước, trừ kẻ bạo thì dân chúng được yên.
- 2) Giữ nếp xưa, việc phiến bỏ thì triều cương không rối.
- 3) Trị kẻ lạm quyền để trừ một nước.
- 4) Đuổi bọn những lại để bớt vợ vét dân.

5) Mở lối nho phong để ngôi lửa đóm được rạng soi cùng mặt trời mặt trăng.

6) Tìm tài trực gián để đường ngôn luận được mở rộng như cửa thành.

7) Trong việc kén quân nên lấy hạng có dũng lực hơn là hạng có vóc dặc lớn.

8) Chọn tướng nên dùng người thao lược hơn là bậc thế gia.

9) Khi giới cốt thịnh nhuệ hơn là hoa hòe.

10) Tập trận pháp cần chỉnh tề, không cần múa nháy.

(Nguyên văn : «... Nhất viết phủ quốc bản, hà bạo khứ tác nhân tâm khả an. Nhị viết thủ cựu qui, phiên nhiều cách tác triều cương bất vấn. Tam viết ức quyền hân, di trừ quốc đồ. Tứ viết thái nhũng lại, di tính dân ngư. Ngũ viết nguyên chấn nho phong, sử tước hỏa dữ nhật nguyệt nhi nhật nguyên nhi tịnh chiếu. Lục viết nguyên căn trực giản, hội thành môn dữ ngôn lộ nhi tịnh khai. Thất viết luyện binh đương tiên dũng lực nhi tả thần tài. Bát viết tuyên tướng nghi hậu thế gia» nhị tiên thao lược. Cửu viết khi giới quý kỳ kiến nhuệ, bát tất thi hoa. Thập viết trận pháp giao đi chinh tề hà tu vũ đạo ».

oOo

HUYỀN - TRẦN CÔNG - CHÚA

Vào Triều đại nhà Trần, lúc bấy giờ đạo Phật đang cực thịnh ở V.N. Vua Trần-Nhân-Tôn sau khi đã truyền ngôi cho con là Trần-Anh-Tôn lên tu một chùa ở núi Yên-tử, mền cảnh núi sông thường hay du ngoạn các nơi, một lần vào tới đất Chiêm-Thành. Trong khi ở Chiêm-Thành vua Chế-Mân biết du khách mặc áo cà-sa-là Thượng Hoàng nước Việt, cho nên vua Chiêm hết sức tiếp đãi nồng hậu.

Trong Việt-Nam Văn-học toàn thư, đoạn ghi chép về Công Chúa Huyền-Trần, tới chỗ này ông Hoàng Trọng Miên viết :

« ... Không rõ Thượng-Hoàng vân du có ý định mở mang bờ cõi cho đất nước về phía Nam không, hay vì cảm tình đối với ông vua trẻ tuổi Chiêm Thành mà hứa gả Công chúa Huyền-Trần cho Chế Mân... »

Theo thiên ý chúng tôi, viết như thế ông Miên đã vô tình hay cố ý cho lịch-sử là « tình cờ » chứ không phải lịch-sử là tất yếu,

Dân tộc Việt Nam đương sơ chỉ một vùng ở phía Bắc, bị sức ép của một kẻ thù mạnh gấp 26 lần nhiều hơn là đế quốc phong kiến Trung-Hoa, muốn cho sinh tồn dân tộc Việt-Nam không có cách nào là phải lấn xuống tầm thực những lân bang về phía Nam như Lâm ấp, Chiêm-Thành, Thủy-Lục Chân Lạp. Sự kiện này đã thể hiện rõ từ đời Lý dần dần cho mãi tới sau này, cho nên nếu như Trần Nhân Tôn có ý định mở thêm bờ cõi về phía Nam là một sự kiện tất yếu chứ không phải tình cờ còn hồ nghi như lời ông Miên nói. Và nếu như có lấy con gái để đánh đổi lấy đất đai, thì đó cũng chỉ là một thủ đoạn dùng người đàn bà làm một phương tiện cho chính trị, cũng như Phạm Lãi hiến Tây Thi, vua nhà Hàn gả con gái cho Hung Nô. Khổng-Minh tìm cách cho Lưu Bị lấy em

Tôn Quyền, Nguyễn Huệ V.N. đòi đem con gái vua Tàu, chỉ là những trường hợp dị đồng, còn căn bản vấn đề chỉ là một. Không còn hồ nghi gì nữa, mà phải bảo rằng : Thượng Hoàng Trần nhân Tôn có hảo ý đối với Chế Mân, muốn được Chế Mân làm con rể.

Luân lý Á đông không cho phép ai thôn tính linh thổ của con rể. Vì Chế Mân cũng như những ông vua Chiêm Thành kế vị không hiểu nguyên lý đó nên lãnh thổ của họ bị Việt Nam làm thực dân, cho đến hết mới thôi.

Khi được hứa là sẽ gả con gái cho, ông Chúa mới mừng híp mắt lại rồi cử sứ giả là Chế Bồ Đài cùng đoàn tùy tùng hơn một trăm người mang vàng bạc châu báu, trầm hương và nhiều quý vật khác sang V.N. dâng lễ cầu hôn. Triều thần nhà Trần không tán thành, chỉ có Văn Túc, Đạo Tái chủ trương việc gả bán ấy.

Chế Mân tiến lễ luôn trong 5 năm đề xin làm rể vua V.N. rồi dâng luôn cả hai châu Ô Lý (hai tỉnh Trị Thiên bây giờ) làm sinh lễ cưới công chúa Huyền Trân về nước.

Huyền Trân làm Hoàng hậu nước Chiêm được một năm, vua Chế Mân chết. Được tin chế Mân chết, bây giờ đất Trị Thiên đã nuốt trôi rồi, Chế-Mân chết là hết chuyện. Câu chuyện Trần-Anh Tôn sai Trần-Khắc Chung sang Chiêm-Thành bày mưu thiết kế cướp Huyền-Trân-Công chúa về là vì sợ em gái phải bị đốt theo chồng theo tục lệ Chiêm Thành nói như thế là lời nói đề cho có nói, nói đề che lấp bớt cái lỗi « gian hôn » của Ngài Thái- Thượng Hoàng mà thôi.

Đề biết rõ thực chất của vấn đề này, có lẽ ta nên đọc bài thơ vinh công chúa Huyền Trân của cụ Hoàng-Cao-Khai sau đây :

Đời chác khôn ngoan khéo nực cười

Vốn đã không mất lại thêm lời

Hai châu ô lý vương nghìn dặm

Một gái Huyền Trân của mấy mươi

Lòng đo khen ai lo việc nước

Mỗi sơn phải giống mãi trên đời

Châu đi rồi lại châu về đó

Ngó ngàn trông nhau mấy chú Hời !

Tuy nhiên, Trần-Nhân-Tôn chịu hy sinh một đứa con gái để mở rộng giang sơn thêm hai tỉnh : Huyền Trân công chúa cũng vì lợi ích dân tộc mà vâng lời cha chịu làm vợ vua Hời cũng chỉ vì chuyện đó, việc làm của hai cha con đều là việc làm ích nước lợi dân, là người Việt-Nam chúng ta cần phải ghi nhớ..

oOo

TRẦN NGŨ NƯƠNG

Vợ lẽ ông Trần quốc Chấn đời nhà Trần, đông cảm và đa mưu. Theo chồng ra trận cự địch quân Chiêm Thành. Một hôm bà lên ngựa cầm gươm chỉ huy sĩ tốt thay chồng ra trận đánh nhau với quân giặc ròng rã nửa ngày trời, rất là dữ dội. Giết được mấy trăm quân Chiêm, giặc bèn thua chạy.

oOo

NỮ TỔNG BÌNH

Không rõ tên thật là gì, tục truyền là Đoàn Trang công chúa, con gái Hiền quận công Nguyễn Nghi đời Lê.

Công chúa là một trang võ dũng, lại có tài thao lược, được tiếng khen là Nữ Khổng Minh. Bà theo cha ra trận được nhà vua phong chức Nữ Tổng Bình. Sau lập được nhiều công lao Hãn mã, bà được gia phong Đoàn Trang công chúa.

oOo

NỮ CA SĨ LÀNG ĐÀO - XÁ

Cuối triều nhà Hồ (1400-1407) nhẽ đúng lúc nội bộ Việt-Nam đang bẽ bối, quân nhà Minh bên Tàu kéo sang xâm lược nước ta. Chúng đông đến hết khắp nơi chúng đã chiếm được, trong đó có làng Đào-Xá, thuộc huyện Tiên-Lữ tỉnh Hưng-Yên, Bắc Việt.

Đào-Xá vốn dĩ là một làng rất nhiều con gái đẹp, lại là nơi thề sán danh ca đất Bắc. Chẳng thế mà đã có câu phương ngôn : « Hát hay như gái Đào-Xá ».

Trong khi gót giầy xâm lăng của giặc Minh dầy xéo lên đất nước Việt-Nam, thì làng Đào-Xá cũng bị chúng chiếm đóng và đặt ngục quyền cai trị.

Đại lý đặc biệt của làng Đào-Xá là một làng âm thấp nên rất lắm muỗi, bọn lính Tàu sợ muỗi cắn, chúng phải may mỗi đứa mỗi bao thông bằng vải dầy, ban đêm chúng phải chui vào bao nằm tránh muỗi, thay đổi phiên nhau thất giờ rút trên miệng bao, chỉ dành một đứa nằm ngoài để khi ngủ dậy, tháo dầy cho cả lũ.

Ở làng Đào-Xá lúc đó có một nữ ca sĩ tên là Kim-Oanh, hát đã hay, người lại đẹp. Mặc dầu là phận gái lại làm nghề mà các cụ Đồ-Nho đương thời gọi một cách vô lý là « Xướng ca vô loại ». Nhưng Kim-Oanh là một nữ công dân rất yêu nước, nàng thấy đất nước của nàng bị giặc ngoại bang dầy xéo, thì nàng căm phẫn sôi lên. Mặc dù là chân mềm tay yếu, nhưng nàng cương quyết tiêu diệt giặc bằng mưu trí của nàng.

Bọn lính Tàu, nhất là mấy tên chỉ huy, mỗi khi được nghe tiếng hát, nhất là được thấy dung nhan tuyệt mỹ của nàng thì anh nào anh nấy mê tít lên. Đó chính là mấu chốt để đưa đại sự của nàng tới thành công trong việc diệt thù cứu nước ở ngay địa phương của nàng.

Lợi dụng điều kiện sẵn có của mình, Kim-Oanh đã tận dụng mọi khả năng sáng tạo để thi hành một mỹ nhân kế.

Là một nữ ca sĩ đẹp nhất địa-phương, bọn lính Tàu thường gọi nàng vào đồn để đàn hát và thường mời nàng ngủ lại.

Mỗi lần nàng ngủ lại trong đồn chúng, thì bọn lính Tàu tên nào cũng muốn nằm ngoài bao vải, thà chịu muỗi cắn một chút, nhưng lại được cò kê với nàng. Nhưng đó chính là cái tích tắc mà Kim-Oanh vận dụng tài tình linh hoạt để đưa đại sự tới thành công. Vì mỗi lần chúng dành nhau nằm ngoài, cãi vã nhau ôm tởi. Thì nàng tự nguyện nằm ngoài bao để cột giây giùm cho lũ chúng. Được cả lũ tán thành, vì lẽ trong bọn chúng không muốn cho một đứa nào nằm ngoài để độc chiếm nàng, cái giống đực thường là như vậy.

Thế rồi một buổi tối hôm nọ bọn giặc mời nàng vào đồn ca hát. Nàng cố vận dụng khả năng của một nữ gián điệp chưa hề được huấn luyện kỹ-thuật, phục rượu cho bọn lính Tàu, bợm nào, bợm nấy say túy lúy. Mặt khác nàng cũng đã mật báo tin được cho những đồng sĩ mai phục xung quanh vị trí giặc, để đợi nghe lệnh của nàng.

Cũng trong đêm đó, sau khi nàng đã cột kỹ bọn lính Tàu rồi, nàng mới chạy ra mở cửa đồn, đồng thời hô xung-phong, thế là các hiệp-sĩ mai phục xung quanh xông thẳng vào đồn dùng đoản đao bén nhọn đâm thủng bụng bọn lính Tàu chết rảo trời.

Thế là vị trí của giặc Tàu ở làng Đào-Xá đã bị Kim-Oanh và một số dân làng thanh toán, thu hết vũ khí và quân trang quân dụng.

Và các cấp trên của chúng ở xa cũng không làm sao biết được đã vì lý do nào mà bọn lính của chúng ở Đào-Xá bị giết hết

một lần như thế. Ai giết ? và giết bằng cách nào ? nên cũng không dám kéo lớp lính khác tới đóng nữa.

Thế là làng Đào-Xá được giải-phóng hoàn toàn.

Trong 10 năm cuộc kháng chiến diệt Minh của Bình-Định-Vương Lê-Lợi, câu chuyện nữ ca sĩ Kim-Oanh ở làng Đào-Xá, được truyền đi khắp nơi như một bài hịch tướng sĩ, đề kêu gọi, đề làm gương cho nghĩa quân Bình-Định-Vương Lê-Lợi trong đại cuộc kháng Minh.

Hiện nay tại làng Đào-Xá, còn có một ngôi mộ mà một miếu diện do Vua Lê lập ra gọi là miếu « Á Đào » tức là đền thờ nữ ca-sĩ Kim-Oanh vậy.

oOo

NỮ SĨ NGÔ CHI LAN

Nữ Sĩ Ngô-chi-Lan là một thi văn nhân đời Lê, đồng thời với Lê-thành-Tôn. Văn thi tài của nữ sĩ, ông vua hay chữ nhất triều Lê này cũng phải thán phục.

Nữ-Sĩ chánh quán ở làng, Phù-Lỗ, huyện Kim-anh (nay thuộc tỉnh Phúc yên Bắc bộ).

Về bộ môn văn văn Nữ-sĩ giỏi và các bộ môn : Thi, Ca, Từ, Khúc, cò nhạc phù.

Chồng của nữ sĩ tên là Phù-Thúc-Hoành, cũng là một văn nhân đời Lê, đậu Tiến sĩ làm quan đến chức « Đông các đại diện học sĩ, một chức trong tứ trụ của triều đình (Cần chính, Văn minh, Võ-Hiến-Đông các).

Mặc dù là gái, nhưng nữ sĩ là một thi văn nhân lỗi lạc của đương thời, nên được vua nhà Lê triệu vào cung phong chức « hủ gia nữ học sĩ » để làm thầy học cho các cung nữ của nhà vua.

Thiệt là khó liệu, một con người như thế, lại sống một hoàn cảnh vật chất như thế, tinh thần như thế, tại sao chỉ sống được 40 tuổi đã chết rồi?

Cho hay xưa nay vẫn nói rằng : « chết sống có mệnh trời » (Tứ sinh hữu mệnh) không có gì là quý đáng vậy.

Tương truyền rằng : Thi văn của nữ-sĩ sáng tác rất nhiều, nhưng chỉ được ghi chép bằng tay vào trong tập vở gọi là « Mai trang tập » chứ không được ấn hành để phổ biến cho nhiều, thành ra bị thất truyền ngoài bài thơ « Vịnh bốn mùa » đang được truyền khẩu.

Tại sao lại có tình trạng như thế, một văn nhân thi tài như vậy lẽ dĩ nhiên có rất nhiều tác phẩm có giá trị, tại sao người ta lại không ấn hành xuất bản, để cho thất truyền đi ?

Ở đây ta có thể giải thích và có hai lẽ :

Hồi đó việc ấn loát ở V.N. hãy còn khó khăn lắm, cho nên có nhiều tác phẩm có giá trị mà phải chịu thất truyền. Thi văn của nữ sĩ Ngô Chi Lan bị thất truyền cũng nằm trong tình trạng chung ấy.

1/ Thi sĩ là nữ giới, trong chế độ « Trọng Nam khinh nữ » của V.N. lúc đó, cho nên tác phẩm của nữ sĩ không được người ta coi trọng như tác phẩm của một người đàn ông, cũng có thể vì lẽ đó mà bị thất truyền chẳng.

Có thể vì lẽ này hay lẽ khác, nhưng những tác phẩm của nữ sĩ Ngô-Chi-Lan bị thất truyền, thật là một điều đáng tiếc rẻ cho hậu bối chúng ta, nhất là chị em Phụ nữ.

oOo

NGUYỄN - THỊ - KIM

Hoàng-phi, vợ vua Lê Chiêu-Thống.

— Người làng Tuy-Hà, huyện Lang-Tài, trấn Kinh-Bắc (Bắc phần).

Khi vua Lê sang Tàu lánh nạn, bà theo không kịp, phải ẩn núp ở đất Kinh-Bắc.

Mỗi hơn 13 năm sau, hay tin chồng, mẹ chồng và con đều mệnh vong ở Trung-Hoa và bọn di thần sắp đem linh cữu về nước, bà lên tận quan ải để đón rước. Từ đó cho đến khi về Thăng-Long, bà nhịn ăn, cả ngày gục bên linh cữu cố quân gào khóc rất thảm thiết.

Ngày 12 tháng chạp năm nhâm tuất (1802), làm lễ tế vua Lê xong bà bảo người xung quanh rằng : « Ta nhẫn nhục ở nơi quê nhà kẻ ngót mười mấy năm trời, một lòng mong đợi tin Thái Hậu cùng vua ta và con ta. Nay Thái Hậu và vua ta đã mất, con ta cũng chết, linh giá đã đưa về nước; thế là lòng hy vọng của ta cũng mất. Giờ đây ta nên chết theo, để xuống hầu hạ ở Sơn-Lăng ». Sau đó, bà uống thuốc độc tự tử.

Thi thê Hoàng-phi được đem về an táng tại Bản-Thạch, cạnh làng vua Lê Chiêu-Thống.

Về sau, theo lời cầu xin của Bắc thành Tổng trấn là Nguyễn-văn-Thành, vua Gia-Long cho lập đền thờ Hoàng-phi tại làng Tuy Hà, lại ban cấp ruộng tế cùng tha thuế cho cả làng đó và có lập bia ghi rõ tiết hạnh của Nguyễn-Hoàng-Phi.

« Nhà thơ Dương-Bá-Trạc, trong thi phẩm « Trai lành gái tốt » đã ca tụng đức độ bà Nguyễn-Thị-Kim qua bài thơ vịnh sau đây :

*Giòng rudi quan-hà lạc chúa-công.
Ngọn mây non Bắc tị mà trông.
Bồng-mao tạm lúc nương thân liễu.
Khinh-khuyết may sau thấy mặt rồng.
Thác nghĩa đã ghi cùng sắt đá.
Sống thừa còn hẹn với non sông.
Thôi thôi nước cũ đây là kết.
Năm lạy linh-tiền chứng thiếp trung.*

oOo

HỒNG HÀ NỮ SĨ : ĐOÀN-THỊ-ĐIỆM

Nữ-sĩ nguyên họ Đoàn, lấy chồng họ Nguyễn nên đổi luôn cả họ, nên có chỗ viết là Nguyễn-thị-Điềm. Người làng Hiếu-phạm, huyện Văn-gia-Giang, tỉnh Bắc-ninh, em gái ông Giám sinh (Tiến sĩ) Đoàn-Luân. Biệt hiệu là Hồng-Hà nữ sĩ, sinh về đầu thế kỷ 18 đời Lê.

Lúc còn thơ ấu đã nổi tiếng là nữ Thần-dồng, vì mới 6 tuổi đã học được sử hý Tư-Mã-Thiên,

Một hôm ông Luân lấy chữ trong Hán-sử ra cho nữ sĩ một câu đối nguyên văn như vậy :

« Bạch xà đương đạo, Quý bặt kiểm nhi trâm chi » (Con rắn trắng đón đường, ông Quý rút gươm chém đấy).

Nữ sĩ liền lấy một câu nguyên văn cũng ở Sử-ký, điền cố ông Vũ đời Thuấn mà đối lại rằng :

« Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng thiên nhi thần viết » (con rồng vàng đội chiếc thuyền, ông Vũ trông lên trời mà thần viết :)

Câu đối này những bậc đại khoa giáp xưa nay đều phải thán phục hết cỡ.

Lại một hôm, bà soi gương, ông Luân ra câu đối rằng :
« Đối kinh hoa my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm » (Soi gương về mây, một chấm hóa ra hai chấm). Câu này có chữ điểm nghĩa là chấm, lại là tên của bà.

Bà đối ngay lại rằng : « Lâm tri ngoạ nguyệt, chính luân chuyển tác song luân » (đến ao xem trăng, một vành hiện ra hai

vành ; Chữ luân là vành lại là tên ông Luân ; đối có tài là lanh, thật đáng gọi là tiên-phong thiên-tài khá cao vậy.

Khi có sứ Tàu sang, bà giả làm người bán quán rượu ; sứ Tàu vào uống rượu thấy bà đang biện sò, lại thấy ở cột quán rượu có lăm câu đối hay, và bên ghe bà ngồi có nhiều sách-vở, mới ra cho bà một câu đối rằng : « An-nam nhất thốn-thò, bất tri kỷ nhân canh » (An nam một tấc đất, chẳng biết mấy người cày) có ý xấc ngoạ và ghẹo-chọc. Bà đối ngay rằng : « Bắc-quốc chư đại phu, giai do thử đồ xuất » (Nước Bắc (Tàu) các vị Đại-phu thấy do đường ấy mà ra cả). Bà cũng đáp lời phúng-thích lại chẳng chịu kém ý lời ra đối. Các sứ-giả chịu tài và cũng lấy làm thẹn.

Bà có tài học cao-siêu nên phải ở nơi địa-vị kén chồng muốn kén cả người có đủ tài-ba và môn-hộ tương-đương, nên đã lâu không có người vừa ý. Sau bà đã ba-mươi tuổi, mới kết duyên làm thứ-thất ông Nguyễn Kiều, làm quan Thượng-thư hiện là Hạo Hiền, cùng nhau ở chốn khuê-phòng yêu-kính đáng gọi là « tương kính như tân ».

Khi ông mất, học trò ông theo học với bà ; bà mở trường dạy học, mãi đến bảy mươi tuổi mới từ trần.

Bà có soạn tập « Tục truyền kỳ diễn môn bài » chính-phụ ngâm»

Bài « Chính-phụ ngâm » nguyên-văn chữ Hán của Thái học-sinh Đặng Tần Côn, tiên-sinh soạn, mà bà Đoàn thị Diễm đã diễn nôm thành điệu song-thất lục bát và theo lối dịch-thuật (hoặc từng câu, hoặc dồn lại, thêm vào, bỏ bớt đề thuật cả lời và ý) gồm có 476 câu, diễn nôm thành 411 câu.

Chính-phụ ngâm đây là một khúc ngâm theo âm-diệu xưa của Tàu gọi là Cổ-nhạc-phụ những câu ngắn dài không thường xen lẫn nhau từ ba chữ cho đến mười chữ; lời lẽ thanh-tao và bình-dị, không khắc-hoạch, điệu-trác như thơ cận-thế. Thế Cổ nhạc-phủ có

từ đời Hán, Ngụy, đến đời Đường. Từ đời Đường về sau thơ cổ phép luật nhất định gọi là Cận-thể Cổ-nhạc phủ gọi Cổ-thể.

Bài Chính-phụ ngâm này cũng như thơ Hồi-văn cảm-tư của nàng Hầu-thị Tô-Huệ và Mộc-Lan ngày xưa, đại khái thư cho chồng đi chinh-thú phương xa, khuyên chồng ra sức giúp nước lập công hoặc ghi sự trang mình đi tình-chính v.v.. Nói tóm lại, là câu chớng được hòa-bình và ước ngày đoàn tụ.

Đặng tiên-sinh viết bài « Chính-phụ ngâm » này đầu niên-hiệu Cảnh hưng đời Hán-Lê, đương khi bình cách, lính đi chinh-thú lắm nơi, thấy cảnh biệt-ly thê thảm, cảm xúc mà viết ra bài này, nhưng không dám chỉ rõ là việc chinh-thú của nước nhà, phải mượn chuyện nhà Hán, Đường bên Tàu đi đánh rợ Hung-nô mà nói; phải dùng tất cả nhân danh, địa danh và sự tình, trạng-thái và phong cảnh nước Tàu, lại cũng không dám dùng sự-trạng và tình-thái cùng cử chỉ của kẻ binh-dân, phải dùng lời lẽ và tình-tư của một đôi vợ chồng thiếu niên con nhà quý phái bên Tàu, như ở câu « nhất cả thị phong-lưu thiếu-niên khách, nhất cá thị phong-lưu thiếu-niên hôn » Lối viết như thế là sợ động-cấp thời-văn nên phải tránh, và mượn việc kẻ khác đề ám-chỉ chuyện.

Viết nguyên-văn đã hay mà diễn nôm lại quá hay; các nhà văn sĩ trứ danh xưa nay tuy có dịch nôm nhưng thầy đều thua bà Đoàn thị-Điềm, vì bà có cái thiên tài thiện phận đã cao, mà khẩu-tài cũng cao, lại chính là nhà nữ sử dịch bài Chính phụ có khẩu-khí hồn nhiên.

BÙI-THỊ-XUÂN

Cái hệ lụy của con người bằng xương bằng thịt có lẽ không gì bằng lòng tham : Tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi, tham ăn ngon mặc đẹp, nhất là tham sống, tham sống thường đi liền với sợ chết. « Tham sinh úy tử ». Tham sinh úy tử là một cái hèn nhát nhát, đáng bị khinh bỉ nhất, ai cũng biết vậy, mà khi đứng trước tử thần, người ta vẫn không giữ nổi một thái độ xứng đáng.

Đứng trước một cái chết rất rùng rợn đáng ghê tởm nhất, mà chẳng những không chút sợ sệt mà còn tỏ ra một khí thế làm cho cả bọn người chủ trương giết mình cũng phải kính phục, trong lịch sử có lẽ chưa có ai bằng bà Bùi-thị-Xuân.

Bùi-thị-Xuân là vợ một danh tướng Tây sơn Trần-quang-Điệu người làng Xuân Hòa, xã Bình Phú, quận Linh Khê, tỉnh Bình Định (Trung Phần). Cũng có tài binh bị, bà thường tòng chinh đánh giặc, lập được nhiều chiến công ; là một nữ tướng rất dũng cảm, và có độ lượng, không bao giờ bà đem giết những quân đã thua chạy hay đầu hàng.

Đến hồi nhà Tây Sơn suy kiệt, khi thành Phú Xuân lọt vào tay chúa Nguyễn, bà theo vua Cảnh Thịnh chạy ra Nghệ An, rồi tự đem 5.000 quân can đảm chống giữ lũy Trần Linh. Đến tháng giêng năm nhân Tuất (1802), nghe tin thủy quân Tây Sơn bị phá ở Nhật Lệ bà phải lui quân.

Bấy giờ Trần-Quang-Điệu và Vũ-văn-Dũng không thể giữ Qui-Nhon, đưa quân theo ngã thượng đạo ra Nghệ-An đề hội với vua Tây-Sơn lo việc chống giữ. Vừa đến huyện Hương-Sơn, được tin

thành Nghệ-An mất, Trần-Quang-Điệu bèn cùng với Bùi-thị-Xuân đi về huyện Thanh Chương. Được mấy hôm, cả hai vợ chồng đều bị bắt. Sau bà cùng với chồng và con gái chịu tội chết : Trần-Quang-Điệu bị tội lột da, còn bà và con gái bị tội voi dày.

Giáo sĩ La Bissachère, mục kích cuộc hành hình vị nữ tướng này, đã tả trong cuốn ký sự của ông như sau :

« Bùi-thị-Xuân, mặt không đổi sắc, tiến trước mặt voi như chọc tức nó. Mấy tên lính thét bảo thị Xuân quỳ xuống, nhưng bà vẫn xăm xăm tiến bước. Voi lùi lại ; bọn lính phải cầm giáo thọc vào đuôi voi. Bấy giờ voi mới quặp lấy thị-Xuân, tung lên trời... Bùi-thị-Xuân chết rồi, bọn lính bèn lấy dao cắt lấy tim gan, thịt ở cánh tay bà mà ăn sống, vì muốn được can trường như bà ».

Bà Bùi-thị-Xuân đã để lại tấm gương dũng liệt, và đến nay, tại nơi quê hương bà còn truyền bài thơ ca tụng tài đức bậc anh thư như sau :

*Xưa nay khấn yếm vượt mây râu
Bùi-thị-phu-nhân đứng bậc đầu.
Chém tướng, chặt cò, khoe kiếm sắc,
Vào thâu, ra quý, tỏ mưu sâu.
Quên nhà, nợ nước, đem toan trước,
Vì nước, thù nhà, để tính sau,
Tài đức nghìn thu còn nức tiếng,
Non cần chảy ngọc bởi vì đâu ?*

oOo

NGỌC - HÂN CÔNG - CHÚA

(Khoảng cuối thế kỷ 18)

Bà là con vua Hiền-Tôn nhà Lê, sinh năm nào chưa rõ. Người ta nói rằng bà có nhan sắc và rất thông minh lại giỏi về nghề văn thơ.

Năm Cảnh-Hung thứ bốn mươi bảy (1786), khi ông Nguyễn-Huệ kéo quân đến Thăng-Long, vào châu vua Hiền-Tôn, tỏ ý muốn phò nhà Lê, diệt họ Trịnh, vua Hiền-Tôn liền gả bà cho ông ấy, sau khi đã phong cho ông ta làm chức nguyên soái, tướng Uy-quốc-Công. Rồi bà theo ông Nguyễn-Huệ về thành Thuận-Hóa.

Năm Mậu-Thân (1788), ông Nguyễn-Huệ lên ngôi Hoàng-Đế đặt niên hiệu là Quang-Trung. bà được phong làm Hữu-Cung Hoàng-hậu.

Với bà, vua Quang-Trung, vẫn rất chiều quí và vẫn đối đãi bằng cách rất đặc biệt, cho nên dù khi vua Chiêu-Thống mượn quân nhà Thanh về đánh nhà Tây-Sơn, vua Quang-Trung vẫn gìn giữ lăng miếu nhà Lê và không động đến con cháu vua Lê.

Năm Nhâm-Tý (1792) vua Quang-Trung tạ thế, bà mới ngoài hai mươi tuổi. Tính ra bà ở với vua Quang-Trung đầu đuôi mới có bảy năm, sinh được một người con trai và một người con gái.

Khi nhà Tây-Sơn mất nước, bà và các con dời tên họ vào ẩn ở một làng trong tỉnh Quảng-Nam. Nhưng không bao lâu, có kẻ phát giác, bà phải uống thuốc độc tự tử, hai con đều phải thất cô.

Bấy giờ, mẹ bà còn sống. Bà cụ họ Nguyễn, đời vua Hiền-Tôn nhà Lê, được phong làm chức Chiêu-Nghi, quê ở làng Phù-Ninh

(tục gọi làng Nành, thuộc tổng Hậ-dương, huyện Đông-Ngàn, phủ Từ-Son, tỉnh Bắc-Ninh). Từ khi nhà Lê mất nước, bà ấy vẫn về ở tại làng ấy. Khi được tin con gái và cháu ngoại đều bị chết thảm, bà cụ cực kỳ thương xót, liền thuê người lặn vào Quảng-Nam, lấy trộm cả ba cái xác, đưa xuống thuyền vượt biển ra Bắc, đem về chôn ở đồng làng Nành. Cạnh những mộ đó, bà cụ có lập nên một tòa miếu nhỏ, để thờ con gái và cháu.

Sau đó chừng năm chục năm, vào khoảng đời vua Thiệu-Trị miếu ấy hình như đã đổ nát. Ở làng Nành có ông Tú-Tài. Nghi đến công đức của Chiêu-Nghi họ Nguyễn đối với làng mình bèn đứng lên quyền tiền người làng đề sửa lại miếu đó:

Chẳng ngờ trong làng có ông phó-tổng thù nhau với ông Tú này, được dịp hấn liền vào Huế tố cáo ông Tú có lập miếu đó để thờ ngụy-hậu.

Lập tức ở Huế có lệnh truyền ra, bắt quan bản hạt phá ngôi miếu đó và khai quật cả ba ngôi mộ của bà và hai người con, lấy hài cốt đem đổ xuống sông. Viên Tú-Tài bị tội rất nặng. Ông Nguyễn-đăng-Giai lúc ấy đang làm Tổng-Đốc Bắc-Ninh cũng bị dăng cấp về tội « thất sát ».

Trong đời Gia-Long ở làng Phú-Ninh cũng có một người được làm cung phi vẫn gọi là bà Chúa Nành. Vì thế người ta tưởng lầm là bà Ngọc-Hân sau có lấy vua Gia-Long.

Sự thực thì bà không hề biết mặt vua ấy bao giờ.

Văn chương của bà, để lại rất nhiều, nhưng bị mai một mất cả, chỉ còn một ít bài dưới đây.

BÀI VĂN TẾ TẾ VUA QUANG-TRUNG

Than rằng :

- « Chín từng ngọc sáng bóng trung tình, ngoài muôn nước
vừa cùng trông về thủy ;
- « Một phút mây che vầng Thái-Bạch, trong sáu cung thoát
đã nhạt hơi hương.
- « Tơ đứt tất lòng ly biệt.
- « Châu sa giọt lệ cương-thường.
- « Nhớ phen đến Nhị thuận buồn, hội bá-việt chín châu
lừng lầy.
- « Vừa buổi cầu Ngân sẵn dịp, đoàn ý-la đôi nước rẽ ràng.
- « Hồn cầu đã nên nghĩa cả.
- « Quan san bao quản dặm trường ?
- « Nhờ lượng trên cũng muốn tôn Chu, tình thân hiếu đã
ngăn chia đôi nước.
- « Song thế cả trót đà về Hán, hội hồn-dồng chỉ cách trở
một phương ?
- « Lòng đau xót thấy cơn cách chính.
- « Thân lại nhờ gặp hội hưng vương.
- « Thành Xuân theo ngọn long-kỳ, đạo tể trị gần nghe
tiếng ngọc.
- « Cung-Hữu rạng mẫu địch-phất, tình ái-ân muôn đời
nhà vàng.
- « Danh phận ấy cây vụn trồng mọi về,
- « Nền nếp xưa nhờ che chở trăm dương.

- « Ôn sâu nhuần-gội cỏ cây, chốn lãng-tảm chẳng phạm trời
duy-tử.
- « Lộc nặng thơm tho hương khói, nơi miếu đường nào khuyết
lễ trung-thường ?
- « Mọi nỗi, mọi nhờ trọn vẹn.
- « Một điều một được về vàng
- « Phép hằng dân hạc thực, tước hoa, buồng quế rạng
khuôn Nội-tắc
- « Điềm sớm ứng Chung-Tur, Lạn chỉ, phái Lam thêm điển
thiên-hoàng.
- « Mây chút chưa đến đức cả.
- « Gót đầu đều trọn ơn sang,
- « Đèn Vị-ương bóng được bừng bừng, lòng cần mẫn vừa
khi đóng đã
- « Miền Cực-Lạc xe mây vùn vụt, duyên hảo cầu sao bỗng
dở dang ?
- « Ôi !
- « Gió lạnh buồm đào, rơi cầm này sắt ;
- « Sương pha cung đỏ, hoen phấn mờ gương !
- « Việc vầy vui nhớ hầy rành rành, dịp ca múa bỗng khuấy
chứng Thần-ngự,
- « Buổi châu chực tưởng còn phảng-phất, chuông điểm hồi
nào vắng chốn Cảnh-Dương ?
- « Ván vít mấy, bày năm kết phát !
- « Đau đón thay ! trăm nỗi đoạn trường !
- « Hè nhà sương ngấm quyền cung chằm, tiếng chi phát
hải mơ màng trên gỏi

- « Nương hiên Nguyệt ngắm lời đình chỉ, bóng thúy-hoa
còn trấp-trới bên tường.
- « Hang núi cũng phàn nàn đòi chốn !
- « Cỏ hoa đều sùi sụt đôi hàng !
- « Liễu châm thoa mong theo chốn chân du, da tóc trăm
thần nào có tiếc !
- « Ôm cường-bảo lưỡng ngập ngừng di thê, sửa mang đôi
chút lại thêm thương.
- « Tiếc thay !
- « Ngày thời thấm thoát !
- « Bóng khích vội vàng !
- « Thuyền ngự tọa đã ngang ghềnh Thái Thủy,
- « Bóng loang xa thẳng trở lối tiên hương
- « Nẻo hoàn toàn xa cách mấy trùng, ngao ngán thêm ngừng
con biệt duệ
- « Chén hoàng thủy kính dâng một lễ, xét soi xin thấu cõi
minh dương

Bài Văn tế này đại đề Ngọc-Hân Công-Chúa nói rằng : Vua Quang-Trung mới lên ngôi báu, như ngôi sao ở giữa trời, mới rạng về ngọc trên chín tầng mây, bỗng chốc vua đã tạ thế. Như đám mây đen che vầng Thái Bạch, khiến cho cả sáu cung, vì buồn rầu mà nhạt mùi hương. Trong lúc kẻ mất người còn tấm lòng bà đau đớn nức sùi tơ đứt, nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, giọt lệ rơi xuống như hạt châu sa.

Rồi bà kể qua lúc vua kéo quân ra Bắc Hà, bảy giờ thuyền vua thuận buồn xuôi gió tới bến sông Nhị, cuộc hội cờ lừng lẫy đến khắp nơi. Duyên trời run rủi, vua Lê gả bà cho vua Quang-Trung.

khi ấy, đoàn là lượt trong đám đưa dâu, đón rước của hai nước, thật là rực rỡ, tưng bừng.. Bà chẳng quản quan sơn, cách trở, theo chồng vào Nam. Bấy giờ vua cũng sẵn lòng tôn phù nhà Lê, như các vua, Tề Hoàn, Tấn-Văn tôn phù nhà Chu cho nên vua đã tỏ tình giao hữu định rõ bờ cõi của hai nước.

Chỉ vì ngoài Bắc Nguyễn-hữu-Chỉnh gây loạn, khiến cho đại thế trong nước đã về nhà Tây-Sơn, cũng như đại thế trong đời Hán, Sở giao tranh đã về nhà Hán, vua không thể dễ cho cuộc thống nhất còn chưa một phương Bắc-Hà, nên phải phái quân bắt Nguyễn-hữu-Chỉnh, làm cho vua Chiêu Thống phải bỏ nước mà chạy. Bà tuy vẫn đau xót về sự mất thấy con thay đổi chính quyền nhà Lê, nhưng thân bà lại nhờ vua Quang-Trung mà được gặp một cơ hội kây dựng đồ nghiệp.

Từ khi theo ngọn cờ rồng vào thành Phú-Xuân, bà thường được nghe vua dạy bảo về đường tề gia, trị quốc. Vua cấm không ai được động đến lăng tẩm nhà Lê, ấy là lộc nặng của vua khiến cho nén hương, ngọn khói cũng được thơm tho, ân sâu của vua thấu đến cỏ cây. Công đức của vua, chưa báo đáp chút nào, thì bỗng xe mây của Vua đã xa chơi miền Cực Lạc của Đức Phật Di-Đà, khiến cho mọi duyên hảo cầu giữa vua và bà thành ra nửa chừng dang dở.

Than ôi ! Từ khi vua mất, buông đào như bị gió lạnh, đàn cầm, đàn sắt đều phải rã rời, cung đồ như bị sương pha, vẻ phần mặt hương đầy hoen ố. Nơi cung Cảnh-Dương là chỗ ở của vua, đã không còn hồi chuông giục các cung nhân trở dậy trang điểm như xưa ! Nghĩ đến tình xe tơ, kết tóc trong bảy năm trời ruột bà như đứt thành trăm đoạn. Khi mở cánh cửa, ngó đến quyền sách răn bảo cung nhân, còn như thấy tiếng vua vắng vắng trên gối, khi tựa trước hèn đối bóng trăng soi, mà ngẫm đến chi dụ ban xuống sân châu, còn như thấy bóng cờ thùy hoa của vua bay phấp phới bên tường.

Chắc rằng, trong khi vua mất, nhân dân ở nơi hang sâu, núi thẳm, đến cỏ hoa là giống vô tình, cũng phải sụt sùi nhỏ lệ.

Bà cũng muốn liều bỏ trăm thoa đề được chết theo vua đề đi cùng vua đến cõi chân du, dù một trăm cái thân da trắng, tóc dài cũng không đoái tiếc.

Chỉ vì hai đứa con thơ còn nhỏ dại, cũng đều là hột máu của vua, không thể dứt tình mà bỏ cho được.

Ngày tháng mau chóng, đời người không bao lâu, bây giờ thuyền vua đã khuất, xe vua đã tới làng tiền, nghĩ đến cảnh vua ở dưới suối vàng xa cách, càng ngao ngán, nghẹn ngào cho cuộc biệt ly. Vạy xin dâng một chén rượu nhạt, mong vua xét soi đến.

Bài văn tế trên ý nghĩa rõ ràng, lời lẽ chải chuốt, dùng nhiều điển đặc thể và xác đáng. Văn tế như thế thật là hay. Một người phụ nữ mà có văn tài bậc này, căn cứ ở ta, ngay như ở Tàu là nước văn học phát đạt, chưa chắc là có người phụ nữ nào làm được một bài hay như thế.

oOo

BÀI AI TƯ VẪNG Khóc Vua Quang - Trung

Gió hiu hắt phòng tiêu lạnh lẽo

Trước thềm lan hoa héo ron ron

Cầu tiên khói tỏa đình non

Xe rồng thăm thăm bóng loan rầu rầu

Nỗi lai lịch dễ hầu than thở ?

Trách nhân duyên mờ lẽ cứ sao ?

Sầu sầu, thăm thăm xiết bao ?

Sầu đây dục bề, thăm cuo ngắt trời !

Từ cò thắm trở về đất Bắc
 Nghĩa tôn-phù vắng vắng bóng dương
 Xe giấy vắng mệnh phụ hoàng
 Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu qui
 Trăm ngàn dặm quân chi non nước
 Chữ nghi gia mừng được phải duyên
 Sang yên muốn đội ơn trên
 Rõ-ràng vé thủy, nổi chen tiếng cầm
 Lượng che chở, vụng lăm nào kẻ
 Phận đình ninh, cặn kẻ mọi lời
 Dấu rằng non nước biển đời
 Nguồn tình át chẳng chút vơi dấu là
 Lòng, dùm bọc thương hoa, đoái cốt
 Khắp tôn thân cũng đội ơn sang
 Miếu đình còn dấu trưng thường
 Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh
 Nhờ hồng phúc gọi cảnh hoà quê
 Được hơi dương, giấy rẻ cũng tươi
 Non Nam lẫn chúc tuổi trời
 Dựng cầu Thiên bảo, bầy lời Hoa-Phong
 Nhữnn ao ước trập trùng tuổi hạc
 Nguyên trăm năm ngộ được vầy vui
 Nào hay sông cạn bể vơi
 Lòng trời dấu-dờ, vạn người biệt ly

Từ tháng hạ, mưa hè trái tiết
 Xót mình rỗng mỗi một chẳng yên
 Xiết bao kinh sợ lo phiền
 Miếu thần đã đổ, thuốc tiên lại cầu
 Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước
 Phương pháp nào đổi được cùng chăng ?
 Ngán thay máy tạo bất bằng
 Bóng mây thoát đã ngắt chừng xe loan
 Cuộc tụ tán bi hoan kíp bấy ?
 Kề sum vầy đã mấy năm nay ?
 Lênh đênh chút phận bèo mây
 Duyệt kia đã vậy, thân này nương đâu ?
 Trần trọc suốt đêm thâu, ngày tối
 Biết cậy ai dập nổi bi thương ?
 Trông mong luôn những mơ màng
 Mơ hồ bằng mộng, bằng hoàng như say
 Khi trận gió hoa bay thấp thoáng
 Ngõ hương trời bóng lảng còn đâu
 Vội vàng sửa áo lên châu
 Thương ôi ! quanh quẽ, trước lầu nhện giăng !
 Khi bóng giăng lá in lấp lánh
 Ngõ tàn vàng nhớ cánh ngọc chơi
 Thương ôi ! vắng vẻ, giữa trời sương sa !
 Tường phong thái xót xa đời đoạn

Mặt rồng sao cách diễn lâu nay ?

Có ai chốn ấy về đây ?

Nguồn cơn xin ngõ cho hay được dành

Nẻo u-minh khéo chia đôi ngả

Nghĩ đôi phen nông nã đôi phen

Kiếp này chưa trọn chữ duyên

Ước xin kiếp khác vẹn nguyên lửa hương

Nghe trước có đấng vương Thang-Võ

Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao

Mà may áo vải cò đào

Giúp dân dựng nước biết bao công trình

Nghe rành rành trước vua Nghiêu-Thuần

Công đức giầy, ngựa vận càng lâu

Mà nay lượng cả ân sâu

Móc mưa tưới khắp chín châu được nhuận

Công nhường ấy, mà nhân nhường ấy

Cõi thọ sao hẹp nấy hóa công ?

Rộng cho chuộc được tuổi rồng

Đời thần ắt hẳn bỏ lòng tôi người

Buồn thay nhẽ ! sương rơi gió lọt !

Cánh đu hiu thành thót châu sa

Tưởng lời di chúc thiết tha

Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê

Buồn thay nhẽ ! Xuân về hoa ở

Mối sầu riêng, ai gỡ cho xong ?

Quyết liều mong vẹn chữ « tông »

Trên giường nào ngại, giữa giường nào e !

Còn trũng nước thương vì đôi chút

Chữ tình thâm chưa thoát được đi

Vậy nên nấn ná đôi khi

Hình tuy còn ở, phách thì đã theo

Theo buổi trước ngự đèo Bồng-đào

Theo buổi sau ngự nêc sông Ngân

Theo xa thôi lại theo gần

Theo phen điện quế, theo lẫn nguồn hoa

Đương theo bỗng tiếng gà sức tỉnh

Đau đớn thay ! ấy cảnh chiêm bao !

Mơ màng thêm nỗi khát khao

Ngọc kinh chôn ấy ngày nào tới nơi ?

Tưởng thôi, lại bồi hồi trong dạ

Nguyện đồng sinh sao đã kịp phai ?

Xưa sao sớm khỏi, khuya bày

Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ ?

Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ

Tình cô đơn, ai kẻ xét đầu ?

Xưa sao gang tấc gần châu

Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca ?

Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi
Tin hàng huyền không hỏi thăm lênh ?
Nửa cung gãy phím cầm lạnh
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ !
Nghĩ nông nỗi ngần ngơ đôi lúc
Tiếng tử qui thêm giục lòng thương !
Nào người thay ! cảnh tiên hương
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngó trông !
Trống mái đông, lá buồn xuôi ngược
Thấy mệnh mỏng những nước cùng mây !
Đông rồi thì lại trông tây
Thấy non gân-ngắt, thấy cây rườm rà !
Trông nam thấy nhạn sa lác-đác
Trông bắc thấy, ngàn bạc mẫu-sương
Nó trông trời đất bốn phương
Cõi tiên khời thăm biết đường nào đi ?
Cây ai có phép gì tới đó
Dưng vật thường, xin ngó lòng trung
Này gương là của Hán-Cung
Ơn trên xưa đã soi chung đời ngày
Duyên hảo-hợp xót rầy nên lẽ
Bụng ai hoài lạnh ghé vì đâu ?
Xin đưa gương ấy về châu

Ngõ soi cho tỏ, gót dấu mong-ơn !

Tường linh-sân nhọn-nhọn còn dấu

Nỗi sinh cơ có thấu cho không ?

Cung xanh đương tuổi ấu xung

Di mưu sao nữ quên lòng đoái thương ?

Gót lán chỉ mấy hàng lấm chấm

Đầu mũ mao, mình tấm áo gai

U-ơ ra trước hương-đài,

Tướng quang cảnh ấy, chua cay đường nào !

Trong sáu viện, ổ đào, ủ liễu

Xác ve gầy, lông lẻo xiêm nghề

Long đông xa cách hương quê

Mong theo, lăm lỏi, mong về, túi duyên

Dưới bộ ngọc, hàng uyển vũ vũ

Cát chân tay thương khó xiết chi !

Hang sáu nghe tiếng thương bì

Kẻ sơ còn thế, hưởng gì người thân... !

Cảnh-ly biệt nhiều phần bát ngát

Mạch sâu tuôn, ai tát nên vơi ?

Càng trông càng một xa vơi

Tắc lòng thâm thiết, chín trời biết chẳng ?

Buồn trông trắng, trắng mờ thêm tái

Gương Hằng-Nga đã bụi màu trong

Nhìn gương càng thẹn tấm lòng
 Thiên duyên lạnh lẽo đêm đông biên hà
 Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn
 Cánh hải đường đã quên giọt sương
 Trông chim càng dễ đoạn trường
 Uyên-ương chiếc bóng, phượng-hoàng lẻ đôi
 Cảnh nào cũng búi ngùi cảnh ấy
 Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu ?
 Phút giây bãi bờ, nương dâu
 Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao ?
 Chữ tình nghĩa trời cao, đất rộng
 Nỗi đoạn trường còn sống, còn đau
 Mấy lời tâm sự trước sau
 Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho !

oOo

Ngọc-Hân Công chúa, sau khi an táng vua Quang-Trung xong vì quá nhớ tiếc Ngài và cảm thương mlh, nên mới làm ra bài Ai Tư Văn này. Ý bà nói : giữa lúc gió đưa hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo, dưới thêm hoa cỏ úa rầu, bà nhớ vua Quang-Trung mà ngóng lên trời để hồng nhìn xem Ngài ở nơi nào ?

Nhưng... Chỉ thấy ở trên đỉnh núi, cái cầu của ngài lên tiên đã bị mây tỏa mặt mù ! Bà trách cái nhân duyên sao lỡ làng đến thế ? Sao sâu thăm đến thế ? Những cái sâu nếu đem đồ đi, có thể làm cho bề dặt, đem chất lại, có thể cao đến ngắt trời ! Nhờ vua Quang-Trung hết lòng yêu đương, nên bà được ở vào một ngôi cao, sang trọng, hưởng cảnh mây mặt rõ ràng.

Tuy non nước của nhà Lê đã bị thay đổi, nhưng cái nguồn tình ái của vua vẫn không vơi đi chút nào. Yêu hoa nhớ đến gốc hoa, vua yêu bà, nhớ đến dòng dõi nhà bà mà đình miếu họ Lê vẫn còn cúng tế, lăng tẩm họ Lê, cây tòng, cây thu vẫn rườm rà xanh tốt. Con cháu vua Lê cũng nhờ hồng phúc mà về vãng.

Mỗi lần có lễ chúc thọ, bà muốn vua cũng thọ như trái núi Nam, đã chúc tụng vua như thơ Thiên-bảo chúc vua nhà Chu và lời Hoa-Phong chúc vua Đường-Nghiêu. Mong tuổi vua chồng chất như tuổi con hạc. Không ngờ việc đời không thể biết trước, cũng như sống có lúc bị cạn, bề có lúc bị vùi, lòng trời thật đảo đổ, khiến cho vạn người không thể tránh được một cuộc chia lìa...

Bài AI TƯ VẤN của Ngọc-Hân Công-Chúa giống như Cung-oán ngâm khúc, vì có nhiều chỗ đối nhau từng đoạn của Ôn-như-Hữu và Chính-phụ-Ngâm của Đặng-trần-Côn. Ý tứ hoạt bát, lời văn lâm ly như những câu này :

• Lênh đênh chút phận bèo mây

• Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ?

hay là • Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng

• Nỗi đoạn trường còn sống, còn đau...

hay là • Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở

• Mối sầu riêng ai gỡ cho ra...

Thật là, lời hay, ý mới, thiết tình, thiết cảnh, nếu không phải người thương chồng một cách thiết tha và tủi thân góa bụa bơ vơ, đau đớn, thì không thể nói hết nỗi lòng đau của mình trong mấy vần thơ đó.

Một áng văn chương bất hủ, xứng đáng cho chị em chúng ta nhắc nhở đến.

BÀ HUYỆN - THANH - QUAN

Cho mãi tới bây giờ chưa có một nhà văn học sử nào tìm ra được tên, họ cũng như năm sinh và năm chết của nữ sĩ. Qua gia phả chồng, người ta chỉ được hay : bà ở làng Nghi-Tám (bên cạnh hồ Tây Hà-nội), huyện Hoàng-Long, tỉnh Hà-Đông.

Đồng đôi Nho học, bà được theo dõi bút nghiên từ nhỏ. Khi tới tuần cập kê lấy ông Lưu-Nghi, người ở làng Nguyệt-Ánh, huyện Thanh-Tri tỉnh Hà-Đông. Chồng bà ông Lưu-Nghi đậu cử nhân năm Minh Mệnh thứ 11 (1821) sau khi làm tri huyện tại huyện Thanh quan (nay là phủ Thái-Ninh) tỉnh Thái-Bình. Do đó người đời cứ quen gọi nữ sĩ là « Bà huyện Thanh Quan ».

Tới triều Tự-Đức, một ông vua ham văn chương nên vời nữ sĩ vào cung làm cung trung giáo tập « (Thầy học trong cung) ».

Thơ của nữ sĩ hết sức trang nhã điêu luyện, dồi dào âm ba tiết điệu, tỏ rõ một tinh cách đoan chính, trên căn bản « Văn dĩ tải đạo ». Những bài « Cảnh chiều thu », Qua đèo ngang, Thăng Long hoài cổ ; chơi chùa Trấn quốc», diễn tả nỗi lòng u hoài trước những cuộc phê hưng đặc táng, là nổi tiếng nhất.

Tuy nhiên gần đây đã có người phê bình văn chương cho rằng : thơ của nữ sĩ quá lệ thuộc vào thơ cổ Trung-Hoa nhiều quá. Cho nên đứng trên bình diện Việt-Văn mà bàn, thì giá trị so với một nữ sĩ gần như đồng thời Hồ-Xuân-Hương không thể tương đương nổi.

Dù sao thi văn của nữ sĩ đã nghiệm nhiên nằm trong văn học sử Việt-Nam rồi.

Nữ sĩ đã góp mặt với Đoàn-Thị-Điềm, Hồ-Xuân-Hương thay mặt nữ giới cống hiến văn nghệ phẩm vào trong kho tàng văn chương, của xứ sở đất nước, cũng là vĩnh dự chung cho nữ giới vậy.

oOo

NỮ SĨ HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Cha là Hồ Phi-Diễn, nguyên quán làng Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, xứ (nay là tỉnh) Nghệ-an, mẹ là Hà-Thị, quê Hải-dương, Xuân-hương là người đồng thời với Phạm-Đình-Hồ tục gọi Chiêu Hồ (1768-1839), tác giả Vũ trung tùy bút v.v...

Từ khi chưa có Xuân-Hương, cha mẹ đã di cư đến ở phường Khán-Xuân, gần hồ Tây, thuộc huyện Vĩnh-thuận, Hà-nội ?

Về sau, khi đã khôn lớn, Xuân-Hương lại dời đến ở thôn Tiên-thị, tổng Tiên-tức : huyện Thọ-Xương, ngay gần đến Lý Quốc-Sur, phố Nhà-thờ, Hà-nội.

Thông minh, dĩnh dị, Xuân-Hương có thiên tài về thơ. Sớm mồ côi cha, Xuân-Hương được mẹ cho theo đời bút nghiên, nhưng được ít lâu, lại phải thôi học. Nhờ ở tự tu, học nghiệp ngày một tiến, nhà nữ sĩ ấy nổi tiếng hay chữ ở đương thời.

Theo « Giai nhân di mặc », thì Xuân-Hương, mặt hơi đỏ hoa, da hơi ngăm-ngăm đen, không đẹp mà có duyên thầm (tr 9).

Tục truyền : Xuân-Hương có mở một ngôi hàng nước để tiện tiếp xúc với thi sĩ văn nhân mà kém người đồng điệu. Bấy giờ, nhân gặp khoa thi, nhiều sĩ tử trong nước đến kinh đô Thăng long, có vào làm thơ với Xuân-Hương để mong chiếm được lòng nữ sĩ, nhưng phần nhiều là : « Khéo khéo đi đâu lữ ngàn ngơ, lại đây cho chí dầy làm thơ », nên không ai được « trúng tuyển » cả.

Khoa thi vừa xong, có một ông giải nguyên (tức là thủ khoa) mới đỗ, đi với người em vào nhà Xuân-Hương, xin làm thơ dự thi.

Sau khi nhận được đầu đề là « Thạch liên thiên » rồi, nhà tân khoa cứ nhấm bút hàng tám trống canh mới viết được bốn chữ : « thiên thạch nguyên lai »... rồi cứ bí, bí mãi đến nỗi người nữ tì của chủ nhân phải ra bảo khách rằng : « Nếu không nghĩ được thì xin mời ông lại nhà, chứ còn ngồi mà ngậm bút làm gì mãi thế ? ».

Nghe mấy lời mát mẻ ấy, ông thủ khoa thẹn quá, phát uất, ngất người đi, bõ nhào xuống đất... May có người em cùng đi, vội chạy lại cấp cứu và kiếm lời an ủi khuyên đề cho anh người dạ. Rồi nối họ cho thành hai câu :

« Thiên thạch nguyên lai bản thậm huyền »

« Nhất triều văn vũ, thạch liên thiên »

Nghĩa là : những đá do trời sinh ra, nguyên lai vốn huyền bí lắm, một sớm kia, trải qua « mây mưa » thì sắc đá lẫn với đá trời, trông như liền nhau.

Khi tỉnh rồi, ông thủ khoa gắng làm nốt bài thơ được Xuân-Hương khen là hay và Xuân-Hương đẹp duyên cùng ông ấy.

Người ta truyền rằng ông thủ khoa đó tức là ông phủ Vinh-Tường, sau này.

Kết hôn được ít lâu, ông phủ mất, Xuân-Hương có thơ khóc :

Trăm năm ông phủ Vinh-Tường ơi ;

Cái nợ ba sinh chỉ có thế thôi ;

Chôn chặt văn chương ba thước đất,

Ném tung hồ thị bốn phương trời ;

Cán cân tạo hóa rơi đầu mất ?

Mệnh tái kiến khôn thất lại rồi ;

Hăm bảy tháng giời là mấy chốc,

Trăm năm ông phủ Vinh-Tường ơi !

Cuộc nhân duyên giữa bà với ông phủ Vinh-Tường này không biết được bao năm và khi bấy giờ bà bao nhiêu tuổi, nhưng theo tác giả Việt-Nam văn học sử yếu, thì bà «... duyên phận long đong, sau phải lấy lẽ một ông thủ khoa làm tri phủ Vinh-Tường». (Tr. 387).

Cũng theo Việt-Nam văn học sử yếu, thì mẹ bà là người Hải-Dương, làm thiếp, nghĩa là làm vợ lẽ, của Hồ-Phi-Diện. Như vậy, bài thơ tả cảnh lấy lẽ dưới đây của Xuân-Hương không những là tiếng thét bất bình cho đám phụ nữ nghèo khổ lép vế, ở xã hội phong kiến, mà lại là tiếng đàn đồng điệu cảm thương cho mẹ, rồi khóc thay cho chính mình nữa :

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng,

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung ;

Năm thì mười họa nên chẳng chớ,

Một tháng đôi lần có cũng không ;

Cổ đám ăn xôi, xôi lại hẩm ;

Cầm bằng làm mướn, mướn không công ;

Thần này vì biết đường này nọ,

Thà trước thôi đành ở vậy-không,

Về sau, bà «đi bước nữa», lấy ông cai tổng góa vợ, tục gọi tổng Cóc. Nhưng, được vài năm, tổng Cóc lại mất.

Chàng Cóc đi, chàng Cóc đi ;

Cong-Cóc đi đâu chẳng báo tôi ?

Lòng-nóng đứt Đuối từ đây nhé ;

Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi ,

Bài thơ trên chính là những giọt lệ Xuân-Hương khóc Tống Cốc, chồng sau.

Từ đó Xuân-Hương ở vậy, vui cùng thơ văn cho khuây khỏa. Những lúc chơi các danh lam thắng cảnh, hoặc khi tàn canh tĩnh giấc, đối cảnh xúc hoài, bà thường làm thơ đề kỷ thuật, đề miêu tả, đề kỳ thác.

Thơ bà mới mẻ, thoát sáo, vượt ngoài khuôn khổ trường ốc, linh động như tranh; thật là « chỉ trung hữu họa » Lại trội về lối tả chân, nhất là « nghệ thuật hí hước trào phúng ».

Thi phẩm của bà, người sau nhặt lượm lại, biến thành một tập, gọi là Xuân-Hương thi tập.

Viết xong thiên lăm oanh Hồ-Xuân-Hương, kẻ cầm bút này được một nhận xét :

Trong khi nho học đang thịnh hành, xã-hội Việt-nam, từ lễ giáo đến pháp luật, có biết bao xiềng xích để ràng buộc kìm hãm tư tưởng con người không cho phát triển tự do nảy nở đầy đủ. Nhất là nữ giới lại là nạn nhân bị những hai tầng áp lực : một của phái đàn ông và một của giai cấp thống trị.

Vậy mà, từ đầu óc tỉnh táo sáng suốt chứa trong thân hình một người đàn bà mềm yếu, như Xuân-Hương đã nảy ra một sức phản động rất hăng, rất mạnh.

Bằng tinh thần thơ, Xuân-Hương đã dùng cái lợi chế điều trào phúng mà mỉa mai cười cợt cả một hệ thống tổ chức của chế độ

phụ quyền đã bóp nghẹt tư tưởng tự do của con người, chặn lối
ngăn đường tiến hóa của nhân loại.

Bằng hình thức văn tự, Xuân-Hương dùng những tiếng « rất
Việt-nam », hạ những chữ rất táo bạo, gieo những vần rất hiểm hóc
oái oăm để phá cái thành trì kiên cố của lối thơ khoa cử, lối thơ
ứng chế, lối thơ phong kiến, lối thơ « ngự dụng »

Trước sức tấn công anh dũng của bà về phương diện văn
chương, đối phương chống lại cũng rất mãnh liệt. Chẳng thế, Chiêu
Hồ, đại biểu cho phái mạnh và phái thống trị ở đương thời, đã phải
tám tức lên tiếng :

« Ông ghê không võ ông ghê mãi,

« Ghê mãi rồi lâu cũng phải rẽ ;

Dưới sức « ghê mãi » của Chiêu Hồ ấy, chẳng hay tiếng chuông
hồi trống của Xuân-Hương ở trên thi-đàn có « phải rẽ » không, chúng
ta chỉ biết rằng Xuân-Hương tuy bị phe địch đương thời hết sức
bao vây, hết sức đả kích, nào kẻ thì lăm bà :

« Ngán nổi má hồng mà phận bạc ;

« Nờ đem yếm thắm giấu màu nâu ; »

Nào kẻ thì giễu cợt :

« Người « Cờ » lại còn đeo thỏi « Nguyệt »

« Buồng « Xuân » chỉ để lạnh mùi « Hương » »

Nhưng từ chỗ trung kiên của nhà thơ cách mạng ấy đã tỏa
ra giữa đám bình dân ở đương thời, và đời sau, những ảnh hưởng
rất sâu rộng.

Như vậy Xuân Hương, lúc sống, tuy bị đối phương hắt hủi vùi dập bằng những nhò nhen, những hẹp hòi và, lúc mất rồi, tuy bị nhiều lời phê bình chưa được xác đáng hoặc vì thiên lệch bất công, hoặc vì thành kiến mờ ám, hoặc vì võ đoán phủ phàng, nhưng cái hạt giống cách mạng văn chương, của bà vẫn tiềm tàng ấp ủ trong mảnh đất văn hóa Việt-Nam, gặp lúc mưa thuận, xuân hòa, đã cựa dậy, đã vươn lên mà nảy chồi trở lộc...

Tại sao tiểu sử Xuân-Hương không được chép vào một bộ quốc sử hay một pho liệt truyện nào ? Tại sao thi phẩm Xuân-Hương không được ghi vào một tập ký ức hoặc một thiên bút lục nào, thế mà từ đời bà đến giờ hàng trăm rưỡi năm nay, thơ bà vẫn được truyền tụng ở cửa miệng người đời trải thế hệ này qua thế hệ khác ?

Phải chăng Xuân-Hương đã đi sát với bình dân, cảm thông với đại chúng, thơ bà bắt gốc từ nguồn sống mãnh liệt và dẻo dai của dân tộc Việt-Nam, nên tác phẩm bà mới cùng thời gian sống mãi ?

Đối với bình dân, với đại chúng, lối thơ trường ốc, lối thơ khuôn sáo, lối thơ « ngự dụng » chỉ là một sản phẩm của một hạng người, dưới chế độ phong kiến, quen bộ đờ ca tụng bọn linh chủ, bọn vương hầu, lấy văn chương làm nấc thang trèo lên lầu đài phủ quí. Bình dân Việt-Nam không thể rung cảm trước những vần điệu đài các, những chữ nghĩa kiêu cách, những điển tích bác học và những nét trạm trổ từ công phú mà thiếu khí sống. Họ không thể đồng tình với hạng nhà văn, nhà thơ « đánh di ngôi bút », « thừa cơ múa rối », đem ngón điệu trưng tiêu kỹ cầu làm đẹp ý số ít quí tộc mà « giết lòng người », mà đầu độc dân chúng, đề cứng cổ thể lực cho giai cấp thống trị, hồng hường đôi chút « tơ tằm móc mưa ».

Cho nên thơ văn của bọn ấy dù gộp lại hàng pho dày, chứa đầy hàng mấy từ, bình dân Việt-Nam có thêm nhắc nhở đến đâu, truyền tụng đến đâu,

Ấy thế mà với thơ Xuân-Hương, trải bao biển dâu, qua bao bình lửa, dân Việt-Nam từ đời nọ đến đời kia, ai cũng thuộc lòng, như chôn vào lòng, không cần bia đá mà nó vẫn trơ trơ ở bia miệng; không cần uy quyền để bắt buộc người mua hay khuyến khích người đọc mà nó vẫn lưu hành khắp dân gian.

Trước khi chấm dứt thiên lăm bình Hồ-Xuân-Hương này, kẻ viết xin mượn mấy lời của nhà lãnh tụ cách mạng hiện đại Trung-hoa để nói về Lỗ-Tấn (1880-1936) để làm tổng kết :

« Lỗ-Tấn là vị chủ tướng cách mạng văn hóa của Trung-hoa. Ông chẳng những là nhà văn học vĩ đại, mà lại là nhà tư tưởng và nhà cách mạng vĩ đại. Đầu óc Lỗ-Tấn là thứ đầu óc sáng sủa, cứng rắn. Ông không hề có nét mặt tôi đòi và bộ xương bộ đờ. Đó là tính cách rất quý báu của người dân ở xứ thực dân và bán thực dân, Lỗ-Tấn là vị anh hùng dân tộc trước giờ chưa có, đứng đầu hơn hết, dũng cảm hơn hết, vững chắc hơn hết, làm đại biểu cho đại đa số cả dân tộc, thẳng xông sang phía địch mà xung phong hăm trận trên mặt trận văn hóa »...

Vậy ta có thể nói về Xuân-Hương:

Xuân-Hương là một nhà nữ cách-mạng văn chương Việt-nam. Trước đây hàng một thế kỷ rưỡi, bà chẳng những là nhà Đại thi hào, mà lại là nhà đại tư tưởng, đại cách-mạng. Bà có cái đầu óc sáng suốt, dũng cảm và hào hùng : Không chịu uốn mình trong khuôn khổ lễ giáo ngoại lai, không chịu nép hơi khuất phục trước làn sóng lời cuốn của văn hóa sức mạnh, không chịu miễn xương bộ đờ tăng lớp đại biểu cho chế độ phụ quyền. Bà là một nữ tiền tiến, thay mặt Văn học bình dân, dùng «chiến thuật» trào phúng hí hước hoặc đánh thẳng, hoặc đã ngầm vào hàng tôi con phong kiến, vào lối thơ văn « ngự dụng ». Xuân-Hương đã thành công Văn học bình dân Việt-nam cũng hoàn toàn thắng lợi.

PHAN - THỊ - THUẦN

Cũng có tên gọi là « Đoàn phu nhân ». Một liệt nữ thời Lê Mạt. Ái thiếp của tướng Lê-cảnh-Hoàn, quân đốc Tiền phong cơ quân Trịnh. Người ở làng Trảo - Nha, huyện Nghi - Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh.

Năm Bình-Ngo (1766), chồng bà lâm chiến với quân Tây Sơn chết trận tại cửa biển Thút Ái. Bà giả vờ thân nhiên vui vẻ như không có chuyện gì xảy ra, mặc cho dư luận xung quanh cười chê mai mỉa cho là một người đàn bà vô tình bạc nghĩa không ra gì.

Khi quân Tây sơn rút khỏi Bắc-Hà, bà mặc đồ tang trắng, tới bến sông Thút Ái là nơi tuần tiết của chồng, lập đàn trai giới tế tự khóc suốt mấy ngày đêm. Cuối cùng ngảnh mặt về Nam chiêu hồn. Sau hết bà bơi thuyền ra giữa dòng sông đứng chỗ chồng bà chết chìm năm xưa rồi gieo mình xuống nước mà chết. Trước khi làm việc đó, bà có dặn lại, không được lấy xác bà đem khâm liệm chôn cất trên đất bộ mà cứ để mặc như thế để bà được về với chồng ở nơi « Hạ bá ».

Nhân dân đương thời căm mến cái chết không bao giờ chết của bà, nên lập đền thờ bà trên sông Thút Ái.

Ông Huân đạo An-Nhân Hà-Sách-Hiền thương mến sâu sắc cái chết không bao giờ chết ấy, đã làm câu đối sau đây đề thờ bà :

« Khả lên nhị bách đư niên quốc »

« Thiên lý dân di nhất phụ nhân »

Dịch nghĩa :

*« Khá thương nước cũ hai trăm lẻ
Giữ được đi luôn chỉ một bà*

DIỄN NGHĨA :

Buồn thay một triều đại từ khi khai sáng cho tới lúc suy vi này, mà vồn vẹn được một người đàn bà giữ trọn lẽ trời và-tình người mà thôi.

Hai câu thơ của Cụ Huấn Hiền có một ý nghĩa nội hàm, mĩa mai bọn người hoa hết trăm bao bao nhiêu, thì lại cũng tôn kính ái mộ nữ giới Việt-nam ngần ấy.

Cận đại lại có một thi sĩ khuyết danh làm bài thơ truy niệm bà sau đây :

*Kháng khái tông vương di
Thung dung tựu nghĩa nan
Phận bọt bèo xiết nổi khách hồng nhan
Lòng vàng đa mấy thua ông Tiên-Trạch
Trung sở sự chàng đành kiệt lực
Nhất nhi chung nàng vẹn chữ tông
Lấy áo xiêm mà trả nợ non sông
Đem lòng trắng giải cùng bích thủy
Nhị giang phong trích cương thường lệ
Thúy ái ba đào tiết nghĩa thân
Người Liệt nữ, kẻ trung thần
Gương trước để soi chung lại thế*

Nào là kẻ trùng thân nghĩa sĩ
 Đề cương thường một đảng phụ nhân
 Đùn đùn khói tỏa giang tân

VÔ-DANH

oOo

NHẬN XÉT CỦA CHÚNG TÔI

Gần đây có một số người đọc truyện bà Phan-thị-Thuần cũng như cái chết của bà thì cho rằng : đây là một cái chết chỉ có giá trị đối với luân lý phong-kiến mà thôi, chứ không ích lợi gì cho ai hết, nếu không muốn nói là cái chết phản nhân bản, thì cũng là cái chết ngu muội đối với chữ trính của người phụ nữ mà bọn người nam giới ích kỷ Đông phương đã bày vẽ ra.

Nói như thế nếu không phải là máy móc cứng đờ, thì cũng chưa hiểu nguyên lý bối cảnh lịch sử. Vì thượng tầng kiến trúc xã hội bao giờ và ở đâu cũng phải gắn liền với hạ tầng cơ sở kinh tế tạo thành bối cảnh lịch sử.

Luân lý không phải là một ước lệ cố định, mà nó phải biến thiên theo bối cảnh lịch sử. Vậy muốn phê bình cái chết của bà Phan-thị-Thuần có đáng được gọi là « cái chết không bao giờ chết » không thì tự phải đem ta sống trở lại giai đoạn Lịch sử V.N. 1766. Nghĩa là lúc chế độ phong kiến và luân lý NHO giáo đang toàn thịnh trong lịch sử V.N.

Phải làm như vậy thì sự nhận xét mới khỏi sai lầm tai hại.

Ở dưới bóng mặt trời, chẳng gì đúng; mà cũng chẳng có gì sai đúng hay sai chỉ tùy thuộc ở bối cảnh lịch sử mà thôi.

oOo

NGUYỄN - NHƯỘC - THỊ (1830 - 1909)

Bà chính tên là Nguyễn-Thị-Bích, hiệu Long Hoàn, người huyện An-Phước, đạo Ninh-Thuận (nay là Phan-Rang). Thân phụ bà là Nguyễn-Nhưộc Sâm làm bố chánh tỉnh Thanh-Hóa. Do quan phụ chánh tiến cử, năm 1843, bà được tuyển vào trong cung Tự-Đức và được phong chức Lễ Thần, là một chức Bạc phi. Là một người thông minh tuyệt vời, cho nên được cử làm thầy học trong cung và làm bí thư cho Từ-Dụ Thái hậu (mẹ vua Tự-Đức). Nhờ vậy Lê-Tân Nguyễn-Nhưộc-Thị am hiểu tình hình trong nội cung tường tận.

Là một tay nữ trí thức, lại ở trong cung, được chứng kiến việc Kinh-thành thất thủ năm át Dậu năm 1885 và việc vua Hàm-Nghi xuất bôn Nguyễn-Nhưộc-Thị đã soạn ra tập : «Loạn dư hạnh thực quốc âm ca». Tại sao Nguyễn-Nhưộc-Thị lại viết Hạnh thực ca ? Là vì bà thấy cái hoàn cảnh triều Nguyễn lúc ấy phải bỏ kinh thành chạy ra Quảng-Trị và Quảng-Bình giống như hoàn cảnh triều đình nhà Đường bên Tàu ngày xưa, vua Minh-Hoàng bị giặc An-Lộc-Sơn đuổi phải bỏ kinh thành Trường-An chạy vào đất Thục để lánh nạn.

Theo cái nghĩa chữ Hán, khi vua tới đâu gọi là «hạnh» Hạnh Thục là vua đi đến đất Thục.

«Loạn dư hạnh thực quốc âm ca» gọi tắt là «Hạnh thực ca» là một thiên hồi ký Văn vần, có tính chất lịch sử dài hơn 1000 câu.

Các nhà viết Văn học sử Việt-Nam thường chia tác phẩm này ra làm 6 đoạn rồi phân tích phê bình. Đã là phê bình thì lẽ dĩ nhiên phải có chê khen. Nhưng một điểm đặc biệt của nữ sĩ là phần văn tài và lòng yêu nước thì chưa ai dám phủ nhận.

Cuối thế kỷ 19 là giai đoạn lịch sử nước/V.N. đen tối, loại bài như «Hạnh thực ca» không phải là tác phẩm duy nhất :

Nguyễn-văn-Giai viết « Chính khí ca » diễn tả việc Hà thành thất thủ năm 1882, Nguyễn-Nhưộc-Thị viết « Hạnh thực ca » thuật lại việc thất thủ Kinh đô HUẾ 1885.

Hạnh thực ca đề ra ngoài một số khuyết điểm về phương diện chính trị, là nội dung Hạnh thực ca có ý chế trách hối tiếc cho những người đã gây ra biến cố phản công lại quân Pháp ngày 25-5 năm Ất Dậu, trong khi tác giả lại không cực lực lên án Thực dân cướp nước và bù nhìn bán nước, chỉ muốn đầu hàng làm tay sai.

Trong khi người bình dân Huế biết nói :

« Văn khen văn giỏi, võ nói võ tài

« Có sao mà cửa Thuận-An thất thủ, trên Bình dài cờ xiêu»

Và « Văn miếu trồng thông, võ miếu trồng bàng

« Trồng lên xã-tác hai hàng mù u

Và « Sông Hương nước chảy lờ đờ

« Dưới dòng đi điểm trên bờ vua quan

Đối với những tên phản bội nhân dân tổ quốc theo giặc thì đồng bào HUẾ đã không tiếc lời :

« Chém cha thằng Nguyễn-văn-Tường »

« Tham danh trục lợi lộn chuông theo Tây »

Tiếc rằng Hạnh Thực ca không có được một câu nào nội dung như thế.

Tuy vậy đứng về phương diện văn chương mà nói thì Hạnh Thực không ai phủ nhận được giá trị tác phẩm ấy.

NĂNG-VĂN NỮ-SĨ

Không rõ tên. Là con gái của Đức Ngạn Hầu Nguyễn-công-Tấn và là chị ruột của Nguyễn-công-Trứ.

Có nhan sắc, văn thơ xuất chúng; góa chồng năm 19 tuổi, bà thủ tiết thờ chồng. Trong vùng có vị quan lớn định dùng uy quyền vây bắt, bà trốn thoát được, sau đó xuất gia quy y ở chùa.

Đến đời Minh Mạng, bà được tuyên dương « Tiết hạnh khả phong ».

ooo

NI CÔ TUỆ KHÔNG

Nữ thi sĩ và họa sĩ

Ngày xưa, ở chùa Phước Thọ miền trung du đất Bắc, có một ni cô pháp danh là Tuệ-Không sắc đẹp lạ thường, lại có tài làm thơ hay, vẽ khéo, viết chữ rất đẹp. Ni cô học theo chữ lối viết chữ của ông Triệu-Tùng-Tuyết nhà Tống mà vẽ tú nhuận điển lễ lại có phần hơn nhà danh tự Trung-Hoa, tính thường dè dặt; ni cô không đề một nét vẽ, một chữ viết, một bài thơ của mình lọt vào tay người ngoài. Tài danh đồn xa, những tay phong nhã, quyền quý đều đua nhau đến xin tranh, xin chữ không ngớt, cửa thiền cơ hồ không lúc nào vắng người. Hễ được bài thơ hay là một bức họa do tay Tuệ-Không tặng, người ta coi như là một vật chi bảo. Mà ni cô thì trước sau không hề lấy tiền thù tạng của ai, vì thế người ta lại càng ngưỡng mộ.

Một hôm, Tuệ Không đi ra ngoài vân du, ven đường gặp một ông lão ăn mày lên tiếng kêu than. Ni cô hẹn ông lão ngày đến chùa, sẽ bố thí cho. Lão ăn mày y hẹn mà đến, Tuệ-Không chẳng bố thí tiền gạo gì cả, chỉ đưa cho mấy tờ giấy có ít nét vẽ, chữ viết của mình. Thấy ông lão tỏ ý ngần ngại không muốn lấy, Tuệ-Không bảo rằng : « Cự cứ cầm các mảnh giấy này đi đến các nhà giàu có, ai hỏi mua thì cự bán đi để lấy tiền sống hàng ngày, hễ hết thì tôi lại cho. »

Lão ăn mày nghe lời đem đi, kẻ hào phú tranh nhau mua, giá bán được rất cao. Người ta đều lấy làm lạ bởi đâu mà lão ta lại có được nét vẽ, chữ viết của Tuệ-Không, có kẻ ngờ cho lão đã ăn cắp của ni cô. Chẳng bao lâu lão ăn mày đã trở nên kẻ thừa ăn thừa mặc, trong túi lúc nào cũng rủng rỉnh tiền, Lão không

biết đáp ơn Tuệ-Không bằng cách nào, mới dựng một cái thảo lư ở ngoài tam quan chùa xin làm người thủ hộ.

Có kẻ thờ hào ở trong vùng mạnh tâm muốn chồng ghẹo Tuệ-Không, mấy lần đều bị nàng nghiêm khắc cự tuyệt, đâm ra thù oán, bèn thuê một bọn côn đồ thừa cơ làm ô nhục nàng cho bỏ ghét.

Một hôm Tuệ-Không đi chơi núi, cách chùa đã hơi xa, lữ côn đồ theo gót đến nơi thấy ni cô chỉ có một mình liền vây lại bức bách dùng cợt thô tục. Một mình liệu khó bề thoát thân, Tuệ-Không chỉ còn biết van xin bọn vô loại xin tha cho kẻ tu hành, song chúng nhất quyết ra tay. Đứa thì nắm chặt lấy tay, đứa giữ lấy chân, đứa toan đỡ trở cượng hiếp. Trong lúc nguy cấp lão ăn mày bỗng đâu đến, thấy thế liền dơ gậy xông vào quyết liều mạng đánh nhau với bọn côn đồ để cứu thoát cho ân nhân trở về chùa.

Từ đó, Tuệ-Không thường kể tiếp đưa tranh, thơ, cho lão đề tạ ơn. Ông lão ăn mày về sau trở nên một nhà tiểu phú, ở suốt đời trước cửa chùa không đi đâu nữa. Người đời cho rằng ni cô Tuệ-Không là Quan Âm tái thế, và lão ăn mày kia là một vị hộ pháp tiền thân.

BÀ TÚ Ý

Cũng như nữ sĩ Bà Huyện Thanh Quan vậy.

Tên thật của bà, tới nay chưa ai rõ. Theo các tài liệu mà chúng tôi tham khảo được, cũng như do lời truyền khẩu của đồng bào địa phương thì người ta chỉ gọi Bà là Bà Tú Ý, vì chồng bà là ông Tú Tài Mai đình Ý. Thông lệ «bỏ tên mình để gọi theo tên chồng» của con người phụ nữ Việt Nam có lẽ trong chúng ta—những con người Việt Nam không ai là không rõ.

Bà là con gái út Uy Viễn tướng công Nguyễn công Trứ thuộc huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Trung Việt). Lúc còn thanh xuân, tuy chưa phải là sắc nước hương trời, nhưng tên tuổi của bà cũng đã lẫy lừng trong cuốn sổ «những đóa hoa khôi» ở nơi Hồng Sơn Lam Thủy. Tính tình điềm đạm, ít nói nhưng không vì thế mà kém dịu dàng hòa nhã, đặc tính của con nhà khuê các Việt Nam về thời xưa. Tư chất thông minh lại ham học. Bà được Cụ Uy Viễn đêm ngày săn sóc dạy bảo tại ngôi nhà bên sườn núi Cẩm Sơn là nơi Cụ nhàn hưởng tuổi già (70 tuổi).

Người ta còn truyền tụng rằng: đề thử sức thông minh của con gái, Uy Viễn tướng công một hôm bắt Bà phải học thuộc lòng cuốn «Đại học chính văn». Dụng ý của Tướng Công là muốn xem trí thông minh của con đến mức nào, chứ Ngài không hề nghĩ rằng có thể có sự thực như thế được. Ấy thế mà, sáng ra vừa mới mở mắt, trong lúc Ngài còn ngồi dùng «trà bình minh» (1) thì đứa con

(1)— *Dạ ngọc tam bôi tửu, bình minh nhất trận trà* (ban đêm lúc đi ngủ thì uống ba chén rượu để cho dễ ngủ; sáng dậy lúc vừa mới sáng thì uống ba chén trà nóng để cho tỉnh người): Không hẳn là uống cho được ba chén rượu rồi mới đi ngủ hay uống cho được ba chén trà lúc bình minh, nhưng đó là lẽ lối sinh hoạt hàng ngày của những gia đình quyền quý Việt Nam ta ngày xưa, một lối sống có vẻ trầm lặng nhưng cũng đòi dào ý vị.

gái út yêu quý của Ngài đã vào chấp tay lạy thi lễ «thần tỉnh» và xin đọc bài. Ngài cười vui vẻ khẽ gật đầu cho phép rồi chờ đợi.

Nhưng niềm vui của Ngài dần dần lại biến thành kinh ngạc, khi đứa con đã đọc tới hai phần ba cuốn sách rồi mà chưa phải dừng lại chỗ nào. Cuối cùng khi con đọc hết sách thì Ngài cũng ngồi ngơ đi một chập sau mới tỉnh lại. Ngồi vuốt đầu con rồi nói : «Cha biết con rồi! . . . »

Câu chuyện được truyền đi khắp vùng, nên từ đó bà lại nổi danh là một nữ thần đồng nửa. Cũng từ đó Uy-Viên Tướng Công càng đem lòng quý mến và gia công dạy dỗ.

Tới tuần cập kê, với tài ấy, sắc ấy, lại là con nhà thi thư thể phiệt như Uy Viễn Tướng Công, Bà rất có thể chọn được một trong số biết bao tao nhân mặc khách hay mã thượng anh hùng thường lui tới quyền môn, lòng những rập rành gieo tên bán sê. Nhưng không! Mọi dự tính khách quan hay chủ quan đều lằm l. . . Và người ta ngạc nhiên xiết bao khi được tin bà thuận kết duyên với một thư sinh nghèo ở làng bên cạnh là Mai-dinh-Ỡ.

Thật ra, người học trò nghèo này, chính Uy Viễn Tướng Công cũng đã nhiều lần nhắc tới và cho là kẻ tài đức kiêm toàn. Ngài rất mến thương, nhưng Ngài không thể nghĩ rằng con gái Ngài lại vượt ra ngoài mọi ~~nhĩ~~ nữ thường tình «Võng anh đi trước, võng nàng theo sau» để có thể kết duyên cùng gã bạch diện thư sinh này được. Tuy nhiên, vốn trọng tài đức hơn phú quý. Ông Mai-dinh-Ỡ về sau cũng thi đỗ Tú Tài, nhưng về đường danh vọng cũng không có hiên đạt cho lắm.

Vợ chồng lấy nhau vừa được ba năm, mới sinh một lần nhưng lại hữu sinh vô dưỡng. Kể đó chẳng may ông Tú lại bị bệnh mất sớm. Bà đành ở vậy thờ chồng, cam chịu thảm cảnh hiu hắt «phòng

không chiếc bóng», thực hiện câu «phụ nhân chỉ đạo tông nhất nhi chung» (người đàn bà chỉ có lấy chồng một lần).

Sau ngày hết tang mãn khó, biết bao nơi xứng đáng khác tôi cầu hôn, nhưng là vẫn một mực chối từ và thủ tiết thờ chồng cho mãi đến lúc mãn chiêu bóng ! . . . Phải chăng quan niệm «Trung thần bất sự nhị quân; trinh nữ bất canh nhị phu» (tôi trung không thờ hai chúa; gái ngay chẳng lấy hai chồng) đã in sâu vào tâm khảm của bà, cũng như của phụ nữ Việt-Nam ta thời xưa không gì lay chuyển nổi, bất kỳ ở trong một hoàn cảnh éo le nào !

Bà Tú Ý không những là một người đàn bà tiết hạnh gương mẫu, mà còn là một nữ thi sĩ nữa. Xem bài văn tế phu quân ông Tú Ý tới nay người ta còn truyền tụng mấy câu sau này thì đủ rõ :

«... Núi Hồng linh mấy từng xanh ngắt ngắt ; nét rêu in lờ cả chữ minh sơn. Sông Lam Giang một dải trắng lằng lằng; giòng nước chảy trôi xuôi cầu thệ hải... »

«... Cát mái tóc nối thêm lời nguyện ước ; họa may đất trời xoay lại cho vẹn ba sinh. Xé buồm gan gói lại mảnh tình chung, dăm nhờ non nước đưa đi ; gởi về chín suối... »

Năm 1885, khi Tây vào chiếm đóng tỉnh Nghệ-An trước cảnh dân-tộc điêu linh, non sông nhỏ lệ, bà khái viết :

« *Sang làm chi đó lũ Tây ôi !*

« *Giảng đạc châu Hoan có kẻ rời*

« *Há lẽ sông Thù không nước Thánh*

« *Mà nơi đất Thục cũng nhà trời*

« *Kim Thang bốn mặt nào phổ để*

« *Văn hiến ngàn năm há phải chơi*

« *Liệu liệu bảo nhau về Phú Lăng*

« *Không thì máu chảy với đầu rơi*

Bài thơ trên thật là cả một tâm trạng, một bầu nhiệt huyết đang sôi lên vì quân thực dân xâm lược của một mẫu người khí tiết tinh hoa truyền thống bất khuất của giống người Việt Nam nói chung, của người dân Nghệ Tĩnh nói riêng.

Phong trào Cần Vương ở Nghệ Tĩnh hồi đó được bà tán trợ rất nhiều về phương diện vận động tổ chức... Cuối cùng, bà cũng chết vì quốc nạn như hầu hết các cụ Cần Vương ở Nghệ Tĩnh.

Bà Tú-Y thật là một gương trong cho nữ giới Việt Nam về tinh thần ái quốc cũng như về đạo đức cương thường vậy.

Một nhà thơ đã tưởng niệm bà :

« *Gương bạn gái soi chung,*

« *Nhớ xưa bà Tú Y*

« *Chi khi cực hiên ngang ;*

« *Tinh tình càng cao quý*

« *Yêu nước thề quyên khu,*

« *Thờ chồng nêu tiết nghĩa*

« *Tiếng thơm đề muôn đời*

« *Việt Nam nữ liệt sĩ*

THÚC KHANH NỮ SĨ

Cho tới nay, những nhà nghiên cứu lịch sử vẫn chưa ai tìm ra được Nữ sĩ chính tên là gì, mà chỉ quen gọi theo nhau là «Thúc Khanh Công Chúa».

Theo hệ phái gia phả nhà họ Nguyễn Phúc, thì nữ sĩ là con gái của Vua Minh Mạng tức là em Vua Thiệu Trị.

Giang sơn chung đúc bởi sông Hương, núi Ngự, xuất thân nơi lá ngọc cành vàng, nên hồi còn thơ ấu nữ sĩ đã tỏ ra một thiên tài lỗi lạc về thi văn.

Rồi tuổi càng lớn dần lên thì tài ba cũng theo thời gian mà phát triển. Khi nữ sĩ vừa tới tuổi cập kê, thì nghiêm nhiên là một nữ sĩ tài ba đương thời, mang bút hiệu là «Mai Hoa». Đời nữ sĩ đã sáng tác nhiều thi phẩm có giá trị đặc biệt là tập «Diệu Liên thi tập».

Là một thi phẩm được nhiều người biết và nói tới.

oOo

CÔ TÁM : TRONG NGHĨA QUÂN VŨ QUANG

Cùng chung một gánh sơn hà

Trai gươm Hạng Đạo, gái cờ Trưng Vương

Lúc nhà lãnh tụ Cần Vương Phan đình Phùng đã chiếm cứ Vũ Quang (Ngàn Trươi) được ba bốn năm. Cái uy danh của «Sơn trừng tề tướng» đã lừng lẫy khắp hạt Nghệ Tĩnh, Bình và lan ra mãi tận Bắc Hà, Quân lính Pháp đã nhiều lần tìm cách công phá, nhưng vì địa thế hiểm trở, lực lượng nghĩa quân lại hùng mạnh, nên mỗi lần đem quân lên mò vào, chúng đều phải trả một giá rất đắt, cuối cùng lại lui ra. Thanh thế vị lãnh tụ Cần vương họ Phan đình Phùng, cũng như danh Cao Thắng càng ngày càng vang dội khắp đó đây.

Bây giờ ở hạt Nghệ Tĩnh, ngày nào cũng có phiên chợ Trảng (hiện chợ ấy vẫn còn tới nay) là người ta thấy có một chiếc thuyền con của người đàn bà và một đứa con trai nhỏ không biết từ đâu chở than tới chợ bán.

Người đàn bà ấy độ 27 tuổi, nét mặt tuy vẫn răn rỏi nhưng lúc nào cũng đượm một vẻ buồn kín đáo, sâu đậm. Một đôi khi lại bỗng nhiên chau mày lại dường như trong tư duy tâm khảm còn có những u hoài, uất ức. Đứa trẻ đi theo khoảng độ 6, 7 tuổi, nét mặt cũng khôi ngô, lanh lợi; mới trông qua cũng đã biết là con cháu của những nhà thế này thế khác, chứ không phải phong độ của mẹ con một nhà bán than.

Người đàn bà ấy là ai, đứa trẻ ấy như thế nào, từ đâu lại, chẳng một ai hay biết, vì người ấy chẳng bao giờ nói chuyện lai lịch hay tâm sự mình với một ai cả. Chỉ thường ngày trong khi mua bán ở chợ, những bạn hàng quen thuộc đều gọi là «Cô Tám» và người ta cũng chỉ biết và gọi như thế thôi.

Cô Tám tính tình điềm đạm, rất ít nói ít cười, cả ngày chỉ ngồi cúi mặt như nghĩ ngợi điều gì. Những bạn hàng ngồi bên, ai cũng cho là người làm bộ. Nhưng trái lại, trong những khi tiếp chuyện với người khác thì cô lại tỏ ra rất nhã nhặn ôn hòa, lời nói bao giờ cũng từ hòa, dịu ngọt ; vì thế những người quen biết thân mật lại đem lòng quý mến và kính trọng.

Duy có một điều rất lạ là, tuy tính cô điềm đạm ít nói, ít cười nhưng lại rất niềm nở thân mật đối với một hạng người mà hồi đó ai cũng thù ghét nhưng khiếp sợ, đó là bọn lính tập, một thứ lính mà bọn Pháp tổ chức ra để đánh dẹp nghĩa quân Cần vương, tuyên mộ trong nhân dân Việt-Nam ở những vùng mà chúng đã kiểm soát được, đây là một biện pháp của bất cứ bọn xâm lăng cường khấu nào : « Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ».

Vì vậy những người trước kia quen biết và kính mến cô, bây giờ trông thấy thế thì họ trầm trồ bàn tán, kẻ chê người cười. Nhưng cô cứ thản nhiên như chẳng hay gì dị nghị.

Nay chú lính này, mai chú khác, cô vẫn cười nói tiếp đón niềm nở. Có nhiều lúc cô còn mua rượu thịt mời lính xuống ghe thết đãi, và nói những câu chuyện thì thầm với nhau ; nhưng mặc dầu người ta luôn luôn chú ý, vẫn không hề thấy cô có cử chỉ gì là lợi ; vì vậy người ta lại càng nghi ngờ theo dõi, nhưng chưa dám khinh.

Rồi cứ thế chợ nào như phiên chợ nấy, những người cùng đi dò về một ngã sông, bao giờ cũng gặp cô Tám và đưa trẻ vào hội gần sáng ở làng Triều Khâu, và lần nào cũng như lần nào, khi nghe cô vừa chèo thuyền vừa hát là tự khắc họ biết, chẳng cần hỏi han :

« Đôi ta cùng nợ nước non,

« Chàng đã trả sạch thiếp còn lòng đang

*« Bao giờ sông lặng nước trong
Bỏ người chèo lái đêm dòng nhọc nhằn.*

oOo

*« Vội vàng chi mấy hỡi ai ?
« Mũi tên hòn đạn cho người này theo
« Lênh-đênh mặt nước buông chèo
« Nước non gánh nặng vẫn đeo bên mình*

Trong cảnh vắng lạnh đêm khuya, giữa dòng sông rộng mà nghe tiếng hát nào nùng ai oán của cô, ai nấy cũng rung-động tâm hồn và càng đoán chắc người này còn mang trong tâm khảm một nỗi u hoài xót chi đây.

Tuy vậy, người ta cũng chưa ai tìm hiểu được cô ra sao cả, chỉ thấy đúng ngày phiên chợ là cô chèo thuyền tới bán hàng, chiều lại chèo thuyền về, và chẳng phiên nào cô vắng mặt.

Cho tới một hôm, bỗng dưng người ta không thấy cô đến họp chợ nữa. Và cũng từ đó cô vắng mặt luôn, và luôn mãi. Mọi người lấy làm lạ và dư luận thế này thế khác, có kẻ lại vì thấy trước kia cô hay chuyện trò với tụi lính tập nên mĩa mai : « Có Ả đi theo thầy cai, thầy quyền nào rồi »...!

oOo

Trong cảnh núi cao rừng rậm, trùng trùng điệp-điệp của vùng Ngàn Trươi, Quan Đồng nhưng Cao-Thắng đang ngồi cùng chư tướng thảo-luận việc quân ở đồn ngoài, bỗng có một tên nghĩa quân vào bẩm là có một người đàn bà và một đứa trẻ xin vào yết kiến Ngài, Cao-Thắng lấy làm lạ và truyền cho vào ngay.

Người đàn bà được dắt trẻ vào, vái chào quan Đồng nhưng rồi thản nhiên nói :

« Tôi và con gái ông Hoàng-Phúc, một nhà cách-mạng Cần-vương ở Quảng-Bình, chắc Ngài đã rõ. Sau khi cha tôi tuấn nạn, nhà tôi tan nát, tôi phải lưu-lạc, giang-hồ, mong tìm cách trả thù nhà, đền nợ nước. Còn đứa trẻ này đây không phải là con của tôi, mà là con của anh Lê-Doãn, một người bạn của cha tôi mà cũng mà một nhà chí-sĩ, trước đã cùng cha tôi vào sinh ra tử giữa đám binh nhung, trước quân thù gươm dài vút nhọn. Cha con tôi thương anh lắm, nên chị tôi và anh đã hẹn thề thành đôi lứa khi đại sự thành công. Chẳng may trong một trận giáp chiến với quân thù, anh bị thương nặng, trước khi chết anh có viết thư lại cho tôi nhờ trông nom đứa con mồ côi, vì anh góa vợ, chỉ có một đứa con trai là thằng bé này, kể đó cha tôi cũng mất. Đời tôi bằng dưng phải lênh đênh rầy đây mai đó. Không lẽ ra đầu thú với Tây, bởi vì như vậy sẽ là đứa con bất hiếu, một người dân bất trung; còn nói đi lấy chồng, thì đâu sao tôi cũng đã là vợ anh Lê Doãn, rồi bây giờ đi lấy chồng khác lại ra người bất nghĩa. Ba di còn thằng con anh đã nhờ tôi trông nom, bây nay nếu tôi bỏ đi đâu thì ai nuôi nó. Vì vậy tôi phải đem nó cùng đi trốn, lênh đênh tìm kẻ sinh nhai, tôi vẫn buồn than ở chợ Trảng, hơn nữa trong thâm tâm tôi định giao thiệp với bọn lính tập đóng ở đó, rồi giả đồ quyến luyến mà vận động họ trở súng hướng ứng với nghĩa quân. Chẳng may công việc gần thành bọn lính đó lại dời đi nơi khác. Tôi khổ tâm vô cùng và nghĩ nếu ở lại cũng chẳng còn làm gì được nữa. Vốn nghe tiếng Phan tề tướng và Ngài lâu nay, tôi rất lấy làm kính ngưỡng, đáng lẽ tôi phải có được một chút gì công trạng rồi mới dám tới xin Ngài châu dưng. Nhưng nay việc đó đã lỡ mất rồi, tự nhận thấy khó tìm được việc khác mà làm nữa. Vì vậy hôm nay, tôi mạo muội tới đây là cố ý muốn đem tấm thân tài hèn sức mọn góp vào đại cuộc đánh giặc cứu nước... »

Người đàn bà nói thẳng một mạch không nghỉ.

Cao-Thắng nghe xong chẳng nói chẳng rằng quát lính :

— « Quân đâu ! Đem con mụ này ra chém ngay ! Nó dám cả gan đến đây bày điều để dò thám tình hình quân ta ».

Thực ra Cao-Thắng muốn ra oai để thử thách gan dạ Cô Tám (vì người đàn bà ấy chính là Cô Tám) chứ không phải ra lệnh chém thiệt. Nhưng cô Tám vẫn thản nhiên cười và nói :

Ngài nghĩ vậy rất đúng, ở đời những hạng mưu hại giống nòi để vinh thân phỉ gia chẳng hiếm, nhưng người đó không phải là tôi. Lòng dạ tôi như thế nào đã có trời đất chứng giám và người dưới tuổi vàng thấu rõ, Ngài muốn giết thì tôi vẫn cam lòng, nhưng xin thương xót đứa trẻ mồ côi này khi tôi vắng mặt.

Có lẽ vì quá xúc động, cho nên khi nói xong, cô ôm đứa trẻ vào lòng rồi khóc nức nở...

Nghĩa quân theo lệnh Cao Thắng, lôi cô Tám ra định hành hình thì ông đã khoát tay bảo lui ra. Rồi liền đó ông bước xuống đỡ cô Tám đứng dậy và cung kính mời ngồi. Sau một hồi đàm luận có được ông đưa vào yết kiến Phan tề tướng. Trong khi Phan tề tướng đang còn suy nghĩ chưa biết sắp đặt cho có công tác gì, thì bỗng được tin cách xa đại bản doanh độ 7, 8 cây số về phía dưới chân núi có một toán lính tập độ 30 tên đang đóng trong một ngôi chùa. Cô Tám nắm lấy cơ hội xin đi lập công bắt trọn toán lính ấy. Phan tề tướng và Đồng nhưng Cao Thắng rất lấy làm lạ, nhưng thấy cô nói giọng quả quyết, và thấy cô nói chỉ cần một mình cô thôi, không có yêu cách gì thêm nữa nên càng vững dạ cho đi...

Kết quả cô giả dạng cô hàng rượu với dáng điệu lẳng lơ, ăn nói tinh tứ, đánh lừa cả bọn lính uống rượu say mềm rồi bố trí lấy trọn cả 20 khẩu súng. Lúc cho chuyển tải súng về doanh trại trình Phan tề tướng, cô còn nói :

« Đáng lẽ theo lời hứa, tôi phải cho bắt cả bọn về. Nhưng nhận thấy cho bắt về chỉ nuôi thêm tốn, chứ chẳng có ích lợi gì, còn nói giết chúng cho hết thì cũng quá nhân tâm, vì đầu sao cũng vẫn là lính đồng loại; hơn nữa vợ con họ càng thêm đau đớn khổ sở. Vì vậy tôi chỉ cho trói và giải thích cho họ biết thôi. Cụ Phan càng thêm cảm phục về đạo đức và tài năng của cô và càng thêm tín nhiệm. Xong công tác hệ trọng ấy, cô được cụ giao cho công tác đi xuyên đường rừng qua Xiêm mua thuốc đạn. Cô đi đi về về như thế được 4, 5 chuyến, mỗi chuyến như là hàng 5, 7 trăm cân làm cho nghĩa quân khỏi bị thiếu hụt về phương tiện này.

Nhưng rồi cũng chỉ được mấy chuyến nữa là người ta lại thấy cô vắng mặt, và bất tin luôn. Có người cho rằng, vì phải lặn lội mệt nhọc trên bước đường xông pha sương gió, núi ngàn, có thể là cô đã bị chết trong rừng; có người lại bảo, sau khi nghĩa quân Vũ Quang thất bại, cô ở lại bên Xiêm chờ không về nữa.

Dù thuyết này hay thuyết kia cũng chỉ là giả thuyết còn sự thực thì, cho tới nay cô Tám cũng chỉ là một « Trang nữ kiệt thất tung »; thất tung nhưng « hữu ích », tích ấy còn mãi trong bộ bi hùng sử đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam 30 năm Pháp thuộc nói chung; nghĩa quân Phan-dình-Phùng nói riêng.

CÔ TRẦN-THỊ-CÚC

- « Nhà em ở chợ Giang-Đình
- « Ở ven bãi cát, trên ghềnh sông Lam
- « Nhà em vách đất mài rơm
- « Một ngày hai bữa, cháo cơm lẫn hời
- « Chồng em nhập ngũ lâu rồi
- « Hiện đương khuấy nước chọc trời Vũ-Quang »

Đó là những câu đề tự giới thiệu mình của cô Trần-thị-Cúc, cô hàng Xén Chợ Giang-Đình.

- « Hỏi ai đi sớm về trưa,
- « Nhớ khoai chợ Chẽ, nhớ dưa Giang-Đình

Giang-Đình là một cái chợ được thiết-lập bên bờ sông Lam vào khúc cuối gần cửa Hội Thống, thuộc đại-phận mấy làng Phồ Hải, Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, quê hương của hai nhà đại văn hào Nguyễn-Du và Nguyễn-Công-Trứ.

Nhưng nói tới Nghi Xuân, nhắc tới chợ Giang-Đình, chúng ta không thể không tổng luận về các tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh.

Thanh, Nghệ, Tĩnh, từ xưa vẫn là một đất biên cương, phân chia Việt-Nam với chiêm Thành, bao vây ba mặt bởi núi sông và biển ; vốn là một hiểm địa nhưng có khí tượng anh hùng. Thiên nhiên ở Nghệ-tĩnh chứa chất nhiều sinh lực, nhiều dũng khí quật cường, bởi núi cao, rừng rậm, biển rộng, sông sâu.

Nghệ-Tĩnh đã được vị trí địa dư và lịch sử rèn đúc cho một tính-thần chiến-dấu dũng cảm, một sức chống cự bền bỉ và một lòng kiên nhẫn phi thường để đoạt phần ưu-thắng. Ngăn ấy đức tính đã kết hợp lại thành cái địa-phương tính của vùng Nghệ-Tĩnh. Cũng vì thế nên các Triều vua ngày xưa, đều tin cậy vào tính-thần anh dũng của binh sĩ Nghệ-Tĩnh, vẫn xem đất Thanh, Nghệ, Tĩnh như một lực-lượng trừ bị vững chắc và dồi dào trong mọi công cuộc kháng cự với kẻ thù xâm lăng. Đời vua Nhân Tông nhà Trần (thế kỷ 13) giặc Mông Cồ kéo đại binh sang xâm lược, thế giặc quá mạnh vua phải bỏ kinh thành mà chạy Hưng đạo Vương phải rút quân về Vạn Kiếp; Nhân-Tông liền ngự một chiếc thuyền con đi ra Hải Đông Quảng-Yên, bên tai Ngài còn văng-vẳng lời nói khi phách dũng cảm của Hưng-Đạo-Vương: « Xin bệ hạ hãy chém đầu thần đi đã, rồi sau sẽ nói tới chuyện hàng giặc».

Lòng Ngài xiết đổi mừng thầm và tin chắc ở thắng lợi cuối cùng. Ngài cảm khái viết vào sau mạn thuyền hai câu :

« Cối Kê cự sự quân tu ký,

« Hoan diễn do tồn thập vạn linh.

Dịch Nghĩa :

« Cối-Kê chuyện trước người nên nhớ,

« Hoan-diễn hãy còn mười vạn quân.

Hoan-Điễn là Nghệ Tĩnh bây giờ (lúc này tỉnh Hà Tĩnh chưa được thiết lập).

Ngày xưa vua Câu Tiễn nước Việt, bị Ngô Phù Sai đánh chiếm đất nước, chỉ còn lại có đất Cối-Kê thử hiểm mà về sau khôi phục được nước. Trần-nhân-Tông có ý nói : Việt-Nam còn có Nghệ Tĩnh, với 10 vạn quân, bây giờ Mông Cồ có tạm chiếm nhất thời

số đất đai, rồi cũng sẽ bị ta đánh lui. Hoan Diễn đối với vận mạng Việt-Nam cũng như Côi Kê đối với vận mạng Việt Cầu Tiên.

Đủ biết các minh quân ngày xưa ước lượng tiềm năng đấu tranh tự cường của nhân dân Nghệ Tĩnh mạnh mẽ là đường nào !

Quả vậy, vùng Thanh Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ trong lịch sử Việt-Nam, cái sức mạnh ần tàng trong khí tượng núi sông rừng biển của nó... Vì dân tộc phát cờ khởi nghĩa đuổi giặc Minh là Lê Lợi người Thanh-Hóa; giúp họ Trịnh diệt họ Mạc, trung hưng được nhà Lê là binh lính Thanh, Nghệ, Tĩnh (Kiêu binh); tập hợp được lực lượng của toàn dân trước giờ quốc biến để phá tan giặc Tôn - Si - Nghị ở gò Đống Đa (HANOI) làm cho giang sơn thêm hùng vĩ, là Nguyễn-Huệ, nguyên quán người làng Thái Xá, phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Năm 1874, các ông Trần Tân và Đặng như Mai người Hà-Tĩnh phát cờ khởi nghĩa đầu tiên đánh Pháp, đồng thời chống lại cả bọn Phong Kiến đang tàn rụi.

Hai thi hào Tố Như và Nguyễn-công-Trứ cũng là nhân vật của Giang-Đình :

Tố-Như tiên sinh đã mượn Tứ-Hải để nói lên cái khí tiết bất khuất của nhân vật Hồng Lam, nơi ở của tiên sinh :

« Một tay gậy dựng cơ đồ,

Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung hoành »

và « Chọc trời khuấy nước mặc dầu,

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ? »

và « Làm cho rõ mặt phi thường »-

Con người ở đây không bao giờ chịu :

« Bỏ thân về với Triều đình.

« Hàng thần lơ lác phận mình ra chi ?

« Sao bằng riêng coi biển thù.

« Sức này đã dễ làm gì được nhau

« Áo xiêm đùm bọc lấy nhau

« Vào luôn ra cúi công hầu mà chi ? »

Và vì thức phá cái nguyên lý « vũ trụ giải ngộ phận sự », « Nợ tang bồng có trong trắng đã » mới « vỗ tay reo » được.

Cho nên khi Uy Viễn tướng công, già đã 62 tuổi mà còn tình nguyện cầm quân ra đánh Pháp, khi chúng tới xâm lược Trung-kỳ.

Một khối óc thông minh nhất đã trông thấy trước con đường phải theo của dân tộc Việt-Nam trong cuối thế kỷ thứ 19 là Nguyễn trường-Tộ người phủ Hưng-Nguyên (Nghệ-An).

Phan-dình-Phùng, Cáo-Thắng, Phan-sào-Nam, Ngô-đức-Kế, Lê-văn-Huân... đều là người Nghệ Tĩnh.

Có thể nói Nghệ Tĩnh là một vùng un đúc bởi tinh thần chiến đấu bền bỉ dẻo dai, cái lòng ham sống say sưa trong cái khí tiết hiên ngang bất khuất. Con người Nghệ Tĩnh vì bảo vệ và khôi phục đất nước sẽ sẵn sàng hy sinh tất cả, không chịu nép mình dưới sức mạnh của những quân xâm lăng cường khấu nào !

Phải chăng cũng là một điềm phước đặc biệt mà cô Cúc, người con gái có một giai thoại chúng tôi sắp kể sau đây, đã được ra chào đời tại cái vùng « Hồng Lam khí tiết » này ?

Cô chính tên là Trần-thị-Cúc, con gái một nhà nho : Cụ Trần Đình Thắng, ở làng Cương-Gian, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh.

Về danh giáo cũng như về văn chương, cô quả xứng đáng một « Nữ trung anh tuấn » của vùng Hồng Lam khi tiết vậy.

Lúc giặc Pháp chiếm xong Kinh thành Huế, vua Hàm Nghi phải chạy ra Quảng-Bình và hạ chiếu Cần Vương. Cụ Phan Đình Phùng tổ chức công cuộc kháng chiến. Các cụ già đã sống qua thời đó thường kể lại rằng : Hồi ấy không có các cơ-quan tuyên-truyền như bây giờ, muốn phổ-truyền chính sách của chính nghĩa, người ta chỉ dùng những câu hát ru em, hát dặm, hát ví, nhất là hát ví để làm phấn khởi nhân-tâm, kích thích tinh thần đấu tranh chống giặc của quần chúng mà thôi. Trong đám sĩ phu có cụ Hà-Văn-Cát cũng là một nhà nho uyên bác, nhưng rất say mê hát ví

Ngay khi chiếu Cần-Vương được ban ra, Cụ Cát liền hát ví ở làng Tả-Ao, Nghi-Xuân. Trong số chị em tham dự cuộc hát ví đó có một cô gái bán hàng xén (tức là chạp phở tiếng miền Nam) ở chợ Giang-Đinh. Cô Cúc vừa thấy Cụ đã cất tiếng oanh thỏ thỏ :

« Núi Hồng Sơn chín mươi chín con phượng đậu

« Sông Lam thủy bầy khúc rồng quanh,

« Nước non gặp hội bất bình !

« Thân nam nhi gặp hội, bóng nghề kinh lạng tấm.

Thấy lời chất vấn khiêu khích của mình được hiểu và đáp lại một cách xứng đáng, cô gái chợ Giang-Đinh thầm khen ông Cúc là người có khí phách, nên lòng cô vừa trọng vì tài, vừa xiêu vì tình, cô hát tiếp :

« Cây Hồng Sơn chờ người hào kiệt,

« Nước Lam-Giang hẹn khách tu mi,

« Mấy lời cũng đã tương tri,

« Rồng mây ta sẽ đợi tui gió mưa.

Biết gái thuyền duyên cũng là trang nữ kiệt, ông Cừ không ngần ngại, cất lời nguyện ước trăm năm :

- « Một lời cũng đã tiến rằng...
- « Hồng-Son, Lam Thủy ta hằng có nhau.
- « Nước non tình nghĩa cao sâu,
- « Lời thề xin hẹn bạc đầu chó quên.

Từ đây cung đàn ái quốc, dưới bóng trăng trong đã cùng hòa nhịp, cùng rung chuyển. Hai quả tim cùng đập một nhịp, dù cho biển dâu cạn, núi dâu mòn, lời hẹn trăm năm vẫn không thay đổi. Cô hàng bày tỏ tâm sự :

- « Hẹn một lời, trót đời ghi nhớ,
- « Nước Sông Tương kẻ bên nớ, kẻ bên ni ;
- « Trăm năm kết nghĩa xương tủy.
- « Dù đá mòn biển cạn, lòng còn ghi lấy lòng.

Lòng ái quốc đã cột chặt hai cuộc đời, hai linh hồn tươi trẻ và đầy nhiệt huyết. Nhưng trong lúc quốc gia hữu sự nào ai đã được ngồi yên, hưởng hồ là đôi trai tài gái sắc có đầy dũng khí ấy... Thế rồi một hôm cụ Cừ Cát ra đi... Lúc chia tay, cảm khái trước cảnh ngộ ; bên tình nghĩa vợ chồng, bên hồn thiêng đất nước.

Cụ Cừ để lại mấy lời tha thiết sau đây cho « người trong trường » :

- Một lời ghi tạc đá vàng,*
- Dẫu quan san nghìn dặm, thiếp với chàng có nhau,*
- Mặc cho trẻ tạo cơ cầu,*
- Kiểm cung là khách mày râu ở đời.*

Thế là sau một cuộc hát ví, cô gái chợ Giang Đình đã thức tỉnh được ý chí của một bậc anh hùng, mà cũng sau một đám hát ví mà cô Cúc đã gặp được người bạn chung gối. Nhưng rồi đường mây ngàn đậm, lưới kiếm anh hùng tung hoành ngang dọc bốn phương để lại trong trường liễu một chiếc quỳên lẽ bóng.

Rồi cuộc đời của đôi trai hào kiệt gái anh thư ấy kết thúc ra sao ?.

Sống trên núi được ba năm băng mình trong núi cao rừng rậm, giải gió nằm mưa, hiến thân cho đại nghĩa diệt thù cứu nước, cuối cùng cụ Cừ Cát tử trận ! Vành khăn tang ngang mái tóc xanh, cô Cúc thủ tiết đúng ba năm, hương khói cho cụ đến lúc mãn tang, phần thì buồn vì thời cuộc, nhà tan nước mất, phần thì nghĩ tới nỗi « anh hùng âm hận », xót thương cho người tình chung dưới suối vàng. Một chiều nọ sau khi thấp nén hương lòng câu chuyện cho người đã khuất, cô nhảy xuống sông Lam tử tiết ! Thật là :

*Trăm năm đã hẹn một lời,
Mòn non cạn biển trọn đời dăm sai.
Chiến trường đã rạng danh trai,
Đoàn viên về dưới tuyến dài gặp nhau
Trên giòng nước bạc sâu sâu,
Con thuyền Thủy Ái cũng đâu thê này.
Rộn ràng trong cuộc gió mây
Trai ngay vẹn tiết, gái ngay vẹn tình.*

CÔ ĐÀO-THỊ-MAI

Trong Nghĩa Quân Bãi Sậy

Bãi-Sậy đã thành một danh-từ lịch-sử, vì nơi đây là một chiến-khu của nghĩa quân Cặp-Vương, Bắc hà do nhà Lãnh tụ Nguyễn-Thiện-tổ chức và lãnh đạo.

Nghĩa quân Bãi-Sậy đã từng làm cho giặc Pháp thất điên bát đảo, ngụy quyền tay sai Hoàng-Cao-Khai bạt vía kinh hồn, ở đây đã từng ghi những nét vàng son vào bộ lịch-sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam...

Nhưng từ trước tới nay, mỗi khi nói tới nhân vật Bãi-Sậy, ngoài vị chủ soái Nguyễn-Thiện-Thuật người ta thường chỉ nói thăm: Tán-Cao, Đốc Tích, Lãnh-Giang, Hai-Kế, Đề Kiêu, Đốc-Cọp, Đề-Vinh, mà người ta ít nhắc tới một nhân vật phụ nữ, đã đóng góp một phần công trạng khá lớn vào cái vị trí quân sự lịch-sử này: Đó là Cô Đào-Thị-Mai.

Cô Mai con gái một vị ẩn sĩ, Đào-Duy-Đức ở Bắc ninh (Bắc-Việt) Phải nói Cụ Đức là một cao ẩn sĩ là vì sau khi giặc Pháp tới đây xéo lên non sông, gấm vóc V.N.

*« Đau đớn bởi bốn ngàn năm non nước, đất thanh cao giấy đấu
vết Sài lừng »*

*« Xót xa và hăm lăm triệu sinh linh, giòng tiên thánh sa vào
hang sói cọp »*

Một người như Cụ Đức không thể trông nổi bộ mặt những thằng cướp nước và bè lũ bán nước. Nên cụ trốn lên vùng Thái-Nguyên, đổi tên thay họ rồi ở ẩn ở đây. Và cũng nơi này, cụ kết

duyên với một người phụ nữ Thờ, rồi sinh hạ ra Cô Mai. Cho nên còn có một cái tên Thờ nữa gọi là « Nàng-Phềng ».

Năm đó Mai mới 18 tuổi; một hôm Cô đi rừng lấy măng và nấm, tình cờ gặp Đề-Vinh, một viên tướng trẻ tuổi của nghĩa quân Bãi-sậy, bị lạc vào rừng già sau một trận ác chiến với giặc Pháp.

Chàng, nàng gặp nhau trên bờ suối, qua những lời hỏi han đề tìm hiểu tâm sự nhau... rồi Vinh với nàng đã hiểu được nhau thật.

Từ buổi kỳ tình tương ngộ ấy đã dẫn tới việc bố con Mai đều về chiến khu Bãi-sậy chiến đấu dưới cờ nhà lãnh tụ Cần-Vương Bắc-Hà Nguyễn-Thiện-Thuật. Cha là một nhân viên quan trọng trong bộ Tham-mưu ; con gái là vị chỉ huy tổ chức tình báo của Nghĩa quân.

Sự gặp nhau một cách hơi kỳ lạ giữa Vinh và Mai đưa nhà Lãnh tụ Bãi-sậy tới một quyết nghị là muốn gien xếp cho Vinh Mai thành đôi lứa. Với Vinh và Mai có gì hơn thế nữa.

Nói là thành vợ chồng đôi lứa, nhưng họ không có gia đình riêng tư, cả đôi đều sống tập thể trong quân ngũ, ngoài một cái buồng của vợ chồng riêng.

Vợ chồng mới chung sống với nhau được độ bốn năm tháng, thì Đề-Vinh phải lên thay thế Đốc Cọp, viên tướng tối cao Bãi-sậy vừa phải Hy sinh trong một trận ác chiến với quân thù.

Địa vị Vinh càng cao, trách nhiệm Vinh càng nặng bao nhiêu thì lòng lo âu của Mai cũng tăng lên bấy nhiêu. Nhất là lúc bấy giờ giặc Pháp đã dẹp yên nhiều nơi khác, chúng giốc toàn lực vào tấn công Bãi-sậy. Cho nên nghĩa quân Bãi-sậy lúc này gặp rất nhiều khó khăn. Điều này cả Vinh và Mai đều hiểu cả.

Thế rồi trong một trận ác chiến với giặc Pháp tại làng Bích-Khê, Đề-Vinh, viên tướng tài trẻ tuổi của nghĩa quân Bãi-sậy đã hiến mình cho tổ quốc. Được tin cấp báo, chủ tướng Nguyễn-Thiện-Thuật cảm thấy như bị gãy mất cánh tay phải, Cô Mai như bị nhàu nát cả tâm hồn, anh em nghĩa quân Bãi-sậy sụt sùi sa lụy.

Nước mất, nhà tan, chồng chết ; pểu như Mai là một người non yếu thiếu nghị lực, thì chỉ có nước khóc đứng khóc ngồi. Nhưng không, nàng chẳng những không hề khó, trái lại nàng đã biến chỉ cảm thù thành hành động, đề rồi càng tích cực phục vụ cho đại cuộc được nhiều công tác khẩn trương, và cần thiết hơn.

Trước tình trạng bi đát đó, nhà lãnh tụ Cần vương Bãi-sậy nghĩ sao ? ông không thể ngồi trông đại cuộc tan vỡ sẽ diễn ra trong một ngày nào, than ôi ! Ngày ấy không còn xa.

Thế rồi Nguyễn-Đại-nhân quyết định cùng em là Hai-Kế phải tạm xuất môn qua Trung-Hoa, đề mưu toan cầu viện.

Trong chuyến đi cuối cùng này cô Mai và một số nữ điệp viên tình báo cũng do Mai điều khiển có nhiệm vụ hướng dẫn Nguyễn-Tướng-công vượt biên giới Hoa-Việt.

Khi tới biên giới Hoa-Việt chia tay với Nguyễn-Đại-nhân là đoàn tùy tùng cô lại trở lại về miền xuôi.

Được vài ngày sau đó cô được tin thân phụ cụ Đào-duy-Đức ở chiến khu Bãi-sậy lại cũng lâm trọng bệnh, cô Mai vội vã đi thăm ngay. Nhưng khi về tới nơi thì than ôi ! cụ Đức đã ra người thiên cổ.

Cô Mai tổ chức lễ tổng táng ông cụ xong, thì chiến khu Bãi-sậy cũng cố quyết định giải tán.

Sau khi giải tán chiến khu Bãi-sậy, cô lại cứ trở lại vùng Việt Bắc là nơi cô mở mắt chào đời.

Tương truyền rằng, khi nhà Tiền bối cách mạng Nguyễn-thượng-Hiền cũng bao nhiêu phen thất bại, mới vào tu ở chùa Thường-tịch-Quang ở Hàng Châu (thị xã tỉnh Thiết Giang, Trung-quốc). Đằng sau vườn chùa có một ngôi mộ. Đầu ngôi mộ có dựng mộ chí đề chữ là : « Yên nam phụ nhân Đào-thị-Mai pháp danh Diệu chỉ mộ » (1).

Đây có thể là mộ cô Mai này, vì sau khi giải tán chiến khu Bãi-sậy, rồi cô bỏ qua Trung-Hoa và vào tu chùa này, rồi chết và chôn ở đây cũng nên.

Hoặc giả là người khác mà chỉ trùng tên họ cũng nên ?

oOo

1) Đây là ngôi mộ của một người đàn bà Việt-Nam tên là Đào-thị-Mai vào chùa này tu hành, mang pháp danh là « Diệu-Thanh ».

TỪ - DŨ (Bà)

1810 - 1901

Một bậc hiền phụ ở nước ta vào cuối thế-kỷ XIX.

Tên Phạm-Thị-Hàng, hoặc Hào. Trưởng nữ của công-thần triều Nguyễn là Phạm-Đăng-Hưng và bà Phạm-Văn-thị (không rõ tên). Vợ của Hiền-Tổ Chương Hoàng-Đế (vua Thiệu-Trị).

Sinh ngày 19-5 năm Canh-ngọ (1810). Quán Gò-Công, huyện Tân-Hòa, tỉnh Gia Định (Nam phần).

Lúc nhỏ, đã tinh thông kinh sử, có tiếng là hiền đức và chí-hiếu.

Từ năm 14 tuổi, bà được Thuận-Thiên Cơ Thái-Hoàng Thái-Hậu, vợ kế vua Gia-Long, tuyển triệu vào châu hầu cháu trai là Hoàng Thái Tử Miên-Tông ở tại Tiềm-đế.

Năm 1841, khi Miên-Tông lên ngôi (tức vua Thiệu-Trị), bà được phong làm Cung tần. Hai năm sau (1843), được sắc phong làm Thành-phi. Qua đầu năm Thiệu-Trị thứ 6, (1846), được phong làm Quý-phi, rồi Nhất giai phi.

Ở nội cung, bà hết sức chăm lo nuôi dạy các Hoàng-tử và các Công-chúa, thường được ban khen.

Năm thứ 7 (1847), vua Thiệu-Trị bệnh nặng; chưa kịp sách lập cho bà làm hoàng hậu thì vua mất.

Vua Tự-Đức nối ngôi, nhiều lần ngỏ ý định tấn-tôn cho mẹ nhưng bà Từ-Dũ nhất mực từ chối. Mãi đến ngày 15 tháng 4 năm

Tự-Đức thứ 2 (1849), nhân khánh-thành cung Gia-Thọ, bà mới thuận nhận tôn-hiệu Hoàng-Thái-Hậu.

Tính nhân từ, vào dịp ngũ-tuần khi vua Tự-Đức cùng đình thần dâng sớ khẩn-thỉnh tấn tôn huy-hiệu mỹ-tự, bà dụ rằng : «...Ta đã được Thiên hạ phụng sự, thì nên lo những việc thiên hạ đương lo. Năm nay chưa đều đặn mùa, nhân dân chưa đều được vui sướng, chính lúc Hoàng đế phải lo chăm, lòng ta nào nở thần nhiên. Và lại tánh ta vốn tiết kiệm ước chẳng chuộng phù hoa, không ngờ ngày nay hưởng được tôn vinh, ta thường e sợ, tu tỉnh chẳng rồi, để ta còn nặng cái lỗi thất đức hày sao ? Vậy thì sớ thỉnh ấy nên bãi đi, chỉ nguyện chư-công và quần thần lo giúp chính trị giáo dục thế nào cho ta được thấy thanh trị thái bình, thì không chỉ vui bằng... »

Lo lắng đến cuộc sống của nhân dân, bà thường hỏi Vua Tự Đức về việc quan lại đất thất và báo ban những điều hết sức thiết thực về chính trị. Năm 1874, khi hay tin Pháp xâm chiếm toàn cõi Nam-Kỳ và buộc Triều đình Huế ký hòa ước nhượng địa, bà bỏ cả ăn uống, mặt ủ mày chau theo vận nước giữa nguy.

Tháng 6 năm Quý Mùi (1883), vua Tự Đức mất, để di chiếu tôn bà làm Từ-Dũ Thái Hoàng Thái-hậu.

Kinh thành thất thủ (1885), bà cùng với hai bà Hoàng-Thái-Hậu và Hoàng Thái Phi, vợ Vua Tự-Đức, theo Vua Hàm-Nghị xuất bến. Bà đến Quảng-Trị, theo lời tâu xin của vua Hàm-Nghị bà và Lương-cung lại trở về Huế.

Vua Đồng-Khánh lên ngôi, phong bà mỹ-hiệu là Từ-Dũ Bác Huệ Thái-Hoàng Thái-Hậu,

Ngày mồng 5 tháng 4 năm Tân Sửu (1901), bà mệnh chung, thọ 93 tuổi, tôn thụy là Nghi-Thiên Tán-Thánh Từ-Dũ Bác Huệ Trai-Túc Tuệ — Đạt Thọ-Đức Nhân Công Chương Hoàng-hậu.

MẸ ÔNG NGUYỄN - CAO (Bà Huyện - Thủy - Đường)

Ông Nguyễn-Cao, giữ chức tán tương quân vụ cho nghĩa quân Cần-Vương Bắc Hà, nên thường gọi là Ông-Tán-Cao.

Cao phan vào sinh ra từ trước quân thù nanh vuốt nhọn, cuối cùng ông bị giặc bắt. Trước sự đe dọa và mua chuộc của quân thù, ông Tấn Cao tự mổ bụng rồi lòi ruột ra trước mặt quân thù để rồi ông hiến mình cho tổ quốc.

Cái chết hách trạc, cái chết không sao giữ chết của liệt sĩ Tấn Cao không những nhân dân V.N. đương thời và hậu thế hết sức khâm phục mà cho đến cả quân thù cũng phải nể vì ; không phải nể vì cá nhân Nguyễn-Cao, mà Nguyễn-Cao là hiện thân hay là tinh thần anh dũng bất khuất của dân tộc V.N.

Nhưng cái tinh thần anh dũng tuyệt vời của nhà tiên liệt Nguyễn-Cao không phải là cái gì từ đâu trên trời rơi xuống mà là kết tinh khí thiêng sông núi, tinh hoa dân tộc mà cũng là yếu tố di truyền của gia đình, chúng tôi muốn nói ở Bà mẹ ông, bà mẹ cũng có những cái chết không bao giờ chết như ông vậy.

Mẹ ông tên thường gọi là bà cử Hanh, vì chồng bà là ông Nguyễn-Hanh đậu cử nhân sau ngôi huyện Thủy-Đường. Vợ chồng ăn ở với nhau được ba năm vừa sinh được một đứa con trai (tức Nguyễn-Cao) mới được 7 tháng thì ông Cử-Hanh chết. Lúc đó bà mới 22 tuổi. Cũng cần phải nói rõ ở đây rằng mẹ ông Tấn-Cao là một người được gọi là hoa khôi của tỉnh Bắc-ninh đương thời, cho nên khi góa chồng rất được nhiều nhà quyền quý muốn đeo tên bản và nhiều người trong gia đình cũng muốn bà bước đi bước nữa. Nhưng trước sau bà vẫn cương quyết việc tái giá.

Nhưng rồi trong làng có một tên Lý-trưởng, giàu có nhất tỉnh Bắc-Ninh, thấy bà trẻ đẹp già muốn dùng thế lực tiền tài và quyền quý để chiếm cho được bà. Nhưng tất cả đều bị bà tìm đủ mọi cách từ khước.

Rồi có một lần hán gặp bà ở ngoài đường, như một con vật giống đực, hán dùng sức mạnh toan cưỡng hiếp bà, nhưng đã bị bà chống với tất tinh lực mà thân thể bà có, cho nên hán không làm gì được.

Mặc dù vậy, trong khi xô xát nhau hai nụ hoa của bà vẫn bị thủng vô liêm xỉ kia sờ sờ. Bà cho đó là cái điểm nhục nhất đời của bà.

Mặc dù vậy sau cái hôn điểm nhục đó, bà phải ôm con lánh đi nơi xa, vì ở lại đây thì khó mà tránh được cạm bẫy của bọn cường hào ác bá đó làm nhục.

Cách mấy năm sau đó, bà trở lại làng cũ vì con bà đã hơi khôn lớn.

Hôm đó nhân ngày giỗ chồng, trong gia đình sửa soạn tươm tất, tên Lý trưởng dâm ô kia được tin bà về được lại tới.

Vừa lễ chồng bà xong thì tên Lý trưởng vô liêm xỉ kia lại muốn giở cái trò khi năm nào ra.

Nhưng :

— Đồ ác bá : Mi đã lợi dụng cường quyền để phá trình tiết của ta. Chính mi đã đón đường mà cưỡng hiếp ta. Hỡi ôi : đã sáu năm nay ta đã ngậm tủi nuốt hờn mà mang dấu tay ghê tởm của mi trong mình. Ta cam sống nhục nhã đến ngày nay là vì con ta còn quá nhỏ dại. Ta tự hủy mình đi thời hôn máu của chồng ta lạc lỏng

bơ vơ. Nay nó có thể nổi đời được rồi, nên hôm nay ta quyết đi theo chồng ta cho trọn tiết phải đạo.

Ta cũng tố cáo hành động dâm ác của mi trước họ hàng làng nước. Đây, dấu tay như uế của mi ta trả cho mi...

Lập tức bà rút ra một con dao bén nhọn, thân nhiên rạch áo ra. Trước sự kinh hoàng của mọi người, bà tự cầm dao cắt lìa cặp nhũ hoa ném vào mặt tên Lý Trường.

Máu đỏ ra lai láng, thấm đỏ cả chiếc áo tàng.

Tên Lý-Trường dâm ác run lên cầm cập, mặt mày bẽ bết máu tươi.

Về phần bà, vì máu chảy ra quá nhiều, nên sau đó ngã quỵ xuống trước bàn thờ chồng. Mọi người hết hồn đồng thời đứng dậy.

Trước khi tắt thở, bà nắm lấy tay Nguyễn Cao trắng trời :

— Mẹ đau đớn lìa con, con ở lại cố gắng lập thân với đời. Giòng máu của nhà ta là dòng máu trung trinh tiết liệt.

Mẹ khuyên con tạc dạ ghi lòng.

Bà mẹ ông Nguyễn Cao tự cắt vú mình mà chết, để bảo tồn tiết hạnh kiên trinh, căn bản của đạo đức luân lý Đông phương thời bấy giờ.

Ông Nguyễn Cao tự mổ bụng bươi ruột mà chết để biểu dương cái tinh thần anh dũng bất khuất với đại nghĩa quốc gia dân tộc trên bệnh diện đạo đức của con người chỉ là một.

Thiệt đúng là « Mậu hề hà tri, Tử hề hà trung. » Vây.

Ông Phan-Khôi, một nhà văn tên tuổi thời tiền chiến, trong tờ Phụ-nữ tân văn vào năm 1934 có ca tụng đến trung trình, tiết liệt của bà mẹ Ông Nguyễn-Cao trong một bài thơ :

Ông Nguyễn-Cao nhà văn đất Bắc,
 Chết đề gương nghĩa liệt cho ta
 Con hiền mẹ thánh sanh ra
 Nam-mô ! xin kể chuyện bà thân ông
 Cụ bà vốn con giòng thi lễ
 Lấy chồng vừa mới đẻ một trai
 Phu quân muốn định qua đời
 Bây giờ bà trạc đôi mươi tuổi ngoài
 Thần góa bụa con người nhan sắc
 Thêm cảnh nhà bần bạc đơn cô
 Xưa nay những lũ hung đồ
 Thi hùng quen thói dâm ô là thường
 Tên Lý-Trưởng ở làng bên cạnh
 Những toàn dùng sức mạnh bề hoa
 Lựa khi bà ở nhà xa
 Đón đường bóp vú trắng hoa ngổ lờ
 Rằng : hãy lấy ta không thời khá
 Không, đó nàng ở góa cho yên
 Là người, có phải là tiên
 Đầu tiên đi nữa có tiền cũng mua

Bà riêng nghĩ mình thua trăm lễ
Yếu mà toan chống khỏe được sao ?
Cười cười nói nói ngọt ngào
Xin cho mắng khó sẽ trao tơ hồng
Về... bà cứ thông dong một mực
Đem ngày lo chăm chút nuôi con
Nuôi con cho lớn, cho khôn
Rồi ta thăm máu mà chôn cái thù
Lòng căm tức mấy thu ô dột
Thằng bé Cao vừa mới lên mười
Nhìn con như cái hoa tươi
Nhìn mình... khó nổi ở đời với con
Bên chú Lý,.. bên chôn giặc mãi
Tang mãn rồi sao mãi đợi mong
Bên bà vừa có tin thông
Hẹn ngày sắm lễ, cùng chồng một đêm
Mời thầy Lý... làng trên, xã dưới
Dự tiệc này, tiệc cưới hôm sau
Được tin, mừng rỡ xiết bao
Ai say sét đánh trên đầu đứa gian
Ngày hôm ấy trên bàn thờ nhà
Hương phun mây, đèn tỏa lửa hồng

Xóm làng đã mất tây đông
 Ai coi... mẹ góa tế chông thì coi
 Bà lấy rồi hẳn hoi đứng giữa
 Thông dong mà kẻ thừa đầu đuôi :
 Rằng : từ nó phạm đến tôi
 Tấm lòng tôi nhục, chẳng người bao giờ
 Hiềm vì chút con thơ... thơ quá
 Phải giả nợ, nấn ná qua ngày
 Sống thừa còn đến hôm nay
 Liều thân tỏ tấm lòng này với ai
 Bà vừa nói chỉ ngay chú Lý

 Trong con kẻ lẻ thông dong
 Cầm giáo cắt vú liệng tung giữa nhà
 Trăm con mắt đỏ hoa đom đóm
 Lưỡi thọt vô, răng cạy cạy hàm
 Ai đời có gái phi phạm
 Chết oanh, chết liệt, chết làm cho kinh
 Làm cho khiếp mấy anh nam tử
 Cụt nẩy mình, ngã ngựa người ra
 Kề ra trong đám quần thoa
 Lấy bà ! đời có một bà mà thôi
 Mẹ đã thế con rồi cũng thế
 Ông Nguyễn-Cao tiếng đề ngàn thu

ĐÌNH PHU NHÂN

(Thuật chuyện bằng thơ)

Bà Trưng, Triệu mở dòng Liệt nữ
 Chống ngoại xâm thanh sử ghi công
 Gần đây một nữ anh hùng
 Cũng là gốc Lạc chồi Hồng trở hoa
 Người Thuận-Hóa nếp nhà Nho giáo
 Đình-Phu-Nhân tiết tháo phi thường
 Tính trầm trọng, rất đoan trang
 Sút hoa ham tập quyền vàng chằm xem
 Chồng mất sớm một niềm thù tiết
 Nước suy vong còn thiết gì thân
 Diệt thù theo gót Mộc-Lan
 Liễu bồ nhưng cả lá gan anh hùng
 Buổi Văn-Thân vẫy vùng hải ngoại
 Bà tìm ông Ngự-Hải xin theo (1)
 Đường cách-mạng dù hiểm nghèo
 Giốc lòng vì nước Quyết liều Hy-Sinh
 Lưới mặt thám tưng hoành sáu trước

(1) Ngự-Hải Ông là biệt hiệu của Cụ-Đặng-Thái-Thần người Nghệ-an, một cán bộ quan trọng trong phong trào Đông Du năm 1904.1908. Ông này hoạt động trong nước chứ không đi ngoại quốc.

Lọt khỏi vòng bằng chước mưu cao
Bà xin tình nguyện xông vào
Ban liên lạc với đồng bào ngoại bang
Kỳ ngoại Hầu đã sang tới Nhật
Cuộc Đông du sắp đặt quy mô
Cơ quan tiếp tế phải lo
Tiền tài thơ tín phó cho mặc bà
Từ Thuận hóa lọt qua các bến
Ghé Nghệ An rồi đến Hải Phòng
Hải-Phòng sang tận Hồng-Kông
Cách mạng đã có một ông đi về
Ngư Hải Ông được bà ủng hộ
Trong bao năm phục vụ nên công
Nhờ bà nội ngoại giao thông
Nền tài chánh đang bổ sung được nhiều
Dù phận gái dạ vàng gan sắt
Bước truân chiến khốn dịch được nào
Năm thân bà bị tống lao
Giả man tra khảo biết bao cực hình
Trương như Cương tham danh trục lợi
Dùng quỷ ma mách lới dụ bà
Rằng « khôn thú thật thì tha »
Việc làm cách mạng nói ra tỏ tường

Không những được khoan hồng đối đãi
Lại còn cho ưu đãi mọi đường
Nghe lời gan ruột ngấu tương
Mà trông trí cả nhiều đường mưu sâu
Bà tỏ vẻ gặt đầu toại ý
Miệng tươi cười vâng sẽ xin thừa
Nhưng nay đã bị đau như
Nói cho xiềng xích xin thừa tường tình
Cho giấy bút đêm thanh tôi nghĩ
Những tên ai xin kẻ rõ ràng
Việc trong đảng tôi tỏ tường
Bao nhiêu đồng chí vẫn thường tới lui
Nay biết chắc tha tôi tội chết
Thì tôi xin khai hết đủ tên
Ho Trương mừng rỡ rú lên
Gà liên hạ lệnh tháo mau gông cùm
Trong phòng kín tối om lạnh lẽo
Ngọn dầu hao vốc liễu xót xa
Một mình một bóng lệ sa
« Phu quân đầu đầy đón ta đến cùng »
Đem bút mực hòa cùng huyết lệ
Thảo một trang chữ tể quân thù
Cán tay lấy máu chép thơ

Bà vẫn tuyệt mệnh đến giờ còn ghi
Sáng hôm sau cửa phòng mở khóa
Trương mừng thăm vội vã vào ngay
Thân kia đã gửi đoạn giấy oan tình
Trương hồ thẹn cho mình thấp trí
Quát sai nha thiêu hủy tờ cung
Tám gương nữ liệt kiên Trung
Quần thoa bạn gái soi chung muôn đời.

oOo

BÀ NGUYỄN-THỊ-TỒN

Trai thì trung hiếu làm đầu.

Gái thì tiết hạnh là cầu giữ mình.

Đó là hai câu trong một đoạn nhận đề cho cuốn thơ « Lục Vân Tiên » của nhà chân nho ái quốc Nguyễn-dinh-Chiều mà cũng là căn bản của nền luân lý đạo đức cổ truyền Đông-Phương trong việc lập thân xử thế.

Nhưng xưa nay trong một gia đình cả vợ và chồng đều thực hiện được câu ấy, thì vẫn là một chuyện hiếm có trong lịch sử.

Hôm nay chúng ta cùng ôn lại một mẩu chuyện của một gia đình, một gia đình gương mẫu : chồng là Bùi-hữu-Nghĩa vợ là Nguyễn-thị-Tồn, gia đình của một nhà chí sĩ ái quốc Miền Nam, trước cơn quốc biến cũng như gia đình nguy nan cả vợ và chồng đã thực hiện đúng câu văn trên. Vì thế cho nên khi viết đến thân thế và sự nghiệp của cụ Bùi-hữu-Nghĩa mà chưa nhắc tới Bùi-Phu-Nhân chính tên là Nguyễn-Thị-Tồn, thì quả việc làm còn thiếu sót nghiêm trọng.

Bùi-Hữu-Nghĩa hiệu Nghi Chi, biệt hiệu Liêu Lâm, sinh năm 1807, người làng Long Xuyên, huyện Vĩnh Định trấn Vĩnh Thành nay thuộc tỉnh Cần-Thơ.

Xuất thân trong một gia đình bình dân, cha mẹ làm nghề chài lưới. Tuy vậy cụ quả là một người xuất loại, bạt tụy, rất thông minh và hiếu học : thuở bé theo học với Cụ Đỗ-Hoành ở tỉnh Biên-Hòa, mới 16 tuổi đã nổi tiếng hay chữ.

Năm Ất Tỵ (1835) Cụ vừa 28 tuổi thi đậu giải nguyên tại trường Gia-Định, nên cụ có tên là Thủ-Khoa-Nghĩa, cùng năm ấy vợ kết duyên với lệnh ái ông Hộ Trương Nguyễn-Văn-Lý tên là Nguyễn-Thị-Tồn, người con gái có một giai thoại lịch sử đẹp đẽ mà chúng tôi có dịp nhắc nhở đến trong bài này.

Sau khi đỗ Thủ-Khoa cụ được nhận chức Thừa Biện ở Bộ Lễ (Huế) sau được triều-đình cải bổ là Tri Huyện Phước Long, thuộc tỉnh Biên-Hòa, ở Biên-Hòa được ít lâu được thăng Tri-Phủ Trà Vàng, lúc bấy giờ thuộc tỉnh Vĩnh Long từng sự dưới quyền Tổng Đốc Trương-Văn-Uyển và Bố Chánh Truyện. Và cũng như ta đã biết cụ Bùi là một người tính tình cương trực, chẳng hề sợ ai mà cũng chẳng hề tư vị ai. Một người tính tình như vậy sống vào một thời đại phong kiến suy tàn, làm sao tránh khỏi những chuyện oán thù xích mích, thế rồi nhân câu chuyện cụ Bùi quan phủ Trà Vàng đã dám đánh em vợ của cụ lớn Bố Chánh Truyện trong một trường hợp ý uy thế lão xược vô lễ.

Và cũng vì tính tình ngay thẳng thanh liêm, mà cụ Bùi luôn luôn vì công-lý mà giúp đỡ cho kẻ bị cường quyền áp chế, đó chính là động cơ làm cho bọn quan liêu mục nát oán giận báo thù, tìm đủ trăm phương nghìn kế để hãm hại.

Thế rồi nhân một câu chuyện như thế này :

Nguyên khi vua Gia Long còn là chúa Nguyễn-Ánh bị Tây Sơn đánh bại, nhờ ở Trà Vàng quyền giúp lương thực rất nhiều, lại có kẻ ra tòng quân đánh giặc nữa.

Đến khi tức vị (1802) vua Gia-Long nhớ đến ơn xưa xuống chiếu xá thuế thủy lợi vĩnh viễn cho nhân dân nơi này (làng Thề).

Dè đâu có Khánh Túc vận động lo lót với Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện là quan đầu tỉnh Vĩnh Long mua

được thủy lợi làng Thế, Thế rồi Mẹ Sóc và các Hương mục thổ tức mình mới kéo nhau tới kiện với quan phủ Bùi-Hữu-Nghĩa Quan Phủ Nghĩa phán rằng :

Việc đại xá thuế thủy lợi là đặc ân nhà vua nay kẻ nào dám đứng bán thủy lợi ấy thì có chém đầu họ cũng không sao. Vì chính việc làm của họ đã phạm pháp triều đình một cách không thể dung thứ được.

Nhân dân nghe qua đang mừng rỡ trở về phá đập mở rọ của tên Khánh Túc kia.

Hai đảng gây cuộc ác chiến, rút cuộc 7, 8 tên khách trú bị chém chết.

Thế là dân làng bị bắt và nhân cơ hội ấy Tổng Đốc và Bố Chánh thiết kế trả thù quan phủ về tội tự tiện giết chết những 8 mạng người.

Trước những tệ tình oan uổng ấy, bà Thủ-Khoa Nghĩa tức Nguyễn-Thị-Tồn lần xuống Mỹ-Tho kiểm ghe bầu thuê tiền rất cao tức tốc ra Huế đề minh oan cho chồng. May mắn cho vợ chồng cụ Bồi vì lúc ấy (1835) cụ Phan-Thanh-Giản đang làm Lại Bộ Thượng Thư ở triều là người đã lãnh 4 chữ « liêm, bình, cần, cán » của vua ban.

Đến nơi bà Thủ-Khoa tìm đến dinh quan Thượng Thư Bộ Lại tố nỗi oan uất của chồng, tường thuật sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh-Long và tỏ ý mình muốn đến tam pháp ty mà kêu oan.

Cụ Phan-Thanh-Giản bèn chỉ biểu đường lối thế lệ, đồng thời cụ làm giúp tờ thân can. Thế rồi vào canh năm của một đêm kia bà Thủ Khoa Nghĩa tới Pháp Đình nổi lên ba hồi trống. Vua tự Đức ngự triều thâu đơn bà và phú cho Bộ Hình thăm xét.

Bộ Hình lấy cung tiêu thăm định rồi tuyên án Thủ-Khoa Nghĩa như vầy :

« Tha cho Bùi-hữu-Nghĩa khỏi tử hình, song phải hoàn tiền hiệu lực, đái công thực tội ».

Một điều lạ là các quan trong triều không truy tố Tổng Đốc Uyển và Bô-Chánh-Truyện là người thủ phạm vụ cáo trong vụ này mặc dầu pháp luật sờ sờ « vụ cáo cho người khác tội gì thì mình phải chịu tội ấy » (cụ dữ tội đồng và vu cáo phản tạ). Phải chăng vấn đề thế lực hay kim tiền thì thời đại nào chẳng có.

Nói về Bùi-Phu-Nhân sau khi dôi đơn quý tam pháp kêu oan được cho chồng. Từ Dữ Hoàng-Thái-Hậu hay tin đòi vào cung tở lời khen ngợi và ban cho tám biên đề 4 chữ vàng « Liệt Phụ Khả Gia ». Nhưng khi phu nhân lâm bệnh rồi từ trần chính là lúc cụ Bùi đang bận rộn công vụ ở Châu-Đốc, nên từ lúc đau đến lúc chết và chôn cất, cụ không thân hành. Vậy sau khi ở Châu-Đốc về, cụ có làm câu đối thờ phu nhân sau đây :

Ngã chi bằng khanh năng độc trợ, ngã chi oanh khanh năng độc minh, triều quân giai xưng khanh thị phu.

Khanh chi bệnh ngã bất năng dưỡng, khanh chi tử ngã bất năng táng, giang sơn ưng tiểu ngã phi phu.

Dịch nghĩa :

Tớ nghèo mình lo giúp, Tớ oan mình lo kéo, triều quân đều khen mình đáng vợ.

Mình đau tớ không nuôi, mình chết tớ không táng, non sông luống thẹn tớ làm chồng.

Về phần cụ Bùi một thời-gian thì hành nhiệm vụ « tiền quân

hiệu lực ở biên giới Miền - Việt thuộc tỉnh Châu-Đốc, cụ đã làm tròn nhiệm vụ.

Sau triều đình mới cải bổ về làm quan ở tỉnh Hà-Tiên. Nhưng lúc này vận nước Việt-Nam ngày càng xuống dốc, nước ba phần đã mất một rồi mà vua quan nhà Nguyễn vẫn chưa chịu mở mắt trông xa thấy rộng. Thế rồi cụ xin các quan mở trường dạy học ở Bình-Thủy. Nhưng rồi năm 1859 Quân Pháp đánh chiếm Gia-Định.

Tháng giêng năm 1861 chúng công phá đồn Kỳ-Hòa, tháng 2 chiếm tỉnh Định-Tường, tháng 11 chúng chiếm luôn Biên-Hòa và năm 1862 hòa ước Nhâm Tuất ra đời, cuốn sử Việt-Nam vụng quốc hạ bút chép trang đầu, dân tộc Việt-Nam âm thầm nhỏ lệ :

Trước cảnh giang sơn nguy biến ấy cũng như thân-sĩ toàn quốc, tất cả các sĩ phu Nam phần, người thì tích-cực giết giặc cứu nước bằng súng gươm, kẻ thì tiêu cực đề kháng bất khuất, bất hợp tác, phương tiện tuy khác nhau, nhưng cứu cánh chỉ là một. Thi dân cụ Bùi hữu Nghĩa cũng là một trong số đó. Cụ đau khổ với cảnh quốc phá, gia vong. Cụ càng căm hờn với kẻ bán rẻ ranh giới, nhất là kẻ ấy cũng là một trong đám sĩ phu Nam Việt : Tôn Thọ Tường.

Không những họ đã làm ô danh cho bản thân họ, mà họ còn dơ lây đến cả nho lâm. Nhưng giữa lúc giang sơn nguy biến ấy mà cụ đặt nhiều hy vọng cho tương lai của đất nước, và cũng tin tưởng mãnh liệt vào thắng lợi cuối cùng của cuộc tranh đấu giải phóng của dân tộc. Nỗi lòng của nhà chí sĩ họ Bùi có thể ẩn tàng hay nói lên một cách thâm kín trong bài thơ họa lại của Tôn Thọ Tường.

Trước hết ta hãy nghe cụ than phiền cho quốc vận :

« Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây.

« Đâu đề giang sơn đến nỗi này.

Hết khóc lại than phiền, nỗi lòng nhà chí sĩ trao lên những nỗi niềm uất hận.

« Ngọn lửa Tam Tần phừng đất cháy

« Chòm mây Ngũ Quỷ ngắt trời bay

Hết than van uất hận, cụ xoay lại tin tưởng rằng : quân thù của dân-tộc Việt Nam ắt hẳn cũng có ngày nguy vong :

« Hùm nương non rậm toàn chờ thuở

« Cáo loạn vườn hoang thác có ngày

Từ sự tin tưởng tất nhiên suy vong của kẻ thù lẽ dĩ nhiên đạt nhiều hy vọng huy hoàng cho tương lai của nòi giống.

Một góc cảm thương dân nước lửa

Đền Nam Trục cả dễ lung lay

Như ta đã biết hành động là thể hiện của tư tưởng, vậy tư tưởng như thế nào thì hành động như thế ấy. Như vậy chúng ta không có gì ngạc nhiên khi ta thấy phong trào khởi nghĩa kháng Pháp của thân sĩ Nam Phần có cụ Thủ-Khoa Bùi Hữu-Nghĩa.

Năm 1868 cụ bị quân Pháp bắt trong tỉnh hạt Gia-Định trong trường hợp giáp chiến.

Là một sĩ phu xứng đáng của đất nước nung đúc bởi học thuyết Khổng Mạnh « Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất ».

Trước uy vũ của quân thù, cụ không hề sợ hãi, không sợ tù đầy khổ ải, không màng giàu sang, không nghe lời phỉnh phờ mua chuộc, trước sau cũng vẫn một lòng chung thủy với đất nước non sông.

Vì cụ có một bộ râu dài như Quan Vân Trường rồi cụ cũng tự dặn lòng làm sao phải có một gan dạ như Quan Công. Tâm sự ấy cụ đã nêu lên trong bài thơ vịnh « Quan Công thất thủ Hạ Bì ».

« Theo rồng chẳng phải mây trời hán.

« Dưới ngựa nào tham bạc đất Tàu.

Thật thế nhà chí-sĩ ái quốc Bùi luôn luôn tự ví mình như Quan Công nên trong một bài thơ tự thuật cụ đã viết 2 câu luận (5 và 6) rằng :

« Ngọc nọ dầu tan màu vẫn trắng.

« Trúc kia tuy cháy tiết nào cong.

Khi Đốc Phủ Tường và Đốc Phủ Phương vịn lấy tình quen biết cụ đề xin Pháp tha chết cho cụ, biết đâu lại không phải ngón chính-trị xảo quyệt của bọn cướp nước và bán nước bầy trò, vì chúng hiểu rằng chết một nhà ái quốc chí sĩ chỉ làm cho nhân dân Việt-Nam thêm căm phẫn.

Thừa biết như vậy, nhưng cụ cũng cảm ơn. Nhưng với lời cảm ơn của cụ được chứa đựng, trong những vần thơ sau đây :
« Người tử hã còn khi gặp gỡ. Dặn lòng vàng đá phải cho bền ».

Nhưng rồi trước cảnh luân vong của đất nước, nhà ái-quốc chí-sĩ họ Bùi cũng như các vị thân sĩ khác chỉ biết bàng hoàng xao xuyến. Đó cũng là một yếu tố tâm lý chung, mà cũng là một tâm trạng riêng của nhà chí-sĩ họ Bùi đã là động cơ thúc đẩy cụ vào khuynh hướng đạo lý mà mọi người chúng ta được thấy rõ trong ban tuồng « Kim Thạch kỳ duyên » đã phản ánh được tâm sự cụ và đã làm cho tên tuổi cụ trường tồn trong văn học sử Việt-Nam.

Và hậu thế chúng ta cũng tìm hiểu được con người đáng kính mến Bùi-hữu-Nghĩa qua tác phẩm của cụ. Cũng như sau khi đọc hết bài khảo luận lịch sử này chúng ta không thể không cảm mến Bùi-phu-Nhân — Nguyễn-Thị-Tồn — là một người phụ nữ gan dạ, kiên cường, đảm đang trung hậu đáng là một tấm gương cho nữ giới soi chung vậy.

TRẦN-CAO-VÂN PHU-NHÂN : VÕ-THỊ-QUYỀN

Đọc lịch sử cách mạng Việt-Nam qua cuộc võ trang khởi nghĩa ở Phú-Yên năm 1897 và cuộc tổng khởi nghĩa của vua Duy-Tân ở Huế năm 1916, cùng xen bi hùng kịch đã diễn ra ở làng An-Hòa thuộc huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa Thiên cách cố đô Huế về phía Bắc 3 cây số. Hẳn mọi người đã rõ thân thế sự nghiệp của vị anh hùng chí sĩ Trần-Cao-Vân. Nhưng ai là người đã giúp Trần-Công hoàn thành sự nghiệp vĩ đại đề rồi được hiến thân cho đất nước ; được chết cái chết không bao giờ chết.

Vậy khi biên khảo thân thế sự nghiệp Trần-cao-Vân, mà bỏ sót người ấy đi, thì quả là một việc làm còn thiếu sót. Nghĩ như vậy nên chúng tôi biên khảo bài tiểu sử này.

Trần-cao-Vân phu nhân, chính tên là Võ-thị-Quyền, sinh năm Mậu Thìn (1868) con gái một nhà thanh bạch, được cha mẹ và anh chị em trong gia đình quý mến. Hai mươi ba tuổi mới kết duyên cùng cụ Trần cao Vân. Bà cũng như tất cả các chị em Phụ nữ đương thời « lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng.

Lúc cụ Trần-cao-Vân vào hoạt động cách mạng ở tỉnh Bình Định (Miền Nam Trung Kỳ) thì bà cũng lui thủ xách gói theo chồng cho trọn nghĩa tòng phu với một tâm hồn vô tư lý cho đó là một thiên chức của người bà bà.

Cụ Trần-Cao-Vân dừng gót tại tỉnh Bình định, thuê nhà ở nói là ở đề làm ăn. Nhưng bà không hề thấy chồng lưu tâm đến việc gia đình — sinh kế — vì thiên hạ giả bất cố gia — chỉ có ở việc làm nhưng cụ Trần không hề nói ra. Bà chỉ thấy chồng giao du với bạn bè là cần thiết. Từ đây bà bắt đầu để ý và theo dõi mọi hành động

của chồng, lần hồi bà hiểu được tâm trạng cũng như con người của đức lang quân.

Lúc vào tỉnh Phú-Yên, cuộc khởi nghĩa của Trần-cao-Vân và Võ-Trư bị thất bại, bà phải đem chồng đi trốn ở động Ba-Thiên. Từ đó trở đi bà chẳng những là một tay nội tướng vững mà còn là một Đồng chí rất trung kiên theo giúp đỡ Trần công trong đại cuộc diệt thù cứu nước. Thiết là «buồng cách mạng có gió xuân thổi vào». Rồi từ đó trải bao cơn nguy hiểm, mỗi lần Trần công bị bắt là bà cũng bị bắt theo ; Trần công bị tra tấn tù đầy, thì bà cũng bị giam cùm hành hạ. Cho tới lần cuối tức là cuộc khởi nghĩa của vua Duy-Tân năm 1916 ở HUẾ thất bại. Trần công cùng với những đồng chí : Thái-Phiên, Tôn-Thất-Đề phải lên đoạn đầu đài của giặc Pháp ở làng An-Hòa, thuộc huyện Hương trà, cách cố đô HUẾ 3 cây số về phía bắc. Lúc đó tất cả mẹ con bà đều bị bắt và gia tài bị tịch thu. Nhưng sự bất bớ tra khảo tù đầy đối với bà đã thành chuyện cơm bữa. Bị giam một thời gian khá lâu mới được chúng thả cho về.

Trước cảnh tượng thương tâm thảm mục, chồng tử tiết, gia đạo tiêu tan, bầy con thơ chịu chết, bữa đói bữa no; bà con không ai dám gần, lân lý chẳng ai dám hỏi. Hai cậu con, một cậu 12 tuổi, một cậu lên 8 tuổi, bà phải giắt đi trốn, hết nơi này nơi khác, nhiều nơi đau đớn kinh hoàng chờ vợ nơi quê người xứ lạ.

Than ôi : tay không chưa dễ. Đến đâu người ta đều xem như một vị hung thần mang tai họa tới cho họ. Bốn phương trời rộng, dấu phiêu bồng không biết giữ vào đâu ? Nhưng trong cảnh nước mất nhà tan, đau thương tang tóc ấy, không làm bà nản chí, mà chỉ là những cuộc thử thách can trường của người gái Việt, người Liệt nữ họ Võ, một nhân vật điển hình cho Ngũ-Hành-Sơn, nơi núi cao sông sâu truyền thống cách-mạng.

Thánh 2 năm 1920 bà lại dắt các con trở lại tỉnh Bình-định, tạm ở ẩn một làng trong núi. Nhưng bước cơ tung mới vừa kỳ tích

thì ngọn cờ khởi nghĩa lại phát phới từ huyện Phù-Mỹ tới huyện Phù-Cát đề tên Trần-Cao-Phong.

Chính quyền tay sai của Pháp ở Bình-dịnh nghị cho con của bà nên chúng kéo lính tráng tới bắt hết toàn gia đem về hạ ngục. Tuy một cậu con của bà được trốn thoát chạy đi nơi khác lánh nạn nhưng rồi lại bị bọn chó săn thực dân đón bắt luôn.

Khi hết hạn tù về, bà đã ngoài 60 mươi tuổi; các con đã trưởng thành, bà bảo người con trai trưởng là Trần-Cao-Nguyên đệ đơn lên phủ Thừa thiên xin đem hài cốt Trần công Cao-Vân về xứ. Nhưng không được Thực dân và phong kiến chấp thuận.

Thảm thay thi hài Trần-Công Cao-Vân và mấy đồng chí lúc bấy giờ chỉ vùi lấp dưới đám cỏ hoang, trái bao nắng dãi mưa dầm, gió vùi cát lấp, hồi Chi sĩ không nơi nương tựa, chốn Tân đình ai kẻ rơi chân 4. Khổ nỗi năm xương khô của người ái quốc chi sĩ cũng bị xiềng xích trong vòng cương tỏa cho đến ngày cuối cùng khi đất nước V.N. này được hoàn toàn giải phóng khỏi ách thống trị ngoại bang.

Bà hoàn thành sứ mạng đối với Tổ quốc, với hương hồn một nhà ái quốc chi sĩ, lại là chồng của bà. Lúc bấy giờ nợ trần đã sạch, mượn câu kinh tiếng mõ đề phá tan khổ não ưu phiền.

Trên con đường gian lao nguy hiểm, vào tù ra tội, đánh đập xích xiềng, thịt rơi máu đổ, cửa nát nhà tan, không bút mực nào kể cho hết được. Thế mà bà vẫn giữ một niềm chung thủy không chút khỏi tâm.

Trần phu nhân Võ-Thị-Quyên tuy không thành công trong việc diệt thù cứu nước như Trưng nữ vương, Lê-Hải bà Vương. Nhưng tinh thần «Trung dũng, bất khuất, trung hậu đảm đang» của bà, vẫn bất tử với thời gian, không lạc mất với không gian, thiết là những tấm gương trong sáng cho nữ giới soi chung.

BÀ ẤU TRIỆU LÊ-THỊ-ĐÀN

Bà Ấu Triệu, chính tên là Lê-Thị-Đàn, người xã Thế lai, tỉnh Thừa-Thiên. Xuất thân trong một gia đình thanh bạch, con gái cụ Lê-Xuân-Uyên một nhà tiên bối cách mạng. Mặc dù là gái, nhưng lúc thiếu thời nhờ ơn cha, bà có được theo đòi nghiên bút, tỏ ra người rất thông minh và thông thái. Không những thế, với nhan sắc, bà còn là một cô gái Huế mỹ miều :

Học trò xứ Quảng ra thi,

Thấy cô gái Huế chân đi không đành.

Ông cụ thân sinh bà, vì tham gia cách mạng nên bị Pháp bắt giam tại nhà lao Thừa-Thiên.

Trong lúc bà lui tới nhà lao để đem đồ dùng cho ông cụ. Sắc đẹp của một bông hoa chớm nở lọt vào mắt ông Đốc Phủ họ Đinh, người Nam Kỳ, hiện là công chức cao cấp ở Tòa Khâm-Sứ Trung-kỳ lúc Pháp mới ổn định xong tình thế đặt vững nền thống trị.

Bà nhận lời hứa với ông Đốc là nếu chịu lấy làm lẽ của ông ta, ông sẽ tìm đủ mọi cách để giải cứu cho ông cụ ra khỏi tù.

Làm con trước phải đền ơn sanh thành.

Đó là một nguyên tắc căn bản của nền luân lý cổ truyền Đông-phương.

Cô Thúy Kiều phải bán mình để chuộc tội cho Viên ngoại họ Vương, thì cô Ấu-Triệu phải nhận lời làm lẽ của ông Đốc Phủ Sứ họ Đinh, để cứu cha ra khỏi tù, là một điều không làm cho ai ngạc nhiên cả.

Sau khi ông cù ra khỏi nhà lao, thì quan đốc bị lệnh thuyền chuyển về Saigon.

Nàng rằng phận gái chữ tòng.

Nhưng trường hợp ở đây, đâu phải là một chữ tòng chân chính, cứu cánh của tình yêu, nếu không muốn nói là « Hoa vùi liễu ép », hay nói khác hơn, chỉ là một sự đánh đổi bằng thế lực không chính đáng để lấy một sự thỏa mãn nhu cầu xác thịt của những cơn bão lòng.

Vì vậy, khi ông Đốc lên đường về Saigon, bà không đi theo, mà cứ ở lại nuôi cha già và tiếp tục chỉ hướng của cha, làm cách-mạng.

Ở đây, trong cuốn « Việt-Nam nghĩa liệt sử » của nhà tiên bối cách mạng Phan sào Nam xuất bản ở Tàu viết rằng :

« Sau khoa canh-tý. Tôi đỗ cử nhân rồi vào Huế, nói « là đề học trường Hậu bổ đề rồi ra làm quan.

« Nhưng sự thật thì tôi phải tới đó để tìm kiếm những người có tư tưởng trong học giới Việt-Nam lúc bấy giờ. như các cụ Nguyễn-thượng-Hiền, Phan-châu-Trinh và các sĩ phu Tứ-Quảng (Tri, Thiên, Nam, Ngãi) Hay nói khác hơn, để tìm đồng chí cách-mạng.

Trên con đường từ Anh-Hòa về thị xã Huế, tôi thường dừng lại nghỉ chân trong một quán rượu bên vệ đường, chủ quán là một cô gái thơ trẻ đẹp, nhưng lại gọi là cô « Đốc » hỏi ra mới biết cái lai lịch đáng thương và đáng kính của cô. Từ đó chúng tôi đã biến người khách hàng và cô chủ quán thành một cặp đồng chí cách mạng.

Sau tôi tôi xuất dương qua Nhật về phong trào Đông-Du, cô Đốc lại hoạt động trong nước với nhiệm vụ vận động du học sinh và vận động tài chánh trong 2 tỉnh Thừa-Thiên và Quảng-Trị,

Năm 1912. Việt-Nam Quang-Phục hội thành lập, lẽ tất nhiên cô là đảng viên trong tỉnh Thừa-Thiên và Quảng-Trị.

Năm 1916. Cuộc khởi nghĩa của Việt-Nam Quang-Phục quân do vua Duy-Tân lãnh đạo, dưới sự giúp sức của mấy ông Trần-cao Vân, Thái-Phiên, Tôn-thất-Đề, bị thất bại đồ ếch. Cô Đốc bị Pháp bắt giam vì liên lạc với bộ phận Quảng-Trị, cũng trong tổ chức này.

Lại cũng bị áp giải về Huế, giam tại nhà lao Phủ Thừa để tra khảo tìm liên hệ tổ chức.

Bọn mật thám Pháp và phong kiến Nam triều, dùng cực hình tra tấn, cô « Đốc » cương quyết chịu đựng không xưng ra một đồng đảng nào cũng như các bộ phận tổ của đảng,

Rồi trong một đêm không trăng sao, nhân lúc bọn lính gác ngục ngủ say, cô « Đốc » xé áo quần làm giấy treo cổ lên sòng sắt xà lim chết, sau khi cầm ngón tay viết lên tường xà lim 3 bài thơ :

PHIÊN ẨM

I

Huyết khổ lệ kiệt hận nan tiêu

Trường đoạn Hương giang nhật mộ triều

Ngô đáng tảo thanh cừ lệ nhật

Phần tiền nhất chỉ vị nông thiêu

II

Thê lương ngục thất mệnh chung thì

Mãi thoát sa không khốc tự tri
 Từ quốc đảo nòng thiên hữu phận
 Thương tâm quan lữ kỳ nam nhi

III

Tuyên đài yểm lệ kiến Trưng Vương
 Đề huyết thư quên chi tự thương
 Băng dạ phát linh như tái thế
 Nguyên thân thiên tỷ, tỷ thiên thương

CHÚNG TÔI TẠM DỊCH NGHĨA :

I

Huyết khổ tẻ ráo giận khôn người
 Cuồn cuộn hương lớp sóng đời
 Tới lúc quét xong quân nghịch lộ
 Trước mở xin nhớ báo tin vui.

II

Thê lương phát cuối chốn lao tù
 Hoang uổng riêng lòng nỗi quận đau
 Vì nước quên mình ta góp phận
 Thương tâm thay, mấy mặt mày râu

III

Trưng Vương chỉ hời dưới tuyên đài
 Quốc mái kêu hè huyết lệ rơi

Tái thế thiêng liêng nhờ phép Phật

Ngàn tay tay lại sáng ngàn tay.

Ba bài thơ trên đây, được thấy ghi chép trong cuốn « Việt-Nam Nghĩa liệt sử » của cụ Phan-sào-Nam xuất bản ở Tàu, vào cuối năm 1926. Sau đây là những sự kiện lịch sử hiện hữu.

Ái đã có dịp tới Huế, đi thăm vườn mộ cụ Sào-Nam, trước dốc bến Ngự, cạnh chùa Từ-Đàm, hẳn đều thấy trong vườn về góc bên trái, cạnh đại lộ Nguyễn-Hoàng, một bi đình hình vuông, xây gạch, lợp ngói. Có những di tích lịch sử sau đây :

1) Mặt tiền có 4 chữ Hán : « Ấu-Triệu bi đình » (Nhà bia cô Ấu-Triệu),

Hai trụ hai bên là một câu đối quốc văn :

« *Tơ nhân sợi nghĩa giấy lưng trắng* »

« *Dạ sắt lòng son nét má hồng,*

Giữa bi đình là một tấm bia đá, mặt tiền khắc chữ Hán, một mặt khắc chữ Việt.

2) Mặt hậu dịch ra Việt văn như sau :

« Bia cô Ấu-Triệu liệt nữ, người Xã Thế lại thượng, phủ Thừa-Thiên, năm canh tuất đời vua Duy-Tân bị bắt vì quốc sự, bị tra tấn hết sức tàn nhẫn. Nhưng thủy chung không cung khai một lời. Ngày 16 tháng 3 năm ấy, tự tử ở trong ngục. Các đồng chí nhờ vậy được thoát nạn.

Than ôi ! Quả là một liệt nữ ? Sống vì nước, chết vì nòi. Bà Trưng, Cô Triệu xưa rày mấy ai !

Những di tích lịch sử hiện hữu trên đây, đều tự tay nhà chí sĩ Phan-sào-Nam làm ra tại Huế, sau khi cụ bị Pháp bắt đem về giam lỏng tại góc bến Ngự.

NỮ SĨ MỘNG-LIÊN

(Kể chuyện bằng thơ)

của Tàng-Lâm

Đất Thần-kinh mấy mươi năm trước

Vườn Tao-Đàn nhụy cái trổ hoa

Có trang nữ sĩ Bắc-Hà

Nổi điều binh bút tên là Mộng-Liên

Yêu kiều một vẻ thiên nhiên

Cầm, kỳ, thi, họa khắp miền lòng danh

Cảo thơm đề vịnh phần bình

Trăng Hương gió Ngự gợi tình ngấm nga

Biết bao văn-sĩ gần xa

Con nhà thế phiệt, con nhà phú thương

Kôn-xao ong bướm rộn ràng

Deo tên bán sẽ tới nàng cầu thân

Sắc tài chọn lựa đồng cân

Giá cao chưa xứng châu trần tốt đôi

Dần-dà lần lựa rầy mai

Phòng khước kín cửa đã ngoài mấy đông

Nàng rằng: thà chịu cô phòng

Còn hơn mang tiếng má hồng vô duyên

Thả rằng nương nấu cửa thiên
Còn hơn chẳng được phi nguyên lúa đôi
Đến tuần tuổi đã ba mươi
Yến oanh từ đó chán đời phồn hoa
Giốc lòng bạn áo Cà-Sa
Sớm khuya kinh kệ xuất gia tu hành
Khấn cầu sư cụ Tâm Thanh
Quý y xin chứng lòng thành từ đây
Sư rằng Nghiệp chương còn đầy
Nợ trần chưa dễ dứt ngay được nào (?)
Chuyện đời là chuyện chiêm bao
Kiếp người là kiếp phù du đoạ đầy
Đào tơ chẳng gặp duyên may
Cúc thu âu hân có ngày trở hoa
Buồn tình nàng trở lại nhà
Sớm khuya kinh kệ phối pha lụy trần
Giữ gìn trinh chính đoan trang
Đàm đang mọi việc chuyển cần theo may
Khí vui bút mực liền tay
Lúc buồn bầu bạn với cây hồ cầm
Lạ gì thanh khí tương tầm
Cửa ngoài có khách hỏi thăm tên nàng
Khách rằng quán ở Bình, Hương

Vốn giọng lá ngọc cành vàng mà ra
Thư hương thể philet danh gia
Hưu quan Lễ bộ hiệu là « Tâm Xuyên »
Cho hay văn tự đề duyên
Gặp nhau xướng họa mấy thiên thi thần
Thăm khen tài sắc tuyệt trần
Ông liền ngỏ ý ân cần trao tơ
Nghe lời nàng luống ngần ngại
Thưa rằng duyên đã thờ ở nửa đời
Trắng tàn, hoa rụng hương rơi
Còn chi đâu nữa cái đời xuân xanh
Ông rằng đôi lứa trời giành
Đề đâu loan phụng yếm oanh một rừng
Nàng ơi xin chớ ngập ngừng
Một lời tri kỷ đã từng biết nhau
Tình sâu xin giả nghĩa sâu
Lòng son nguyện đến bạc đầu không phai
Nhớ câu cá nước duyên hải
Chiều lòng đành phải vắng lời thủy chung
Một phen giai cấu tương phùng
Vu - qui nặng chịu chữ từng từ đây
Đôi bên tác hợp duyên vầy
Ông yêu vì sắc ông ngây tại tỉnh

Khi dưới núi, lúc bên ghềnh
 Câu thơ chấp nối chén quỳnh đầy vơi
 Lửa hương được chín năm trời
 Lỗi thề... ông vội về nơi suối vàng
 Nàng rằng duyên kiếp phũ phàng
 Nửa đời luôn chịu giờ giang thế này
 Quyết tâm tìm tới Am mây
 Nợ trần từ đó tháng ngày phôi pha
 Trau dồi Kinh sử Bách-gia (1)
 Soạn thiên «Phụ huấn nữ ca» đề đời
 Văn chương truyền tụng khắp nơi
 Thi tài nổi tiếng nhất thời «Mộng-Liên»

(1) «Bách gia chư tự» là số học giả ngoài Khổng mẫn

CÔ NHU : BÀ BA ĐỀ THẨM

Vào khoảng tháng 5 năm 1894 « Hầm thiêng Yên thế » sau bao năm chọc trời khuấy nước, nay đã lâm vào cảnh thoái trào bởi những thế lực quân sự của giặc Pháp tấn công dồn dập,

Các tay thủ túc thân tín, thiện xạ đã bị hao hụt đi khá nhiều. Chỉ riêng ông là một tướng tài du kích lỗi lạc cho nên bao phen vẫy bọc mà bọn Pháp không làm sao đụng tới ông được.

Hôm ấy trời vừa tối mịt. Thẩm cũng vừa đi tới làng Vạn-Âm một làng ở quanh vùng Yên thế - một mình xông pha nơi rừng hoang cỏ rậm trong khi ông đang tần ngần lo nghĩ đêm nay sẽ nằm nghỉ vào đâu ?

Thần thờ Thẩm đưa mắt trông theo rừng cây xanh mờ sương phủ. Đó đây tiếng chim kêu vượn hú, tiếng các thú rừng gào lên, hòa tan trong hơi gió vang dội khắp rừng sâu nơi thẩm đang chìm dần vào bức màn đêm tối tăm lạnh lẽo.

Bỗng nghe có tiếng chân người xa lạ đi tới có vẻ vội vàng hối hả. Ngờ là lính Pháp. Thẩm vội né mình sau một bụi rậm và lẹ làng rút khẩu súng nằm thế thủ đợi chờ. Bỗng đèn thấy vậy liền cất tiếng đồng dục không chút sợ hãi :

— Ai đó ? Sao đêm khuya mà còn vó vằn ở đây ?

Tiếng nói trong lanh lảnh rõ ra tiếng nói của đàn bà.

Thẩm trở to hai mắt nhìn. Thì một thiếu nữ tay cầm dao tiến tới. Thẩm không còn sợ nữa, nhưng vẫn phân vân về sự có mặt của nàng ở đây vào giờ này.

— Thừa cô, tôi là người đi buôn bán bị giật lấy hết cả tiền bạc hàng hóa ; đi đến đây gặp trời tối giữa rừng mà không biết đâu là làng mạc để tìm nơi tạm trú, đành phải ngồi đây xin người cứu giúp cho.

Thiếu nữ « a » lên một tiếng nhẹ rồi thu dao cài vào sườn và nói :

— Nếu quả thực ông là kẻ lỡ độ đường, xin hãy theo về nhà tôi ở gần đây tạm nghỉ rồi sau sẽ liệu tìm cách trở về quê quán.

Thám vô cùng mừng rỡ và xin theo ngay tức khắc. Thiếu nữ vui vẻ đi trước, còn Thám lẻo đẻo bước theo sau, lòng những khấp khởi mừng thầm cho là bao giờ gặp bước cùng đó thì ông lại cũng gặp được người giúp đỡ.

Đi quanh quẩn trong rừng một lúc lâu, Thám thấy đường dần trở nên quang đãng. Chẳng bao lâu một ngôi nhà nhỏ nhỏ xinh xinh, xung quanh có vườn rộng bao bọc rất đẹp mắt đã hiện ra trước mắt Thám. Thấy người lạ theo vào, con chó từ đầu trong nhà chạy ra sủa vang. Thiếu nữ cất tiếng lanh lảnh mắng chó rồi mời Thám đi theo mình vào trong nhà. Cô kính cẩn kê lại cho vị cha già nghe về tình cảnh không may của người lỡ bước.

Cụ già nghe lời con nói, niềm nở chào đón và dịu dàng an ủi bảo khách cứ yên tâm lưu lại đây vài ngày cũng không hề gì. Thám chỉ vâng dạ cho qua chuyện. Thật ra lúc đó tâm trí của ông đang quay về dĩ vãng, nhưng không phải là buồn nản ; trái lại, lúc nào bầu nhiệt huyết của ông cũng vẫn sùng sục tựa dầu sôi.

Trong chốc lát, từ dưới nhà, thiếu nữ đã lẹ làng bưng lên một mâm cơm nóng hổi.

Thám để ý nhìn kỹ thiếu nữ thì thấy nàng có vẻ mạnh bạo khác thường. Người dong dong cao, mặt trái xoan, hai má lúm đồng

tiền, đôi mày hơi xách và cách xa nhau để lộ phía trên sống mũi dọc dừa một khoảng rộng, làm cho khuôn mặt có một vẻ ngang tàng đặc biệt. Với dung quang như vậy, thiếu nữ đã khiến cho Thám bồi hồi cảm động vì cái duyên chan chứa, vì vẻ mặt cương nghị ngang tàng, nhiều hơn là vì nhan sắc nghiêng thành nghiêng nước.

Trong khi ngồi ăn, Thám đã khôn khéo gợi chuyện về thiếu nữ. Ông cụ vẫn thực thà kể rõ tên tuổi và nói thiếu nữ chính là con mình. Ông lại cho Thám biết là con gái mình tính tình khảng khái cương cường hơn cả con trai, lại cật có đôi ba miếng võ nên thường vắn cả gan xông pha đầy đó khắp trong rừng để săn bắn mà không hề sợ hãi... Kể chuyện xong về thiếu nữ, ông cụ lại than phiền thân phận :

— Ông tỉnh, nhà chỉ có một cháu trai nuôi từ hồi còn nhỏ, ai ngờ lớn lên cháu nó lại đi theo ông Thám, thành thử quanh năm chẳng về, ở nhà chỉ có một mình cháu bé này chăm nom công việc, nhưng hàng ngày cũng không biết nó đi đâu luôn mà có vẻ bí mật lắm, thành thử tôi chỉ sống một mình tro tro ở nơi rừng xanh hiu quạnh này.

Nghe lời ông cụ nói vậy, Thám mới rõ thiếu nữ đó tức là Đặng-thị-Nhu, con gái ông tuổi đã lớn mà vẫn còn phòng không chiết bóng,

Còn một điều nữa mà Thám rất lấy làm lạ là ông cụ nói có người cháu trai anh cô Nhu đi theo mình. Người ấy là ai, còn cô Nhu thì vì có gì mà hay đi xa và có những hành động bí mật như vậy?... Tính tò mò của Thám bị kích thích mạnh mẽ, Thám liền nhỏ nhẹ hỏi ông cụ :

— Dạ thưa cụ, người cháu mà cụ vừa nói đi theo ông Thám ấy tên là gì và đi đã bao lâu nay rồi ?

Ông cụ không chút nghi ngờ, thản nhiên trả lời vanh vách :

— Cháu nó ở với tôi từ nhỏ, tôi coi như con và đặt tên cho nó là Luận, nhưng vấn đề nguyên họ bố cháu tức là Thân-văn-Luận, cháu tính tình hiền ngang, không thích sống trong vòng cương tỏa nên nó mới bỏ đi theo ông Thám mấy năm nay. Đã lâu lắm mà tôi vẫn chưa được tin gì của nó cả, không biết nó còn sống hay là chết rồi... Đến đây ông cụ ngừng lại và thở dài náo nuột.

Còn Thám khi nghe nói đến tên Luận thì không khỏi giật mình đánh thót. Thì ra Luận, một tay thủ túc cừ khôi của Thám đã từng lập biết bao nhiêu công trận, mà mấy lâu nay vẫn không hề chịu lộ một chút tông tích nào về gia đình riêng cho Thám biết, là một đứa con yêu, một người anh quý của gia đình nhỏ bé kín đáo này, Thám càng cảm phục cái khí phách của viên bộ tướng ít có ấy. Thừa dịp này, ông lại muốn dò xét xem thái độ ông cụ đối với công cuộc của mình ra sao nên mới kiểm câu gợi ý :

— Thừa cụ cứ như ý cháu thì lệnh lang đi theo Thám quả là phi cả một đời người, vì chung quy Thám chỉ là một tên cướp tằm thường, phá hai nhân dân mà thôi. Chính tôi mới bị quân Thám cướp giải nên mới khổ cực như thế này.

Thám cố làm ra vẻ tức giận oán hờn. Nhưng cụ già vẫn một vẻ mặt thật thà chất phác, cụ cười nhạt và đáp :

— Ông nói sao tôi cũng chỉ biết vậy, còn quả tình ông Thám là người như thế nào và làm những việc gì ra sao thì già này cũng không hiểu một tý gì cả.

Trong khi Thám và ông cụ đang ngồi nói chuyện vắn vơ thì bỗng nghe ngoài cổng có tiếng gõ rất mạnh. Cô Nhu theo lệnh ông cụ, xăm xăm bước ra mở cửa.

Trong giây lát, một đoàn 4 người đi thẳng vào trong nhà, mà người đi đầu chính là Thống-Luận. Cô đi theo vào chưa kịp giới thiệu anh họ với người khách lạ thì Luận đã cúi đầu chào Thám một cách rất cung kính, và vồn vã hỏi về cậu trạng ra về vui mừng không xiết. Cả cụ già và cô Nhu đều tròn mắt không hiểu tại sao Luận lại quen người khách lạ ấy.

Hai cha con chưa kịp hỏi thì Luận đã kính cẩn trình bày rõ ông khách lớn độ đường chính là người anh hùng chọc trời khuấy nước Đê-Thám, đang bị quân Pháp truy nã rất gắt. Thì ra, trong khi thua trận, mỗi người chạy tán một nơi, Luận đi tìm Thám mãi không thấy, nhân đi qua nhà mới ghé vào thăm cha nuôi và em, may sao lại được gặp Thám ở nhà mình.

Cuộc tương phùng này vui vẻ không sao kể xiết. Không ai nghĩ đến việc thất bại đã qua và chỉ biết vui với hiện tại. Hy vọng lại dâng lên tràn trề trong lòng những viên hổ tướng bại trận. Nhưng, họ vẫn chăm chú ngó tới tương lai sáng lạng và tin ở sự thành công sau này. Vì nghĩa cả, dầu phải vào sinh ra tử nguy hiểm tới mức nào, họ cũng cương quyết dám làm mà không hề nản chí.

Đêm đã khuya, Ông cụ vì mệt, xin vào buồng ngủ, cả bốn năm thầy trò của Thám ngồi quây quần bên nhau bàn định mọi việc. Còn cô Nhu vẫn đi lại săn sóc, thu dọn đồ đạc trong nhà. Cô cảm thấy vui vẻ một cách khác thường. Vốn có một tâm hồn ngang tàng, lúc nào cô cũng chỉ có ý muốn noi theo các bậc anh hùng nghĩa sĩ sát thân thành nhân, làm nên những nghĩa sự ích nhà lợi nước. Bởi vậy, hôm nay may mắn gặp Thám, lòng cô bỗng xao xuyến và cảm như có một mối tình triu mến thiết tha đối với người khách anh hùng « biến thù một cõi » ; cô lăm lăm nhìn Thám, thấy tuy đã đứng tuổi nhưng vẻ mặt vẫn còn lộ vẻ hùng dũng ngang tàng, chứng tỏ một cuộc đời đã lăn lộn nhiều trong gian khổ hiểm nghèo.

Trong khi đó, Thẩm và các bộ tướng tuy chưa ngủ nhưng câu chuyện cũng không còn được sôi nổi như ban đầu. Trong tiếng muỗi kêu vo vo, người ta nghe tiếng hơi thở đều đều nhẹ nhẹ.

Bên ngoài gió trời hiu hắt lạnh buốt vẫn từng hồi tạt vào các khe ván hồ, mang theo cả tiếng hú não nuột, tiếng gầm rùng rợn của các thú sơn lâm. Vắng vẻ. Lạnh lùng. Thẩm nằm ghéch đầu lên chiếc gối xếp vừa được ông cụ chủ nhà trao cho, chốc chốc lại liếc mắt nhìn cô Nhu, lòng tràn ngập một nguồn hy vọng lớn lao về đại cuộc : ông thâm nghĩ, đã đến lúc trời giúp ta một người cộng sự !

Hôm sau trời chưa sáng rõ. Đề-Thẩm cho gọi một mình Luận ra hầu trà. Bấy giờ, trong lúc tinh thần sảng khoái, Thẩm nhấp dần chén trà còn bốc hơi thơm ngát rồi từ từ bảo Luận :

— Anh Luận ạ ! ta có câu chuyện muốn nói với anh và nhờ anh giúp sức...

Thấy Luận chưa hiểu gì, lòng rất áy náy, nhưng vừa cất tiếng định hỏi lại thì Thẩm đã dơ tay ra hiệu bảo im và nói tiếp.

— Câu chuyện này đã nhiều lần ta tính nói với anh hồi đêm, nhưng vì ta còn phải suy nghĩ nhiều nên ta chưa vội. Nay thì ta cần nhắc kỹ rồi...

— Dạ ! Thống Luận mở to mắt nhìn Chủ lòng hồi hộp chờ đợi.

— Anh Luận ạ ! ta thấy người em họ nhà anh quả là người gan dạ và có thể giúp ta nhiều việc lớn sau này. Thực là duyên trời đưa lại nên ta mới có dịp gặp gỡ giai nhân, như thế Ta muốn nhờ anh nói dùm với ông Cụ xin cô Nhu cho ta, không biết có thể được không.

Thống Luận lộ vẻ vui mừng, vội vàng gật đầu và lễ phép nói :

— Thừa Chủ, việc này tưởng không có gì là khó cả. Chủ đã có lòng thương mà đề ý đến em tôi thì đó là một điểm phúc cho gia đình tôi và cho cả nó rồi.

Thám mỉm cười, và ra về thỏa mãn :

— Ủ, thì cái đó cũng phải nhờ anh nữa chứ.

Nói xong, hai thầy trò cùng cười vang. Tuần trà càng trở nên thân mật.

Tối bữa ăn, Luận đem câu chuyện ấy ra nói với ông Cụ. Cụ già cũng tỏ ra rất đổi vui mừng. Thực ra, trong thâm tâm, Cụ vẫn có một cảm tình nồng hậu đặc biệt đối với vị anh hùng cứu quốc.

Còn cô Nhu, từ trước tới nay cô vốn rất trọng những khách tài ba lỗi lạc đang đem tấm thân ra phụng sự giống nòi. Nhiều khi cô cũng định đi theo anh dưới cờ « Ông Thám » để làm một tay bộ tướng. Chỉ hiềm một nỗi nhà còn cha già không ai chăm nom hôm sớm, nên cô đành phải nán lại để hầu hạ phụng sự cho phải đạo.

Nay thấy anh nói ông Thám muốn hỏi mình làm vợ, cô bỗng vui mừng khôn xiết ; bông hoa đại trong rừng thẳm còn dám trông mong gì hơn nữa.

Cuộc kỳ ngộ đã giải quyết xong. Một bữa tiệc thanh đạm nhưng trang nghiêm, được tổ chức. Các tướng tá thất trận chạy tản các nơi được tin chủ ở nhà Luận đều rủ nhau kéo đến mỗi lúc mỗi thêm đông. Ai ấy đều lộ vẻ vui mừng về mối lương duyên đó. Trong bữa tiệc mừng chủ tướng, tất cả đều kính cẩn cất chén chúc bách niên giai lão.

Từ đó, cô Nhu đã nghiêm nhiên trở nên vợ ba Đề Thám và khắp hàng tướng tá và ba quân đều tôn trọng và gọi là Cô Ba.

Sẵn có võ nghệ từ trước, nay lại được rèn luyện thêm chẳng bao lâu Cô Ba cũng ra bài binh bố trận, giúp Thám rất đắc lực trong công cuộc biệt lập một giang sơn, đường hoàng chống lại người Pháp. Và chính về sau này, trong mọi mưu cơ chính trị cũng như quân sự, vị anh hùng chọc trời khuấy nước một vùng Yên-Thế đã trông cậy rất nhiều vào tài ba lỗi lạc của vị nữ trung anh kiệt ấy.

Cho đến vào khoảng tháng 11 năm 1909, trải qua nhiều gian khổ cực quá đỗi, sức khoẻ của cô đã trở nên suy nhược. Thế rồi trong khi cô giắt đũa con quý ngàn vàng là Hoàng-thị-Thế vừa 8 tuổi chạy theo Thám trong rừng tới hạt Bắc-giang thì cả hai mẹ con đều bị bắt. Được tin ấy, Thám hết hoảng sợ, liền quay trở lại liều đánh đề cứu lấy vợ con, nếu không thì cũng đề cùng nhau thủy chung trọn nghĩa. Nhưng hy vọng ấy đã tan tành, vì khi Thám trở lại tìm thì không còn thấy tăm hơi đâu nữa !

Mất cô Ba, Hùm-thiêng Yên-thế như không còn nanh vuốt, mà bên quân Pháp bắt được cô Ba cũng tự biết chắc là từ nay Thám sẽ không còn thế lực gì mạnh nữa.

Rồi đến một ngày kia vào cuối năm 1909, trong khi Thám còn lang thang nay đây mai đó, lòng ôm một mối uất hận không tan ; cái hận đại cuộc tan tành thì lệnh đênh ngoài mặt biển, trên chiếc tàu binh của Pháp từ Hải-Phòng đi Guyane, cô Đặng-thị-Nhu cũng cần lưới tuần tiết trước hơn 40 chiến sĩ anh hùng Yên-Thế đang ngậm ngùi sa lệ, cảm thương vị nữ tướng anh hùng và xót xa cho thân thế lao đao của mình trong thâm cảnh nhà tan nước mất.

Nói đến bà Đặng-thị-Nhu, vợ nhà anh hùng dân tộc Hoàng-hoa-Thám, chúng ta cũng nên nhắc nhở đến cái gương khai mào cách mạng của nhà ái quốc tiền phong ấy, với nhóm thanh niên hậu lai chống xâm lăng, diệt đế quốc.

Dưới đây chúng tôi xin đăng tải một bài thơ của một nhà văn Tô-ngọc-Quang tự Văn-Lang đã nói lên thân thế, nỗi lòng Đê Thám trong bài « LÈU TRANH TÔ CÚ » được giải nhất văn chương trong tờ nhật báo ĐIỀN TÍN Xuân năm (1936)

LÈU TRANH TÔ CÚ

I

Trải lắm lúc xông pha liễu sống thác,

Thêm vầy vùng thẹn mặt với phong ba.

Quyết một gương thâu lại nước non nhà

Nhưng...

Mây trời chẳng chiều lòng trang tuần kiệt

Bình của Thám đã từng phen bị diệt

Tan vỡ lẫn như sáp nường trên đèn

Song, chỉ anh hùng âu hấn ngang nhiên

Đầu... binh, tướng.. súng.. lương.. tàn cũng mặc

Từ ấy.. vượt núi băng rừng mạn Bắc

THÁM mong tìm gom lại... đám binh tàn...

.

Binh tàn ?? đâu thấy ???

Rừng núi vắng tanh !!!

Chúa Yên-Thế ngàng nhìn chòm mây bạc
 Đây ! phải chăng lúc anh hùng vận mặt ?
 Thời thế đánh trời chặt cụm rừng thiêng
 Thăm đầu ngò sau những lúc giao chinh
 Số binh tướng...kẻ bị đây... người vào ngục...

II

« Một hôm, ngọn gió đèo xanh vi vút !
 Như thời đưa ác tia xuống ngàn tây
 Lũ chim rừng chiu chít tiếng kêu bày
 Lá xào xạc... lla cành rơi lả tả

 Xa... vắng vắng... tiếng suối reo buồn bã
 Cầu tạo thêm một khúc nhạc thần
 Đề ngàn năm... dành ca tụng mãi cao xanh
 Chiều hôm ấy...

Đến ngõ hẻm chợ gò ĐÌNH-TIỆP
 Lần đầu tiên... THẨM cảm thấy buồn tha thiết
 Nhưng... cố gượng... chân thúc ngựa hồng... phi...
 Cùng vệ tướng lâm lui theo sơn khê
 Vì sau đầu non, bóng chiều đã sẫm

 Bây giờ... chỉ còn nghe trong rừng thẳm

Tiếng ngựa phi... nặng nhọc và âm u
 Nội cỏ cây xào xạt dưới sương mù
 Đường xa vắng... lá vàng phôi rộp đất
 Bông tung bay... rồi rơi đi cùng khắp
 THÂM nhìn xem... chán nản và băng khuâng

 Ôi 1 chẳng khác những ngày rực rỡ vinh quang
 Không mấy chút bỗng tan như khói tỏa 1
 Trời sẫm tối... gió càng thêm rợn rã
 Cát bụi bay... mù mịt nẻo đường sương
 Gầm trời chớp nháy...
 Âm ỹ tiếng rừng...
 Con đông gió như trời long đất lở
 Bấy giờ... mới kịp đến LÊU TRANH TÒ CỬ
 Vội lẳng xăng xuống ngựa chực bên dằng
 Hai vệ-tướng mảnh nhuệ và nghiêm trang
 Rước chủ tướng, bước vào trong lầu cỏ

III

Ngoài tầm tả, tiếng gió gào mưa đổ
 Như cảm hồn... Xáo trộn cả căn khôn
 Cảnh trong lầu càng khuya-khoác càng thể lương
 Đèn một ngọn chập chờn khi mờ tỏ

Mảng nghĩ đến, chuyện đọc ngang ngày nọ
 Thăm lặng nhìn... buồn mà không than
 Và... gương đôi mắt sáng như gương thần
 Xoi đêm tối thêm-u... tìm lại bóng

.

TÌM LẠI BÓNG...

Những ngày tể cờ... phong tướng
 Chỉ huy binh nghiêm chỉnh có dư ngàn
 Lập đồn hữu thế, đánh quân Lê-Hoàn
 Trái trăm trận dịch cùng quân chánh phủ
 Rồi đó... Chiếm YÊN THẾ... mọi mình làm chủ
 Mười mấy năm thân thế lấy từng
 Khi lược trận, lúc giao phong
 Lướt mưa đạn, rừng gươm ngoài chiến địa
 Vang trong nước, tiếng anh hùng mưu việc nghĩa
 TỪ THÁI-NGUYÊN, BẮC-NINH đến HẢI-DƯƠNG
 Cả sáu tỉnh trở nên trường chiến đấu.
 Bảy giờ gặp hồi loạn ly điên đảo
 Hàng tướng binh xem chết nhẹ bằng lông
 Nền bao phen, khói lửa chẳng sờn lòng
 Kiến thiết phần sương, lập thành quân đội
 Chí hăng quyết một đêm thâu Hà-Nội
 Mới lập đảng Nghĩa-Hưng.. việc không thành

Cơ mưu bại lộ, đồ đảng tiêu tàn
 Song.. cũng giặc tướng binh cần lửa đạn
 Trải mấy trận chợ Gò và núi LẠNG
 Tháo trùng vi máu đỏ nhuộm sa trắng
 Nhưng than ôi !!!
 Vợ con đều bị bắt !! (1)
 Dẫn tia nóng, sức hăng tài bạt chúng

IV

Bấy giờ, dường như tỉnh mộng
 THĂM... cau mày.. thăm ngán nỗi hưng vong
 Bước lưu ly gầy hặn ngán bên lòng
 Sầu tịch mịch bỗng khơi giòng lệ bạc

 Khuya vượn hú như khơi đời phiêu bạt
 Như xót cảnh điêu linh !!
 Chàng lóng nghe.. tan bớt chí sanh bình
 Hồn bi thán vắn yơ trong từng sương lạnh
 Đêm ấy đêm gì ?? canh tàn có quạnh
 Khách kiếm cung nhìn bóng dãi trên đường
 Như say sưa, như ngây ngất mà ưu thương
 Như lãnh đạm... như mơ màng... mà phần oán
 Hết đi đứng... lại nằm ngồi... thê thảm

(1) Bà vợ bà Đặng-thị-Nau và con gái là Hoàng-thị-Thế

Rồi bỗng nghe...

Như còn hi vọng... hi vọng cuối cùng

Còn CHỈ HÀNG CÒN CAN ĐÀM VẦY VÙNG

Đem máu đỏ, rửa tan hồn đất nước !

Mãng lo tưởng cơ mưu và chiến lược

Mà mỗi mòn, đã dục, rồi đẻ mê

THÂM tựa mình vừa ngon giấc trên giường tre

Thì...

Bên rừng đông, trời vừa tang tảng sáng

Ngoài... hai vệ tướng canh suốt đêm giờ đã mất

Mới thiu thiu nghỉ giấc dựa bên lầu

Và mơ màng trên cảnh mộng tiêu điều

Vừa khẩy...

Trong cảnh thâm u **LIÊU TRANH TÔ CỤ**

Như xé sương mai... ba lần súng nổ

Vang dậy cả rừng xanh !

Rồi... trên nẻo xa xăm

Ba tên khách (2)

Mang đầu người **YÊN THẾ**

Bấy giờ... như vì ai kẻ lẽ

Văng vẳng xa...

Tiếng suối khóc âm thầm

(2) Bọn bị Pháp mua chuộc muốn giết

MẸ ÔNG ĐỘI ÔNG CÁN

Khi ông Đội Cán chết vì cách mạng không thành, bỏ lại một mẹ già. Bà cụ vì thương nhớ con, vì uất hận trước cảnh điêu linh của đất nước, nên đã trở thành một kẻ dở người. Bà cụ thường ra đường hễ gặp những trai thanh niên thì ôm choàng lấy rồi vừa khóc vừa nói « Các cậu ơi, làm thế nào giết được giặc báo thù cho con tôi ! ». Trong những người thanh niên ấy có cả cậu học sinh 10 tuổi « NGUYỄN-THÁI-HỌC », thế là mỗi lần gặp bà Cụ là cậu bé Nguyễn-Thái-Học cảm thấy lòng mình bồi hồi ! Rồi cậu nghĩ : « Chỉ đập đổ chế độ Thực dân này mới trả được thù cho con bà Cụ. Từ đây tư tưởng cách mạng đã nảy nở trong tiềm thức của cậu.

Thế là bà cụ « DỞ » người ấy đã tạo ra hai người con anh hùng bước chân vào lịch sử : một đứa con tinh thần là nhà lãnh tụ anh hùng Yên-Bái.

Trước sau hơn 10 năm, hai đứa con của bà mẹ đã làm vẻ vang cho dân tộc.

oOo

BÀ TRẦN-THỊ-QUÝ (1880-1953)

Bà Trần-thị-Quý biệt hiệu Thiệu-Trung, sinh ngày 15-8 năm Kỷ-Sửu (1880) người làng Tường-Lộc, quận Tân-Bình, tỉnh Vĩnh-Long, xuất thân trong một gia đình nho giáo, con gái cụ Trần-phước-Định và Bùi-thị-Lăng.

Ông cụ thân sinh bà là một nhà thâm nho và có tư tưởng cách mạng. Nhưng lúc bấy giờ ở miền Nam, phong trào Cần-vương kháng Pháp của các ông Trương-công-Định, Thủ-khoa-Huân, Thiên-Hộ Dương đã bị Pháp dùng bạo lực đè bẹp. Để kế tiếp cho phong trào đó, tại miền Nam có nhiều tổ chức do quần chúng tự động thành lập, chứ không có một đảng phái nào đứng ra lãnh đạo quần chúng, nên ông cứ vẫn ôm ấp trong lòng, đợi dịp là bùng khởi.

Năm 1904, phong trào Đông du bắt đầu chớm mọc ở các tỉnh miền Bắc Trung Việt và Bắc Việt và sau đó là Nam Việt. Nhân dịp đó cụ liền cho hai người con trai em ruột của bà Quý xuất dương qua Nhật, kể đến mấy năm sau thì ông cụ mất, lúc bấy giờ bà Quý cũng đã khôn lớn, vẫn sẵn có đầu óc cách mạng, hơn nữa bà lại được hấp thụ nền luân lý Khổng-Mạnh, tinh thần cách mạng của ông cụ thân sinh và truyền thống anh dũng của dân tộc ta từ nghìn xưa, nên bà quyết chí nối gót theo 2 em bà và những người đã và đang đấu tranh cho độc lập dân tộc.

Cũng từ đó bà tìm cách liên lạc với các thân hào; nhân sĩ nhiệt tâm vì nước và các tổ chức cách mạng, trong số những người đó có cụ Huỳnh hữu Chí là một cán bộ cách mạng, hoạt động cho phong trào Đông Du. Sau bao lần thử thách trong mọi công tác cam go, bà được phong trào cử đi công tác ở hải ngoại với nhiệm vụ

là liên lạc với cơ quan trung ương. Trên đường công tác với bà có ông Yên Chiêu người Quảng Nam, khi hai người sang đến Hồng Kông thì được tin cơ quan cách mệnh tại đó đã dời qua tỉnh khác vì bị nhà cầm quyền truy nã. Sau đó bà được đưa về một trụ sở khác ở Quảng Châu, đó là nhà bà Châu Linh Mẫu. Tại đó bà được gặp ông Huỳnh Hưng, ông Đặng bình Thành, Nguyễn-thần-Hiến và cũng trong dịp đó, ông Nguyễn-thần-Hiến đã tặng bà một bài thơ như sau :

- « Mưa ầu gió Á tạt về Đông
- « Lò tạo Mân giang đúc má hồng
- « Hồ thì bốn phương rầy tới gái
- « Tang đồng riêng gánh chẳng cần chồng
- « Thân hèn bao quản không nhà ở
- « Chỉ cá toan lo có nước chung
- « Sơn phần như vầy đầu dễ kém
- « Miền Nam cây cỏ thấy thơm nồng.

Sau mấy ngày ở tại trụ sở Quảng Châu, bà được ông Đặng bình Thành và ông Huỳnh-Hưng đưa đến Cửu-Long (một địa điểm ở Hồng-Kông tìm gặp ông Đặng-từ-Mãn và ở lại đó hai hôm thì không may cơ sở đó bị bại lộ. Nguyên do vì tạc đạn nổ trong khi ông Mãn đang nghiên cứu, sự không may đó đã gây ra nhiều hậu quả tai hại cho sở cách-mạng, còn riêng ông Mãn thì bị mất một bàn tay và nhiều thương tích khác. Tuy vết thương trầm trọng, nhưng ông Mãn vẫn bình tĩnh nói với các đồng-chí :

« Nay sự đã rồi, vậy đề bảo toàn cơ sở cách-mạng của chúng ta và hoàn-thành công cuộc đấu tranh giành độc lập, tôi xin đề-nghị với các đồng chí rút ngay về cơ sở khác và đề đây mặc tôi xử liệu ».

Sau lần đó bà lại cùng các đồng chí trở về Quảng-Châu được mấy hôm, bà sang Triều-Châu, Chiết-giang. Quảng-tây rồi định sang Nhật, nhưng vừa đi đến Sơn-đầu thì bị chính quyền tại đây trục xuất, nên bà lại phải trở về Quảng-Châu lần nữa, lần này may mắn là bà được gặp cụ Phan-bội-Châu cùng cụ Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề và được ủy giao trách-nhiệm về nước hoạt-động. Nhưng khi bà vừa đặt chân lên Nhà-Rồng thì liền bị mật thám Pháp bắt, mặc dầu cơ quan mật thám Pháp đã dùng nhiều hình thức dã man để tra hỏi bà, nhưng bà chỉ trả lời vồn vện có một câu : « Tôi là vợ nhỏ của một người khách trú, nay vì chúng tôi bỏ trở về Tàu ở với vợ lớn mà không một lời nói với tôi, nên buộc tôi phải trốn gia đình đi sang tìm.

Qua bao lần tra tấn, bọn mật thám Pháp vẫn không tìm ra manh mối, nên cuối cùng bọn chúng đành chịu và trả lại tự do cho bà và từ đó bà lại tiếp tục hoạt động để hoàn thành công tác do cụ Phan giao từ trước.

Tay được trả tự do rồi, nhưng bọn mật thám Pháp vẫn rình rập theo dõi, hễ một biến cố chính trị nào xảy ra trong nước thì bà lại bị bọn chúng bắt về cơ quan tra khảo.

Năm ông Nguyễn-bá-Trạc về nước hoạt động, bà cũng bị bọn chúng bắt giam.

Năm cụ Cường-Đề về nước, bà được cử tháp tùng và dẫn lộ cụ Cường-Đề đi du thuyết khắp trong toàn cõi Việt-Nam để quyên tiền và vận động thanh niên du học. Công tác đó hoàn thành tốt đẹp.

Sau khi cụ Cường-Đề và một số thanh niên Đông độ lần thứ hai, một lần nữa bà lại bị mật thám Pháp bắt giam. Theo chúng lần này bà là một can phạm tái tam với câu « Mưu cụ bất thoan » (thối cũ không chịu chừa) nên chúng đã dùng nhiều cực hình để tra tấn. Nhưng trước sau bà vẫn không chịu tiêu xưng một đồng chí hay một cơ quan nào. Cuối cùng vì không tìm ra manh mối, nên chúng buộc

phải thả bà, rồi ra lệnh quân thúc và nguyệt diêm (mỗi tháng phải tới trình diện ở sở mật thám 1 lần).

Nói về ông Huỳnh-hữu-Chí, sau khi ông bị chính phủ Nhật trục xuất, ông liền trở về nước tiếp tục hoạt động cách mạng, nhưng rồi cũng bị mật thám Pháp bắt giam, sau những thời gian giam giữ tra tấn, ông được chúng thả cho về, nhưng cũng bị Nguyệt diêm như những nhà chính trị phạm khác. Thế là cả hai đều phải sống trong cảnh khó khăn tù túng dưới cặp mắt cú vọ của bọn thống trị Thực dân.

Nghĩa nước lo chưa tròn, tình nhà ta phải liêu ; hay là « buồng cách mạng có gió xuân thổi vào » hay nữa là :

« Nặng tình non nước, nhẹ bước phong trần, trên mười năm bề Sở sông Ngô, nhụy phấn màu son, gác thôi gió trăng ngoài mộng tưởng ».

« Vì nghĩa gia đình trọng đường luân lý, cuộc trăm tuổi tờ Tần chi Tần : chối Hồng, mậm Lạc, xây nền nổi giống giữa giang san. »

Sẵn mối cảm tình đồng tâm đồng chí từ lâu ; năm 35 tuổi, bà kết duyên cầm sắt với ông Huỳnh-hữu-Chí ; 3 năm sau bà sinh được một cậu con trai..

Người ta thường nhắc lại rằng : Bà thường dạy con trai của bà câu này :

Hạnh phúc gia đình song song xây dựng với hạnh phúc dân tộc ; nhưng gặp trường hợp cần, thường khi hạnh phúc gia đình phải hy sinh cho hạnh phúc Dân tộc, chứ không có thể vì hạnh phúc riêng của gia đình mà bỏ hay làm tổn thương đến hạnh phúc chung của cả Dân tộc được ». Và để chứng minh câu nói của mình, bà thường dẫn câu sau đây, của nhà đại Cách mạng Tôn-trung-Sơn mà bà đã nhớ được khi ở Tàu :

« Di ngô nhân bất bách niên tất tử chi sinh mạng, lập Quốc-gia ỨC-VẠN niên bất tử chi căn cơ, kỳ giá trị khanh trạng như hà ? »

Nghĩa là : Lấy sinh mạng phải chết trong kỳ hạn một trăm năm của mỗi chúng ta, để xây dựng cơ sở quốc gia Dân tộc hàng muôn nghìn năm không bao giờ chết, giá trị khinh trọng ở chỗ nào ?

Trên 15 năm hoạt động đấu tranh gian khổ, khi thì bốn ba nơi đất khách quê người, khi thì lần trốn nơi thâm sơn cùng cốc, biết bao gian nan khổ cực, nhưng bà đã làm sáng danh phụ nữ Việt-Nam đối với Cách-mạng, đối với Dân tộc.

Thế rồi với tuổi già sức yếu, ngày 12 tháng 2 năm Quý-Tị (1953) bà đã từ già cõi trần về thế giới bên kia.

Bà Trần-Thị-Quý chết, nhưng tinh thần bà vẫn còn ; *tinh thần ấy là ý chí quật cường, suốt đời hiến thân cho Dân tộc.*

oOo

CÔ TRÀ VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN (1917)

Tỉnh lỵ Thái-Nguyên, hai mươi một giờ ngày 31 tháng 8 năm 1917.

Tiết trời còn vì bức khó chịu. Dưới ánh sáng mờ mờ vàng ệch của những ngọn đèn dầu hôi, một vài khách đi dạo chơi hóng mát lang thang vô vẩn, chốc chốc lại dừng chân trước một vài tiệm tạp hóa, dán mắt vào các món hàng mới lạ, nói mấy câu bằng quơ rồi lại thò thân bước đi.

Quang cảnh có vẻ im lặng nặng nề đến khó thở. Dân chúng trong phố rủ nhau bắc ghế ra ngồi trước cửa nhà hay dưới các cột đèn hứng gió. Sau một ngày làm mệt nhọc, họ muốn nằm ngủ để lấy lại sức, nhưng hề nằm ngủ là như lửa đốt sau lưng. Ai nấy mệt mỏi, thỉnh thoảng lại vang lên một tiếng ngáp dài...

Bỗng một hồi kèn báo động vang lên, ngân xa, tan vào khoảng không trung tịch mịch nghe đến rùng rợn.

Đội-Cán tay cầm súng, theo sau có Đội Giá và một số người thân cận, võ trang đầy đủ, đồng dặc truyền bố lệnh khởi nghĩa với nghĩa quân, rồi phân công cho từng người một. Một phát súng báo hiệu nổ vang, nghĩa quân reo hò không ngớt, vừa chạy đi tới các công sở trong tỉnh lỵ để cướp chính quyền.

Dân phố nhón nhác không hiểu là việc gì kinh khủng đã xảy ra. Ai nấy vội vã chạy vào nhà đóng cửa, lo sợ đến nghẹt thở.

Ngoài đường tiếng reo hò không ngớt, tiếng chân người chạy thỉnh thoảng, tiếng binh khí loảng choảng, xa xa đây đó, tiếng súng vẫn nổ rền.

Trong không đầy một tiếng đồng hồ, các công sở trong tỉnh lỵ đã bị nghĩa quân chiếm đóng. Một số Kiều dân Pháp nhanh chân chạy kịp tới một đồn Lê-Dương đóng trên một quả đồi gần đó. May hôm đó công sứ Thái-Nguyên là Darles và viên Phó sứ vì công vụ nên đã lên Hà-Nội được. Các công chức Pháp—Nam, trong lúc bối rối cũng mạnh ai nấy chạy, tản mác khắp nơi run như lên sốt rét.

Vào khoản nửa đêm thì tình hình đã tạm yên dịu. Đội Cận nhân danh tổng chỉ huy cuộc khởi nghĩa, tập hợp nghĩa quân lại bàn định mọi việc, đoạn bố trí 200 quân tiến đánh đồn Lê-Dương còn sót lại ở trên quả đồi. Mỗi cầm thủ còn sôi sục trong lòng, nghĩa quân ở ạt tiến đánh, lửa đạn toí bời, củi trong vài ba tiếng đồng hồ là toán lính Lê-Dương và một số thương dân Pháp ẩn trú trên đồn đã phải tìm đường tháo chạy, để lại một số xác chết.

Thắng lợi đã đến liên tiếp, nghĩa quân càng thêm phấn khởi: Ban chỉ huy gồm có : Đội Cận, Đội-Giáo, Trần-lập-Thành (em ruột Trần-cao-Vân lúc đó đã bị giết sau khi cuộc khởi nghĩa vua Duy-Tân năm 1916 thất bại), Lương-ngọc-Quyến (con cụ Cử-nhân Lương-văn-Can) vừa được nghĩa quân đón về sau khi phá ngục ; liền xúc tiến mọi công việc phòng vệ tỉnh lỵ. Chủ ý của nghĩa quân là xây dựng và tăng cường lực lượng ở đây rồi sau đó mới tiến quân đi giải phóng các nơi khác.

Trong bầu không khí hoan hỉ vô biên, nghĩa quân ai nấy nức lòng làm việc không thấy mệt.

Nhưng ! Ngay đêm hôm đó, tin Thái Nguyên bị nghĩa quân chiếm đóng đã về tới Hà-Nội. Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut tức tốc triệu tập một hội nghị bất thường gồm đủ quan thần văn võ.

Thế rồi một đạo quân súng ống đầy đủ, có cả đại bác hạng

nặng dưới quyền chỉ huy của viên Đại Tá Berger được lệnh kéo về Thái Nguyên « dẹp loạn ».

Được tin của quân Pháp tiếp viện tới đánh, ban chỉ huy nghĩa quân cũng cấp tốc bố trí mọi công cuộc phòng thủ cực kỳ chu đáo. Nhưng lòng người vẫn khó lòng mà địch với súng ống tối tân của đạo quân thống trị. Qua một trận tranh hùng lấy tim óc chọi với lửa đạn, nghĩa quân đành bỏ Thái-Nguyên, sau khi đã cố giữ được 7 ngày ! (1). Rồi từ đó, trước một tình trạng trứng chọi đá, nghĩa quân đành phải chạy dài nay đây mai đó và luôn luôn chiến bại thảm bại, người chết, lực lượng yếu dần !...

Cho đến ngày 30-9, sau trận đụng đầu với quân Pháp ở Xuân-Phả thì nghĩa quân lại lâm vào tình trạng cực kỳ đen tối.

Sau khi quyết định phân tán lực lượng làm 3 Đội và hẹn nhau với các mặt trận đều thắng thì sẽ cùng kéo về đánh chiếm lại Thái-Nguyên, Đội Cấn cùng Đội Giáo và Trần-lập-Thành kéo một ít nghĩa quân về ẩn náu ở Pháo-sơn để dưỡng binh sức nhuệ. Và cũng từ đây, các nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên mới nghĩ đến chuyện vận động nhân dân để khuếch trương thế lực.

oOo

Một buổi chiều đông lạnh lẽo. Bầu trời u ám, gió lốc bắc từng cơn thổi tạt qua làm mưa bụi, gieo cái lạnh thấm xương vào thân thể mọi người. Thành đương ngồi trầm ngâm uống rượu một mình trong cái quán ở vùng Đình Bảng, lòng mèn mèn nghĩ ngợi đến những chuyện đã qua mà không hề để ý gì đến những khách hàng đang ngồi nói chuyện huyền thiên trong quán.

Bỗng từ ngoài đi vào một thiếu nữ vai đeo một tay nải nhuộm màu nâu non. Thành chưa kịp nhìn rõ mặt thì bọn người trong quán đã nhao nhao lên :

— À ! Cô Trà ! Cô Trà !... Lâu ngày quá.

Thiếu nữ vui vẻ cười xòa với cả bọn rồi lẳng lặng đi vào quán, ngồi lên cái ghế nhỏ đặt xa nhưng đối diện với Thành, gò tay nài ra mà xin bà chủ quán một chén nước. Nàng chưa kịp uống thì cả bọn nhao nhao lên :

— Sao, Cô Trà, đã có chồng chưa mà lâu nay vắng tới đây thế. Hay là lại phải lòng cậu nào đâu rồi ?

Trà chỉ im lặng, mỉm cười nói, chớp-chớp mắt nhìn trộm Thành mấy cái, vừa nâng chén nước còn bốc hơi lên hớp một ngụm.

Cả bọn thấy Trà không trả lời, càng lỗ mãng :

— Sao cô Trà, đã lấy chồng chưa ?

— Chồng ấy à ! Ồi chà ! Cô này lại muốn lấy thầy thông thầy ký chứ gì ?

— Những hạng ấy chỉ là giả áo túi cơm, em thêm lấy làm gì cho thêm khó. Trà nói lại, vẻ mặt lạnh lùng chua chát.

— Hay muốn lấy quan ! thôi-thôi cô ơi, đừng có với mà bỏ đau thân : rồi lại cười như chế diễu ;

Trà giận vô cùng nhưng vẫn thản nhiên như không :

— Những hạng ấy tôi càng không thêm nữa !

— Thế chồng cô phải là người thế nào ?

Vẻ mặt Trà trở nên nghiêm nghị ; nàng vén mấy sợi tóc mai rũ xuống trước mặt ; đôi gò má bóng ửng hồng :

— Chồng tôi ấy à... Nàng cười mỉa mai.

— Chồng cô thì sao ?

— Chồng tôi thì là một người dân rất tầm thường nhưng... thôi, tôi không nói nữa ; rồi nàng lại cười.

— Nhưng sao mới được chớ ?

— Nhưng biết điều hơn lẽ thiệt, biết thế nào là nhục nhã, thế nào là vinh hoa ; thế nào là một con người xứng đáng.

Cả bọn không hiểu nàng muốn nói gì, ngơ ngác nhìn nhau rồi hồi lâu sang chuyện khác.

Từ bấy giờ, ngồi im lặng theo dõi những lời đối đáp của Trà đối với bọn người trung quân, lòng Thành đang nặng trĩu bỗng trở nên nhẹ nhõm lâng lâng. « Đã đến lúc là trời giúp ta một người cộng sự rồi ». Thành nghĩ bụng thế. Lúc này Thành mới càng đề ý quan sát Trà. Nàng có vẻ cương nghị, mạnh bạo khác thường ; người tầm thước mi miều, gương mặt trái xoan, hai má nước da bánh mật lúm đồng tiền, mắt nhỏ xếch và cách nhau để lộ trên sống mũi ọ dờ một khoảng trống rộng thành ra khoảng mặt có một phong độ già dặn ngang tàng. Nhất là cái miệng ngang thẳng tắp, đôi môi mỏng lúc nào cũng mím chặt, thành ra nom có vẻ chứa chan nghị lực mà lại đa tình, Trà đã khiến lòng Thành bối rối cảm động vì cái duyên chứa chan hơn là nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành.

Một ý nghĩ đến trong đầu óc, Thành đánh bạo lại gần lần la gợi chuyện. Vốn đã đoán được phần nào khí tiết của Trà qua câu chuyện. Thành đã gây được cảm tình đầu tiên với người thiếu nữ. Trước còn hỏi thăm những chuyện buồn buồn, dần dần Thành đã biết được Trà là con gái một nhà cự nho làm Chánh-tổng ở vùng Dươn-Mông, huyện Tiên-Du thuộc Thái-Nguyên. Chính khi Đệ-Cần và Thành còn hoạt động ở vùng này vẫn thường nghe tiếng và vẫn được cụ giúp đỡ lương thực.

Như bắt được vàng, lòng Thành vô cùng mừng rỡ. Nhưng còn chưa hết nghi ngại, Thành giả vờ nói mấy câu oán trách Đội-Cấn đã gây cuộc binh đao để dò ý. Nhưng Thành đã lầm ! Những câu nói của Thành vừa nói ra thì đã bị nàng đón nhận một cách lạnh nhạt. Chắc hẳn được tâm lý nàng rồi. Thành liền thay đổi thái độ và bắt buộc nói sự thật...

Câu chuyện dần dần trở nên thân mật. Sắc mặt nàng trở nên tươi sáng lạ thường khi đón nhận những lời tâm huyết của Thành. Giữa hai người hình như đã có sự cảm thông sâu sắc và bắt đầu quen luyến nhau.

Sáng hôm sau, theo thường lệ. Trà lại đeo tay nải lên vai đi chợ, nhưng khác hẳn mọi lần, hôm nay tay nải của Trà không đựng hàng vải mà chỉ là một ít áo quần cũ và một ít tiền dành dụm của Trà trong bấy lâu. Và cũng từ hôm ấy, Trà đi biệt tích. Gần tháng qua, khi Cụ Chánh được tin Trà đã gia-nhập nghĩa quân Đội Cấn, lòng cụ không khỏi buồn phiền. Vì Cụ chỉ có một mình Trà là con gái lớn nhưng cũng không khỏi không lấy làm mừng thầm về cái tư tưởng cao cả của con đã biết chọn con đường đạo nghĩa, trong khi hàng ngàn vạn thiếu nữ con nhà khác chỉ lao đầu đi theo thị dục tầm thường.

Đồn phao.

Một đồn xây trên một ngọn đồi, bao quát cả một vùng hoang vu, giữa một thị trấn nhỏ trên mạn sông Lục-Đầu, cách núi Phao chừng 4, 5 cây số. Trong đồn có chừng trên một trăm lính Lê Dương, hai trăm vừa cai đội, vừa lính tập võ trang đầy đủ, lại có thêm mấy khẩu liên thanh và một số đại bác 75 ly. Sĩ quan chỉ huy gồm có một Đại-Ủy tên là Monille và 4 thiếu-úy phụ tá. Đồn này đã làm trở ngại và gây thiệt hại không ít cho nghĩa quân Đội Cấn đóng ở trên núi Phao, thường khi muốn về quanh vùng hoạt động.

Trần-lập-Thành được lệnh phải hạ đồn. Nhưng chưa làm sao biết rõ nội tình địch, nên Thành đành giao kế hoạch trinh sát và dịch vận ấy cho Trà ; mục đích của Thành là dùng mỹ nhân kế để lấy tài liệu và vận động lính trong đồn, nhất là được cấp chỉ huy làm nội ứng.

Thế là một ngôi hàng được dựng lên bên cạnh cửa trại lính. Thời gian trôi qua. Trà đã dùng hết khả năng của mình về mọi phương diện để thực hiện kế hoạch của đảng giao cho. Hy vọng của nàng mỗi ngày mỗi lớn mỗi dần, vì nàng thấy hàng ngày các cai, đội và lính trong đồn ra vào quán nàng không ngớt. Anh nào anh nấy ngó bộ say mê trết mết. Có anh lỗ mãng hơn, lại còn buông những câu làm nàng phải buồn cười nữa. Nhưng nghĩ đến đại cuộc, nàng chỉ cười xòa, có khi lại còn ra vẻ thân mật hơn. Cuối cùng con chim vành khuyên ấy, với dáng điệu dễ thương, tiếng nói dịu dàng, đã thành công trong sứ mạng : Đội Châu, một viên đội lính tập đã cung cấp cho nghĩa-quân đủ tài-liệu về địch tình và nguyện làm nội ứng cho nghĩa quân khi công phá đồn Phao.

Biết rõ địch tình lại có người nhận làm nội ứng rồi, Đội Cấn và Thành liền bố trí tấn công. Quả nhiên, bị đánh bất ngờ, lính trong đồn không kịp trở tay, chạy loạn xạ, một số dơ tay hàng bị bắt làm tù binh. Chỉ trong một đêm là đồn bị hoàn toàn chiếm. Sáng dậy, Đội Cấn ra lệnh cho nghĩa quân khuôn hết đạn được súng ống rồi rút vào rừng và phóng lửa đốt đồn trại.

Nhưng rồi thắng lợi chỉ đến với nghĩa-quân trong chốc lát. ! Trưa hôm ấy thì ở Hà-nội; một đội quân tiếp viện do Đại-tá Maillard chỉ huy lại được lệnh lên truy nã nghĩa quân. Rồi suốt buổi chiều và đêm hôm ấy, đại bác nổ rầm rỏi, rớt không biết bao nhiêu là đạn lửa vào khu rừng nghĩa-quân đang đóng giữ. Từ mờ sáng, biết thế nguy, Đội Cấn cho lệnh ứng chiến, nhưng muộn quá rồi ! Bị đánh

ba mặt; nghĩa quân yếu: thế chống không lại, thầy chất ngồn ngang, máu chảy nhòa khắp đó đây động thành vũng. Đội Giáo trúng đạn ngã gục bên khẩu súng. Đội Châu đang chỉ-huy một toán quân chống cự với mấy tên lính Lê-Dương, bỗng trúng đạn đổ nhào. Nghĩa quân núng thế chạy tán loạn. Riêng Đội Cấn thì bị thương ở cánh tay, nhưng nhờ có Thành và Trà liều chết cố dúi chạy thoát khỏi vòng vây về mạn Chí-Linh.

Từ đó, Nghĩa quân bắt đầu tan rã. Riêng ba người Đội Cấn, Thành và Trà thì phải ẩn núp nay đây mai đó, lén lút trong rừng, vừa đói vừa rét. Cái cảnh anh hùng mặt lộ thiệt muôn vàn đau khổ!

Cho đến ngày 11 tháng 1 năm 1918, Đội Cấn đã kiệt sức lắm rồi. Ngồi tựa lưng vào một gốc cây, hai mắt nhắm nghiền, Đội Cấn thở hắt hắt gần như đứt quãng. Máu ở vết thương vẫn rỉ-rỉ thấm ra ngoài mảnh thuốc đặt bằng lá cây. Thành và Trà ngồi bên, nhìn Cấn mà đau ruột. Quang cảnh thật là thiêu nảo. Gió rừng vi vu, lá cây xào xạc càng tăng thêm nỗi u thâm thâm đạm trong lòng người còn mang nặng một mối uất hận không tan. Cái hận đại cuộc tàn thành kẻ còn người mất!

Bỗng, Cấn mở mắt kêu khát nước, Thành vội vã đứng dậy đi ra suối, lấy mũ sắt trên đầu múc một ít nước mang lại. Uống xong, Cấn có vẻ hơi tỉnh táo, cầm tay Thành và Trà nói hờn hờn: «Các em, chúng ta hợp nhau ở đây lần này là lần cuối cùng. Anh nay không còn sống được với các em nữa. Đại cuộc của chúng ta theo đuổi bấy giờ đây chắc cũng khó lòng mà thành tựu nữa rồi. Nhưng dầu sao chúng ta cũng không đến nỗi hổ thẹn với lương tâm, với hồn thiêng non nước; anh chỉ mong rằng, sau khi anh chết rồi các em vẫn mãi mãi giữ được tấm lòng son sắt mà không để cho vật dụng tầm thường lôi cuốn được...»

Đến đây, dường như kiệt sức, Đội-Cấn nín bật, hai mắt từ từ nhắm mắt lại rồi gục xuống cạnh gốc cây, và trong chốc lát chỉ

là cái xác không hồn. Thành và Trà gục đầu xuống thấy Cấn khóc nức nở. Chiều hôm đó cả hai mới lo liệu chôn cất. Đám tang hai người, không kèn không trống được cử hành trong cảnh u tịch của núi rừng một buổi-chiều đông lạnh lẽo.

Sáng hôm sau, Thành và Trà bàn nhau rời bỏ Chi-Linh, định tìm đường về Móng-Cây đi qua Tàu. Khi còn cách biên giới chừng năm chục thước. Trà dừng lại, hai dòng lệ rưng rưng, nói với Thành :

— Anh ạ, từ giờ phút này chắc chúng ta khó lòng mà trở lại nơi đây nữa ; chúng ta hãy dừng chân lại đây vài phút để vĩnh biệt quê hương một lần cuối cùng.

Nghe Trà nhắc tới việc mình sắp phải rời bỏ đất nước, tấm thân rồi đây chưa biết trôi dạt nơi nào; Thành như đứt từng khúc ruột.

— Em nói phải, cho dù có đến thế nào chăng nữa, lòng chúng ta vẫn không một phút lãng quên đất nước thân yêu, đương bị ngoại xâm dày xéo này.

Nói xong; hai người bước lên đỉnh núi, nước mắt tuôn tràn.

Xa xa, một làn khói bạc quần quai vạt vờ đang cố nhồi lên khỏi một rừng tre xanh thắm.

Hộ phụ sinh hồ từ
BÀ SƯƠNG-NGUYỆT-ÁNH
Với bài thơ người chinh phụ

Đã bảo rằng tư tưởng của văn nghệ sĩ trong tác phẩm không phải một cái gì thoát trần siêu tục mà do hoàn cảnh của cái xã hội mà thi sĩ đang sống cấu tạo nên.

Tác phẩm « Thạch Hào Lại » của thi hào Đỗ Phủ là do hoàn cảnh chiến tranh tang tóc, cảnh tượng bắt lính ăn tiền... trong giai đoạn hỗn loạn nhà Thuyết Đường.

Tiếng khóc than não nuột của người chinh phụ Đặng-Trần-Côn và Đoàn-thị-Điềm là tiếng khóc của thời đại, cuộc nội chiến kéo dài vào khoảng Lê mạt, Nguyễn-Trịnh phân tranh, cuộc chiến tranh bần thiêu nời da xáo thịt.

Chúng tôi đại bất đồng quan điểm với những kẻ mỗi khi bàn tới người chinh phụ Việt-Nam là đem « Chinh phụ Ngâm » của Đặng-trần-Côn, Đoàn-thị-Điềm ra làm điển hình, làm ví dụ.

Theo chúng tôi, Chinh phụ Ngâm chỉ là tiếng khóc lóc rên xiết của những khuê phụ vắng chồng, buồng hương lạnh lẽo, chiếc bóng cô đơn, chỉ vì cuộc chiến tranh vô nghĩa lý của quốc gia và thời đại.

Những điệu kêu van não nuột của hai thi sĩ Đặng, Đoàn... đâu phải tiếng lòng của những vợ hiền đảm đang mọi việc gia đình ở hậu phương để cho lạng quân vững tâm làm nhiệm vụ một người công dân ngoài mặt trận khi tổ quốc lâm nguy, đất nước bị ngoại bang dày xéo, như các chiến sĩ « Sát Đát » đời Trần « chiến sĩ đời Lê, chiến sĩ

Đồng-Đa dưới cờ Nguyễn-Huệ và chiến sĩ Quốc gia chống Cộng hiện nay.

Nhưng ở đây thời khác hẳn, bối cảnh lịch sử của tác phẩm... tác phẩm « người Chinh phụ », của bà Sương-Nguyệt-Ánh là bối cảnh lịch sử Việt-Nam vong quốc, quân thù bắt nhân dân Việt-Nam sang mãi tận Tây phương làm bia đỡ đạn cho chúng.

Bà-Sương-Nguyệt-Ánh (1864-1921) chính tên là Nguyễn-Thị-Xuân-Khuê, cũng gọi là Nguyễn-Ngọc-Khuê. Thuở xuân xanh đang độ, nữ-sĩ viết văn lấy bút hiệu là « Nguyệt-Ánh » đến khi đứt gánh nửa chừng xuân bèn thêm vào trước một chữ « Sương » thành ra « Sương-Nguyệt-Ánh ».

Nữ-sĩ là con gái thứ năm của một thi sĩ mù, nhưng lại rất sáng.

— Cọ Nguyễn-dinh-Chiều — Nữ-sĩ mở mắt chào đời, đã là một người dân mất nước, mắt thấy tai nghe đều là những chuyện đau thương tang tóc. Nhất là bên Pháp có giặc, chúng đều bắt thanh niên Việt-Nam sang làm bia đỡ đạn cho họ.

Cùng một quan điểm với nữ sĩ, nên nhà tiền bối cách-mạng cụ Giải Nguyễn Lê Văn-Huân trong trận giặc 1914-1918 đã viết :

« Năm một ngàn chín trăm mười bốn »

Ôi Âu Châu thành chốn chiến tranh

Máu nhân dân chảy còn tanh tới giờ

Bọn đế quốc bắt nhân làm tá

Đem ta làm thịt cá mà chơi

Chốc đà hơn bốn năm trời

Non cao xương trắng, bể vơi máu hồng

Thăm nỗi vợ mất chồng góa bụa

Tả điều con mất bố mồ côi »

— Và ông Tín-Thần một nhà cách mạng ở hải ngoại cũng viết :

Cha thì đi lính cho Tây

Chúng bắt đi đánh bỏ thầy nước người

Bấy giờ mẹ góa con côi

Kề sao cho biết khúc nỗi đoạn trường

— Và cụ Ngô-Sanh Đặng-Thúc-Sửa một nhà cách mạng ở Thái-Lan cũng viết :

Âm đạm tây thiên sát khí hoành

Huyết sang nhục đạn khắp thương sinh

Không trung thuyền sà vãn vô sắc

Hải nhê lôi sinh lặng hữu thanh

Mục hạ cường quyền duy vô lực

Khẩu đầu công lý thuyết văn-minh

Hà đương xã hội khai tân mục

Khả ái hòa bình yếm chiến tranh

Tạm dịch :

Mặt mà sát khí ngất trời tây

Xương máu sinh linh đỏ xối đầy

Biên rộng thủy lôi hòa tiếng súng

Trời cao phi đạn lấp màn mây

Văn minh công lý khoa đầu miệng
 Vũ lực cường quyền cướp thẳng tay
 Xã hội bao giờ thay đổi mới
 Yêu hòa bình ghét chiến tranh thay

Đồng thời với những nhà tiên bối cách mạng nói trên bà Sương-Nguyệt-Ánh cũng viết bài « Chính Phụ Thi » trong một hoàn cảnh lịch sử đau thương ấy.

« Đình tháo thành hào liễu hữu ty
 Chính phu hà nhật thị quy kỳ
 Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ
 Nhất chấm đề quyền lạc lệ thì
 Tái bắc văn trường cô nhạn ảnh
 Giang Nam xuân lạc lạo nga my
 Tái lai kỳ đệ tương tư mộng :
 Tàng đao quán biên tri bất trí ?

Em ruột bà, ông Nguyễn-đình-Chiêm dịch như sau :

« Có rạp sân thêm liễu rủ hơn
 Chàng đi bao thuở lại quê nhà
 Nửa đêm trăng xế lòng ngao ngán
 Chiếc gối quyền gào lụy nhỏ sa
 Ai Bắc mấy giăng che bóng nhạn
 Vườn xuân nắng tắt ở mây nga

Nhớ nhau mấy lúc chiêm bao thấy

Ngàn dặm lang quân biết chẳng là

— Nội dung của 8 câu thơ tác giả phớt lờ một cách kín đáo cái nỗi buồn cô quạnh của một người chinh phụ có chồng ra trận nhưng không sao trả lời được những câu hỏi.

Vì ai mà phải ra trận ?

Ra trận để đánh ai ?

Tại sao phải đánh ? và đánh cho ai ?

Nếu phải chết thì đã hy sinh cho ai ?

Những câu chết cho Đại Pháp, chết cho mẫu quốc, Hay là chồng họ chỉ là những tên lính đánh thuê — Nợ áo cơm phải trả đến thi hài — thì thật là đau thương tui nhức.

Nữ sĩ Sương-Nguyệt-Ánh viết bài thơ trên, khi đứng trên lầu tòa soạn báo « Nữ giới chung » nhìn đoàn thanh niên Việt đang xuống tàu sang Pháp vào trận đại chiến thứ nhất 1914-1918.

Mặc dầu rất hàm súc kín đáo nhưng cũng là một cáo trạng phản chiến, một chiến cuộc giữa đế quốc và đế quốc với nhau mà bắt dân thuộc địa chết lây cực kỳ vô lý. Lời lẽ và tác dụng là của bài « Người chinh phụ » của bà Sương-Nguyệt-Ánh ra đời cùng một hoàn cảnh với bài « Đòi Chồng » của một Thi sĩ người Bắc :

« Nước non xa cách nghìn trùng,

« Ai gây chiến họa mang chồng ta đi ?

« Nội niềm từ thuở phân ly

« Bày chi nên cảnh sầu bi đau lòng ?

- Đề ta ấp bóng cô phòng,
- Hỡi ai ai đẩy trả chồng ta đây
- Chồng con cha mẹ xum vầy,
- Ra vào có mặt tháng ngày vui tươi.
- Đói no cơm cháo chẳng rời
- Gia-đình lạc thú là nơi non bồng
- Ai gây binh lửa đừng đừng
- Mưa bom gió đạn mang chồng ta đi.
- Chồng ta có tội tình gì,
- Mà bắt vác súng làm bia đất người,
- Xông pha bom đạn bởi bởi,
- Chàng qua đề một bọn người cướp công
- Tiếng kêu như xé cõi lòng
- Có ai bắt chúng trả chồng cho ta

Những tác phẩm trên đây, đầy ý nghĩa yêu tổ quốc, yêu giống nòi, yêu hạnh phúc hòa bình của dân tộc, đồng thời cũng chửi vào mặt những tên bồi bút của bọn thống trị Đông-Dương, ví dụ Lê-Trung Thu trong bài về « Linh mộ di Tây » vào thế chiến thứ nhất 1914-1918 với những câu :

- Tại nơi mẫu quốc
- Giữa chốn chiến trường
- Lên ngựa cầm cương
- Xông vào súng đạn

Và Phạm-Huỳnh trong bài :

« Hồi anh em bạn tùng chinh » vào thế chiến thứ hai 1959-1945, với những lời lẽ.

« Hồi anh em bạn tùng chinh

« Vì sao nước Pháp hưng binh phen này

« Chỉ vì giặc Đức cổ gây

«

«

« Với quân thuộc địa khắp miền gần xa

« Binh hùng tướng mạnh kéo ra

« Dưới cờ Đại Pháp kẻ là rất đồng

«

« Anh em Nam Việt ta ơi

« Vốn đồng nghĩa khí vốn nòi thông minh

« Trong lòng vốn sẵn cảm tình

« Biết ơn Bảo Hộ với mình xưa nay (?)

« Tùng chinh lại gặp hội này

« Đền ơn ta phải tiếp tay với người

«

«

Thiệt là không ai ngờ, Phạm Tiên Sinh với bút hiệu Thượng Chi đã từng viết những bài khảo luận về văn hóa, chính trị, xã hội kinh tế trên tạp chí Nam-Phong của ông, không những đã làm vang bóng một thời trong làng văn, mà cho đến nay cũng còn được nằm trong văn học sử Việt-Nam cận đại, mang tiêu đề là nhóm « Nam Phong lấy thế mà khi:

« Giốc Nam Phong khéo bất bình

« Bưng cơn mắt đầy thấy mình Thượng Thơ».

Thì Cụ Thượng họ Phạm ấy có thể viết ra những tác phẩm trên, làm cho bà con Sông Hương Núi Ngự nói riêng, quốc dân Việt Nam nói chung phải nôn oẹ, nguyên rủa.

Nói về bài thơ chữ Hán «Chinh Phục Thi» của bà Sương-Nguyệt-Ánh về hình thức không có gì là đặc sắc kiệt tác, nhưng về nội dung quả là một tiếng nói đúng và cần-thiết của thời đại.

Tác giả xứng đáng là con gái Nguyễn-dinh-Chiều Tiên sinh vì đã giữ được và làm rạng thêm cho truyền thống tiết tháo và trung kiên, di sản tinh-thần quý báu của phụ thân để lại.

oOo

BÀ TRẦN KIM PHỤNG

Trong số các nữ-sĩ danh tiếng miền Nam, khi nhắc đến các tên nữ-sĩ Sương-Nguyệt-Ánh, tức Nguyễn-Thị-Ngọc-Khuê, con gái thứ năm của nhà chân Nho ái-quốc Nguyễn-dinh-Chiêu, và Bà Trần-Ngọc-Lầu tức Ngọc-Dung hay Ngọc-Bích, quê ở Vĩnh-Long, thì người ta cũng vẫn không quên nhắc tới Nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng, một nữ-sĩ đồng thời và có những nét tương đồng về tư tưởng đã được bộc lộ trong thi ca : tư tưởng ái quốc và bảo tồn văn-hóa đạo-đức cổ truyền.

Nữ-sĩ chính tên là Trần-Kim-Phụng, tục gọi là cô Hai Hồn. Chúng tôi rất tiếc là chưa khảo cứu được rõ ngày sinh, quê quán của nữ-sĩ ở đâu và song thân tên là gì mà chỉ được biết một cách mập mờ nữ sĩ là người tỉnh Sadec. Xin đánh nơi đây một dấu hỏi với tất cả thành tâm và thiện chí, ước mong quý vị sẽ bổ cứu thêm cho.

Từ khi còn trẻ tuổi, nữ-sĩ đã có tính hiếu học; tiếng đồn thông minh cũng vang khắp vùng. Về sau văn tài của nữ-sĩ lại ngày được thiên hạ tấm tắc ngợi khen, về phương diện hoạt diện và chứa chan tình cảm với một nội dung súc tích.

Chúng tôi xin trích lục bài thơ «Vịnh cây vạn thọ» của nữ-sĩ làm lúc mới biết làm văn :

- « Tuổi già trường trãi có ai qua
- « Vạn thọ khang cường vốn đầy ta
- « Vững cội khoe cành xinh nét vẽ
- « Lớn chãi tỏa lá lịch màu hoa
- « Tháng ngày thông thả cùng quan sát

« Tất nhất khoe khoang với phú gia

« Bởi có cái danh ai cũng chuộng

« Nên người yêu mến chúc ông bà

Tuy còn ít tuổi, nhưng nữ-sĩ đã cho ta thấy cái cốt cách thanh lịch cao sang «Xinh nét vẽ. Lịch màu hoa» cái vẻ ung dung tự tại, thông cùng thả quan các» và đặc biệt nhất là cái nhìn thấu đáo vào cuộc đời đương buổi loạn ly xáo trộn : «bởi có cái danh ai cũng chuộng», và vì vậy mà «mọi người yêu mến chúc ông bà» ! Xuất phát từ cái nhìn thấu đáo và thực tế như vậy, nên câu văn tuy nhẹ nhàng và có vẻ bàng bạc mà vẫn hàm súc một ý nghĩa mỉa mai chua chát đối với cuộc đời. Chính cái «nhìn sâu sắc» này về sau khi lớn lên, nữ sĩ lại được dịp tỏ ra nhiều lần nữa ; chẳng hạn như trong khi dự một tiệc rượu : trông cái cảnh «Anh Tây, chú khách» đều quá say vùi, nữ sĩ viết :

« Cuộc rượu Nam thành thật rất vui

Trộm xem ai nấy cũng say vùi

Anh Tây chaoảnh choáng quăng chai ngược

Chú khách xi xô ném chén xuôi

Giật đất lung lay không vững bước

Cười trời lừng đờng bỗng vẫn lui

Đứng ngồi chẳng tiện lời thôi cả

Cuộc rượu Nam thành thật rất vui !

Thoạt mới nghe quạ, ta có cảm tưởng như lời thơ quá u bi bình dị nôm na, nhưng chính trong cái vẻ nôm na ấy ẩn tàng một bức tranh «say rượu», trong đó một bọn người lạ đang «chaoảnh choáng quăng chai ngược» và «xi xô ném chén xuôi» Và trước cái cảnh lộn xộn chương tai gai mắt đó, nữ sĩ với cốt cách thanh lịch và tế nhị của người đàn

bà Việt, chỉ biết giữ một thái độ «trộm xem» và một cảm tưởng «đứng ngồi chẳng tiện», đề cưỡi cùng trở về cái ý nghĩ mỉa mai và buồn cười «thật rất vui» vì chẳng biết nói gì hơn !.

Vốn người thanh lịch và diễm đạm như vậy, nên nữ sĩ rất ghét cái lối dùng văn tự đề ngụ ý nghĩa khác của một số danh nhân đương thời thường cùng nữ sĩ xướng họa. Người ta kể chuyện rằng, có người gởi tặng một bài thơ trong đó có những câu :

« Chẳng hay tuổi bao lắm đây

Mà kết duyên duyên đã bấy chầy

Nét vẽ dung nhan còn đượm thề

Hương đưa phấn nhụy khắp cùng bay...

Dụng ý của tác giả bài thơ là muốn châm biếm cái tính giao tiếp rộng rãi của nữ sĩ. Nhưng ở đó bài thơ họa lại dưới đây, ta sẽ thấy rõ cái tài biện bạch và tiếng cười của nữ sĩ :

Sá chi bờ liễu âu thân phận

Đề thẹn mày râu đã bấy chầy...

Kèm theo là một câu hỏi ngạo khó trả lời :

Gan óc đề đầu nang nữ thế

Cánh hồng sao chẳng vẫy vùng bay

Nhắc tới « gan óc » và « cánh hồng » quả thật nữ sĩ đã đánh một nhát búa vào chí nam nhi của ông bạn ngông nghênh nào đó trong buổi quốc phá gia vong vậy ! Chính vì tính đoan chính ấy mà các bạn văn nhân nam nữ đương thời đều kính mến nữ sĩ trong khi xướng họa cũng như trong sự giao tiếp hằng ngày.

Nhưng, tài mệnh tương đố, phải chăng là một định mệnh ? Định mệnh ấy không phải chỉ riêng cho một nàng Kiều phải chịu mà là chung cho tất cả nữ giới, những bạn có sắc có tài.

Thì đây Trần-Kim-Phụng quả thật một bạn gái có tài điều ấy không ai có thể phủ nhận. Nhưng tiếc cho tài ! Mà thương cho phận Trần thị có tên « trong sớ đoạn trường » cuộc đời xuân sắc thường lắm lúc bầm dập thương đau.

Tuy nhiên, vẫn được an ủi khá nhiều, qua những văn thơ của các bạn hàn mặc khắp nơi cả bạn gái lẫn bạn trai : ai đã có quen biết cùng Trần thị, đều có cảm tình nhiều hơn là rẻ rúng lạnh lùng.

Trong khi là tỉnh Sa-Đéc lên Nam Vang, Trần thị có bài già biệt các bạn :

- « Vừa cạn chén đưa chừa cạn lời
- « Thuyền đà vội tách giữa giòng khơi
- « Xa trông dạng khuất vắng non nước
- « Cảm nghĩa anh em nghĩ ngậm ngùi

Một bạn gái của Trần Thị là Bà Hoàng-ngọc-Lan lấy làm cảm động họa tặng Trần Thị :

- Ly biệt nhìn nhau những nghẹn lời
- Cời tàn giục giã phút xa khơi
- Chặt cây che bóng trông càng khuất
- Dòng lụy khôn ngăn dạ ngậm ngùi

Hơn nữa, lúc vẫn niên, Trần Thị ngao ngán cuộc đời mà đi tu, lấy hiệu là Hương Thanh ; trong khi ấy có người vẫn lấy làm

tiếc cho nữ sĩ tuổi xuân sao nữ giới cửa thiền. Như bà Quảng Hàn ở Pursat đã gửi khuyên :

*Bà Trần-Kim-Phụng ở đâu xa ?
 Sao chẳng nghe thì phủ nữa cà.
 Hay đã dời chân Thiên-trúc-quốc
 Hoặc còn lẫn chuỗi Phật-Di-Đà
 Địa-nghiên ráo mực khuyên mài nữa
 Ngòi viết khô lông hãy chấm mà
 Dù muốn tâm tiên khoan cỡi hạc
 Nợ trần chưa dứt khó xong a !*

Lại một văn hữu khác, ông Quốc Biểu ở ĐaKao (Saigon) cũng có lời nhắn Trần-kim-Phụng.

*Đàn văn ch đợi vắng dờm hao
 Bến Nghé sông Rộng dạ khát khao
 Non nước đôi nơi người một ngả
 Hay là viễn khách bất phương nao ?*

Đọc được bài thơ trên đây đăng trong tờ báo « Công-Luận » do ông Nguyễn-kim-Định chủ trương, Trần-Thị — đáp lời :

*Ngao du đã mỗi bước giang hồ
 Lánh mộng trần ai đến Phật đồ
 Từ già non tấy cùng biên bác
 Phụng hoàn nay đậu một cành ngô*

Cuộc đời của Trần-kim-Phụng, từng trải lắm cơn thăng trầm, đau khổ khôn cùng. Thêm một chuyện sau đây, đủ cho người sầu vương, thương cảm ?

Mộng trần Lê Chân vẫn là người rất mến Trần-kim-Phụng, xưng Trần Thị là người tri kỷ. Nhân một đêm trần trọc ở lữ quán nơi châu thành Battambang, cảm thân thể bạn gái tha phương, có làm một bài thơ, sau đó có gởi cho Trần-Thị xem :

« Bao giờ chà sát, kẻ bừa vấy

Cam chịu như chàm lở nhúng tay

Mưa gió đập dồn hoa tái mặt

Tuyết sương chồng chất liễu cau mày

Chẳng cười, song phải cười ra vẻ

Muốn khóc, nhưng mà khóc với ai

Số đoan trường ghi tên tuổi sẵn

Ấu đành nhắm mắt mặc vần xoay.

Trần-kim-Phụng xem bài thơ ấy, thích ngâm câu :

« Muốn khóc nhưng mà khóc với ai »

Tuy nhiên, mùi đời nếm trải đủ cay đắng tâm sự mang-mang tác lòng tê tái, nhưng ở Trần-kim-Phụng — Mặc dù gởi thân trong cửa đạo — Trước sau Trần-thị vẫn chẳng bao giờ tỏ ra ủy mị tâm hồn. Mà bài dưới đây : Trần-kim-Phụng làm để đưa một bạn văn là Ngô-vị-Đường, nhất là hai câu kết, có thể biểu lộ rõ ràng, một phần nào tâm hồn Trần-kim-Phụng đối với đời.

Mai này bạn đã bước lên đài

Phận sự chức quyền dựng vẻ vang

Chữ dạ chữ sai lời thiết thịch

Nghiêng vai đừng nệ gánh giang san

Tác công tạo hóa nên dày dạn.

Cái chí anh hùng mặc ngửa ngang

Phải gấp thế nào nên thế ấy

Sá điều ly hiệp với bi quan.

Người như thế ấy mà mệnh bạc, duyên phận dở dang chẳng ra gì, nghĩ cũng thật là đau đớn !

Hướng chi, duyên phận tuy đang dở dang ra gì, song tâm trí của Trần-thị, so trong nữ giới, vẫn chưa dễ đã có ai hơn.

Lại một bằng chứng :

Trong tập «Nữ giới từng thư» trong mười nữ sĩ, Đinh Hương Đặng thị Hòai có đưa ra một bài thi sách họa :

« Cũng tai, cũng mắt, cũng hình dung

Chi đề ai khi khách má hồng ?

Góp mặt bình quyền đôi phận xê

Ghé vai nghĩa vụ một bên gông

Đem đường chỉ thắm khâu trời đất

Dờ lá khăn đào bọc núi sông

Trước giúp chồng con sau xã hội

Lệnh kêu, ta cũng thử kêu cồng

Trần-kim-Phụng đã họa lại rất rần rỏ :

Vẫn biết phận là phận nữ dung

Cũng trong trái đất dưới vầng hồng

Đạo nhà riêng giữ ba tòng vẹn

Việc nước chung chia nửa gánh gồng

Chẳng những râu mày hay nghĩa vụ

Khá đem son phấn vẽ non sông

Khuyên cùng nữ sĩ trong ba cõi

Đứng trước gương Trưng lóng tiếng công

Người ta bảo rằng, những tư tưởng, quan niệm, ý kiến của thi nhân, mà chính là hoàn cảnh cụ thể của thời đại đã cho thi nhân những nghĩ ngợi rung cảm.

Vậy những khúc nhạc lòng của nữ sĩ Trần-kim-Phụng thốt lên trong thời đại mà Quốc sử Việt Nam lật tới những trang hoen ố nhất, đen tối nhất, bi đát nhất 1884-1945.

Nữ sĩ cảm khái khi thấy non sông gấm vóc bị ngoại bang đầy xéo; dân-tộc âm-thăm nhỏ lệ; rồi nàng tự thấy tuy mình là phận gái, nhưng bốn phận đối với tổ quốc, dân tộc cũng phải chung phần đóng góp, nên đã có lần bà đã lên tiếng kêu gọi chị em...

.
:

Rằng ta phận đàn bà

Tấm lòng yêu nước cũng như ai

Việc đời ta phải chung vai

Non sông gấm vóc gái trai thế nào

Mình sức mạnh Tây nào dám để

Sức mạnh nhờ toàn thể cùng lo

Vừa nay độc lập tự do

Phải dành mà lấy ai cho không mình

Vận tở quốc lênh đênh đường ấy

Mình không lạ nhờ cậy vào ai

.
.
.

Thì lại cũng một cảm nghĩ ấy, một giọng tư tưởng ấy nên khi
mặt công Học hội Huế thành lập, ở miền Nam nữ sĩ đã lên tiếng kêu
gọi chị em tham gia nhập hội và hoạt động cho tổ chức này :

.

Chị em ơi :

Chúng ta cũng da vàng máu đỏ

Nông nổi này biết tỏ cùng ai

Từ khi non nước trời bời

Tăm thân bỏ liễu nhiều lời đồng cay

Chị em sao ngà day quá vậy

Chuông tự do khua rầy bên tai

Ầm ầm vang khắp mọi nơi

Sao mình không dậy trông người thử xem

Kìa phụ nữ chị em các nước

Bọn sọa quền tiến bước nữ quyền

Chúng ta cũng bọn thuyền quyền

Cảng phòang đồng bệnh đồng thuyền mà ra

Sao mà họ đùn bà như thế

Chị em mình càng kẻ càng đau !

.
.
.

Qua những khúc nhạc lòng của nữ sĩ họ Trần mà chúng ta vừa lướt qua trên, cũng đủ cho ta thấy nữ sĩ là người thế nào, vẻ văn tài cũng như vẻ tư tưởng, tư tưởng tiến bộ.

oOo

TRẦN-THỊ NGỌC-LẦU

Xuất thân trong một gia đình Khoa giáp. Trần-Thị-Ngọc-Lầu tức Ngọc-Dung lại có tên là Ngọc-Bích, thường gọi Cô Ba-Lào, con gái cụ Thủ-Khoa Trần-xuân-Sanh, chánh quản ở tỉnh Vĩnh-Lạc.

Mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, cụ thân sinh tái tục gặp phải một bà kế mẫu hết sức chua ngoa quý quái, nhưng cô được thấm nhuần bởi một nền luân lý cổ truyền Khổng-Mạnh luôn luôn lấy hiếu thuận làm đầu, nhưng dù sao cũng không cảm hóa nổi người nghiệt phụ bạc đức ấy; cuối cùng gia đình cụ Thủ-Khoa Trần-xuân-Sanh bị tan hoang bởi bàn tay người nghiệt phụ kia.

Cha con nhà họ Trần-sinh vào giữa lúc vận nước suy vi, thời nhà trunh bĩ, với khí tiết bất khuất của sĩ phu Việt-Nam, cụ Thủ-Khoa Sanh không mặt mũi nào vì danh lợi chạy ra phụng sự quân thù. Nên sau khi vận nhà suy sụp. Cha con dắt nhau tới tỉnh lỵ Mỹ-Tho làm nghề dạy học. Ngọc-Lầu tuy là gái nhưng rất thông minh, văn tài lưu loát, mới có 16 tuổi đã nổi tiếng hay chữ trong vùng.

Con nhà danh giá danh bằng, lại có sắc có tài, tránh sao khỏi những chuyện ong bướm rập rnh, đeo tên bản sẽ nhưng là một gái đoan trang, luôn-luôn gìn vàng giữ ngọc, không những biểu hiện ở cử chỉ hành động hàng ngày, cho đến xuất phát ra ở lời thơ văn cũng thế.

Đã có lúc Ngọc-Lầu cau mày với những kẻ tin đi mới lại :

Cái giọng đôi ba thiệp đã tăng

Trao tin về bướm ghẹo hoa xuân

Thư lòng Á-Trắc (1) ai kia nhớ
 Kháng điện chàng Trương (2) thiếp bảo đừng
 Bờ vầy hàm rồng khen lớn mặt
 Cáp non nhảy biển găm khen chưa
 Làm thính chẳng nói cho làm ngộ
 Nói lại e mang tiếng sở sàng.

Nhưng than ôi, như trên đã nói Ngọc-Lầu sinh vào giữa lúc quốc gia đa sự trên giải đất thiêng liêng nước bóng cờ ba sắc xanh trắng đỏ đã bay phất phới rợp trời, đạo lý bắt đầu suy, luân thường ngày càng hỗn loạn, lúc này trước mắt Ngọc-Lầu, hầu hết là những bọn giả áo túi cơm, phàm phu tục tử, thiết là biết đâu mà gửi can tràng vào đây » nỗi thắc mắc, băng khuông làm nàng phải than dài :

Năm đêm nghĩ lại luống than thầm
 Tài bộ như vậy đáng mấy trăm
 Khôn khéo đề thua người vinh tuyết (3)
 Thông minh nào kém mặt thân cặm (4)

(1) Nàng Trắc-văn-Quần, con gái Trắc-vương-Tôn, nhà giàu, có nhan sắc, được chàng Tư Mã Trương-Như, là một học sinh nghèo, nhưng học giỏi thời bấy giờ gặp. Ngọc-Lầu cho gái nhận biết rằng : câu chuyện Trắc-văn-Quần lại không nhớ sao?

(2) Tư-Mã Trương-Như biệt hiệu Tràng-Khanh, nhà nghèo, học giỏi, sắc đẹp, đàn hay, phải lòng nàng Trắc-văn-Quần, đương sợ nàng không thuận. Nhưng sau Trương-Như gây khúc « Phụng cầu hoàng » với những tiếng tơ đồng náo quật của Trương-Như đã đánh ngã cõi lòng của nàng Trắc. Đây Ngọc-Lầu bảo gái nhận rằng : không nên gây những khúc « Phụng cầu hoàng » ấy.

(3) Nàng Tạ-dạo-Uẩn với câu thơ « Bạch tuyết phén phén là sở tự » nghĩa là « Tuyết trắng bay man mác giống như gì ? ».

(4) Tức nàng Thái-văn-Cơ, giỏi nghề đàn.

Văn chương Tống Tín (1) coi nhiều bợn

Từ điệu Như Hoàn (2) ngó bằng tâm

Chỉ dốc nơi gương theo họ Mạnh

Kén lựa cho gặp khách tri âm,

Nhưng than ôi ! câu nói hay là lời tự dặn lòng của Ngọc Lầu :

Chỉ dốc nơi gương theo họ Mạnh

Kén lựa cho gặp khách tri âm

Có điều nàng Mạnh-Quang dù dốc lòng kén lựa bạn trăm năm, nhưng Lương Hồng vẫn vắng bóng, nên cô lần Ngọc Lầu đã thốt lên :

Mười hai bến nước bến nào trong

Kén chọn lâu nay chưa toại lòng

Nhân nhá cùng ai người thứ si

Ngọc lành cao giá thiếp trao không ?

Ngọc lành những muốn trao không nhưng chưa gặp nơi cao giá ; mãi cho tới gặp Nguyễn-hữu-Đức, người cùng tỉnh Vĩnh-Long, nhà nghèo hiếu học, là người được Ngọc-Lầu yêu mến nhất và Hữu-Đức đối với nàng đâu phải là vô tình lạnh nhạt, nhưng khi thì vì lý do này, lúc lại bởi nguyên cớ khác mà đôi trai tài gái sắc lại không gặp nhau, rồi cả hai cùng ôm hận. Khi được tin Trần-hữu-Đức qua đời vừa mới 26 tuổi, Ngọc-Lầu bủn rủn cõi lòng

(1) Nhân vật trong chuyện « Bình-sơn lành Yến » (2) Nàng Mạnh-Quang đời Hậu-Hàn, phẩm hạnh đoạn trang đến 30 tuổi mà còn kén chồng. Sau cùng mới gặp Lương-Hồng là một người chồng rất tốt, thỏa được niềm ước nguyện của nàng. Đây Ngọc Lầu cũng tự ví mình như thế và cũng còn hy vọng như thế.

tan tác khi nhớ tới người bạn cũ thừa nào ? Vì thương nhớ nên nàng đã khóc :

Phung Lãm ơi ! người ở chốn nào ?

Hai mươi sáu tuổi một đời sao

Tưởng cầu cọng tháp mỗi hồi đồ

Nhắc chuyện tri âm nước mắt trào

Chôn đất khối tình trời đất nhẽ

Đưa dây cầm nguyệt ruột gan bào

Cảnh đời vật đổi xem buồn nhĩ

Nhạn nhớ chừng mây, cá nhớ ao

Một thiên tình sử của Ngọc Lầu nó đã biến thành Lệ sử bi đát, nên sau khi Trần-hữu-Đức chết, là Ngọc Lầu tự chấm hết, chứ không hề có ý chấm rồi đề qua hàng nữa.

Rồi lúc măn chiều xế bóng, Ngọc Lầu không có ý nghĩ mình sinh ra ở đời không phải chỉ để cho mình, cho riêng gia đình mình, mà cũng có thể chung cho dân tộc, cho thời thế cho danh giá, cho đạo nghĩa được. Với những ý nghĩ cao quý ấy Ngọc Lầu khỏi bùi ngùi làm sao được khi trông thấy đất nước bị luân vong trước mắt nàng rất là những phường túi cơm giá áo quỳ chân lợm gối trước quân thù, chẳng biết dân tộc là gì, cái nhục vong quốc ra sao nữa.

Người ta đã kể chuyện lại rằng : có một lần Ngọc Lầu đi thuyền từ Mỹ-tho về Ba Bèo cùng một số văn nhân nam giới, hôm ấy giông tố mịt mù. Ngọc Lầu đã làm bài thơ tức cảnh sau đây :

Đi gió ghen chi với chị hằng.

Mà đem mây trắng lấp cung trăng

Non sông khôn thoát cơn mơ mộng

Sóng gió như kêu nổi bất bằng

Lánh nạn bay dài chim mỏi cánh

Giận trời nghiêng mãi cốc mồn rỗng

Ai ôi vì nước không lo liệu

Kêu đến chân rồi hết nói năng

Người ta thường nói, phong hoa tuyết nguyệt hay là núi non trăng gió là vương quốc của thi nhân nhưng trăng gió ở đây của nữ thi sĩ Ngọc Lâu, không phải là một thứ...trăng gió cũ sáo, rỗng tuếch của những thi nhân tầm thường.

Nếu không cảm hứng với nỗi cảm hờn khi thấy đất nước Việt-Nam bị bọn Tây-Dương bạch chủng dày xéo thì làm sao nói lên được «...mây trắng lấp cung trăng...» và không cảm thù với bọn bạo tàn cướp nước, thì làm sao kêu to lên được.

« Non sông khôn thoát cơn mơ mộng

« Sóng gió như kêu nổi bất bằng

« Lánh nạn bay bay dài chim mỏi cánh

« Giận trời nghiêng mãi cốc mồn rỗng.

Trước cảnh mất nước nhà tan, non sông chìm đắm, nữ sĩ đau lòng thốt lên tha thiết.

« Ai ôi vì nước không lo liệu

« Kêu đến chân rồi hết nói năng.

Qua những giọng khảo sát trên, ta thấy rằng Trần-thị-Ngọc Lâu tức Ngọc-Dung quả là một nữ-sĩ đáng làm tiêu biểu cho nữ giới về văn-chương cũng như về tiết hạnh.

BÀ « THỊ-NGHÈ »

Đây là những mẩu chuyện can trường, dũng cảm, đảm đang, nhân đức của những bậc nữ lưu tiền nhân đã đóng góp vào non sông gấm vóc Việt-Nam chúng ta. Nhưng chỉ là theo lời tương truyền của các ông bà chúng ta, chớ trong Văn học sử chẳng thấy ghi rõ. Nhưng dù hư thật, chúng ta vẫn cần phải biết đến, để làm một tấm gương soi cho hậu thế.

Mỗi khi chúng ta cùng đi qua cầu THỊ-NGHÈ, chúng ta không hiểu tại sao có cái tên Thị trước tên Nghè ? Nguyên do nào có cái tên đặc biệt kỳ lạ ấy ? Theo lời nhiều ông bà xưa truyền lại, thì những cái tên xã quận, tỉnh nào có chữ THỊ hay « Bà » trước như BÀ RIÀ, BÀ ĐIỀM, BÀ ĐEN, BÀ QUÊO, BÀ CHIỀU v.v... đều là của những người phụ nữ tại địa phương đó, có làm nhiều chuyện hữu ích cho dân, cho nước, nên đề tri ân, người ta mới lấy tên các bà mà đặt cho nơi mình cư trú.

Bà THỊ-NGHÈ, vợ của một ông NGHÈ đã chết từ lâu, bà là một người phụ nữ bình dân, thường sinh sống tại đó.

Ngày đầu tiên Pháp đổ bộ tại đây, sau khi bức phá hết những sợi giây xích giăng trên sông Saigon, để ngăn chống giặc ngoại xâm, một chiếc tàu trận nhỏ Pháp từ từ tiến vào sông Thị-Nghè đổ bộ quân lên bờ. Ngay theo đó bà THỊ-NGHÈ, liền tổ chức, kêu gào nhân dân nam nữ, trẻ già tại chỗ thành một nhóm du kích nhỏ, đón đường chém giết giặc Pháp. Nhiều trận kinh hồn xảy ra, khi thì tại nơi các mỏ đất (ĐỒN ĐẤT của quân binh ra, hiện là nhà thương ĐỒN ĐẤT (Grall) khi tại các hào vũng ở đầu cầu THỊ-NGHÈ. Quân binh Pháp bị giết khá nhiều. Sau đó tức giận chúng lùng xét bắt được bà Thị-

Nghè, và bà bị chúng giết chết trong trận du kích chót. Vì đó nhân dân tại đây, bắt đầu ghi tên bà tại vùng này là vùng THỊ-NGHÈ. để nhớ đến công đức can trường, dũng cảm của người phụ nữ có tấm lòng yêu nước cao độ.

BÀ RIÀ, một bà nhà giàu, nher đức. Thường hay giúp đỡ thi ân cho những kẻ nghèo khổ tại vùng bà ở. Về già, bà lập chùa trên núi THỊ-VÃI và tu luôn tại đó. Khi tướng Khởi con nuôi của cụ Lê-văn-Duyệt thua trận, kéo đám tàn quân chạy đến trú ẩn tại chùa bà. Bà hết lòng săn sóc, nuôi dưỡng, đạo binh ấy.

Nhờ những công đức đó, khi bà chết, nhân dân mới lấy tên bà đặt cho nơi mình sinh sống, cũng gọi là ghi ơn chút nào người phụ nữ có tấm lòng vàng.

oOo

NGUYỄN-THỊ-GIANG

« Chị Giang ơi ! Năm Châu mở mịt bụi hồng ; một đoàn con chim Việt đang ngại ngừng trong cái buổi gió mưa.

« Chị em ta sinh gặp lúc bấy giờ ; chém cha quân Tây trắng chúng cố dập vùi các bạn gái Việt Nam.

« Chị Giang ơi ! Nợ đời chị trả thế là xong, tình non nước nghĩa tình chung chị cũng đền bồi.

« Năm xương thơm chín suốt ngàn ngời, bọn quân thoa ta đó, ai là người nối gót ngàn thu ? ? ?

Đó là bài hát « Sa mạc » của một đoàn thề cách-mạng ở hải ngoại, khóc cô Giang, một nữ Đảng Viên Việt-Nam Quốc Dân Đảng, một người dân tận trung với nước, một người vợ tận nghĩa với chồng.

Cô Nguyễn-thị-Giang làng Đồng Vệ, Phủ Vinh Tường tỉnh Bắc Giang, sinh trưởng trong một gia đình thanh bạch luôn luôn lấy đạo đức luân lý Đông phương làm căn bản lập thân xử thế.

Cô gia nhập tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng thuộc tỉnh bộ Bắc Giang, dưới sự chỉ huy của ông Song Khê.

Từ năm 1929, cô phụ trách giao thông cho tổng bộ với các chi bộ các tỉnh. Vì nhu cầu công tác, luôn luôn phải gặp gỡ và cùng đi với Đảng trưởng Nguyễn-thái-Học,

« Lạ chi thanh khí lễ hằng,

« Một giây một bước...

Sự thương yêu của một đôi đồng chí tài sắc ngang nhau, ~~đều~~ phải là chuyện đáng cho chúng ta khó hiểu.

Rồi một buổi sáng tốt lành kia, nhân nhân qua Đền Hùng Vương, là miếu điện thờ phụng Đức quốc Tổ Việt-Nam, hai người đem nhau vào đền thờ làm lễ tuyên thệ, ở đây không phải là :

« Vòng trắng vằng vặc giữa trời

« Đỉnh ninh hai miệng, một lời song song...

Nhưng là :

« Lòng thành dâng một nén nhang.

« Nam mô Phật tổ Hồng Bàng chứng minh.

Trong cái buổi định tình ấy. Cô Giang khải thiết yêu cầu ông Học giao cho một khẩu súng sáu, và hứa, nếu Học chẳng may chết vì nước, thì Giang cũng xin lấy khí giới này mà chết theo chồng.

Từ khi ông Học bị bắt, mỗi khi nhớ tới lời thề sơn hải, thì lòng cô se lại, tinh thần khủng hoảng ? Bỗng dưng cười, bỗng dưng khóc, cô trở nên như một người giở tính, làm Đảng đã tốn rất nhiều công phu bảo vệ và chạy chữa cho cô, để cô có thể ở tại Hà nội, mà gián tiếp thăm nom chồng.

Một buổi chiều được tin ông Học, cùng các đồng chí bị giải lên Yên Bái, cô cũng đáp xe lửa đi theo, đồng thời mang theo khẩu súng mà ông Học giao cho ngày nọ và một quả bom, với ý định quyết tử xông vào phá pháp trường.

Nhưng bọn lính canh không cho khán giả một ai tới gần, nên cô đã không làm được theo ý định.

Đứng đằng xa, với một nghị lực phi thường, cô đã đem nọ cười mà đáp lại nọ cười của ông Học khi sắp bước lên máy chém. Lăn lộn trong đám người đứng xem, cô đã không biểu lộ máy may

đau xót khi thấy đầu người đang trưởng người chồng duy nhất của mình lìa khỏi cổ. Chứng kiến cuộc hành quyết xong, cô quay về nhà trọ, tìm chỗ bí mật viết hai bức thư tuyệt mạng. Hai bức thư ấy, viết trên 3 trang giấy khổ hẹp, bằng nét bút chì xanh. Rồi ra chợ mua mấy vuông vải trắng làm khăn để tang cho chồng.

Buổi chiều cô đi xe lửa sang Vinh-Yên. Và sáng hôm sau, cô về địa hạt làng Đông-Vệ, dạn làng Thổ-Tàng làng ông Học vào thăm cái quán giữa đồng mà đôi vợ chồng son đã có lần ngồi trò chuyện.

Nghĩ đến chồng, đến đảng, đến nước, cái thiện tính muốn sống với cái ý định muốn chết đã giao tranh kịch liệt trong tâm tư, sự giao tranh ấy làm cho cô bơ phờ, tối mịt. Nhưng rồi, lý trí quyết định cuối cùng đã chấm dứt tình trạng bơ phờ, mõi mết ấy.

Bước ra khỏi cái quán, Cô cầm súng, tự dí vào mang tai bên rồi bóp cò, sau một tiếng « đoành », Cô ngã quỵ xuống, súng văng ra một bên.

Sau khi viên tri phủ Vĩnh tường Phi báo, sở mật thám Hà nội phái nhân viên giáo nghiệm về tận nơi. Do cái tên ký Nguyễn Thái-Học phụ nhân nên chúng biết là Cô-Giang, người mà bao lâu chúng đã có danh sách truy nã, chúng xuyt xoa tiếc rẻ, cuối cùng chúng đã trả thù cái xác chết một cách dễ tiện, bằng cách lột hết quần áo ra khám rồi chúng không hề mặc trả lại. Và còn để thi hài phơi lộ dưới ánh nắng hai, ba ngày cho ruồi nhặng bầu đậu, rồi mới cho phép làng chôn.

Đề hiểu tâm trạng Cô-Giang đối với chồng như thế nào ? Chúng ta hãy đọc lại những bức thư sau đây, những bức thư cô viết trước giờ tử tiết :

BỨC THƯ THỨ NHẤT

Ngày 17 tháng 6 năm 1930

Kính lạy Thầy mẹ !

« Con chết vì một điều kiện tất yếu, mà sức hữu hạn của con người không thể vượt nổi. Không báo thù được cho nhà, rửa nhục cho nước sau khi con đã đem tấm lòng trinh bạch dâng cho chồng con ở Đền Hùng. Giờ đây con trở về quê nhà, mượn phát súng này để kết liễu đời con.

*Đức con bất hiếu kính lạy,
Nguyễn thị Giang*

BỨC THƯ THỨ HAI :

Anh đã người yêu nước, không làm tròn được nghĩa vụ cứu nước; Anh giữ lấy hương hồn cao cả để về mà chiêu binh, tuyển tướng ở dưới suối vàng. Các bạn đồng chí của anh còn biết bao kẻ sống sót, vẫn còn tiếp tục theo gương, gột gột anh để hoàn thành sứ mạng cứu dân cứu nước.

CUỐI CÙNG LÀ MỘT BÀI THƠ :

*Thân không giúp ích cho đời
Thà không trả được cho người tình chung
Dẫu rằng dương độ trẻ trung
Quyết vì non nước một lòng hy sinh,
Con đường cách mạng mong manh
Éo le hoàn cảnh buộc mình biết sao ?
Bây giờ hết kiếp thơ dao*

Gian nan bỏ mặc đồng bào từ đây !

Tuy rằng chút phận thơ ngây

Sòng đồng chí đã có ngày ghi tên

Chết đi dạ những buồn phiền

Nhưng vì hoàn cảnh trườn chuyên buộc mình !

Quốc kỳ phấp phới trên thành

Tử thân không được chết vinh dưới cờ

Cực lòng lỡ bước sa cơ

Chết sâu, chết thảm, thật là xót xa,

Thế ru ! đời thế ru mà

Đời mà ai biết, người mà ai hay

Đọc hết những thi vãn trên, chúng ta thấy rõ tâm trạng Cô Giang khi ấy như thế nào ? Chết vì nước, chết theo chồng ở trong cái lý trí mê mang, bi hùng lúc bấy giờ, các sự vật đều biến chuyển, nhào lộn, không có gì giới hạn nữa.

Dù vậy, cho tới phút cuối cùng, lòng cô vẫn không quên cái bồn phận làm dân đối với nước ; làm con đối với cha mẹ ; và cô cũng không quên kỷ vọng ở những đồng chí chết sau sẽ vì những đồng chí chết trước trả thù họ, cũng như tiếp tục sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt-Nam Quốc-dân đảng.

Tinh thần trách nhiệm ấy, là một đặc sắc chung của những con người từng thấm nhuần đạo lý Đông Phương đã rèn đúc cho một tinh thần hy sinh, dũng cảm vô bờ bến, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Cảm khái với chết của Cô Giang, một cái chết không bao giờ chết. Nhà ái quốc chí sĩ Phan Sào Nam, khi nhận được ai tịn đã làm bài văn tế sau đây :

«Than rằng :

Sóng nhân đạo ở hai mươi thế kỷ, bạn má hồng toan cướp
gái làm trai

Gương nữ hùng trên một góc trời Nam, bạn da trắng phải
ghê giòng giống Việt.

Trên quốc sử mực Chàm giấy phấn, ông cả đoàn nhan nhản
bầy nô.

Dưới Long thành màu biếc cỏ xanh, gái đến thề rành rành
chữ liệt

Trắng thu mờ mặt, trông những buồn tanh ;

Người ngọc xa vời, nghĩ càng đau tuyệt

Nhớ nữ liệt sĩ xưa ;

Đất nhà tình hoa, trời trao bằng tuyết

Vóc quần thoa nhưng chỉ khi tu mi

Thân khuê các mà can trường khí tiết.

Thuở bé nhờ ơn gia giáo, Hán học vừa thông.

Tuổi xanh vào Quốc-Học trường, Pháp văn cũng biết

Tang hải gặp xoay cuộc, ngó giang sơn lúng những lòng đau.

Trần ai tức tối trong người, thấy nô lệ đương đôi trông
ngút.

Xem sách Pháp từng nghi Lân-Đà, La-Lan thuở nọ, chỉ
em mình há để ai hơn.

Giờ sử nhà bỗng vỗ tay reo, Bà-Trung, Cô Triệu sau này,
 non nước ấy có đâu hồn chết,
 Triều cách mạng đang dâng sừng sục, cát Vệ Tinh ngậm đầy
 trước miệng, mong thấy bề vùi,
 Vai quốc dân nặng gánh triu triu, đi oai Hùng đáp sẵn
 trong tay, nữ xem trời khuyết.

Tức tối cường quyền.

Thì gan sấm sét.

Khi nhập đảng tuổi vừa đôi tám, cơ nữ binh đáng đội tiền
 phong :

Lúc tuyên truyền sách động ba quân, lưới biện sĩ trở tài du
 thuyết.

Thổi gió phun mây từng mấy trận, nào Lâm Thao, nào Yên
 Bái nữ tham mưu đưa đầy đội hùng binh ;

Vào sinh ra tử biết bao phen, kia thành huyện, kia đồn
 binh, cờ nương rữ xông pha hàm rắn rết.

Nguyễn thái Học trở tài kiện tướng nhờ có cô mà lòng
 cánh thêm dài.

Phạm-thị-Hào nổi tiếng trung trinh, em có chị mà xứng danh
 nữ kiệt.

Khốn ôi thay.

Vận nước còn truân,

Tại trời chưa hết ;

Trắc trở buồm xuôi gió ngược, tài anh như gặp bước gian
 truân

Ngại ngùng nước biếc non xanh, tay chúc nữ ường công
thêu dệt.

Nhưng có còn :

Thiết thạch tâm can,

Chân toàn bách chiết.

Thời như thế, việc đành phải thế, đoạn đầu dài mừng được
thấy ánh lên,

Sống là còn mà thác cũng là còn, súng kẻ cò không nhường
cho giặc giết;

Tiếng súng lúc vang lên một tiếng, núi đồi sông nhào.

Hồn anh thư bện phút trùng lai, thân khóc quý thét.

Ôi thương ôi ;

Khóc nữa mà chi .

Nói không kể xiết ;

Một nén hương lòng,

Mấy lời thống thiết ;

Bạn nữ lưu ai nối gót theo chân ?

Nghĩa đoàn thể, xin từ đây cò kết ;

Hỡi ai ! thương thay ;

Năm 1946, tại Liên Khu 4, nhà văn Nguyễn-Tu-Hồng, khi cho ra tập tài liệu « Lịch sử cách mạng Việt Nam » lấy tên là « NHẮC NHỚ ». Sau khi viết hết bài Tiểu sử Nguyễn thị Giang

Vì lòng tôn kính ái mộ người và việc, Tác giả có làm thơ truy niệm như sau :

Tinh chồng, nợ đảng, gánh giang san ;
Thác xuống tuyến đài hận chưa tan.
Xương trắng nêu cao gương tiết nghĩa,
Máu hồng in thắm chữ trung can.
Ngàn năm Tờ Quốc ơn ghi mãi,
Một thác tình chung nghĩa trả trên
Thành bại mặc ai người nghị luận.
Muôn ngàn năm ờ tiếng Cô Giang.

oOo

CÔ NGUYỄN THỊ THUYẾT

Với một tấm lòng yêu nước thiết tha, cô Nguyễn-Thị-Thuyết gia nhập vào Việt-Nam Quốc-Dân Đảng với nhiệm vụ liên lạc, thông tin, dò thám tình hình của giặc.

Trong khi cô đang hoạt động với các anh Phó-Đức-Chính, thì bị một tên Việt gian phản quốc là Ngọc-Kinh đã dẫn Pháp đến vây tại cơ-quan Thanh giám, chúng bắt được các anh Viện, Viễn, giáo Lai, Phó-đức-Chính và cô Thuyết.

Khi bị một tên Việt gian chất vấn :

— Tại sao mày dám chống lại Chính phủ Bảo hộ ?

Cô mỉm cười đáp :

— Anh hãy về hỏi lại mẹ cha anh có vẻ vang gì không khi đã có đứa con như anh !

Mặt tên Việt gian xám ngắt lại và chúng đã thủ tiêu cô một cách rất hèn nhát, nhưng tên cô Nguyễn-Thị-Thuyết vẫn còn sống mãi với non sông.

CÔ BẮC

Có thể nói Cô-Bắc là người hăng hái nhất trong cuộc cách mạng Yên-Báy. Lãnh sự mạng tuyên truyền, Cô đã giác ngộ được một số đồng anh em nhà binh, và theo một vài đồng chí của cô lúc ấy thuật lại thì khi giết hai nữ đồng chí phản đảng là hai chị em ruột cô Nhu và cô Uyên ở ngõ Nghè Hải-Phòng đêm 31-5-1929 chính Cô Bắc đã đề bản án của tòa án cách mạng, khép hai tên nữ Việt gian vào tội tử hình.

Về sau bị bắt cùng với các nữ đồng chí, chúng đưa ra xử một lượt với nhà cách mạng Nguyễn-thái-Học, Trước mặt tên Chủ tịch Hội-đồng đề hình ở Yên-Báy, khi chúng hỏi sao cô lại theo bọn khởi nghĩa, thì cô chỉ thét lên :

— Chúng mày hãy về nước Pháp mà kéo đồ tượng Gian-Đặc (Jeanne d'Arc) đi thôi !.

Và từ đấy Cô Bắc đã hùng dũng đi vào xanh sử...

CỤ BÀ SÀO-NAM PHAN-BỘI-CHÂU

1865-1936

Bà Phan-bội-Châu, họ Thái, tên Huyện, con cụ Thái-văn-Giai một nhà túc nho; ở làng Diên-Lam, thôn Dục-Nam, huyện Nam-dân, tỉnh Nghệ-An, bạn học với cụ thân sinh cụ Sào-Nam.

Bà lớn hơn cụ một tuổi, nghĩa là sanh trước mấy tháng. Hai cụ già thân sinh đính hôn ngay từ lúc mới một tuổi. Năm bà hai mươi ba tuổi về làm dâu nhà cụ Phan, sau khi bà thân sinh cụ đã mất tám năm.

Nhà nghèo, cụ chuyên nghề dạy trẻ, thường năm không ở nhà, trong nhà trên thờ cha già, dưới nuôi con dại, chỉ hai tay với cái gánh trên vai. Bà quán xuyến cả trong gia đình, không bao giờ để cho chồng phải bận tâm lo nghĩ đến chuyện nhà chút nào cả.

Trường trai mười mấy năm dư, cụ đi dạy trẻ, gây bạn đồng chí, bà ở nhà lo chăm sóc việc nhà, nuôi ông cha già bệnh hoạn, đến năm ba mươi bốn tuổi, cụ Sào-Nam mới đỡ giải nguyên thì năm ấy cụ thân sinh mất.

AI cũng biết khoa mục đất Nghệ-An thời bấy giờ, người ta qui chuộng là đường nào. Huống hồ danh tiếng học giỏi, yêu nước lòng lấy như cụ Phan, lại đỡ Giải-Nguyên, thì theo thường tình thiên hạ dân bà được một đức ông chồng như thế thì tha hồ tự do bước lên cái thang quan sang, cho vợ nhà được sung sướng, bỏ công khổ nhọc lâu nay, được **VŨNG ANH ĐI TRƯỚC, KIỀU NÀNG ĐI SAU.**

Nhưng cụ Phan, tuyệt không có ý đó, mà bà cũng hiểu rõ ý chỉ chồng mình là thế nào rồi: cụ Phan sợ đi cỡ giết cho được cái

Giải-Nguyên, không phải ham gì cái khoa danh bằng, song ở trong cái xã hội đầy không khí « SÙNG THƯỢNG KHOA HỌC » mà không mang cái vỏ bề ngoài ấy thì không ai thêm kính trọng, nghe theo chủ nghĩa mong muốn của mình. nên cụ Phan muốn có cái lót đó để tiện việc tiếp xúc trong nhân sĩ, nhân quần đầy thời.

Cụ có chi lo việc nước từ lúc nhỏ song chưa thi thố được là vì còn độc đinh, nhà thời còn có cha già, chưa tự tiện hiến thân mình cho đất nước, hai là vì ở trong xã hội còn chiều chuộng khoa cử, mà thân còn mang cái xác « ĐỒ GÀN » nói không mấy ai nghe. Nay có cái lót Giải-Nguyên, đã có cái vỏ để giao thiệp với đời, để cổ động chủ nghĩa yêu nước, chống xâm lăng của mình rồi.

Khi cụ thân sinh mất, không còn gánh nặng gia đình trên vai nữa. Bắt đầu từ đó, cụ tự do vào Nam ra Bắc, suốt năm, sáu năm không hề về nhà. Mà mỗi lần có về là ngày nào cũng có dẫn theo đám khách đông đúc. Vậy mà một tay bà Phan nào lo việc nhà, phần lo buôn bán tảo tần, phần nuôi con đại, phần lo đãi khách. Dù nhọc nhằn túng quẫn, thế mà bà không khi nào tỏ sắc buồn than, hờn dỗi hay thốt một câu gì làm phiền đến lòng chồng.

Đến năm 59 tuổi, cụ Phan bị bắt đem về nước, rồi được thả về Huế chỉ được gặp bà có nửa giờ đồng hồ tại thành VINH, cùng nhau nói một câu chuyện. Sau cụ về Huế, cụ bà về quê cho đến ngày bà mất.

Bà mất ngày MÔNG MỘT tháng TƯ năm BÍNH TÝ (22 MAI 1936), thọ được 71 tuổi. Sau cụ Phan xuất dương, bà ở nhà với bà Hai (tức là vợ thứ cụ) và hai cậu con, bị chính quyền Pháp và Nam nghi ngờ, cũng vất vả gian truân thế nào, đều ấy không nói tất nhiên ai ai cũng rõ. và tiểu sử của ba thế nào đã có bài văn tế cụ Phan khóc bà sau đây nói rõ.

Làm một người đàn bà, được có một đức ông chồng học giỏi, đỗ cao, tên tuổi, ái quốc thương nòi, rõ là đức riêng của mình, cái danh dự « VÕNG TRƯỚC KIỆU SAU » vợ phong con ấm mà thế tục yêu thích, nếu làm hạnh phúc chính ở nơi mình đức ông chồng đó. Vậy mà bà đành lòng chịu khổ trọn đời trong cảnh chua cay, đành nhượng ông chồng quý hóa kia cho gian san quốc tồ làm của chung cho nước nhà, nòi giống, tuyệt không có chút tơ tóc buộc ràng làm bận rộn đến chồng, thật ít có thay!

Ở trong áo vải chần nâu, ăn núp cái lòng trong sạch cao cả của cái tiết cao thượng, cái chí kháng khái, tức cho rằng cái tên chí sĩ Phan-bội-Châu có nửa phần của bà trong ấy, cũng không phải là quá.

Lúc bà chết, nhiều đồng chí với cụ Phan gửi diếu văn đến khóc bà rất đông,

Đây, chúng tôi xin lược vài câu đề các bạn biết rõ bậc hiền phụ ấy, rất xứng đáng làm khuôn mẫu cho chị em chúng ta đến bậc nào.

Câu đối của Minh Viên Huỳnh-thúc-Kháng, phúng diếu cụ bà Phan-bội-Châu :

1) LÃO TIÊN SANH VỊ QUỐC VONG GIA, TRẤP NIÊN TỨC LỘ XANG PHONG, CHÀM BAN HOÀNH QUA DUY Ý LỢI (1) THỂ THẦN TỊCH CỘNG.

Dịch nôm :

2) Hiền nội tướng hữu phu nhi quả, chính phủ trị gia phủ ấu sơn đầu hóa thạch, tỷ Kiêm-Lâu (2) phụ khổ toàn đa.

(1) Ý lợi thế (Cavour) danh tướng ước Ý trọn đời không có vợ, thường nói TA LẤY NƯỚC Ý ĐẠI LỢI LÀM VỢ.

HIỀN PHU NHÂN CƯ CHỒNG MÀ GÓA. MỘT MINH CHẮC CHAM NHÀ NUÔI TRÉ, ĐẦU NON HÓA ĐÁ, CAY CHUA SẮP MẪI VỢ KIÊM LÂU (2)

(2) Kiêm-Lâu liệt nữ tuyền: Kiêm-Lâm là một cao-sĩ, nhà nghèo có người vợ hiền

LÃO TIÊN SANH VÌ NƯỚC QUÊN NHÀ, BA MƯƠI NĂM AN GIÓ, NÀM SƯƠNG, BÊN GÓI KÈ GƯƠM, CHIỀU SỚM BẠN CÙNG NÀNG Y-LỢI.

CÂU ĐỐI CỦA CỤ SÀO NAM PHAN-BỘI-CHÂU khóc cụ bà,

— Câu đối chữ Hán dịch ra Quốc văn —

TRÁP DƯ NIÊN CÀM SẮT BÁT TƯƠNG VÂN, THẾ PHONG KHỜ VŨ, CHỈ ẢNH VI PHU, NHỨT TƯƠNG SẼN NHI HUY NHIỆT LỆ.

« CỪU TUYÊN HẠ THÂN BẰNG NHƯ KIẾN VẤN, ĐIỀN HẢI DI SƠN, HỮU THUY TƯƠNG BẮ, THIÊN XAI LÃO HÁN BẮ KHÔNG QUYỀN.

Dịch nôm

« BA MƯƠI NĂM CÀM SẮT KHÉO XA NHAU, MƯA SÀO GIÓ THẮM, CHỈ BÓNG LÀM CHỒNG, NGỒI NGÓ TRỀ CÒN RƠI LỆ NÓNG.

« DƯỚI CHÍN SUỐI THÂN BẰNG NHƯ HỎI ĐẾN, LẤP BIÊN DỜI NON, NÀO AI GIÚP BẮC, CHỈ CÒN MÌNH LÃO MŨA TAY KHÔNG.

TÌNH CỜ GẶP KHÁCH NĂM CHÂU, HƠN BA MƯƠI NĂM CHỒNG CỐ NHƯ KHÔNG, CỐ ĐỪNG VỮNG MỚI GHÈ, NGÂM ĐĂNG NUỐT CAY TRÒN ĐẠO MẸ.

KHEN KHÉO GIỮ NỀN TỬ ĐỨC, NGOÀI BẦY CHỤC TUỔI SỐNG ĐAU HƠN CHẾT, THÔI VỀ MAU CHO KHOẺ, ĐỀN CÔNG TRẢ NỢ NẶNG VAI CON.

CỤ SÀO-NAM PHAN-BỘI-CHÂU

Kể lược sử bà cho hai con trước khi bà mất

Này con ! Chúng con ơi !

Cha e chết ở rầy mai, có lẽ mẹ mày không được một phen gặp nhau nữa !

Nhưng nếu trời thương ta, cho hai ta đồng chết thì gặp nhau dưới suối vàng, cũng vui thú biết chừng nào !

Nhưng đau đớn quá ! Mẹ mày e chết trước ta. Ta hiện bây giờ nếu không chép sơ những việc đời mẹ mày cho chúng con nghe, thì chúng con rồi đây không biết rõ mẹ mày là người thế nào, có lẽ bảo mẹ ta cũng như người thường thấy cả.

Than ôi ! Ta với mẹ mày, vợ chồng thật gần năm mươi năm quan giả gần bốn mươi năm. Khi sống, chẳng mấy hồi tương tụ, mà tới chết lại chỉ tin tức nghe hơi !

Chúng mày làm con người, đã biết nỗi đau đớn của cha mày với mẹ mày, chắc lòng mày còn thế nào mà an thích được.

Bây giờ ta từ lúc sắp sửa chết, mà chưa chết, đem lịch sử mẹ mày nói với mày :

— Mày nên biết, nếu không có mẹ mày, thời chi của cha mày đã hư những bao giờ kia !

Cha ta với tiền nghiệp của mẹ mày xưa, thấy nhà thơ cũ, rất chăm giữ đạo đức xưa. Mẹ mày lớn hơn ta một tuổi. Hai ông đính thông gia với nhau từ khi con còn lên một.

Tới năm mẹ mày hai mươi ba tuổi, về làm dâu nhà ta. Lúc ấy mẹ ta bỏ ta đã tám năm rồi, trong nhà duy có cha già với em gái bé. Ta

vì sanh nhai bằng nghề dệt trẻ, luôn năm ngồi quán ở phương xa, cái gánh sớm chiều gạo nước gửi vào trên vai mẹ mảy. Cha ta đối với đầu con rất nghiêm thiết, nhưng chẳng bao giờ có sắc giận với mẹ mảy. Cha ta hưởng thọ được 72 tuổi, nhưng bị bệnh nặng từ ngày 60. Liên niên trong khoảng 10 năm, những công việc thuốc thang hầu hạ bên giường bệnh, cho đến các việc khó nhọc nặng nề mà người ta không thể làm được, thầy đều tay mẹ mảy gánh vác.

Kể việc hiếu về thờ ông cha như mẹ mảy, thật là một việc hiếm có. Trước phút cha ta lâm chung trước vài phút đồng hồ, gọi mẹ mảy bằng mày đến cạnh giường nằm, chúc ta rằng :

— Ta chết rồi mày phải hết lòng, hết sức dạy cháu ta. Và hết sức thương vợ mày. Vợ mày thờ ta rất hiếu, chắc trời cũng làm phúc cho nó.

Xem lời lâm chung của cha ta như thế, cũng đủ biết nhân cách của mẹ mảy rồi. Năm cha ta sáu chục tuổi, còn hiếm cháu trai, vì ta lại là con độc đinh, nên cha ta càng khát cháu lắm :

Mẹ mảy muốn được chóng sanh trai cho bằng lòng cha, nên gấp vì ta cưới thứ mẫu này.

Chẳng bao lâu mà em mảy sinh. Trong lúc thằng cu mới ra đời, mẹ mảy gánh việc ôm ấp, đùm bọc hơn một tháng.

Cha ta được thấy cháu đầu, hoan hỷ quá chừng, thương nói vớt ta rằng ?

— Ta nay chỉ còn có việc chết chửa nhắm mắt, là mày chưa trả cái nợ khoa danh mã thời.

Mẹ mảy nhà có cái nhơn đức thứ mẫu này, thân yên hơn

chị em ruột. Kể đức hơn ai với người phận em, như mẹ mày cũng ít có.

Cứ hai chuyện trên, bảo mẹ mày là mẹ hiền, về thời cữ chắc không quá đáng. Nhưng mà bắt buộc cho ta trọn đời nhớ luôn luôn, thì lại vì có một việc.

Nguyên lại nhà ta chỉ có bốn tấm phen che suông, chẳng bao giờ chứa gạo tới HAI NGÀY. Nhưng vì trời cho ta cái tính quá đặc, thích khoản khách hay làm ơn. Hễ trong túi được đồng tiền, thấy khách hỏi tức khắc cho ngay.

Thường tới khi từ trường quán về nhà, khách hoặc năm, sáu người có khi mười người chẳng hạn. Nhưng chiều hôm, sớm mai, thiếu những gì tất hỏi mẹ mày.

Mẹ mày có gì đâu ! Chỉ dựa vào một TRIỀNG HAI THÙNG, từ mai tới hôm, mà cũng nghe chòng đời gì thì có vậy.

Bồng (lượng) dạy học của ta tuy khá nhiều, nhưng chưa đồng xu nào mà tay mẹ mày được xài phí.

Khô cực lắm nhưng không sắc buồn, khó nhọc lắm nhưng không tiếng giận. Từ đã ba mươi sáu (36) tuổi, cho tới ngày xuất dương, những công việc kinh dinh việc nước, mẹ mày ngầm biết thầy, nhưng chưa từng hé răng một lời.

Duy có một ngày kia, ta tỉnh cờ ngồi một mình, mẹ mày đứng dựa cột kê một bên ta mà nói :

— THẦY TOAN BẮT CỌP (Pháp thực dân) ĐÓ MÀ ? CỌP CHƯA THẤY BẮT, MÀ NGƯỜI TA ĐÃ BIẾT NHIỀU. SAO THẾ ?

Mẹ mày tuy có nói câu ấy, mà lúc đó ta làm ngơ, ta thiết đồ quá ! Bây giờ nhắc lại trước khi ta xuất dương, khoảng hơn 10 năm

nghèo đó mà bận bẻ nhiều : khốn cùng mà chí vững, thiệt một phần nữa là nhớ ơn mẹ mảy.

Tới ngày ta bị bắt về nước, mẹ mảy được gặp ta một lần ở thành tỉnh Nghệ, hơn nửa tiếng đồng hồ, chỉ có một câu nói với ta rằng :

— «Vợ chồng ly biệt nhau hơn 20 năm, nay được một lần gặp mặt thầy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi. Từ đây trở về sau, chỉ trông mong cho thầy giữ được lòng xưa, thầy làm những việc gì mặc thầy, thầy chớ nghĩ tới vợ con.

Hỡi ôi ! Câu nói ấy bây giờ còn phảng phất ở bên tai ta, mà ta té ra chầy chà năm tháng, chẳng một việc gì làm, chốc đã gần mười năm. Phỏng khiến mẹ mảy chết trước ta, thì trách nhiệm của ta e còn nặng thêm mãi mãi.

Suối vàng quanh cách, biết lối nào thăm

Đầu bạc trăm năm, còn lời thề cũ

Mẹ mảy thật chẳng phụ ta, ta phụ mẹ mảy !!

« CÔNG NHĨ VONG TƯ » chắc mẹ mảy cũng lượng thứ cho ta chứ.

Rút trong TÂN SANH PHỤ NỮ năm 1953
của Ô. TÙNG LÂM Lê-cương-Phụng
cử nhân Hán Tự kè

oOo

BÀ NGUYỄN PHAN LONG

— 1893-1968 —

Bà Nguyễn-phan-Long (chánh thất của ông Nguyễn-phan-Long một nhà viết báo kiêm chính trị gia tên tuổi) tên thật là Trần-thị-Huyền, sinh quán tại Saigon ngày 13-12-1893. Mặc dù bà là người sinh quán tại Saigon, thành dân người miền Nam, nhưng gia đình nội tổ bà gốc ở Nghệ-An, một chi nhánh của dòng vua nhà Trần, sau con cháu về Nam sinh sống cho tới ngày nay. Cụ thân sinh của bà là Trần-cửu-Trường là một nhà học giả biết nhiều thứ chữ và nhiều thứ tiếng, chữ nho, chữ Pháp, đến chữ Cao-Miền cụ nói và viết thông thạo như người Miền. Nội tổ bà, cụ Tổng Trần-văn-Thậm, một nhà thâm nho tinh thông về lý số, y học, địa lý. Lúc đầu mới vào Nam cụ mở trường dạy học, nhiều môn đã thành danh đồ cao. Tài cho thuốc được nhiều người tán tụng. Cụ được tặng nhiều huy chương của Triều đình Nam-Vang, vì đã chữa hoàng tộc như nhà vua được dứt khỏi nhiều bệnh tật nguy hiểm.

Với bệnh nghèo, cụ chữa trị, cho thuốc không nhận thù lao. Có lẽ nhờ sinh trưởng trong một truyền thống gia đình lễ giáo, nhân đức nhiều nên bà Trần thị Huyền từ lúc thiếu thời đã tỏ ra rất thông minh, siêng học. Ở trường học chữ Pháp, chữ Việt về nhà học thêm chữ nho, đêm vào học khoa nấu ăn, bánh mứt đủ thứ ngon lạ, khéo léo.

Năm 1912 bà Trần-thị-Huyền vâng lệnh song thân kết hôn với ông Nguyễn-phan-Long lúc bấy giờ là một công chức cao cấp (tham tá) của sở thương chánh Hà nội. Sau đám cưới bà theo chồng ra Bắc một thời gian ngắn được đổi về Saigon.

Nhưng khi vào đến đây, thì cụ Nguyễn-phan-Long từ bỏ chức Tham Tá ra làm báo với tờ L'ÉCHO ANNAMITE (1918) mà chính ông là chủ nhiệm kiêm chủ bút, dùng cơ quan ngôn luận binh vực đạo đạt những sự oan ức cho đồng bào với nhà cầm quyền Pháp. Bà luôn luôn kề cạnh bên ông, thờ chồng dạy con, phụ chồng trong mọi công tác của ông. Sau đó ông lập thêm một tư thực Nguyễn-phan-Long, quy tụ nhiều giáo sư học giỏi, tư cách như ông Trần-quy-Liệu, Bùi-thế-Mỹ. Bùi-văn-Chiêm v.v...

Muốn biết vai trò đảm đang, cao tuyệt đến bậc nào của một người hiền phụ, chúng ta cần phải biết rõ vai tuồng của đức phu quân mới nhận thấy rõ sự hy sinh cao cả ấy của người hiền phụ.

Từ ngày vào Nam, ông Nguyễn-phan-Long bước qua con đường hoạt động chính trị và viết báo, dạy học, ông là một người được nhiều kính nể, từ người Pháp đến người Việt vì ông có rất nhiều đức tính tốt, trong sạch, thanh liêm, đời sống chỉ sống với một lý tưởng phục vụ nhân dân, tổ quốc, không thích danh vọng tiền tài. Ghét Pháp, bài Pháp với một tinh thần xây dựng mà chưa chút. Vì đó luôn ông nghèo. Vì đó bà Nguyễn-phan-Long luôn luôn vất vả vì sinh kế. Để trong gia đình giữ trọn vẹn sự sinh hoạt, tề gia nội trợ, quán xuyến tiếp công việc làm của chồng, bà phải lo làm lụng thêm kiếm tiền bỏ vào cho đủ xài trong ngân quỹ hằng tháng.

Có học thuộc ít nhiều với nội tồ, bà sáng chế ra một loại phấn lấy tên là THU-CÚC, một mỹ phẩm hoàn toàn đồ nội hóa, để bán cho phụ nữ trang điểm, trừ mụn, tàn nhang, nám. Và viết bài dạy nữ công nấu ăn, làm bánh mứt cho các báo phụ nữ (Phụ nữ Tân-văn, Khuê Phòng v.v...) Quyền GIA CHÁNH lần đầu tiên xuất bản được nhiều giới phụ nữ hoan nghênh và ủng hộ mãi cho tới ngày nay. Đã nhiều lần tái bản, nhưng vẫn được chị em cần dùng trong việc gia đình. Thật là một quyển sách phổ thông hữu dụng cho phụ nữ Việt-Nam đã dành, tới ngoại quốc như Pháp, Tân-thế-Giới, Nouvelle Calé

BÀ NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

(Phụ nữ Tân văn) 1900—1962

Tại sao tôi phải thêm tên tờ Phụ-nữ Tân-văn vào sau tên bà Nguyễn-Đức-Nhuận ?

Vì tại miền Nam này, vào thời bấy giờ có tới ba tên Nguyễn-đức-Nhuận :

- 1— Nguyễn-đức-Nhuận tự Phú-Đức (nhà viết báo, tiểu thuyết gia nổi tiếng).
- 2— Nguyễn-đức-Nhuận tự Bút Trà (của nhà thơ, chủ nhiệm nhật báo Saigon mới).
- 3— Nguyễn-đức-Nhuận. (chủ nhiệm tờ Phụ-nữ Tân-văn).

Cả ba cũng đều trong làng báo giới miền Nam. Nên đề tránh sự lầm lạc, mỗi khi nói đến tên Nguyễn-đức-Nhuận, cần phải phân tách ra cho rõ ràng.

Bà Nguyễn-đức-Nhuận, chủ nhiệm tờ Phụ-nữ Tân-văn tên thật là CAO-THỊ-KHANH, sinh năm 1900 tại Gò Công, cùng một nơi với Đức Bà Từ Dũ Hoàng-Thái-Hậu, con của cụ Cao-văn-Nhiều và Nguyễn-thị-Mỹ, một nhà thâm nho, đạo đức, giàu có tại tỉnh ruộng lúa phì nhiêu, sinh sản nhiều anh tài, hiền phụ.

Nói đến tên bà Nguyễn-đức-Nhuận, cách đây 40 năm về trước, khắp các giới nam nữ trí thức đến bình dân trên toàn cõi Việt-Nam ai ai cũng đều biết danh tiếng bà, đều hâm mộ đức độ hy sinh cho một phần đại chúng nghèo của bà do tờ Phụ-nữ Tân-văn đề xướng ;

nào Đồng xu học sinh nghèo, đã gởi được ít nhiều sinh viên sang ngoại quốc du học đến thành tài. Nào Hội Dục Anh, ký nhi viện v.v.

Từ xưa tới nay, bà là người phụ nữ duy nhất mở một kỷ nguyên mới, một tờ báo phụ nữ đứng đầu nhất, xã hội nhiều, một tôn chỉ mới mẻ, độc đáo.

Thật lấy công tâm mà nói, cho đến ngày giờ này, chưa có một tờ báo Phụ nữ nào đường lối được như tờ Phụ nữ Tân văn. Bao nhiêu cây bút danh tài toàn quốc, đến ngoại quốc, Côn-Nôn, đều quy tụ về tờ báo phụ nữ ấy. Một bài luận về phụ nữ, văn chương, xã hội hay chính trị, đều là những thiên giá đáng nghìn vàng.

Không lúc nào, cao trào phụ nữ lên cao tuyệt vời như lúc này. Ấy cũng nhờ những cây bút uyên thâm học thức hợp nhau đề cao, bình vực giới phụ nữ. Thêm những đường lối, hoạch định xã hội của bà Cao-thị-Khanh được nhiều hưởng ứng, đánh trúng vào nhu cầu của giới phụ nữ bình dân và trí thức.

Do sự thiện chí, không vụ lợi, cầu danh của bà Nguyễn-Đức-Nhuận mà khắp ba kỳ Nam-Trung-Bắc đủ mọi giới hưởng ứng, đóng góp một cách thật là mạnh mẽ vô cùng. Dù là bà không là một hội trưởng, một đoàn thể phụ nữ nào (như hiện tại có rất đông, sau ngày được tự do, độc lập). Rất nhiều văn nhân, thi sĩ, nam như nữ được xuất hiện đông đảo: nào Văn Đài, Ngọc-Thanh nữ sĩ (sau là Thiệu-Sơn phu nhân, do duyên văn tự trên tờ Phụ nữ và tài hoạt bát ở diễn đàn của nữ sĩ, và bây giờ là SƯ CÔ HUỆ-THUẬN, sau khi nữ sĩ làm tròn nhiệm vụ gia đình, liễn xã thân cho đạo pháp, và đại chúng xã hội từ thiện: có Phan-thị-Nga, Nguyễn-thị-Kiểm tự Mạnh-Mạnh nữ sĩ, Mỹ-Ngọc. v.v...

Một HỘI DỤC ANH quản trị thật sự do các bà phụ nữ Việt-Nam điều hành thành lập, nhờ sự khéo léo vận động tranh đấu của tờ Phụ-Nữ Tân-Văn. Chớ thật sự, dưới trào Pháp-thuộc,

bao nhiêu công cuộc từ thiện đều do người Pháp điều hành, người phụ nữ VIỆT chỉ là tay sai, bù nhìn của họ mà thôi và các họ đạo ở tùy giòng nhà thờ, tùy từng địa phương. Chớ thật sự, phụ nữ Việt Nam không bao giờ được phép tự do công tác xã hội do người Việt-Nam sáng lập, điều hành.

Đến Hội Dục Anh đường Cống-Quỳnh mỗi khi nhìn lên di ảnh người Giám-Đốc sáng lập viên:

Bà Cao-thị-Khanh tức Nguyễn-đức-Nhuận phu nhân, mà tôi ngậm ngùi nhớ lại thuở nào còn là cộng sự viên với bà cả vợ lẫn chồng (ông Bùi-thế-Mỹ, tự Lan-Đình, tự Hỷ-Tô).

Tôi nhớ con người hiền phụ, ôn hòa, trầm tĩnh quý phái ấy với một tình thương bao la với xã hội phụ nữ, học sinh, sinh viên nghèo nhớ công phu khó nhọc, tài sản của vợ chồng bà bỏ vào để thực hành chương trình đại quy mô:

ĐỒNG XU HỌC SINH, SINH VIÊN NGHÈO, và đã tạo được một nhóm sinh viên ưu tú nghèo du học ngoại quốc thành tài.

HỘI DỤC ANH để nuôi trẻ em mồ côi, nghèo khó. Chương trình xã hội hoạch định của bà thật là vĩ đại. Bà định thành lập, xong cái thứ nhất ở Saigon làm căn bản Trung Tâm kiểu mẫu, từ từ sau đó chi nhánh sẽ thực hiện thêm trong toàn cõi Việt-Nam, từ làng xa, quận nhỏ, tỉnh lớn.

Nhưng rất tiếc hằng tâm, ý nguyện của bà, vì sự ích kỷ, ganh tị của một nhóm người thiếu lương tâm đã phá vỡ luôn cho xã hội phụ nữ như thiếu nhi, đến cả cuộc đời, sự nghiệp của bà.

Vì sự tổ chức cái **HỘI CHỢ** 1932, kiếm tiền bỏ vào quỹ hội **DỤC ANH**. Một cái hội chợ mà từ trước từ Pháp thuộc tới giờ chưa có cái hội chợ nào được tổ chức chu đáo, lộng lẫy, vĩ đại như thế, và thành công quá sức tưởng tượng của người đời.

Khắp cả ba kỳ Nam—Trung—Bắc, muôn triệu người hưởng ứng tiếng gọi Phụ nữ Tân Văn. Muôn triệu người phụ nữ tập hợp vào hội chợ này, trưng bày những cái khéo léo, thuần túy dân tộc, nào những đồ thêu tay tuyệt vời của người phụ nữ miền Bắc, những món bánh mứt, bông hoa, tranh vẽ v.v... của người phụ nữ miền Nam và Trung, đầy đủ, ngập tràn. Những đề tài xã hội, phụ nữ, mỗi đêm đều được các bà cô Nguyễn-thị-Kiểm, Ngọc-Thanh nữ sĩ, Nguyễn-thanh-Long (giáo sư, tức là bà Luật sư Phan-văn-Gia) thay nhau lên diễn đàn nói về vấn đề phụ nữ, xã hội thiếu nhi v.v...

Cao trào phụ nữ lên cao tuyệt độ nhờ những khai mào của bà Nguyễn-đức-Nhuận trên tờ Phụ Nữ Tân Văn, ở diễn đàn từ trong hội chợ Phụ nữ (1932) đến Trung, Bắc, ở những công cuộc từ thiện xã hội của bà.

Vì đó, vì ganh tị cái địa vị thành công của chủ nhân tờ Phụ Nữ Tân Văn mà người ta nổi lên vu cáo bà đã gian lận tiền bán bông giấy (confetti).

Hai tờ báo hàng ngày, do hai bà chủ báo mở nhiều đợt công kích tờ Phụ Nữ Tân Văn một cách vô căn cứ, bôi nhọ danh dự cá nhân vợ chồng bà đủ mọi khía cạnh dơ dáy, bỉ ổi.

Là một tờ tuần báo phụ nữ, không thể đương đầu, thanh minh những cái xuyên tạc bỉ ổi ấy, nên bà cho xuất bản hàng ngày tờ Phụ Nữ Tân Văn đề bình vực danh dự mình, thanh minh với bạn đọc. Chưa từng có trận bút chiến nào dữ dội giữa hai phe làm báo như lúc này. Một mặt bà Nguyễn-đức-Nhuận đưa nội vụ ra công lý, để nhờ soi sáng sự hư thật là đâu? Kết quả, bà được pháp luật nhìn nhận sự trong sạch « không gian lận ».

Nhưng dù chỉ, danh dự, tinh thần như vật chất bị thương tổn quá nhiều. Sau một thời gian cố gắng tiếp tục cho ra tờ Phụ

Nữ nhưng lòng hăng say bằng bột của bà đã vơi mất quá nhiều, thêm chán ngán lòng người, tình đời, bà liền cho đình bản tờ báo.

Cho đến ngày 24 tháng 5 D.L. 1962 bà mất vì bệnh đau tim có lẽ vì vết thương thể sự, tình người ? Trong thời gian ở Pháp, bà có quay về quê hương một lần vào Trung Thu năm 1941, bà cảm tác một bài thơ dưới đây :

Ván cờ nước bi nghĩ thêm buồn

Không đánh mà thua mấy trận luôn

Bến Nghé ngồn ngang xe ngựa chạy

ĐỒNG NAI chặt nát lính quân lùn

Kẹo lều tàu đậu đầy hai bên

Rầm rạt xe bay khắp bốn phương

Sắp tới hạ cờ, tàu nổi nhạc

Ngậm ngùi nghĩ giận cuộc tang thương !!

Đọc bài thơ trên chúng ta nhận thấy nỗi lòng người phụ nữ giàu tình cảm, thiện chí với xã hội quốc gia. Buồn cảnh tang thương của đất nước như của chính mình, nhìn non sông gấm vóc dưới gót giày của bao người ngoại quốc, hết Pháp đến Nhật,... Người Việt-Nam không muốn tranh giành, đánh giặc với ai, mà cứ bị xoay vạy đánh để bị thua. Trên trường đời của bà như cuộc cờ Việt Nam, bà bị thua, tổ quốc bị dày xéo, thật cuộc cờ bi, nghĩ thêm buồn.

Bà Cao-thị-Khanh biết làm thơ, nhưng rất ít khi làm, bà chỉ giành thời giờ viết bài cho phụ nữ như « Thiên chức người làm mẹ, làm vợ, v.v... » và nhất là đề nhiều thi giờ về công tác xã hội đã hoạch định sẵn trong chương trình Phụ Nữ Tân-Văn.

Còn ông Nguyễn-đức-Nhuận, sau thời gian ở Pháp với bà ít

lâu, ông phải quay trở về quê hương, lo nuôi dạy hai đứa cháu nội mồ côi.

Và ông cũng từ giả cõi đời, để theo bà bên kia thế giới ngày 5 tháng 6 năm 1968. Kể từ ngày về quê hương, thì ngoài sự lo cho hai cháu ăn học, ông chỉ lo tu niệm tại gia. Một bài thơ của ông đưa tôi xem ngày ông tham thiền nhứt định, nói lên sự ê chề buồn hận lòng người, sự đời :

« BÍNH TUẤT CẨM TÁC (1946) »

Bốn mươi bảy tuổi, thấy gì chưa ??

Thấy chán trần gian, Đạo mẫn ra

Dưa muối vui lòng ngâm kệ sớm

Tương rau no dạ, niệm kinh trưa

Chợ đời mặc kẻ tranh phần được

Cửa Phật ta đành giữ phận thua

Ngày tháng quên vun, bồi cội đức

Tới ngày trời gọi sẽ hầu thưa

Minh-Không NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

Đọc bài thơ trên ai ai đều nhận thấy nỗi chán chường của con người bại trận trong trường đời. Thế thường ai ai người đời cũng đều thích tranh PHẦN ĐƯỢC. Có mấy ai ĐÀNH GIỮ PHẬN THUA.

Từ ngàn xưa, các bậc Thánh hiền cũng đã từng chỉ lên cái nhân tình, thế sự. Họ bảo :

Nhân tình như tờ giấy lật qua, như ván cờ... (Nhơn tình tợ chỉ trương trương bạc Thế sự như kỳ, cuộc cuộc tân).

Dư luận, con người thật là bạc. Không nhận xét tin tưởng trong những khía cạnh tốt của con người, mà người ta chỉ vì danh danh, lợi lợi tìm cái khía cạnh xấu nào dễ thổi lông tìm vết, dễ phá vỡ những công cuộc tốt đẹp của kẻ khác thành công.

Tại sao tệ trạng này vẫn còn tồn tại mãi cho tới ngày nay ở giữa cái xã hội Việt-Nam chúng ta ? Phải chăng tại quốc gia ta lạc hậu ? Hay tại dân trí còn kém cỏi ? Nên câu chuyện chụp mũ, phao du, phá hoại những kẻ làm được chuyện cứ tiếp tục còn mãi tới ngày nay. Vì đó mà tại các quốc gia miền Trung-Nam chúng ta, không một nhà chính trị chân chánh hay từ thiện xã hội nào không bị bôi lọ chụp mũ, phá vỡ.

Và cũng vì đó mà người ta rêu rao : Mảnh đất miền Nam gieo toàn giống xấu, cam chua. Và cũng vì đó những kẻ nào có thiện chí, hàng tâm muốn phục vụ quốc gia xã hội thì họ đều sợ : xe trước đổ, xe sau phải tránh là hay.

Ở nước văn minh, tiến bộ, có biết bao nhiêu Hội từ thiện xã hội tư nhân, nhiều hơn những cơ sở chính quyền. Đã đành họ được chính quyền nâng đỡ rất nhiều, thêm sự ủng hộ của quần chúng. Dư luận lúc nào cũng vỗ tay, khuyến khích, dân chúng lúc nào cũng đóng góp hăng hái. Nhờ đó mà xã hội họ luôn luôn được nâng đỡ tình thương. Công cuộc xã hội từ thiện phát triển mạnh mẽ từ trong nước ra tới ngoài nước.

Lẽ ngay mà nói, nếu bà Cao-thị-Khanh không bị nhóm người ích kỷ, ganh tị xuyên tạc, phá dỡ, thì chắc chắn chương trình xã hội văn hóa phụ nữ còn đi xa, đi mạnh hơn nhiều.

Sau Hội đọc Anh, và gửi sinh viên nghèo đi Pháp, bà đã xúc tiến, thành lập một Hội «Nữ Lưu Học Hội», mục đích đoàn kết hợp đoàn những bậc nữ lưu học thức rộng thành một BAN XUẤT XUẤT (Comité d'initiative). Ban này gồm có :

Bà Bác vật Thái-văn-Lân

Bà Bác sĩ Nguyễn-văn-Nguyễn

Bà Kỹ sư Võ-văn-Dậm

Bà Giáo sư Trương-văn-Huấn

Bà Nguyễn-đức-Nhuận

Cô Nguyễn-thị-Kiểm, Nguyễn-thị-Phương, Lê-kim-Huê, Trạng Sư Dương-Văn-Giáo và nhiều nhân vật trí thức Bắc, Trung, Nam. Chức vụ của Ban này là gieo cái ý tưởng « Nữ lưu học hội » trong toàn thể phụ nữ toàn quốc, cắt nghĩa sự lợi ích về các học hiệu cao-đẳng mà phổ thông, chỉ rõ ảnh hưởng của nó về sự tiến hóa của vận động phụ nữ ra thế nào ? BAN XƯỞNG XUẤT lo về việc cõ động bằng báo chí, sách vở; diễn thuyết, và mở ban dạy về các khoa phổ thông trí thức, nữ công, ngôn ngữ văn tự... Những môn cần dùng nhất cho phụ nữ độc thân nghèo hay có chồng dù có học nhiều hay chưa học bao giờ.

NỮ LƯU HỌC HỘI là nơi đoàn kết các tầng lớp phụ nữ, trí thức như cần lao Nam-Trung-Bắc. Đoàn kết để khuyến khích nhau trong đường học vấn như nghề nghiệp.

Rất tiếc những chương trình đại quy mô, tối cần cho xã hội phụ nữ của bà Nguyễn-đức-Nhuận đành vùi chôn luôn theo tờ Phụ nữ Tân-Văn. Tiếc thay mà cũng hận thay !

« Phụ nữ tân văn » không còn, bà và ông Nguyễn-đức-Nhuận đã vùi sâu dưới lòng đất lạnh, người đi mà danh ở.

Một tấm gương nghị lực, thiện chí, hăng tâm cao đẹp, đáng nêu lên cho chúng ta cùng soi chung và cùng suy gẫm thế tình.

Lời tác giả :

ẤP LINH TRUNG (THỦ ĐỨC)

ngày 9 tháng 10 năm 1968

Tôi vừa viết xong tiểu sử bà Nguyễn-đức-Nhuận, vừa ngậm ngùi rõ lệ đọc lại, thì đứa cháu đi chợ về, đưa cho tôi tờ Đuốc-nhà Nam, tôi vừa lật ra xem, gặp ngay bài của ông Thiều Sơn viết « Bài học Nguyễn-đức-Nhuận ».

Đọc xong tôi càng rõ lệ ngậm ngùi thêm cho hai chữ thể tình. Và tôi không ngần ngại đưa tiếng nói cụ thể thứ hai của một nhà văn chân chính, tiền bối vào đây để gọi là đóng góp vào sự tưởng niệm công lao của hai ông bà Nguyễn-đức-Nhuận với nền văn hóa phụ nữ và xã hội.

Đề chứng tỏ rằng :

Đời chẳng hoàn toàn là những người bạc bẽo, vong ân... Nhưng vì dòng đời chiến loạn bao nhiêu năm qua, người dân Việt chịu quá nhiều đau khổ phũ phàng, dù trong tâm tư còn tưởng nhớ những gì cao đẹp xa xăm cũng không có đủ phương tiện để tròn nhiệm vụ làm người chung thủy.

Và mời các bạn cùng xem bài của ông Thiều-Sơn đăng tải theo đây, để hiểu rõ thêm công lao của ông Nguyễn-đức-Nhuận và bà Cao-thị-Khanh.

oOo

BÀI HỌC NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN của Thiệu-Sơn

Sách có chữ : « Phú nhuận ốc, đức nhuận thân ». Do đó mà nhiều người Việt-Nam có tên Đức-Nhuận. Trong làng báo tôi biết có tới ba ông Đức-Nhuận cùng họ Nguyễn cả. Ông nào cũng gần tới thượng thọ. Trước hết là Nguyễn-đức-Nhuận tự Phú-Đức, một nhà văn đã có hồi tên tuổi như cồn do những tiểu thuyết kiếm hiệp của ông. Kế tới là ông Nguyễn-đức-Nhuận tự Bút-Trà, vừa làm báo, vừa làm thơ.

Sau hết là ông Nguyễn-đức-Nhuận, chủ nhiệm tờ Phụ Nữ Tân Văn, một tờ tuần báo Phụ Nữ nhưng đã phản ánh được một thời đại quan trọng của lịch sử nước nhà. Số đầu ra ngày 2-5-1929, số chót đề ngày 18-5-33. Phụ Nữ Tân Văn là một nhân chứng trung thực trong suốt 5 năm là những năm có rất nhiều biến cố.

oOo

Nhưng có một biến cố mà tờ P.N.T.V. không ghi được là cái chết của người đã khai sinh cho nó và nuôi sống nó để phục vụ xã hội một cách tận tình và đặc lực.

Tôi không bao giờ tưởng tượng được một đám táng mà người đi đưa không đầy một trung đội, không vợ, không con, chỉ vốn vẹn có 2 đứa cháu nội với một số rất ít bạn bè thân quyến.

Tôi biết kẻ quá cố là một người hào phóng hiếu hữu, hay làm nghĩa và hay giúp đỡ mọi người. Cả những người ông không quen biết mà ông thấy nên giúp đỡ là ông giúp. Nhưng tới khi ông nằm xuống thì chẳng mấy ai được biết mà lui tới, mà tiền đưa. Chẳng

qua ông cũng chỉ là một nạn nhân của thời cuộc như bao nhiêu người khác vậy thôi. Phú quý sinh lễ nghĩa, Mà hoàn' lạc thất nhân tình.

Ông chết ngày 5 tháng 6 năm 1968 hưởng thọ 68 tuổi.

Năm năm trước đây, ông bị đứt mạch máu chính tôi đưa ông vào nhà thương St. Paul. Y học cứu sống được ông nhưng chỉ cứu sống được nửa người và suốt trong 5 năm trời ông chịu bán thân bất toại. Cố nhiên trong tình trạng đó bề bạn lần lần, phải thưa bước. Mà thưa bước là phải khi không còn « phú » để « nhuận ốc » không còn « đức » để « nhuận thân ».

Chính tôi đây nhiều khi cũng ngần ngại không muốn ghé thăm một ông bạn già đương lê tấm thân tàn phế chờ ngày tắt thở, không còn biết tới sanh thú là gì, chỉ muốn chết mau mà cứ phải kéo dài sự chết suốt 5 năm trường...

Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi gặp ông ở báo quán PNTV tại « Chợ Cũ », đường Vannier ngang hông kho bạc. Ông còn giới thiệu bà có vẻ dịu hiền và quý phái. Ông còn giới thiệu những nhân vật mà tôi chỉ mới được nghe tên chứ chưa từng biết mặt như những ông Đào-Trình-Nhất, Trần-Quỳ v.v... Hồi đó khoảng năm 1931.

Trước khi viết tôi đã đọc P.N.T.V. rất nhiều cũng như tôi đã say sưa đọc Đông dương Tạp chí và tạp chí Nam Phong. Nhưng đọc báo Phụ Nữ tôi thấy khác với hai tờ báo trên nhiều lắm.

Lời lẽ kém bóng bẩy, kém văn chương nhưng chân thành giản dị và thực tế hơn nhiều. Những biến cố xảy ra ở trong nước được nói tới đầy đủ hơn, thẳng thắn hơn, kịch liệt hơn nên nhiều khi có những khoảng trống bị kiểm duyệt.

Điều đó không lạ vì Đông Dương Tạp chí và Nam-Phong là

những tờ báo có tiền trợ cấp của chánh quyền thuộc địa còn P.N.T.V. là tờ báo riêng của ông bà Nguyễn-đức-Nhuận.

Những đừng tưởng rằng cứ bỏ tiền riêng ra làm báo là cứ cho nó được độc lập, không chịu sức thao túng của chánh quyền. Biết bao nhiêu tờ báo của tư nhân đã tự nguyện làm tay sai đắc lực cho thực dân, cho phong kiến, cho nhà Ngô... Ngay trong thời kỳ toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp mà còn có những tờ báo hoan hô những thắng lợi của quân viễn chinh Pháp.

Có so sánh như thế mới thấy rõ giá trị của tờ Phụ nữ Tân văn, trong thời kỳ thực dân toàn thịnh mà dám đề cao những anh hùng liệt sĩ bị thọ án tử hình ở Yên Bái dám lên án những vụ oanh tạc cố ý tiêu diệt cả làng Cồ Am, dám công khai ủng hộ những nhà chí sĩ ái quốc, dám đăng tải những bài chống chánh sách thực dân, dám tiếp đón những cây bút chống công thức.

Phan Khôi, Đào trinh Nhất và biết bao nhiêu nhà văn khác đã do sự cộng tác với Phụ Nữ Tân Văn mà nổi tiếng.

Một chính trị phạm bị lưu đày ở Côn Đảo đã nhờ PNTV mà giữ lại tên tuổi đến ngày nay. Tôi muốn nói ông B.Đ. tức Bửu Đình tác giả của những bộ tiểu thuyết Mảnh Trăng Thu, Cậu Tám Lọ v.v..

Cả tôi nhà văn Hồ Biểu Chánh tuy đã được độc giả lưu ý nhưng chỉ sau khi có tiểu thuyết đăng trong P.N.T.V mà người ta mới thật sự chú ý tới ông.

Trường hợp ông Phan Khôi cũng vậy. Ông đã viết trên tạp chí Nam Phong. Ông đã viết ở Đông Pháp Thời Báo.

Nhưng người ta chỉ đặc biệt lưu ý tới ông ở P.N.T.V.

Hồi đó một bài báo được trả nhuận bút 5 đồng là hậu lắm mà

P.N.T.V đã dám trả cho nhà văn Phan Khôi 200 đồng 4 bài trong 1 tháng. Bạc hời đó 1 xu bằng bảy giờ trên 1 đồng.

Không những đối với ông Phan Khôi, đối với tất cả những người nào đã hợp tác với PNTV, hai vợ chồng ông chủ nhiệm đều đối xử trọng hậu nhã nhặn, có thái độ trọng sợ, chiều nể là một thái độ rất hiếm có của nhiều vị chủ báo ngày nay.

oOo

Có người nói với tôi: Ông Nguyễn đức Nhuận là người có đầu óc con buôn. Tôi đồng ý là ông rất thông minh, thực tế trong công việc làm ăn biết nắm lấy cơ hội, lợi dụng cơ hội để tay trắng làm nên sự nghiệp. Nhưng khi bắt tay làm báo ông không hề lợi dụng tờ PNTV, để mưu đồ tư lợi. Trái lại, ông tự đặt cho ông một vai tưởng quan trọng muốn tờ báo được phát triển ra ngoài cái khuôn khổ của nó.

Có hai việc đáng nêu ra là « Đồng xu học sinh » và « Hội chợ Phụ nữ »

Việc thứ nhất ông đã thành công là ông đã hô hào thành lập một quỹ học bổng để giúp cho học sinh nghèo được xuất dương du học. Với một phần tiền lời của tờ báo quý « Đồng xu học sinh » đã hoàn thành được 2 học bổng gởi hai thanh niên ưu tú qua Pháp du học cho tới thành tài. Một người đậu kỹ sư, một người được dự bị thi thạc sĩ.

Đáng lẽ thì hai ông này sau khi thành tài về nước phải hoàn lại học bổng cho những người tới sau. Nhưng ông Nguyễn trong những ngày gần đây thường nói với tôi rằng :

« Các ông không hoàn lại gì cả. Mà cũng chẳng thấy mặt mũi của các ông đâu cả. »

Như vậy thì «*đồng xu học sinh*» thành công hay thất bại ?

Ở đây ta đừng nói tới sự thất bại hay thành công, ta chỉ ghi lại một sáng kiến, một thiện chí hay là một tấm lòng của người quá cố đã sống tích cực và đã chết cô đơn.

Việc thứ hai là tổ chức Hội chợ Phụ Nữ vào khoảng năm 1933.

Lần thứ nhất 4 vị phụ nữ đã thay nhau lên diễn đàn và đã gây được một phong trào phụ nữ ồ ạt thúc đẩy người phụ nữ phát triển mạnh ở rất nhiều địa hạt. Do đó mà sản xuất ra được một hiện tượng mạnh trong làng văn là *Manh Manh nữ sĩ*.

Cô xuất thân ở trường áo tím, là một nữ sinh ưu tú nhưng còn xa lạ với làng văn. Nhưng sau khi lên diễn đàn được thính giả hoan hô nhiệt liệt thì cô liền hăng say nhảy vào xã hội văn chương như một con lân say sưa với tiếng pháo. Cô làm thơ mới, viết văn theo cú pháp của cô, cô diễn thuyết từ Nam chí Bắc rồi lại từ Bắc vô Nam gây một không khí hào hứng vô cùng. Phe bảo thủ chê cô.

Phe cấp tiến khen cô. Nhưng khen hay chê tới nay không còn là vấn đề.

Bà Nguyễn-đức-Nhuận đã chết ở bên Pháp cách đây 10 năm.

Ông Nguyễn-đức-Nhuận mới đây đã ra người thiên cổ.

Nhưng hồi sanh tiền hai ông bà đã điều khiển tờ Phụ Nữ Tân Văn cho nó thành một tờ báo có địa vị vẻ vang trong lịch sử báo giới xứ này.

Hai ông bà đã gây được một phong trào phụ nữ, tạo nên được nhiều hiện tượng đề thúc đẩy phong trào.

Chính bà chủ nhiệm đã viết trong số ra mắt của PNTV ngày 2-5-29.

« Nghĩ vì « cây có cội nước có nguồn » dân tộc ta sở dĩ không phải là bọn ăn gốc biển; ngã đầu rừng như dân da đỏ ở bên Nam Mỹ, cùng lu tới vầy đoàn sấm rề bạn như dân da đen ở Tây Phi, chính là vì chúng ta nhờ được nền nếp từ xưa, cội nguồn vững chắc, suốt 4000 năm đã sống vẻ vang trên cội đất này...

Người viết ra những câu đó đã minh định lập trường dân tộc, tự hào là dân Việt Nam không phải như dân da đỏ ở Nam Mỹ, như ở Tây Phi, nhờ có 4000 năm văn hiến.

Nhưng nếu tác giả còn sống tới ngày nay mà đọc lại những lời đã viết từ 40 năm về trước, tác giả sẽ thấy là lịch sử không đứng yên một chỗ, 4000 năm văn hiến chỉ bởi dưng cho chúng ta một phần nào chứ không thể là nền tảng duy nhứt của ta được. Chính đi vãng cũng phải cần được tài bởi bằng những mảnh đất phù sa để tạo nên một tương lai rực rỡ hơn, vĩ đại hơn.

Dân da đỏ ở Nam Mỹ, dân tộc da đen ở Bắc Phi nay cũng đã nổi dậy để giải thoát cho mình, ta không có quyền khinh họ nữa.

Nhưng ta vẫn tự hào là đã phát cờ giải phóng trước họ, đem tâm vong vật nhơn mà đương cự với đại bác chiến xa của thực dân Pháp. Ta tự hào ở chỗ đó.

Phụ nữ Tân Văn cũng có thể tự hào là đã góp phần giác ngộ cho đồng bào thấy rõ số phận của mình mà kiên định lập trường dân tộc và cách mạng.

Trong số những người được P.N.T.V. giác ngộ lại có con dâu lòng của ông Nguyễn đức Nhuận là anh Nguyễn đức Vinh. Ngay từ giờ phút đầu tiên anh Vinh đã gia nhập Thanh Niên Tiền Phong rồi rút luôn ra khu để kháng chiến.

Anh hăng say chiến đấu và đã chết ở Thủ đầu Một dưới làn đạn của quân thù ngay từ năm 1945.

Anh đã sống vinh quang, đã chết xứng đáng để thực hiện những lời nói của cha mẹ anh trên PNTV.

Cha mẹ anh không dám làm như anh và cũng không bao giờ muốn con mình dấn thân trên con đường nguy hiểm.

Nhưng bây giờ tất cả đã vùi sâu dưới lòng đất mẹ, ông bà đã thấy rằng trước sau có một lần chết thì cái chết hiển ngang và ánh dương của đứa con đầu lòng không phải là vô nghĩa khi PNTV mỗi tuần đều đem đến cho người ta những bài học thiết tha về đoàn kết, về hy sinh, về quốc gia dân tộc.

Con ông đã lãnh hội được những bài học đó và đã thực hiện tới mức độ cao quý nhất, đẹp đẽ nhất, thiết tha nhất.

Nó đã minh họa bằng xương và bằng máu lập trường dân tộc của tờ Phụ nữ Tân Văn.

Phấn son tô điểm sơn hà

Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam

Nhưng tô điểm bằng phấn son đâu bằng xương máu ? Hơn nữa, có nói phải có làm. Mà anh Nguyễn đức Vinh đã làm. Cha đã sống trước mà chết sau, khi gặp con ông ở bên kia thế giới chắc ông được hài lòng.

Trích trong Đuốc Nhà Nam số 1 ngày 9-10-68

SONG THU NỮ SĨ

Nói đến tên bà Song-Thu, hẳn còn nhiều người trong giới văn nhân, cách mạng đều biết đến bà. Vì bà là một người phụ nữ gần như duy nhất uyên thâm Hán Tự, thơ hay, chữ đẹp còn sống tới ngày nay tại cái miền Nam trù phú, nhiều giao động này ; và cũng là người phụ nữ yêu nước cao độ, từng nhiều lần vào tù ra khám vì sự chống Pháp của bà với phong trào đề xướng của cụ Sào Nam Phan-bội-Châu.

Ai đã được biết bà qua sự nghiệp văn chương, thi họa và cách mạng của bà, cũng đều kính mến hăm mộ ... Nhưng con người của bà thích sống cuộc đời gần như ẩn dật, bởi đó ít có người nhắc nhở đến bà. Bà chỉ sống âm thầm, thanh đạm trong một gian nhà nhỏ, cạnh một ngôi chùa, khi dịch kinh, khi thơ, họa.

Bà Song-Thu tên thật là Phạm-thị Xuân-Chi tự Hữu-Lan, bút hiệu Song-Thu, người làng Đông-Bàn, phủ Điện Bàn tỉnh Quảng-Nam (Trung Phần) Một tỉnh địa linh nhân kiệt, cách mạng nhiều anh tài đồng. Chính cụ Huỳnh-thúc-Kháng cũng tự hào nơi sinh quán của cụ nhờ sự bách linh tụy tụy ở núi Ngũ hành Sơn (theo 1 câu đối của cụ khước ông Bùi-thế-Mỹ tự Lan-Đình vào năm 1942 có câu : Ngũ-Hành Sơn di tích, bách linh tụy tụy khăn giao bôi...)

Nội tổ của bà là cụ Phạm-phú-Thứ. Thân sinh là Phạm-phú Lâm và bà Nguyễn-thị-Cần. Bà sinh vào năm 1899. Nhờ sinh trưởng trong một gia đình cách mạng, lễ giáo, danh gia, vọng tộc, nên từ thuở nhỏ đã được rèn đúc dạy dỗ rất chặt chẽ. Trước bà thụ giáo với cụ Cử Lê-Bá-Trình, người Hòa vang (sau bị đẩy đi Lao-Bảo) thì bà tiếp tục học với cụ Trương-Hữu, người Điện Bàn. Hai cụ

đều là những người cách mạng chống Pháp triệt để. Có lẽ nhờ những tư tưởng của những nhà ái quốc ấy vỡ lòng cho bà, nên từ khi bà lớn lên là luôn luôn đóng góp vào những phong trào cứu quốc, chống ngoại xâm.

Học Hán-văn đến năm 13 tuổi bà ra học ở Huế, tại trường nữ học (École des jeunes filles) ở cửa Thượng-Tứ.

Rồi vì hưởng ứng làm reo theo phong trào ủng hộ các nhà cách mạng, bà bị đuổi học, trở về nguyên quán, tiếp tục học trở lại chữ Hán cho đến 19 tuổi, dưới sự chỉ đạo của cụ Phan-bội-Châu, cụ Tây-Hồ. Bà đã truy tuyền theo dấu chân của các nhà ái quốc ấy. Thế là, bắt đầu từ ngày này, khi bốn Nam, khi sáu Bắc, khi dưới sự hướng dẫn đầu dắt của cụ Phan-bội-Châu, khi cụ Trần-nguyên-Phụ (người tỉnh Phú-Thọ, Bắc-Việt) khi trực tiếp hoạt động cùng cụ Võ-Hoành và cụ Huấn-Quyền.

Được một thời gian khá lâu, phong trào bị đồ bẻ, bà cùng các bạn đồng chí chạy trốn sang Ai-Lao, Cao-Miễn, rồi trở về Hanội.

Nhưng khi đến Hanội bị mật thám Pháp hay, truy nã ráo riết bà và cả nhóm cùng chạy trốn sang Vân-Nam, định kết hợp lại sang Tàu. Nhưng chẳng may vì bị theo dõi lùng bắt, cả nhóm đều thất lạc nhau. Trong hoàn cảnh bơ vơ, bà đành quay trở lại Nam-Vang. Về đến đó, thì bà bị Pháp bắt đưa về giam tại bốt Catinat (đường Tự-Do bây giờ).

Một con người đã mang một bầu nhiệt huyết yêu nước, miễn thì trong trường hợp nào, hoàn cảnh nào, cũng vẫn đeo đuổi theo chủ nghĩa đã vạch sẵn từ lúc khởi đầu. Vì đó mà bao lần bà được trả cho tự do, sau một thời gian lâu giam cầm tra tấn, bà Song-Thu vẫn trở lại hoạt động với các nhà cách mạng yêu nước.

Sứ mạng của bà và các nữ đồng chí là liên lạc phổ biến tuyên

truyền những tài liệu từ ngoại quốc đưa về, cho các tầng lớp dân chúng dễ được đầy mạnh phong trào chống Pháp.

Đến khi Nhật đẩy Pháp ra khỏi Việt-Nam, bà được ông Tùng Tỉnh nghe danh yêu nước, chống Pháp của bà, có đến mời bà cùng hợp tác trong bộ Tham mưu Nhật

Đáng lẽ thì bà không nhận, nhưng sau bà nghĩ vào đó cũng có cơ hội giúp anh em đồng chí của bà bị Pháp bắt giam cầm. Nhờ đó bà cứu được gần bốn năm trăm người bị Pháp bắt.

Mặc dù trong đời bà luôn luôn đeo đuổi cuộc cách mạng, luôn luôn vào tù ra khám, nhưng bà cũng cố gắng trau dồi văn nghiệp. Năm 1926 bà đã xuất bản tập thơ đầu tiên «NGỌN GIÓ XUÂN», phần nhiều thơ bằng chữ Hán.

Và trên các mặt báo thường có thi văn, xã luận của bà. Chủ nhiệm tờ tuần báo Kịch-Bóng, dù là chuyện về sân khấu và kịch, nhưng luôn luôn bà vô toản nói lên những bài quật khởi của người dân Việt. Vì đó cả bộ biên tập bị bắt cho vào khám, và tờ báo bị rút giấy phép.

Thi văn của bà phần nhiều biểu lộ tánh cách thanh cao của một tâm hồn không đề danh lợi hão huyền mê hoặc, và lúc nào bà cũng thiết tha nghĩ đến vận mạng, tiền đồ dân tộc, dù ngày nay bà Song-Thu đã 70 tuổi đầu, sống một nếp sống rất thanh bần tựa một ngôi chùa trang nghiêm vắng lặng với hai cô con gái. Một trong hai cô là Phương-Đài nữ sĩ mà chúng ta thường thấy thi văn cô trên mặt các báo Phò-Thông, An-Lạc và trong tập thơ «ĐẤT MẸ» xuất bản năm 1966) lo sẵn sóc, hôm sớm với bà. Mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn, ốm đau, nhưng nhận thấy bà luôn luôn sung sướng tự hào kiếp nghèo thanh bạch, nghĩa vụ đền xong cho quê hương, đất tổ. Những vết nhăn nếp nhăn năm tháng của những ngày tù đầy, ngày bốn ba đồng tây nam bắc của bà với cách mạng đã gắn nhiều lên khuôn mặt của bà. Với mớ

tuổi đó, với người khác chưa hẳn là già. Nhưng với bà thì con người đã thấm mệt trên con đường tranh đấu dài thăm thẳm, nên đôi mắt đã mờ, người gầy còm, đôi chân tê yếu. Chỉ còn lưu lại một giọng nói, giọng nói sang sảng « **BẮT KHUẤT** » thuộc nào.

Bà còn lại một bộ kinh dịch chữ Hán gần 2000 trang của một tín đồ Hồi giáo nhờ bà dịch nhưng chẳng may người ấy chết thỉnh linh, nên không kịp xuất bản.

Và nhiều văn thơ, nhưng văn thơ của bà tự nhiên khác hơn thường tình văn nhân, thi sĩ khác. Không có khóc gió, gào mây, than trời trách đất. Thơ của bà toàn là một giọng thơ tự hào, bất khuất theo giọng nói của bà. Như mấy bài thơ dưới đây, các bạn đọc qua sẽ công nhận lời phê bình là rất đúng :

TỰ TRAO

Ta nghĩ khen ta cũng có tài

Hai bàn tay trắng kém gì ai ?

Gặp cơn nguy biến không hề sợ

Phải bước phong ba chẳng chút ngại

Tiền của tiểu pha vừa bữa một

Cháo cơm lấu lấu đủ ngày hai

Phong trần dù đến bao nhiêu nữa ?

Son sắt lòng này há dễ phai.

Bài thơ này bà làm trong lúc chính quyền Pháp vây bắt năm 1925. Và bài thơ dưới đây cũng trong lúc bị bắt tại Cần-thơ, phải bỏ chạy trốn năm 1930 :

LÌA CẢNH CŨ

Một bước ra đi, một bước ngừng
 Đoái nhìn chốn cũ lệ rung rung
 Nghiêng bầu tâm sự, nghiêng không cạn
 Gạt giọt ly sầu, gạt khổ ngừng
 Non ước thương ai, màu ử đột
 Cỏ hoa mện khách về bằng khuâng
 Cho hay cánh cùg trêu người nhĩ
 Gánh nợ trần ai, nặng quá chừng

Bà Song-Thu thật là một anh thư kỳ tài, xuất khẩu thành thi, nhiều lần gặp bà, hề xin bà cho 1 bài thơ hay 1 câu đối là bà liền viết ngay trên giấy, không một chút đắn đo, suy nghĩ nào. Tôi còn nhớ một hôm, trong cuộc gặp gỡ, vào năm 1959, tại nhà Bác sĩ Nguyễn-văn-Nhã (Quỳnh-Diêu) nhân lúc đàm luận văn thơ, thi phú, bà Bác sĩ Nhã diễn tả cảm tưởng lúc đi trên máy bay nhìn xuống từ Sóc-Trăng về. Và xin mỗi vị có mặt tặng cho 1 bài thơ. Đây khẩu khí, cảm hứng pha lẫn mùi đạo vị, Song-Thu nữ sĩ hạ bút đề ngay 8 câu thơ :

ĐI MÁY BAY

Đất bằng bằng chỗ đã lên mây
 Tư luyến ngàn năm cũng thế này
 Mảnh áo cà sa trăm khoảnh đất (1)

(1) Ở trên máy bay nhìn xuống nhiều vuông đất xanh, vàng trắng trông như áo cà sa.

Trùng châu Anh-Lạc mấy vòng cây
 Giang hồ lãng miếu lưng trời góp
 Vũ trụ kiến khôn một túi đầy
 Dòm xuống chúng sanh còn lặn hụp
 Lòng ta đâu nữa lại phương tây !

Bà Nhã bảo ngồi trên máy bay, nhìn xuống đất, mảnh đất nhiều màu chen nhau như mảnh áo cà sa, những rừng cây uốn quanh như tràng chuỗi hạt. Bà làm xong, cả nhóm chị em đều ngẩn ngơ nhìn bà, nhoeén miệng cười chịu thua ngay. Có ai bì kịp tài lão nữ sĩ, thao thao thảo thảo câu liền như thế.

Hai câu kết là đầy khẩu khí của con người cách mạng. Nhìn chúng sanh lặn hụp, không muốn già biệt cõi đời, muốn đóng góp chút gì còn lại với non sông, dân tộc.

Và một hôm đi viếng một người bạn ở gần phi trường Biên Hòa, bà cảm xúc cảnh tang thương biến đổi của thời chiến loạn, cũng liền tặng ngay người bạn mấy vần thơ :

BÌNH Y CẢM TÁC

Xưa kia hoa quả trở đầy vườn
 Giờ trở về đầy hóa ruộng nương
 Ngọn núi trông theo người viễn khách
 Dòng sông trôi mãi bóng tà dương
 Lâu đài năm ấy... kìa hoang thổ
 Miếu vũ hôm nay... nọ chiến trường
 Ngừng bước... nhìn xem phong cảnh cũ
 Mộng hồn ngơ ngẩn, cuộc tang thương.

Và cũng mới đây, độ rằm tháng bảy vừa qua ông Hàn-Mặc đến viếng bà đưa ra một bài thơ đề xướng của cụ Trần-văn-Hương ông đã họa vắn rồi 1 bài, xin bà cùng họa tiếp thêm bài Vững-Tàu cảm tác.

Bà tiếp, đón mấy bài thơ, họa ngay :

Mênh mông biển rộng với rừng cao

Tàu lớn, thuyền con rẽ sóng vào

Trên núi phi cầm bay vùn vụt

Dưới dòng lưu thủy chảy nao nao

Tiêu phu cắt búa ngàn cây động

Ngư phủ quơ chèo, mặt nước xanh

Mây khói mịt mù trời thăm thẳm

Hỏi ai ?? sơn hải...giá là bao ??

Ngoài sự làm thơ, họa vắn, nữ sĩ Song-Thu đánh hẳn có sẵn biệt tài thiên tính, đến câu đối bà đối rất nhanh và rất cứng. Chữ Hán bà viết rất đẹp, nét bút bà tuyệt vời, như rồng bay, phụng lộn.

Những bạn bè có đám táng, cưới hỏi, đều tới xin câu đối và nhờ bà viết cho.

Viết đến đây tôi chợt nhớ một năm nào đó (1925-26 tôi quên mất đi) như dịp Tết đến các anh chị SONG THU, Bùi thế Mỹ tự Lan-Đình, giáo sư Nguyễn-đình-Ngại khan tiền ăn Tết, nên rủ nhau đến chợ Bến-Thành, lối nhà thuốc Nguyễn-văn-Cao bây giờ viết liền câu đối kiếm chút tiền chia nhau ăn Tết.

Một bàn dọn sẵn, bút mực, giấy hồng. Hai ông Bùi-thế-Mỹ và Nguyễn-đình-Ngạc, quần áo bánh bao, cà vạt màu nhũn nhặn đeo

trước ngực. Bà Song-Thu ngồi cạnh đó, tà áo màu phơ phất theo chiều gió xuân thổi tóc từng hồi.

Ba anh chàng thanh niên người Bắc đi sắm Tết, rượu đã ngà ngà say, ghé tạt lại xin viết cho họ hai câu đối, đề nói lên sự cô đơn, tha hương nhớ nhà của họ...

Hai ông Ngạc, Mỹ nhìn nhau như hỏi ý viết câu nào cho hợp tình, hợp cảnh của ba người anh em ấy.

Bà Song-Thu buộc miệng :

— HỘI BẢNG HỮU Ư XUÂN VIÊN

— TỰ CỔ HƯƠNG CHI LẠC SỰ

Ba thanh niên ghé qua khoáy ý vỗ tay cười vang, miệng bảo :

— Hay... hay, viết cho chúng tôi hai câu đó đi...

Viết xong được thù lao hai đồng bạc, cả ba nhìn nhau mỉm cười. Liên theo đó, một đám khách hàng bao quanh, nhờ viết mỗi người một câu đối đó. Trong nhóm đó có cụ Đặng-thức-Liêng, một danh y nổi tiếng thời bấy giờ, thuốc hay thơ cũng giỏi vừa mới đến với Lê-thành-Lư một nhà văn tên tuổi nói với Song-Thu nữ sĩ.

— Biết tài nữ sĩ, nên tôi đến đây nhờ nữ sĩ viết cho hai câu đối Tết. Nét chữ đẹp, trong bàn tay tiên, lại xuất khẩu thành văn, khi xong tôi xin biếu mười đồng cung hi quẻ tết.

Mười đồng bạc thời kỳ này bằng một ngàn đồng bạc thời bây giờ. Nghe qua bà Song-Thu liền chụp ngay cây viết viết liền hai câu :

SƠN HÀ PHONG CẢNH NGUYÊN VÔ DỊ
THẠNH QUÁCH NHÂN DÂN BẢN VĨ PHI

Viết xong trao qua cụ Đặng-thúc-Liêng. Những kẻ đứng quanh ai ai cũng tác lưỡi khen ngợi. Cụ Liêng nhận hai câu đối, mò vô túi lấy tiền trả công nữ sĩ. Nhưng rủi thay, cụ quên đem bóp tiền, phải nhờ ông Lê-thành-Lư đi theo về nhà lấy tiền trả tiền cho nữ sĩ

Khi nhận tiền, nữ sĩ bị Lê-thành-Lư đòi tiền công năm đồng, công đi lấy tiền. Còn năm đồng chia cho hai ông Mỹ, Ngạc ba đồng, chỉ dành cho mình hai đồng ăn Tết.

Những mẩu chuyện nho nhỏ thú vị, nên thơ trên đây, chúng ta nhận thấy con người nữ sĩ tài hoa, thật hiếm có trên xã hội hiện tại.

Những mẩu chuyện nho nhỏ thú vị, những đóng góp khai mào cách mạng, những chịu đựng tra tấn trong những năm tháng vào tù, ra khám, chứng tỏ cho chúng ta thấy lòng hy sinh cao cả của con người nữ sĩ cho dân tộc. Thật là tuyệt vời đức độ hy sinh, hiếm có ở giữa thế hệ này.

Sự nghiệp văn chương, như cuộc đời cách mạng, nữ sĩ còn gì ở hiện tại ? Bà còn lại đôi mắt sớm mờ, đôi chân tê yếu, kết quả của những trận đòn vào đầu, vào chân khi ở trong tù. Pháp thường hay đánh người tù chính trị trên hai nơi ấy. Họ bảo :

— Đầu, đầu nè, đầu chính trị, cách mạng nè, đầu óc, đầu óc... đầu óc lớn, ta cho nó lớn thêm..

Thế là bồ cây liên tục vào đầu, ngay óc...

— Chân nè, chân chạy nam, chạy bắc, chạy đông tây làm loạn, đập cho khộc, chạy cho nhanh nè... rồi họ quất, quất cho đến ngã quỵ, máu đỏ mới ngừng tay.

Một kẻ sĩ với một bầu nhiệt huyết thương nòi, miễn giống một tấm hồn quá thanh cao là thanh cao, trong sạch là trong sạch, nên

ngày về chiều mới sống trong cảnh âm thầm, bệnh hoạn quá thanh bạch.

Chớ trong đời cách mạng của nữ sĩ, thiếu gì dịp bà làm giàu như bao nhiêu kẻ khác đã làm giàu trong nghiệp văn thơ như chính trị.

Trường hợp dịch quyền kinh gần ngàn trương. Người ta yêu cầu bà về chùa Hồi-giáo ở, ngày ngày chỉ lo dịch kinh, nhập môn vào đạo, họ sẽ tặng trước cho bà một triệu đồng để tùy nghi xư dụng, ngoài ra vấn đề ăn uống, nhà ở, ốm đau sau này, hội chùa đài thọ tất cả, đài thọ cho đến ngày cuối cùng.

Bà vẫn từ chối, vẫn giữ quan niệm, đạo giáo truyền thống sẵn có trong người nữ sĩ. Vẫn chịu nghèo, lãnh dịch kinh mướn, lãnh tiền bút phí hàng tháng ba nghìn đồng.

Kịp đến thời kỳ hợp tác với Nhật (Bộ Tham Mưu), cái thời kỳ nhiều kẻ nhờ đó làm giàu một cách kinh khủng, nhờ dựa vào hơi Nhật, họ giết, họ chiếm nhiều tài sản của người Pháp như người Việt thân Pháp.

Còn bà, trái lại dù hợp tác với Nhật, giữ vai tuồng quan trọng ở Bộ Tham mưu Nhật, bà không hề nhận một đồng bạc lương nào của Nhật. Bà chỉ nhận một chỗ ở đầy đủ tiện nghi hơn nơi nhà cũ của bà mà thôi. Tại sao bà không lãnh lương ? Tại nơi cái bát khuất của kẻ sĩ cách mạng. Bà bảo :

— Hợp tác với Nhật là để nhờ Nhật giúp Việt-Nam trả lại nền tự do độc lập bị Pháp chiếm gần 100 năm. Chớ đâu bà phải người đi làm mướn, lãnh lương cho Nhật. Nhẹ thế bà như quốc gia. Và trong thời kỳ đó luôn luôn chờ sẵn, can thiệp, giúp đỡ những anh em đồng chí bị Pháp bắt giam, (ngày nay lắm kẻ còn sống, có địa vị ở xã hội).

Đến ngày Nhật đầu hàng đồng minh, sau hai quả bom nguyên tử ở Okinawa và Hiroshima, trước khi rút lui khỏi Việt-Nam, các sĩ quan Nhật trong Bộ Tham mưu có tổ chức một buổi tiệc từ giã bà tại căn nhà riêng ở cầu Bần-ky. Tiệc tàn, một người trong nhóm mời bà bước vào một phòng lớn, chất đầy những bó bạc năm trăm đồng mới, chỉ cho bà và bảo :

— Đây, những tiền bạc và những gì trong nhà này, chúng tôi xin tặng hết lại cho lão nữ sĩ. Cần súng, chúng tôi xin tặng 1 cây hay nhiều thêm nữa, loại súng nhỏ của Đức tốt lắm, đề hộ thân.

Một dịp ngàn năm một thuở của một người đời làm giàu lớn. Nhưng nữ liệt từ chối ngay, bà bảo « Tài gia thân chi tại. Lành làm gì của nợ này... »

— Nếu bà không nhận, chúng tôi sẽ cho đốt hết...

— Tùy nơi các ông... Và họ ngần ngại trước cử chỉ cương quyết từ chối của nữ sĩ.

Cuối cùng, họ đành chịu thua can trường quá thanh cao của người phụ nữ cách mạng Việt-Nam, Họ liền lấy ngay cái tếp đựng giấy tờ của nữ sĩ, hốt một mớ giấy bạc nhét đầy vào, và một cây súng nhỏ bảo với bà :

— Trong thời loạn cần những cái này lắm, xin lão nữ sĩ nhận cho đề tùy thân.

Cây súng về đến nhà, nữ sĩ tặng cho người thanh niên tiền phong, con của một vị Đốc-Phủ. Tiền thì đúng như lời người Nhật

bảo, bà nhờ đó mà thoát nhiều nguy hiểm, và giúp đỡ, nuôi ăn được năm sáu chục người trên con đường tản cư về Bình-An.

Mặc dù là nhà cách mạng lão thành chỉ có một tấm lòng yêu nước cao độ, chống xâm lăng, nhưng nữ sĩ không đi vào chủ nghĩa tam, tứ hay đảng phái nào cả. Vì vậy, bà gặp nhiều tra gạn khó khăn, khi đi qua những trạm Thanh niên đóng giữ. Họ đòi giấy phép của « Ủy ban nhân dân kháng chiến » cho lệnh tản cư. Bà không có, vì không muốn cho ai biết danh tánh của bà. Mỗi lần bị chặn xét, tra gạn, bà lấy ra một xấp giấy năm trăm, chùi vào tay người thanh niên bảo :

— Đây, xin anh nhận bỏ vào quỹ cứu quốc giúp tôi, đề gọi là chút đóng góp của người công dân phụ nữ vô danh...

Thế là thoát... khoát tay, người thanh niên bảo bà đi mau mau, sau khi thấy cọc bạc năm trăm cứu quốc. Trải qua mười mấy trạm từ Tuân-Trường (Thủ-Đức) lên đến Bình-An, nào (Lao động đảng), nào « Đồng dương đảng », « Cứu quốc đảng ». mỗi trạm bà đều đánh nhân tâm « cứu quốc » cả cọc bạc. Số tiền còn lại, bà giúp đỡ, nuôi ăn cả nhóm năm, sáu chục người cùng tản cư với bà, cho đến hết thì bà bị bắt. Sau khi được thả về Saigon, thì của Thi ên hoàng Nhật hoàn lại cho địa Việt-Nam. Nghèo bà vẫn trở lại nghèo với tâm hồn thanh cao, nhân ái của bà cho tới ngày nay. Đời, thật hiếm có một người phụ nữ giàu lòng từ thiện, thanh cao như thế. Nữ sĩ Song-Thu xứng đáng người phụ nữ công dân có bốn ngàn năm văn hiến. Nhìn lên cao chẳng thẹn với lòng, ngó xuống thấp, bà tự hào là tuyệt đỉnh.

Dưới đây, một bài thơ chữ Hán, do tay nữ-sĩ Song-Thu viết, nhà nữ cách mạng lão thành, danh tiếng mà các giới cách mạng Việt-Nam, Nhật bản, Trung hoa đều biết danh và kính phục. Và chính nữ sĩ phiên âm dịch ra thơ Việt.

卷

波清浪滾震人心
 去之猶信不忍言
 甲馬縱橫施大地
 陰宮遮蔽遍空門
 平原曠野皆白骨
 巨砲名震失舊顏
 成敗百年一瞬爾
 中和流水寄滄海

宣統

XUÂN-CẨM

Phiên âm

Ba đào cùn cùn, chấn nhơn hoàn

Xuân sắc tiêu điều bất nhần kham

Giáp mảo tung hoành phao đại địa

Yên vân giả tế biến không gian

Bình nguyên mạn thảo oanh khô cốt

Cự uyên danh hoa thất cư nhạ.

Thành bại bách niên liêu nhĩ nhĩ

Huyết hòa lưu thủy hương san san

Dịch :

*Ai gây sóng gió suốt nhơn-hoàn ?
 Cho cánh ngày Xuân kếm về vang
 Yên giáp nghênh ngang phơi đại địa,
 Khót mây mờ mịt phủ không gian.
 Cỏ hoang đồng rộng bao xương trắng
 Hoa đẹp, vườn xưa lợp nhụy vàng
 Thành bại trăm năm rồi cũng thế
 Giòng sông cuộn cuộn, máu hòa chan.*

SONG-THU

Người ta thường nói : Văn tức là Người (le style c'est l'homme). Đọc những văn thơ của Song-Thu nữ sĩ, chúng ta nhận thấy rõ nỗi lòng người nữ sĩ cách mạng qua lời thơ, ý tưởng của bà. Lúc nào cũng tha thiết yêu non sông gấm vóc, buồn tang tóc biên dậu. Lúc nào cũng vẫn sống vì quyền lợi quốc gia dân tộc. Không bao giờ mưu lợi, cần danh cho cá nhân bà. Dù ngày nay, ngày về chiều, sống trong cảnh thanh đạm. muối dưa, đau ốm, bà vẫn tự hào, vẫn can đảm sống, vẫn giữ trọn tấm lòng thanh cao của một kẻ sĩ.

Đáng khâm phục thay ! Đáng làm tấm gương soi chung cho phụ nữ chúng ta.

NGÔ-THỊ KHÔN-NGHI VỢ CỤ HỒ-CHÍ-MINH THẬT

Chúng tôi phải thêm tiếng « thật » sau cùng để làm tức tưởi cho mục bài và cũng để tránh cho bạn đọc khỏi hoang mang khi mới đọc qua cái tựa bài.

Thiệt ra Hồ-Chí-Minh con người bí mật, con người mang đủ rổ cái tên, con người đang làm chủ tịch Cộng sản Bắc-Việt, thì chính tên là Nguyễn-tất-Thành, khi ở Pháp sắp qua Nga đổi là Nguyễn-ái-Quốc.

Còn cái tên Hồ-Chí-Minh chỉ là một cái tên « đội » của một nhà tiền bối cách mạng quốc gia chân chính, có lẽ cũng vì vậy mà ông Nguyễn-ái-Quốc đã cố tình đổi tên.

Cụ Hồ-Chí-Minh thật này, chính tên là Hồ-ngọc-Lâm, phong trào Đông-dù cụ qua Nhật đổi tên là Hoàng-đại-Tân, người hoạt động cách mạng đổi tên họ là một chuyện không có gì là lạ.

Ở Nhật về Tàu, vì bạn học với Trương-giới-Thạch ở Nhật, nên Cụ giữ chức tham mưu trưởng quân đội Trung-hoa Dân quốc ở Nam Kinh. Khi đại chiến thứ hai bột phát, cách mạng V.N. ở Tàu hoạt động mạnh. Cụ được bầu làm chủ tịch Lâm thời ở hải ngoại, với tên là Hồ-Chí-Minh. Nhưng mới chỉ được một năm thì Cụ chết. Thế rồi ông Nguyễn-ái-Quốc mang luôn tên cụ cho mãi tới bây giờ. Không những ở V.N. mà cho đến cả thế giới không ai không biết.

Trong bài này chúng tôi chỉ có ý cố gắng hiển lộ một sự kiện, đó là Tiểu sử Bà Ngô-thị-Khôn-Nghi, tức là vợ của Cụ Hồ-Chí-Minh thật — chứ không phải Hồ-Chí-Minh Nguyễn-ái-Quốc.

Bà-Ngô-thị-Khôn-Nghi, con gái Cụ Ngô-Quảng, một nhà Tiền bối cách mạng, một tướng lãnh xuất sắc trong nghĩa quân Cần-Vương

và Quang-Phục ở làng Tam-Đa, tổng Vạn-trinh, huyện Nghi-Lộc, tỉnh Nghệ-An.

Bao phen vào sanh ra tử, qua nhiều lần thất bại, cụ Ngô-Quảng phải bốn tàu qua Xiêm rồi thất lạc ở đó.

Cụ qua Xiêm được một năm, thì cụ có được hai người con, một trai một gái. Chị gái tức là Khôn-Nghi, em trai tên là Ngô-chính-Học, được đoàn thể cách mạng đem sang Tàu cả hai.

Ngô-chính-Học ở Tàu mang tên là Chóát, vào học trường võ bị Hoàng-Phổ, sau là một tướng lãnh trong cuộc kháng chiến Pháp.

Bà Khôn-Nghi qua Tàu cũng vào trường học, sau đó kết duyên cùng cụ Hồ-ngọc-Lâm. Bao nhiêu năm cụ Lâm hoạt động cách mạng Việt-Nam, ở Tàu bao nhiêu năm thì bà Khôn-Nghi cũng hoạt động cách mạng ở bên cạnh chồng và nhiều đồng chí khác.

Nhóm làm cách mạng V.N. ở Tàu, không ai không biết gia đình này, từ người quốc gia cho tới người Cộng sản.

Bà Khôn-Nghi ở với ông Hồ-ngọc-Lâm không có con trai, mà chỉ có hai người con gái là : Hồ-diệc-Lan, Hồ-mộ-Lan.

Bà Khôn-Nghi là một cán bộ cách mạng quan trọng V.N. ở Tàu, đã giúp chồng, giúp đoàn thể cách mạng làm nhiều chuyện đáng kể.

CÔ VÂN

Là đồng-chí của cô Tâm, cô Vân thua cô Tâm hai tuổi, quán làng Hạ Cầu, huyện An-Lão, tỉnh Kiến-An. Cũng như cô Tâm, trước vào đoàn học-sinh, sau được tuyển sang đoàn ám sát. Đến khi bị bắt cô đã hùng dũng trả lời trước mặt tên chánh mặt thám — năm ấy cô mới có 16 tuổi.

HỎI : — Mà vào đáng để làm gì ?

ĐÁP : — Để lấy lại quyền Độc lập cho tổ quốc

HỎI : — Mà làm gì trong Đảng ?

ĐÁP : — Hồi trước thì may cờ, khâu binh phục cho các đồng chí. Bây giờ thì tập bắn súng, học chế bom để giết quân cướp nước mà cứu lấy đồng bào !

HỎI : — Ai rủ mà vào ? Chi bộ mà có những ai ?

ĐÁP : — Chị Tâm rủ tao vào. Chi bộ tao có 4 người thì chúng bay đã giết 3 rồi đấy.

Trước những lời lẽ cứng cỏi ấy đã làm cho Thực dân phải nể vì tinh thần bất khuất của phụ nữ Việt Nam. Sau chúng xử cô 10 năm tù, nhưng cũng từ đấy không ai còn biết tin cô Vân đâu nữa ! Có lẽ cô đã đi vào cuộc đời bất tử rồi...

BÀ CHÁNH TOẠI

Trước khi vào Việt Nam Quốc-Dân Đảng, bà Chánh Toại chỉ chuyên sống bằng nghề buôn súng lậu. Nhưng từ khi được gia nhập vào Đảng, Bà đã dùng nghề buôn súng lậu ấy với gia tài của bà mà giúp một cách đắc lực và nhiệt thành với anh em Âm sát đoàn.

Sau khi cơ quan bị bại lộ, bọn giặc Pháp còn để một vài tên Việt gian ở lại phúc kích. Cũng vì thế sáng hôm sau, bởi không hay biết, bà lẫn mò trở về thì bị chúng bắt, khám trong người bà có ba khẩu súng lục. Thế là bà cũng bị giam và tra tấn một cách dã man. Nhưng về sau các anh em cách mạng đều gọi Bà là Bà Mẹ. Một bà Mẹ mà thân thể đã làm vẻ vang cho Phụ-nữ Việt-Nam rất nhiều vậy.

ĐỒ-THỊ-TÂM

Tục gọi là cô Tâm, Quán ở Dư-Hàng (gần Hải-Phòng, Bắc phần). Là con gái của nhà cách mạng Đồ-chân-Thiết, bị Pháp giết năm 1913.

Quyết tâm trả thù nhà, đền nợ nước, cô gia nhập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Yên-Báy bị thất bại, cơ quan của V.N.Q.D.Đ. ở Hàng Bột) bị vây, cô Tâm cùng các đồng chí dùng súng chống lại. Cuối cùng bị bắt, bị tra tấn tàn nhẫn, phải nuốt dãi yếm cho tắt hơi mà tự tử. Năm ấy, cô Tâm mới 18 tuổi.

oOo

NỮ SĨ CAO-THỊ NGỌC-ANH

(Kể chuyện bằng thơ)

Hồng lam nhân vật khác thường
 Có Cao nữ-sĩ vốn phùng trăm anh
 Con nhà khuê các nòi danh
 Phong lưu nét đất, thông minh tính trời
 Theo thời nghiêng bút thiếu thời
 Nữ sĩ lỗi lạc ít người sánh vai
 Sắc tài có một không hai
 Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa
 Vẽ làm dấu họ người ta
 Nào tài nào đức gần xa phẩm bình
 Chồng bà khoa hạc lưng danh
 Cử-nhân, Án-sát ba sinh phỉ nguyên
 Bổng đâu chồng lại quy tiên
 Đất bằng nổi sóng châu toàn dề đâu ?
 Bà vừa hăm sáu tuổi đầu
 Chấn đơn gối chiếc đêm thâu canh chầy
 Liễu bồ tuổi tác thơ ngây
 Một mình hiu quạnh, khó khuây nỗi lòng
 Bao năm chiếc bóng cô phòng

Lăm le lá thắm thiếp hồng thiếu chi
 Kiên trình một dạ gan lỳ
 Thờ chồng thủ tiết trọn lời trước sau
 Mặc cho duyên kiếp bề dẫu
 Chữ trinh gìn giữ bạc đầu không sai
 Năm canh sáu khắc thảng ngày
 Sương sa mặt đất, trăng lay giữa trời.
 Nỗi niềm tâm sự bởi bởi
 Đèn tàn một ngọn lệ rơi đôi hàng
 Liễu bồ lăm nỗi đau thương
 Khuê sáu một tập (1) tay nâng thảo ra
 Khóc than kẻ hết nỗi nhà
 Gió mưa mưa mịt cỏ hoa u sầu
 Ngâm từng chữ, vịnh từng câu
 Hồn thơ lai láng diễm màu tuyết mai
 Trong đời dề có mấy ai?
 Phòng không ghép chặt đêm chầy một thân
 Bao năm rửa sạch bụi trần
 Cửa thuyền nắp bóng xa gần nỗi danh
 Năm vào tám chục tuổi canh
 Ngày xuân chúc thọ linh đình tiệc hoa

(1) * Khuê sáu thi tập » là tên một tập thơ của nữ sĩ Cao-thị Ngọc-Anh mới cho ấn hành năm 1957 tại Saigon.

Nào thi họa nào cầm ca
 Thân bằng cố hữu một nhà vui chung
 Tiếng đồn khắp Nam, Bắc, Trung
 Khuê môn tiết phụ, nữ trung văn hào
 Nghìn thu đề tiếng thanh cao
 Làm gương cho khách má đào soi chung
 « Khuê sâu thi thảo » thành công
 Gần xa độc giả giốc lòng nhận ghi
 Có bà Nguyễn-thị-Phương-Nghi
 Hết lời ca ngợi bài thi như vậy :

Thơ rằng

Mượn thú văn chương tỏ nỗi nhà
 Lam, Hồng sử sự khác người xa
 Trần duyên chưa được tròn công quả
 Tâm sự thôi đành gửi bút hoa
 Mệnh bạc quân bao cơn sóng gió
 Lòng son tô điểm nét sơn hà
 Nứt cay ngậm đắng bao tình cảm
 Tiết diệu đêm dài lụy nhỏ sa.

NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG-NGHI kể

○○○

Sinh trưởng trong một gia đình khoa hoạn từng danh tại Trung-Việt, dưới trào vua Nguyễn, cụ Đông-Các CAO-XUÂN-DỤC là thân sinh bà Cao-ngọc-Anh. Nhờ đó mà cả gia đình nhà họ Cao từ trai tới

gái đều hấp thụ một nền học thức Hán Pháp đầy đủ. Năm lên 19 tuổi bà kết hôn với cụ AN Nguyễn-duy-Nhiếp, con cụ Cầm-Chánh Nguyễn-trọng-Hợp.

Ngoài bốn phận tề gia, bà thường cảm tác đề thơ. Vì xuất thân trong gia đình giàu sang, danh vọng, nên thơ của bà rất thanh thoát; phong lưu, như bài thơ dưới đây :

VỊNH CẢNH NGŨ HÀNH SƠN QUẢNG-NGÃI

Nghe nói Hành sơn cảnh tuyệt vời

Thanh nhàn dạo bước thử xem chơi

Năm hòn chót vót cây chen đá

Bốn mặt mênh mông nước lộn trời

Bãi cát trắng phau, cơn gió thổi

Chòm rêu xanh ngắt bóng trắng soi

Ngự thi nét bút còn như cũ

Dâu bèo bao phen đã đổi đời

Bà sáng tác rất nhiều văn thơ, nhưng đều một loại thanh thoát phong lưu như thế cả. Ngoài những văn thơ, bà có cho xuất bản một quyển KHUÊ SẦU THI THẢO, nói lên nỗi sầu cô đơn của mình như của bao nhiêu người khuê phụ khác, và hay nhất là bài « Văn tế mẹ » của nữ sĩ được nhiều sách báo trích đăng ca tụng tài hoa của bà.

NỮ · SĨ · TƯƠNG · PHỐ

Chính tên là Đỗ-Thị-Đàm. Đại diện cho chị em nữ giới, góp mặt cùng bọn đàn ông trong văn đàn báo giới « Nhóm Tạp chí Nam Phong »; Phạm Quỳnh, Nguyễn bá Học, Phan duy Tồn, Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn trọng Thuận, Đông Hồ, v.v...

Nữ sĩ Tương Phố là một thi sĩ tài ba nổi tiếng lúc bấy giờ. Vũ ngọc Phan trong tác phẩm « Phi nhân hiện đại » viết :

« Hồi xưa, thơ mà âm điệu du dương thì phải liệt thơ Thanh Quan vào bậc nhất, Nhưng thơ Thanh Quan có cả giọng dài các, nghiêm trang quá, nên tuy người ta có cảm về âm điệu mà không gần được về tính tình. Những tính tình thanh cao diễn ra lời thơ của Thanh Quan là những tính tình của một người trong khuê các đứng trước cảnh tang thương mà châu mày rơi lụy; cây đàn của bà là cây đàn cao điệu, nên không mấy người hòa kếp, mà phần đông cũng không hiểu được hết tiếng tơ ».

Đề nói về cái hay, cái thiếu thừa, cái gần gũi độc giả bình dân của thơ mà nữ sĩ Tương Phố, cũng bộ sách tên họ Vũ viết tiếp :

« Gần đây, thơ mà âm điệu cũng du dương, nhưng tính tình lại thâm thía và gần gũi với mọi người, trước hết phải kể thơ Tương-Phố... »

Phê bình như trên ông Vũ ngọc Phan không có ý đề cao nữ sĩ Tương Phố như người ta thường đề cao nhau, mà chỉ nói lên một sự thật.

Thiệt vậy, bài « Giọt lệ thu » của Nữ sĩ viết và đăng vào Nam Phong năm Quý Hợi (1933) và những tác phẩm khác kế tiếp hoặc

đăng vào Nam Phong hoặc đăng báo khác đã gây một tiếng vang trong thi văn đàn và báo giới đương thời.

Mặc dù hiện nay đang có những lời phê bình « thơ Tương Phố quá bi » có khi là những tiếng khóc than vô căn cứ, không ích lợi gì cho ai, hay nói lên được cái gì cả.

Khen, chê là quyền của mọi người phê bình. Nhưng dù muốn dù không cũng phải công nhận Nữ-sĩ Tương Phố là một thi nhân có tài ở lớp tiền tiến.

oOo

BÀ HỒNG-THIÊN NỮ SĨ

Nữ thi sĩ HỒNG-THIÊN sinh năm 1906 tại Nam-Định (Bắc-phần) trong một gia đình thi lễ ở trong vùng Non Cối, sông Vị. Bên nội như bên ngoại đều giòng khoa bảng đồ cao cả.

Ông nội là một vị cử nhân hán học. Ông ngoại là Cụ Bằng Nguyễn-cúc-Sơn làng Yên-Đồ. Nhờ đó mà nữ sĩ được hấp thụ một nền giáo dục căn bản từ thuở nhỏ, lại thêm bản chất thông minh sẵn có trong người, nên bà đã nổi danh thời còn son trẻ.

Trong làng ai ai cũng đều biết tiếng thơ hay, nét tốt của các chị em bà. Một vị túc nho đã khen ngợi gia đình bà trong một câu đối nhưn dịp đám tang của thân phụ bà :

GÁI ĐÔI BA CÔ TINH THÔNG KINH SỬ NƠI
TIẾNG TÀI BA

TRAI NĂM BẢY CẬU, LUYỆN TẬP BINH NHUNG,
DỰ HÀNG TƯỚNG TÁ

Ngoài cái bồn phận thờ chồng, dạy con khôn lớn, thành danh, Hồng-Thiên nữ sĩ còn sáng tác nhiều bài thơ tỏ lòng yêu nước thương nòi, tang tóc chiến tranh.

Năm 1960 bà có soạn ra quyển « TAM-NGUYÊN YÊN-ĐỒ NGUYỄN-KHUYẾN, tiểu sử diễn ca, nói lên sự nghiệp, thân thế nổi lòng cụ TAM-NGUYÊN YÊN-ĐỒ.

Bài thơ « ĐÊM XUÂN LỄ CHÙA CẨM TÁC » dưới đây nói lên nỗi hận sự chiến tranh tàn khốc nhân sinh của người thơ Phật tử :

Xuân nữ tung mình dưới ánh dương
 Giáng hồng tha thướt quện hơi sương
 Bên hồ liễu rũ nghiêng cành biếc
 Phất phới y xiêm rộn nẻo đường
 Trăng tuần ngọc thò in gương
 Đêm xuân gió sớm nhẹ nhàng hương thơ
 Lòng trần khua tỉnh giấc mơ
 Hồi chuông chiều mộ xa đưa vang trời
 Đốt nén tâm nhang trước Phật-Đài
 Niềm tin dâng trọn dâng Như Lai
 Xin đem đuốc tuệ soi lòng tục
 Nguyễn lấy Dương-Chi tẩy bụi đời
 Khoa học đã gây nhiều quả báo
 Chiến tranh thêm nữa lụy bao người
 Nhân sinh vì còn lòng tương ái
 Đời sẽ như hoa, đẹp tuyệt vời.

Và bài « NGÀY XUÂN VIẾNG BẠN » dưới đây của nữ sĩ nói lên lòng thương nước yêu nơi, nhưng tiếc vì thân son phấn yếu đuối không làm gì giúp ích cho non sông tổ quốc :

Xuân về, xuân lại tới thi gia
 Mở rộng phòng văn đón khúc ca
 Thanh trúc mừng dâng cầu ngũ phúc
 Hoàng-Mai thân tặng chữ Tam-Đa

Lắng nghe xuân gọi hồn non nước

Gửi đến người vui thú cỏ hoa

Muôn tía, nghìn hồng như vẫn thiếu

Nhiều bạn đã họa vịnh bài này :

HỌA VỊNH

Xuân đến, Xuân đi vẫn quốc gia

Vang lừng đâu đấy khúc hành ca (1)

Người đến bên thềm mang chữ phúc

Tôi đi ngoài phố... thẹn câu ĐA (2)

Tình riêng mãi bận cho sông núi

Nghĩa nặng nào vui với cỏ hoa

Bên trời đâu biết ai tâm sự?

Người nhắc làm chi chuyện hải hà!

PHƯƠNG-LAN

oOo

(1) Cách mạng, chính lý thường xảy ra trong thời gian này, nên trong phần thành thường có những khúc quân hành.

(2) Đa thơ, đa nhạc.

BÀ VÂN KHANH NỮ SĨ

Bà Vân Khanh nữ sĩ cũng như bà Cao ngọc Anh là những người phụ nữ còn sót lại giữa thế hệ này là thâm hiểu rất nhiều Hán học. Bà là chính thất cụ Cừ Vũ Đạt, một gia đình gồm có những bậc hay chữ ngay từ thuở nhỏ như gia đình bà. Nhờ đó mà từ ngày còn thơ ấu, bà Vân Khanh cũng sớm thông kinh sử. Hiện giờ bà trông nom nghi lễ thờ phượng khói nhang ĐỀN HAI BÀ TRUNG và đền Phủ Giầy.

Thơ VÂN KHANH được một vẻ ưu hoài trước cuộc tang thương dâu bể cuộc đời nhân thế.

Bài DI CƯ NGẪU CẢM dưới đây nói lên hết nỗi u hoài ấy

Nước xê, non chia mấy độ rồi ??

Câu thơ ngậm vịnh đề câu vui

Gặp ai người cũ mà thăm hỏi

Đề khách đường xa luống ngậm ngùi

Nhớ thuở một thuyền cùng một hội

Buồn nay đôi ngả cách đôi nơi

Vì đâu vì tuyến phân Nam — Bắc.

Tình đã bao phen cuộc đời đời

Vì không chịu đựng nổi chế độ Cộng Sản. Bà đành phải lìa bỏ quê hương yêu dấu, di cư vào Nam, nhưng luôn luôn bà hướng nhớ về quê, lòng cũng luôn luôn mang mối hận chia đôi non nước, và vì đó bài thơ nào của bà cũng nói lên nỗi nhớ nhà, nỗi hận lòng.

Bài TRUNG THU VỊNH NGUYỆT dưới đây chứng tỏ nỗi niềm thương nước, nhớ nhà của nhà thơ :

Trong vát lưng trời bóng Tổ Nga

Trần gian sao dám bảo trăng già

Bao phen sương tuyết gương càng tỏ

Mấy độ tang thương bóng chưa nhòa

Đỉnh núi mây tan, mây nét liễu

Đầu cành gió thoảng, mặt in hoa

Hàn quang xin chớ soi ly biệt

Đề khách tha hương chạnh nhớ nhà !

ĐÀO-VĂN-KHANH

oOo

NỮ SĨ THU HỒNG

Sinh ngày 19 tháng 7 năm 1922 ở Tourane. Chánh quán Làng Thần Phù, huyện Hương Thủy (Thừa Thiên) học : trường Tourane, trường Đồng-Khánh Huế.

Đã xuất bản : Sóng thơ (1940).

Người ta vẫn nói giọng Huế phải nghe từ miệng con gái Huế mới có duyên. Lần thứ nhất trên thi đàn ta được nghe giọng một người gái Huế, mà lại là một người trong Hoàng tộc : Tôn nữ Thu Hồng.

Giá Thu Hồng chịu làm những câu tron tru mà trống rỗng chắc chẳng khó gì. Ai mà không làm được những câu tron tru, trống rỗng ? Nhưng người có cái ý muốn rất đáng quý là diễn đúng hình dáng riêng của bản mình. Có phải vì thế mà giọng nói của người có vẻ ngọng nghịu rất ít có trong thơ ta. Ngọng nghịu khi ôn lại quãng đời thơ ấu đã đành : ngọng nghịu cả những khi ca ngợi cảnh trời.

Cánh dèp cứ dần thêm bước bước

Lời ngợi khen mỗi phút lại thay-thay.

Những tình ý người lớn trong giọng nói trẻ con ấy thực dễ thương.

Thực ra Thu Hồng cũng chỉ trẻ con ở cái giọng. Khi người ta muốn sống hoài trong thơ ấu, hẳn người ta không còn thơ ấu nữa. Người thiếu nữ ấy đã biết tình yêu là mầm chán nản, và người ước ao :

Mầm chân nán chớ len vào miền thiếu;

Chớ len vào sớm quá, tội em mà !

Em nghe như thốt ấy vẫn còn xa,

Em chậm chậm đợi mong con xa mãi ;

Hãy là hoa, xin hãy khoan là trái ;

Hoa nồng hương mà trái lắm khi chua.

Chỉ biết hôm xưa, một buổi chiều,

Cùng người trò chuyện chẳng bao nhiêu.

Người đi, tôi thấy sao mong nhớ !

Và cảm quanh mình nỗi tịch liêu,

Xem thơ Thu-Hồng, tôi còn nghĩ đến vài người nữa, nhất là Nam Trân. Thu-Hồng đã họa được của Nam-Trân cái lối ghi chép những hình sắc xứ Huế và ngòi bút của nữ sĩ đã vẽ nên đôi bức tranh nho nhỏ, có lẽ chưa được nổi nhưng có một vẻ linh hoạt riêng.

Đêm trăng rạng rõ soi

Thuyền ai thông thả trôi

Đàn hát chảy theo nước,

Không gian bỗng nở cười !

Ở xứ này, nói đến những thiếu nữ làm thơ người ta thường mỉm cười. Hình như thơ là một cái gì to chuyện lắm, Thu Hồng đã tránh được cái mỉm cười mỉa mai ấy vì người ấy rất bình dị, rất hồn nhiên không lúc nào ra vẻ muốn làm cho to chuyện.

TƠ LÒNG VỚI ĐẸP

Kia trắng vờ trong hồ khi nước động
Sóng lao xao lấp lánh ánh xa ngời
Và búp hoa ngênh dật đến hương trời,
Cây tuôn bóng, vừng lơ là chẳng lướt ;
Cảnh đẹp cứ đàn thêm bước bước,
Lời ngợi khen mỗi phút lạt thay thay,
Tơ lòng vui đẹp đêm nay
Rộn ràng thôn thức vì say nhiệm màu (Sóng thơ)

oOo

ƠN ĐÉN

Hồi tưởng nhiều mai, dưới ánh dương,
Em vừa tỉnh giấc, dậy bên giường,
Mẹ em đôi mắt đầy âu yếm,
Vây bọc chim khua, rộn giáo đường
Vạn buổi êm trời, dịu mát hương,
Chưa bằng đôi mắt chứa yêu đương !

oOo

NỮ SĨ HẰNG-PHƯƠNG

Vợ ông Vũ-ngọc-Phan, con ông Lê-Dư một nhà cách mạng chống Pháp. Sinh năm 1908 ở làng Nông-Sơn (Quảng-nam). Học chữ Hán bảy tám năm. Chữ tây chỉ học đến lớp nhất.

Đã đăng thơ : Phụ-nữ Tân-văn, ngày nay, Hanội Tân-văn, Đàn bà.

Thơ Hằng-Phương cũng một giọng êm dịu ngọt ngào như thơ Vân-Đài. Nhưng ít đến tích thơ Đường và thành thực hơn. Như ở phần cuối trong bài « Lòng quê » trích theo đây lời thơ thực yêu kiều dễ thương, Hằng-Phương mượn lời thư đề nói lòng mình. Nhưng thực ra không còn biết đây là lời người hay lời chim. Bởi mỗi tình ở đây nhẹ nhàng quá, trong trẻo quá. Người thơ tưởng chừng đã biến thành chim...

Tình quê còn đưa thi hứng cho Hằng-Phương nhiều lần nữa. Có khi nó lẫn với lòng thương người mẹ đã khuất :

Ngày nay bên khóm trúc

Em thơ khóc rưng rức ;

Tìm mẹ biết tìm đâu ?

Trời xanh xanh một màu

Có khi nó chỉ là tình lưu luyến cảnh quê hương :

Ai về cố quận cho ta nhìn

Gài chút lòng thương nhớ núi sông.

Hằng-Phương rất mến cảnh. Người âu yếm nhìn những lúa trắng lòa :

Sáng trưng mái ngói nhà ai,
Đôi chim ngỡ buổi ban mai, giật mình
Những lúc bình minh :

Sương đêm còn đọng trên cành,
Rung rung hạt ngọc, long lanh nhện trời...
Hằng-Phương là tên ; không phải biệt hiệu.
Nách tường đôi lúc chầm sâu,
Nằm trong tờ ẩm, thò đầu nhón nhơ....

Những bức tranh nho nhỏ ấy đơn sơ mà xinh tươi làm sao?
Hồn thi nhân âu cũng thế.

LÒNG QUÊ

Tặng V.N.P.

Xưa kia em ở bên trời,
Ngấy thơ chưa rõ cuộc đời là chi,
Mặc cho ngày tháng trôi đi
Tóc mây nào biết có khi bạc đầu
Chim non ở chốn rừng sâu,
Quanh mình chỉ thấy một màu xanh xanh
Bình minh buổi ấy gặp anh,
Rủ em ra chốn đó thành xa khơi.
Yêu anh, em hóa yêu đời,
Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.

Anh đưa em đến vườn đào,
Màu tươi, sắc thắm, em nào dám chê,
Nhưng em luống nặng lòng quê,
Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non,
Nhớ nơi làng xóm con con,
Nhớ hương cây quế chon von trên đời ;
Bạn xưa, nhớ yến tha mỗi
Cánh xưa, em đó trong hồi còn thơ...
Đường xa, ngoảnh lại ngẩn-ngơ,
Trông theo mây trắng thân-thờ mắt xanh...

VÂN-ĐÀI NỮ SĨ

Sinh trưởng trong một gia đình công chức, Vân-Đài nữ sĩ sinh ngày 29-1-1908 tại Hà-nội, đất ngàn năm văn hiến.

Nữ sĩ đã sáng tác nhiều thơ, nhất là thơ nói về phụ nữ. Người ta đã được xem thơ nữ sĩ đăng tải ở các báo : Phụ nữ Tân Văn, Đàn Bà, Tinh-Hoa, Phong Hóa, Ngày nay.

Thơ của nữ sĩ Vân-Đài ít có bài xuất sắc lỗi lạc, nhưng lại không có bài dở mà chỉ sần sần đều đều ngang nhau.

Vì vậy Hoài Thanh trong Thi nhân Việt-Nam, khi đề cập tới Vân-Đài nữ sĩ đã viết :

« Chọn thơ Vân-Đài tôi (Hoài Thanh nói) phân vân quá. Bài nào cũng được, không có gì xuất sắc, nhưng lại không có bài dở. Vân-Đài chỉ là một người chơi thơ. Nhưng lời thơ bao giờ cũng nhẹ nhàng, êm ái ít khi tiếng Nam có vị ngọt ngào như thế, ấy cũng vì Vân-Đài chỉ ưa nói những gì rất mong manh, rất bình thản.

Những câu xôn xao nhất như :

Gió xuân đâu biết cho lòng thiếp

Om ấp bên mình thiếp mãi chi :

Hai câu này trong « Thi nhân Việt-Nam » Hoài Thanh bảo rằng là hai câu thơ phỏng theo thơ đường.

Hoài Thanh biết chê Vân Đài như thế tại sao lại không chê Hàn Mặc-Tử khi viết rằng :

Vô tình để gió hôn lên má

Bến lên làm sao lúc nửa đêm

Hai câu này chẳng phải là phỏng theo hai câu thơ chữ Hán chẳng :

Xuân phong bất tương thức

Hà sự nhập la vi ?

Và cạ Nguyễn-Du cũng vậy :

Trước sau nào thấy bóng người ?

Hoa Đào Năm ngoái còn cười gió đông

Phải chăng là do hai câu :

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Cho hay Văn-Học Nghệ-Thuật là vốn liếng chung của cả nhân loại huống hồ Văn Hóa Trung Hoa và Văn Hóa Việt-Nam là hai ngành của một con sông, thì dù trong âm ba tiết điệu của Thi văn Việt có gì liên hệ dính liú tới văn Hán, thiết tưởng chúng ta chẳng phải thắc mắc hẹp hòi làm gì ?

NỮ SĨ THỤY-AN

Chính tên là Lưu-thị-Yên, nữ sĩ là một nhà văn, cũng là một nhà thơ và nhà làm báo nữa, Nữ sĩ đã từng là chủ biên tờ « Đàn bà Mới » xuất bản ở Saigon và tờ « Đàn bà » xuất bản ở Hanoi.

Thụy-An là tác giả cuốn tiểu thuyết « một linh hồn » cuốn tiểu thuyết được nhiều người ham chuộng.

Với « một linh hồn » Vũ-ngọc-Phan đã viết như sau :

« Những tiểu thuyết do các bạn gái viết và làm cho các nhà phê bình phải lưu tâm. Bởi vì nhiều người hằng khát khao đọc những tiểu thuyết giá trị của một vài nữ sĩ, vì đến nay, tâm hồn của phụ nữ, tính tình của phụ nữ, đều do các bạn trai khảo sát và phân tích. « Hiểu đàn bà sao bằng đàn bà », người ta đã nghĩ như thế, nên người ta vẫn mong chờ những tập tiểu thuyết tình cảm giá trị của phái đẹp.

« MỘT LINH HỒN » chính là một Tiểu thuyết tình cảm. Tác giả Thụy-An lại vốn là một nhà thơ, thơ của bà có đăng trong Phụ-nữ Tân-văn, « Đàn bà mới », tuần báo « Đàn bà ».

« Một linh hồn » là tập tiểu thuyết diễn tả những tình tình rất ngây thơ, rất trong sáng của Vân, một cô con gái giàu lòng tin ngưỡng và giống như một bông sen, tuy « gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ».

Đề kết luận cho Tác phẩm « Một linh Hồn » cũng như lời nhận xét chung về tác giả của nó — Thụy-An — nhà phê bình Vũ-ngọc-Phan viết :

« Một linh hồn phải kể là một Tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt-Nam từ trước đến nay : Tác giả Thụy-An khá giàu tưởng tượng, đề xây dựng cho tác phẩm vững vàng, chắc chắn.

CÔ NGUYỄN THỊ KIỂM

Tự Mạnh-Manh nữ sĩ tự Nguyễn-văn-Mỵm (để trả đũa phái nam thường giả danh ký tên phụ nữ).

— Người nữ sĩ tiền phong, đề xướng loại THƠ MỚI —

Viết đến cô Nguyễn thị Kiểm, vì cô là người phụ nữ ở giữa thế hệ cận đại, được đi vào Văn Học Sử, theo lời một giáo sư Đại Học đã nói với tôi, và khuyến khích tôi nên viết đến người nữ sĩ kỳ tài này.

Đời văn nghiệp cô Nguyễn-thị-Kiểm gây tên một phong trào sóng gió trong làng báo phụ nữ, mở một trang đầu thi sử THƠ MỚI VIỆT NAM. Mà thời tiền chiến phần đông người ta thiên về ĐƯỜNG LUẬT : có sẵn quy mô cũ, niêm luật, khuôn khổ. Loại Thơ Mới người ta cho là một loại quái thai, không bao giờ tồn tại được. Thế mà trải qua gần nửa thế kỷ, Thơ mới dần dần được phát huy mạnh mẽ, phái trẻ rất thích, nhiều bài rất ý nghĩa đời dào, mở tỏ rõ sự kiện trong lòng, thoát hẳn khỏi khuôn khổ bó buộc xưa.

Ngoài sự đề xướng Thơ Mới, cô còn tranh đấu, bênh vực quyền lợi phụ nữ từ trên mặt báo, diễn đàn Nam-Trung-Bắc, đòi hỏi nữ quyền, phụ nữ được tham gia công tác xã hội, văn hóa với phái mạnh. Cô thật là một người phụ nữ tấn tiến, can trường chịu đựng trong bước đi tiền phong giải phóng phụ nữ, thơ cũ.

Cô Nguyễn-thị-Kiểm, tự Mạnh-Manh nữ sĩ, sinh quán tại Gò Công 1914, trong một gia đình đạo đức, giỏi về Tây học. Tư tưởng cô thật mới, nhưng người cô thật cũ. Ấn mặc tằm thường, gần như xuề xòa, mặt không bao giờ bôi phấn, thoa son. Cái vỏ bề ngoài cô Nguyễn-thị-Kiểm là cái vỏ của người phụ nữ thuần túy Việt-Nam.

Có lẽ nhờ sự giáo dục nghiêm khắc, chặt chẽ của gia đình. Nhất là bà cụ thân mẫu cô, thông cả Nho học, lẫn Tây học, một người hiền phụ mẫu.

Lời Thánh hiền là khuôn vàng thước ngọc trong sự dạy con của bà. Trong nhà, bà mua đủ loại sách văn chương, triết học, sử ký, khảo cứu, có đủ nhạc khí để con xữ dụng theo ý thích. Để con ban đưng đi đạo xóm. Bà bảo «Tân lai thân giả sơ (1)». Còn sự ăn mặc bà tuyệt đối không cho loè loẹt, trau dồi, bà vẫn đem Thánh hiền ra rằng dạy :

Giã dung hối dâm, mạn tàn hối đạo (2).

Nhờ những giáo dục gia đình nghiêm khắc của người mẹ, mà trong gần mười anh chị em cô, thầy đều học giỏi đỗ cao, thành tài. Người chị thứ hai : cô Nguyễn-thị-Châu, một người phụ nữ vào thời kỳ đó — duy nhất đậu cử nhân văn chương Sử địa và Sử địa Pháp, dạy học các trường nữ Pháp—Nam, và cũng là người đạo hạnh có nhiều như bà cụ thân mẫu.

Cô Nguyễn-thị-Kiểm, con người nhỏ thó, duyên dáng, liếng thoảng, hồn nhiên. Vừa đậu xang bằng Thành Chung (Diplôme) ở trường Nữ học Đường (2) ra, thì cô liền nhập tịch ngay vào làng báo, viết cho tờ Phụ nữ Tân văn. Người cô thật hoạt động thông minh. Từ ngày còn cắp sách đi học cho tới ngày ra đời, luôn luôn cô đóng góp vào các công tác từ thiện. Trên sân khấu học đường như sân khấu ngoài đời, cô dự vào các cuộc hát giúp từ thiện, đóng kịch rất hay, để gây quỹ cho hội. Trong nhóm AMIS DE L'ART cô diễn tuồng xuất sắc trong HARPAGON, Princesse TURANDOT để gửi tiền giúp nạn lụt miền Bắc. Và khi hợp tác với tờ Phụ Nữ Tân Văn cô càng hoạt động nhiều hơn. Nào kêu gào thành lập hội cứu nữ

(1) Bận bề, thân thuộc, tới lui quá thường, thân cũng như sơ.

(2) Trau dồi dung nhan bề ngoài, dục lòng dâm của người. Tiền bạc, nê tang chung diện, khoe khoang dục lòng tham có hại cho mình.

sinh nữ học đường, Nữ lưu học hội, nào lên diễn đàn bênh vực THƠ MỚI, quyền lợi phụ nữ, từ Nam đến Trung, Bắc. Tại Hà Nội, người phụ nữ thứ nhất nói về đề tài «MỘT NGÀY của người Phụ nữ tân tiến» (une journée d'une féministe) tại hội Trí-Đức (afima, cạnh BỜ HỒ), tại HỘI QUẢNG TRỊ HUẾ (Société enseignement mutuel) nói về «DỰ LUẬN NAM GIỚI ĐỐI VỚI HẠNG PHỤ NỮ. TÂN TIẾN, tại Hội chợ phụ-nữ Tân văn Saigon, nói về chế độ đa thê và THƠ MỚI và nhiều đề tài khác, đâu đâu cô đều được chị em phụ nữ hoan nghênh nhiệt liệt, đâu đâu người đến nghe cô nói đen nghệt như nước vỡ bờ. Phần nhiều cô bênh vực quyền lợi người phụ nữ, cô lên án những kẻ thủ cựu ngăn bước tiến của chị em không cho phụ nữ tham gia đóng góp vào công tác xã hội từ thiện, hội hè. Bất phụ nữ sống trong khuôn khổ chật hẹp, ích kỷ. Cô đòi hỏi, cô động sự cải tiến cho phụ nữ, ngoài vấn đề thờ chồng, dạy con, còn phải đóng góp, hợp đoàn trong mọi công tác xã hội từ thiện quốc gia.

Cô Nguyễn-thị-Kiểm quả là người phụ nữ bạo dạn, tân tiến, có nhiều tư tưởng bình dân, tự do mà nhân ái. Cô đủ can trường nói lên sự thật, bênh vực những lý tưởng chung của phụ nữ.

Viết đến đây, tôi bỗng nhớ, ngày tôi có dịp sống chung với cô gần hai tuần lễ ở trên Dalat. Tôi mới biết rõ thêm cái liếng thoàng, hồn nhiên của cô. Ngày ấy cô Nguyễn-thị-Kiểm đi làm phóng sự, điều tra sinh hoạt phụ nữ Thượng, tôi, đi thu tiền báo.

Tôi và cô cùng một người bạn — bà Thanh-Nguyệt (hiện là bà ĐÌNH-XÁNG phu nhân) đồng đi vào sóc Thượng bằng ngựa, vì đường đồi núi trong sâu, không có phương tiện đi chuyên khác.

Trên đường đi, khi lên cao, khi xuống thấp, qua ngang đồi Bảo-Đại và các túp tùng đánh «gôn» cô ngừng ngựa nhìn qua, miệng la to :

— Allô, Majesté... voulez-vous jouer au golf avec moi... ? Rôi cô phi ngựa, lao vào rừng, cả nhóm cùng phá cười. Khi mưa rừng sầm sập đổ, ngựa sợ mưa nên phi nước đại, ai nấy sợ té ráng kèm cương, còn cô trái lại, vừa thả hết dây cương cho ngựa sai, vừa hát vang bài ;

Il pleut sur la route

Mon coeur en déroute

Dans la jungle (thay vì la nuit theo nguyên văn bài hát j'écoute.

Les bruits de tes pas...

Hết bài này, đến bài khác, cô luôn miệng hết đọc thơ (LE LAC) khi đi ngang qua một giòng suối đến bài hát khác, nào Serait-ce un rêve, un joli rêve

un jo...li son...ge

n'est qu'un men...son...ge...

Rôi tôi bỗng nhớ tới những bài thơ mới của cô. Bài Viếng phòng vắng :

Gió lọt phòng không

Tạt hơi đông

Lạnh như đồng

Ngồi mơ tưởng

Dây động tơ lòng

.

Gió lọt phòng không

Tạt hơi đồng
 Lạnh như đồng
 Ngồi tơ tưởng
 Tỉnh xưa phát phưởng
 Ấm dịu cõi lòng

Và bài « CANH TÀN »

Em ơi ! nghe làng nghe
 Gió đêm thoáng qua cửa
 Lặn tàn một góc lửa
 Lạnh ngắt chốn buồng the

 Gió đêm thoáng qua cửa
 Nào dạ... để tí tè
 Lạnh ngắt chốn buồng the
 Em ơi ! kêu chút lửa

 Nào dạ... để tí tè
 Gió mưa thiết chi nữa

À, theo những sự kiện ; yêu văn thơ, Nhạc Pháp nhiều nên cô Nguyễn-thị-Kiểm nhiệm về sự tự do phát triển ý nghĩ và những điệp khúc trở đi, trở lại của những đoạn chánh trong bài hát (refrain) nên khi cô làm một bài thơ mới, cô thích có nhiều điệp khúc lặp đi, lặp lại cái giây liên tục, cái diềm chính của bài thơ.

Đề rồi, nhóm bảo thủ thơ cổ cho rằng loại thơ mới của cô Nguyễn-thị-Kiểm chẳng có gì mới mẽ cả. Mà đó là loại thơ có từ lâu, con cóc nhảy vô, con cóc nhảy ra hoặc.

Vân-Tiên công mẹ đi ra

Đụng phải cột nhà, công mẹ trở vô

Vân-Tiên công mẹ trở vô

Đụng phải cái bờ công mẹ trở ra...

Thế là, đề bảo vệ, cô Nguyễn-thị-Kiểm phải đăng đàn bóng vực THƠ MỚI của cô, ngoài sự viết bài đăng trên mặt báo phụ nữ Tân-Văn với nhóm phản đối. Cô bảo :

— Hủ tục là hủ tục. Hủ tục đã có qui mô sẵn Còn THƠ MỚI thì nhứt nhứt nhà thơ oân phải sáng tạo hết cả đến cái qui mô nhà thơ phải tự mình kiến thiết lấy cho mình.

Và cô cho thơ Lưu-Trọng-Lưu « TRÊN ĐƯỜNG ĐỜI » một loại thơ mới được nhiều người thích hơn bài TÌNH GIÀ của Phan-Khôi. Vì ý nghĩa tự nhiên, không gò bó khuôn khổ. BÀI TÌNH già câu văn nghe thâm trầm có nhịp, có vần, song ý nghĩa không rõ rệt, lại có hơi mờ ám hơn bài trên đường đời, tả thân cô độc, đau khổ của một người đau khổ :

« Bóng ai kia lủi thủi... »

Diễn tả được trọn vẹn hình bóng ai kia đau khổ, cô độc. Đến phê bình bài TỰ TÌNH VỚI TRĂNG của thi sĩ thơ mới Hồ-văn-Hảo. Có cho thật êm đềm mà rõ rệt, diễn tả hết nỗi lòng, cảnh vật của nhà thơ vv.vv.,

Kết luận cô bảo vấn đề thơ mới cô đề xướng ra chẳng phải cô nói thơ cô hoàn toàn, xuất sắc, mà cô chỉ mong rằng lối thơ mới

này sẽ được nhiều anh chị em đề ý đến và có thể sau này ta trở nên một lối thơ thông dụng, tự do đề tả một cách thiết thực, rõ ràng tâm tư, ý nghĩ dòng thi cảm của mình.

Cô Nguyễn-thị-Kiểm đúng là mẫu người có nhiều biệt tài, cô viết báo, viết đủ loại ! nghị luận, phụ nữ, văn chương, phê bình, phóng vấn tìm hiểu các cấp nam nữ văn sĩ, nào Maurice DeKobra (văn sĩ trứ danh Pháp) Huỳnh-thúc-Kháng, về xã hội, cô muốn cải cách, sinh hoạt xã hội cần lao phụ nữ, thi văn.

Rất tiếc con đường văn nghệ của cô đi không được trọn vẹn. Sau khi tờ Phụ-nữ Tân-Văn đình bản, cô vâng lệnh song thân kết hôn với nhà văn Lư-Khê, người đã tha thiết, tôn thờ, chờ đợi thần tượng Nguyễn-thị-Kiểm, từ bao nhiêu năm qua. Đề rồi sau một thời gian ngắn ông lại sang ngang con thuyền khác. Cô không một lời than phiền, trách oán. Vì cô người rất yêu tự do, của cô và muốn giữ chủ nghĩa độc thân đề đặc lực phục vụ xã hội đại chúng. Nhưng đề đến đáp lại tình yêu tha thiết của ai, thêm vì chữ hiếu cô phải vâng lời.

Rồi, cô liền sang Pháp. Sau này nghe cô giúp việc cho một nhà sáng tác nhạc. Ngày giờ rảnh tiếp phụ với người em gái cô Nguyễn-thị-Ngọc trong một cơ quan từ thiện xã hội tư nhân « Huấn Nghệ thương bệnh binh và thanh niên phạm pháp ».

Thật ửng thay ! Tiếc thay ! Việt-Nam chúng ta đã mất nhiều đứa con quý báu. Vì cái chế độ bất công, phong kiến.

Thay vì ở quê hương, phục vụ cho quê hương, lại phải ly hương, sống nhờ đất khách...

NỮ HỌA SĨ LÊ-THỊ-LỰU

Nữ họa sĩ Lê-thị-Lựu cũng là người phụ nữ trong giới tân tiến như cô Nguyễn-thị-Kiểm. Và cô cũng là người phụ nữ thứ nhất đậu Thủ Khoa trường Cao-dẳng mỹ-thuật Hà-nội, vào thời bấy giờ. Và mãi cho đến ngày nay, trên ba mươi năm qua, chưa có một người phụ nữ thứ hai như cô Lê-thị-Lựu. Công chúng ba miền Nam-Trung-Bắc chú ý một cách đặc biệt khi được biết tài người họa sĩ son trẻ xinh như mộng đẹp, như hoa trong những bức họa của cô trưng bày ở các cuộc triển lãm hay trong Hội chợ.

Người ta lưu tâm, chú ý về tài danh họa của cô đã đành nhưng người ta còn chú ý đến cái mới và cái nhân cách lý kỳ của vị nữ sinh trường Mỹ-Nghệ rất nhiều.

Dư luận rất là xôn xao thời đó. Họ chỉ trích cô đi xe đạp như con trai, không có chút gì tác phong người phụ nữ Việt-Nam lễ giáo. Họ tranh toàn những bức họa khóa thân trên lưa, người phụ nữ bình dân, lao động, kém phần đạo đức. Cô luôn luôn bình thân với những lời chỉ trích ấy. Cô tự nhiên sống theo lý tưởng, hành động của cô.

Không bao giờ cô chịu thua vì hủ tục, chịu lùi vì lời xuyên tạc, chỉ trích. Trước những dư luận, cô Lê-thị-Lựu vừa biết chống lại sự đàn áp của luân lý cũ, vừa giữ được nhân cách hay của mình.

Cô luôn luôn đứng về phía bình dân, lao động, thật nguyên, đau khổ. Những bức họa của cô trên lưa toàn những tấm thân cứng chắc bấp thít tay chân, ngực của người phụ nữ thôn quê, và nét mặt, thân hình gầy ốm, bệnh tật của những người vô phúc sống đau đường xó chợ.

Nhiều bạn hỏi cô :

Tại sao cô là một vị tiểu thư đài các, học thức trong một gia đình lễ giáo lại đi lưu ý họa làm chỉ những vết bẩn của xã hội, của người phụ nữ bình dân, thôn dã ?

Cô mỉm cười bảo :

— Cái đẹp thật là cái đẹp ở những người phụ nữ lao động, bình dân ở thôn quê, nó đẹp từ trong tinh thần ra ngoài gương mặt. Cả đời lam lũ, đầu tắt mặt tối nhưng họ vẫn đẹp tự nhiên, chứ cái đẹp giả tạo có ra gì, lạ gì mà họa cho uổng công.

Nữ họa sĩ Lê-thị-Lưu đúng là một nhà mỹ thuật thiên về xã hội hạ tầng. Cô thường tìm tài liệu ở thôn quê, hay trong những nhà thương bệnh bất trị, hoặc nơi kẻ ăn xin, ngủ đường nằm chờ. Cái triết lý của cô, cái quan niệm về cuộc đời là cô muốn cho người đời thương thức cái đau khổ, nghèo đói, bệnh tật của nhân loại, những cái mà nhân loại không buồn biết đến, xã hội bỏ rơi.

Ai đã được xem những tấm tranh lụa, sơn dầu của cô vẽ cảnh Đê-thiên, Đê-Thích và đám ăn mày tàn tật và tranh « NGƯỜI VÀ VẬT » trong cuộc đấu xảo ở Ba-Lê vào khoảng năm 1933 và có trưng bày tại Hội chợ Phụ-nữ Tân-văn 1932, đều khâm phục tài người nữ họa sĩ tài hoa nhiều đức tính xã hội này.

Về truyền thần, cô vẽ thật linh động, không thua các nhà danh họa phái Nam chút nào. Nhưng rất tiếc, một nhân tài như thế, tổ quốc không giữ cô lại được. Vì cái chế độ phong kiến, cô không được tự do phát triển nghề nghiệp, không thành công viên mãn theo ý định của mình, nên con chim con ấy cũng lìa tổ quốc sang Âu-Châu như trường hợp cô Nguyễn-thị-Kim để tìm đề tài, vịnh quang khác.

Một vài con én, như cô Lê-thị-Lưu và Nguyễn-thị-Kiểm không làm được một mùa xuân tươi đẹp, vĩnh cửu cho giới phụ nữ Việt-Nam. Thật đáng tiếc thay !

QUÁCH-THỊ-TRANG

Cô Quách-thị-Trang 15 tuổi, nữ sinh trường Nguyễn-Khuyến, dự cuộc biểu tình chống trào Ngô bạo ngược trước chợ Bến-Thành ngày 25-8-63, vào lúc 9 giờ, do toàn thể sinh viên và học sinh tổ chức.

Nhưng khi cuộc biểu tình mới vừa phát khởi với 200 học sinh và sinh viên, đang giăng 1 biểu ngữ trước nhà hàng Hòa-Bình thì bị lực lượng cảnh sát chiến đấu và mặt vụ của Diệm Nhu ngăn chặn, đàn áp, đánh đập bằng bá súng và ma trát (matraque). Nhưng vẫn không đàn áp được làn sóng mạnh biểu tình. Một Phó trưởng bót Lê-văn-Ken rút súng bắn đại vào đoàn biểu tình để ngăn chặn làn sóng dữ dội ấy.

Vì đó đạn bay vào người Quách-thị-Trang, cô ngã gục xuống vệ đường và sau đó đã tắt thở.

Cái chết của cô gây thêm nhiều uất hận cho dân chúng, niết là giới Phật tử, nhờ đó cao trào chống Ngô càng ngày càng đi đến chỗ mãnh liệt : trào Ngô đổ, cách mạng 1-11-1963 thành công.

Nhưng trong trang lịch sử đấu tranh sau này, hẳn có ghi tên người nữ sinh cang trường SANH VÌ ĐẠO, TỬ VÌ ĐẠO này,—Nhiều nhà thơ cảm kích cái chết cao cả, hy sinh của Quách-thị-Trang đưa nhau nhắc nhở, tưởng niệm trên nhiều mặt báo chí.

Bài LIỆT-NỮ QUÁCH-THỊ-TRANG dưới đây chứng tỏ sự hy sinh vô biên của cô :

MÙA PHẬT TRANH ĐẤU 10-63

Mặc giới nghiêm vẫn đồ ra thành phố
 Không sợ hy sinh, không tiếc máu hồng
 Vì tự do xông lên trước Diên Hồng

DIÊN HỒNG. . .

Tìm nào thủ đô mà... sào huyết công an, mật vụ
 Nơi tai mắt muôn dân, quan chiêm quốc tế
 Nhưng súng gươm tua tủa
 Cuộc biểu tình giàu ý nghĩa biết bao !
 Vừa ra quân, bên tay trắng máu đào
 Tìm còn đập : TỰ DO HAY LÀ CHẾT
 Bên kia là bạo lực của sắt thép
 Với nhà giam dề bảo vệ độc tài
 Sau phút giao phong sắt máu đôi đàng
 Từ giữa miền Nam, tràn ra thế giới
 Ánh Sáng tự do đầy lui bóng tối
 Từng được... từng bước... phong kiến rụi tan
 Máu thư sinh anh nữ Quách-thị-Trang
 Giọt, máu hiện ngang hiểm có
 Sôi căm thù vì nhân dân đau khổ
 Chống bạo tàn, chia rẽ... không lưu danh
 Tánh tình em, từ thuở biết đấu tranh

Vẫn kín miệng không khoe khoang công tác
 Mỗi chúa nhứt xuống Saigon bàn bạc
 Trong gia đình em cũng giữ kín môi
 Ngày ấy... em theo tiếng gọi non sông
 Xông ra Bến-Thành, tay không cần giặc
 Em vẫn biết... chuyển đi đây quyết liệt
 Mẹ già hay, sợ yếu cột, mềm gan
 Mấy trắng qua em cười dưới suối vàng
 Máu em đỏ, trào hoa trên đất nước
 Nhưng... mẹ già bất tin... mờ lệ ướt
 Em bắn khoán không thề mở cười tròn.
 TRẠNG OT ! mẹ già đã thỏa con ngoan
 Khi Phật Giáo tôn em một THÁNH NỮ.
 Tôi..., chưa tin ngưỡng, gọi em LIỆT-NỮ
 Biết ân em, tôi đốt nén tâm nhang
 Và...

Đất mẹ ăm ỉ đại bác gầm vang
 Quê hương ta còn ghen ngào, nước nờ !
 Cho tôi hỏi bao giờ ? ngừng tiếng súng ?
 Em giờ đây...
 Liệt-nữ hiền-huyền cơ.

Mùa Phật tranh đấu

10-1967

TÚ-LAN

NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM

Anh dũng, bất khuất, trung hậu, đảm đang... qua những Ca dao và Tục ngữ

Để chứng minh những đức tính tuyệt vời của người phụ-nữ Việt-Nam « anh dũng, bất khuất, đảm đang, trung hậu v.v.. là những bản tính cố hữu đã có từ lâu, nó đã được thể hiện trong lịch sử cũng như đã được phổ diễn qua các câu Ca dao, các lời tục-ngữ. Chúng tôi ôn lại một số câu Ca dao, tục ngữ dưới đây để chứng minh những can trường, đức tính ấy :

Có gì đảm đảm hơn mối tình của một vị hôn thê sắp đến tuần trăng mật.. ấy thế mà người chinh phụ Việt-Nam vẫn khẳng khái hỏi chồng sắp cưới :

Chẳng đời tiền bạc, áo khăn

Đời anh cho biết tông quân độ nào ?

Với tinh thần anh dũng, bất khuất truyền thống dân tộc, không phân biệt trai gái :

Cùng nhau chung gánh sơn hà

Trai gươm Hưng Đạo, gái cờ Trưng Vương

Cho đến nỗi mỗi lần đất nước thân yêu của nàng bị ngoại bang và bọn tay sai bán nước dày xéo, thì nàng muốn đức lang quân của nàng lên đường tòng quân tức khắc, đi đến bất cứ lúc nào có giặc để đánh :

Sáng trắng, sáng cả vườn đào
 Sáng sang vườn mận, sáng vào vườn dừa
 Tông quân chàng đã quyết chưa,
 Đề em sắm sửa tiễn đưa lên đường

Vì tình riêng cho nghĩa công, thiếu số chợ đa số, cá nhân cho tập thể, cục bộ cho toàn bộ, nhất thời cho vạn đại. Lịch sử chống xâm lăng của Việt-Nam nữ giới đã và đóng góp rất nhiều :

Nặng tình nổi giống non sông
 Quàng chi chiếc bóng cô phòng hắc hieu
 Hoặc là :

Trước giờ Tô-Quốc lâm nguy
 Anh nên gác bỏ nữ nhi thường tình

hoặc là :

Thằng Tây khoe có tàu bò
 Em ôm bom liệng bẻ dờ gãy ngay
 Thằng tây khoe lắm tàu bay
 Súng trường em nổ hạ ngay tức thì

Đó là một tinh thần bất khuất mà người phụ nữ Việt-Nam đã có từ ngàn xưa :

Đàn bà ba bảy đàn bà
 Cầm súng đánh giặc cũng là đàn ông

Và :

Đánh Tàu, đánh Tây anh hùng

Cả hai đều chiếm nước, biết bọn mai hồng Việt-Nam

Khi người trai Việt quyết tâm lên đường bảo vệ non sông, người vợ ở hậu phương, với đức tính trung hậu, đảm đang, chẳng những không cản ngăn, bịn rịn, trái lại còn khuyến khích chồng :

Em khuyên anh kíp đi liền

Đẹp niềm thê tử, trận tiền rudi dong

Nếu như chồng mà còn do dự, thì liền tiếp :

Giờ đây đất nước cần dùng

Những tròng niên thiếu anh hùng như anh

Tên anh ghi tạc sử xanh

Em đây cũng hưởng thanh danh một phần

Hay là :

Khuyến anh nhập ngũ cho ngoan

Cho nước được cội cho dân được nhờ

Bao giờ chiến thắng phất cờ,

Thì em cương quyết đợi chờ, chờ anh

Con người, dù là con người chiến sĩ, khi quốc gia hữu sự, trước giờ phút cất bước tung quân, trông lại người vợ đã cận kỳ sinh nở, làm sao khỏi bối rối hồi hộp :

Thương em đã tới tháng sinh

Án ở mặt mình biết cậy nhờ ai

Rồi khi sinh gái, sinh trai

Sớm khuya mưa nắng lấy ai, cậy nhờ ?

Sống dưới một chế độ xa xưa, nhà cầm quyền đất nước, vấn đề đối với gia đình chiến sĩ cũng như mọi vấn đề xã hội khác, họ không đặt ra vấn đề giúp đỡ như hiện tại. Nên một hoàn cảnh éo le khi chồng đi vắng, nhưng với tinh thần đảm đang, khả kính của người vợ đã biểu lộ ngay :

Sinh gái thì em gả chồng

Sinh trai lấy vợ, mặc lòng em lo

Thật là một sự đạt lý, một tinh thần đảm đang phi thường. Để con ra thì nuôi nấng cho khôn lớn : trai dạm vợ, gái gả chồng, mặc dù cha đã đi — cũng có thể chết — nhưng tất cả việc gia đình riêng tư, không có quyền làm, có quyền làm trở ngại cho đại nghĩa quốc gia dân tộc. Người sắp đi, hết trông vợ, lại trông tới mẹ già, nhưng rồi biết gởi gắm cho ai, đành phải dặn dò :

Anh đi, em ở lại nhà

Hai vai gánh vác mẹ già con thơ

Lầm than bao quản nắng mưa,

Anh xin gởi lại mẹ già cho em

Và

Dặn anh, anh cứ vững lòng

Nuôi già, dạy trẻ hai cùng vẹn hai

Hoặc là :

Khen ai khéo tiện ngủ cờ,

Khéo xây bàn án, khéo thờ tổ tiên,

Tổ tiên để lại em thờ

Anh ra ngoài đi cầm cờ theo vua

Anh ơi ! Phải lĩnh thì đi

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em

• • • • •

Anh ơi ! giữ lấy việc công

Đề em cày cấy mặc lòng em đây !

• • • • •

Giá vua bắt lính đàn bà

Đề em đi đỡ anh và bốn năm

Bữa vua bắt lính đàn ông

Nên bưng gạo bị, sấm trong nhà này

Giờ biệt ly đã điếm, không quên dặn dò sự can trường, nghị
lực ngoài tiền tuyến :

Làm trai quý nhưt ba điều :

Một là ngang dọc mưu cầu tự do

Hai là giữ vững DƯ-ĐỒ

Nằm gai nếm mật đền bù núi sông

Ba là Nam-Bắc vầy vùng

Cho đời biết mặt anh hùng ngàn thu

Vì bằng sống chẳng ra trò

Con người so với trâu bò khác chi ?

Chồng thi hành nhiệm vụ giết giặc cứu nước, nàng ở nhà như bóng vọng-phu. Đêm trường vắng lạnh, tiếng thoi đưa đều, thỉnh thoảng con khóc, ngưng thoi chạy lại, tay lắc nôi, miệng sẽ hát :

Phải em mang nôi súng đồng

Ra đi lĩnh thể cho chồng đôi năm

hoặc là :

Con ơi ! con ngủ cho ngon

Cha ra tiền tuyến, đánh giặc tan cha về

Hoặc khi trong những đêm mưa dầm, gió lạnh, xa xa nghe tiếng súng nổ rền, nàng liền tưởng đến chồng đang cùng bạn đồng đội xông lên giết giặc :

Xa xa nghe tiếng súng rền

Bóng ai hùng dũng xéo lên xác thù !

Và viên tượng thắng trận, trở về đoàn tụ với gia đình lại đến :

Công tư vẹn cả đôi đường

Gia đình, tổ quốc, thiếp chàng chung vui

Là một phần tử quốc dân, người phụ nữ Việt-Nam, chưa hề từ nan bất cứ một việc gì, dù khi thiệt hại đến tính mạng mình, cũng dám đảm nhận như thường tình phái nam nhi:

Giặc tới nhà, đàn bà cũng đánh

hay là :

*Em nay tuy phận đàn bà
Tấm lòng yêu nước cũng là như ai
Việc đời xin gánh hai vai
Lại xin các gã con trai giùm vào*

Luôn luôn, người phụ nữ Việt-Nam trên mọi lãnh vực nào, cũng tỏ ra dấn dăng, can đảm. Chồng đi trừ giặc loạn, thì khuyến khích, ăn cần, tận tụy hy sinh. Chồng con là một thù sinh thì hết lòng gánh vác :

*Xin chàng đọc sách ngâm thơ
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu
Thương chồng thiếp phải lăm than
Xưa nay ai bắt việc quan đàn bà?
Đi đâu cho thiếp đi cùng
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp theo*

hay là :

*Trái cau nhỏ nhỏ, cái vỏ vân vân
Nay anh học gần, mai anh học xa
Tiền gạo của mẹ cha
Cái nghiên, cái bút thật là của em*

Gặp trường hợp chồng cò bạc, hư thân (chuyện nhà, chuyện

con cái không biết đến, người đàn bà Việt-Nam vẫn cam tâm nhận chịu thủy chung như nhất :

Chồng em nó chẳng ra gì

Tò tôm, xóc đĩa, nó thì chơi hoang

Nói ra xấu thiếp hồ chàng

Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà

Nói đây có chị em nhà

Còn năm ha ruộng thóc với một vài cân bông

Tôi bán đi trả nợ cho chồng

Còn ăn, hết nhện, thỏa lòng chồng con

Người đàn ông phụ bạc, người vợ chỉ than thở :

Nói thương mà chẳng có thương

Đi đâu mà bỏ bường hương lạnh lùng

Đêm qua khi lạnh khi nóng

Khi đắp áo ngắn, khi chung chăn dài

Bây giờ chàng đã nghe ai ?

Áo ngắn chẳng đắp, áo dài chẳng chung ?

Thương chồng nên phải gắng công

Nào ai xương sắt, dạ đồng chi đây ?

Văn nghệ bình dân hay là CADAU và TỤC NGŨ của dân tộc nào là phản ảnh một cách trung thực cái tình thần cố hữu của dân tộc ấy, thì do những câu ca dao và tục ngữ trên đây chúng ta có thể kết luận rằng : Người phụ nữ Việt-Nam quả thực là «Anh-Dũng, Bất khuất, Trung-thiện, Dám-dang».

Chính Nguyễn-Công-Trứ còn ngợi khen những đức tốt của người phụ nữ Việt-Nam :

Diệp lộ vũ trùng, trung chi nhưt

Thương cái cò lặn lội bờ sông

.Tiếng nỉ non, gánh gạo đưa chồng

Ngoài nghìn dặm, một trời, một nước

.

Cao cả thay ! Mà cũng đáng kính phục thay ! Người phụ nữ Việt-Nam thuần túy !

PHƯƠNG-LAN

oOo

MỤC LỤC

3— ĐẶT VẤN ĐỀ	5
1— MẤY CÂU CADAUO	trang 6
3— BÀ AU CƠ	7
4— MAN HOÀNG THÁI-HẬU (mẹ hai bà Trưng)	10
5— HAI BÀ TRƯNG	10-14
6— BÁT NẠN CÔNG CHÚA (nữ tướng của hai bà)	15-16
7— ĐÔNG CUNG TƯỚNG QUÂN	17
8— THỊ NỘI TƯỚNG QUÂN (nữ tướng của hai bà)	18
9— BÀ LÊ CHÂN (nữ tướng của hai bà)	19
10— BÀ CAO-NHỰ (nữ tướng của hai bà)	20-22
11— BÀ TRIỆU	23-25
12— Y LAN PHU NHÂN	26
13— NGUYỄN-THỊ BÍCH-CHAU (1.373)	27-28
14— HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	29-31
15— TRẦN-NGŨ-NUƠNG	32
16— NỮ TÔNG BÌNH	33
17— NỮ CA SĨ LÀNG ĐÀO-XÁ	34-36
18— NỮ SĨ NGÔ-CHI-LAN	37-38

19— NGUYỄN-THỊ-KIM (vợ Lê-chiều-Thống)	39-40
20— HỒNG HÀ NỮ SĨ ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM	41-43
21— BUI-THỊ-XUÂN	44-45
22— NGỌC-HÀN CÔNG-CHÚA.	46-60
23— BÀ HUYỀN THANH-QUAN	61-62
24— NỮ SĨ HỒ-XUÂN-HƯƠNG	63-69
25— BÀ PHAN-THỊ-THUẦN	70-72
26— BÀ NGUYỄN-NHƯỠC-THỊ (tác giả Hạnh Thục Ca)	73-74
27— NÀNG VÂN NỮ SĨ	75
28— NỊ CÔ TUỆ — KHÔNG, THI SĨ VÀ HOA SĨ	76-77
29— BÀ TỰ Ý (con gái út Cụ Nguyễn-Công-Trứ)	78-81
30— THÚC-KHANH NỮ SĨ	82
31— CÔ TÁM TRONG NGHĨA QUÂN VŨ-QUANG	83-88
32— CÔ TRẦN-THỊ-CÚC	89-95
33— CÔ MAI TRONG NGHĨA QUÂN BÃI SẬY	96-99
34— TỬ-DŨ THÁI HẬU	100-101
35— MẸ ÔNG NGUYỄN-CAO tức là bà Huyền Thủy Đường	102-107
36— BÀ ĐÌNH-PHU-NHÂN	108-111
37— BÀ NGUYỄN-THỊ-TÒN	112-118
38— VŨ-THỊ-QUYỀN	119-121
39— ẤU-TRIỆU LÊ-THỊ-ĐÀN	122-126
40— CÔ MỘNG-LIÊN	127-130
41— CÔ NHU VỢ BA ĐỀ-THẨM	131-144

42—	MẸ ÔNG ĐỘI CÁN	145
43—	BÀ TRẦN-THỊ-QUÝ	146-150
44—	CÔ TRÀ TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN	151-159
45—	BÀ SƯƠNG-NGUYỆT-ÁNH	160-167
46—	TRẦN-KIM-PHỤNG	168-177
47—	TRẦN-THỊ-NGỌC-LẦU	178-182
48—	BÀ THỊ-NGHÈ, BÀ-RI, BÀ CHIỀU	183-184
49—	CÔ NGUYỄN-THỊ-GIANG	185-193
50—	NGUYỄN-THỊ-THUYẾT	194
51—	CÔ BẮC	195
52—	CỤ BÀ SÀO NAM PHAN-BỘI-CHÂU	196-203
53—	NGUYỄN-PHAN-LONG	204-207
54—	NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN PHỤ NỮ TÂN VĂN	208-223
55—	BÀ SONG-THU NỮ SĨ	224-237
56—	NGÔ-THỊ KHÔN NGHI (vợ cụ Hồ thật	238-239
57—	CÔ VÂN	240
58—	BÀ CHÁNH TOẠI	241
59—	CÔ ĐỖ-THỊ-TÂM	242
60—	BÀ CAO THỊ-NGỌC-ANH	243-245
61—	BÀ NỮ SĨ TƯƠNG-PHỐ	247-248
62—	BÀ HỒNG THIÊN NỮ SĨ	249-251
63—	VÂN-KHANH NỮ SĨ	252-253

64—	NỮ SĨ THU HỒNG 254-256
65—	HÀNG PHƯƠNG 257-259
66—	VÂN-ĐÀI 260-261
67—	THUY AN 62
68—	CÔ NGUYỄN-THỊ-KIỆM (tự Mạnh Mạnh nữ sĩ)	. 263-269
69—	NỮ HỌA SĨ LÊ-THỊ-LỰU 270-271
70—	CÔ QUÁCH-THỊ-TRANG 272-274
71—	NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT-NAM QUA NHỮNG CA DAO VÀ TỤC NGỮ 275-583

ĐÍNH CHÍNH

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN SAI	XIN SỬA LẠI
7	9	nhân Bàn Cờ	nhân vật Bàn Cờ
13	29	sở giá	sở giá
17	7	ngoài ô	ô ngoài
21	16	nhở	nhở
25	11	koát	khối
27	23	thình	tình
31	2	lồng đo	lồng đo
34	11	đại lý	đại lý
40	7	kết	hết
41	19	đổi kính hoa my	đổi kính hợp my
—	20	vẽ mây	vẽ mây
42	16	yêu kính	yêu kính
—	22	Đặng-tần-Côn	Đặng-Trần-Côn
—	26	êm điệu	êm điệu
43	6	là cầu	là cầu
44	4	úy từ	úy từ
45	19	vào thẫu	vào thẫu
49	15	vùn vụt	vùn vụt
51	1	là lượt	là lượt
53	1	trở về	trở về
—	21	nhờn	nhờn
—	22	nguyên	nguyên
57	2	lênh	lên
—	14	no	no
71	8	hết	kết
—	15	vàng đa	vàng đa
86	4	tuần nạn	tuần nạn
—	7	cũng mà một	cũng là một
—	10	nên chỉ tới	nên chỉ tới
—	18	ba di	đa di
89	3	mái rơm	mái rơm
92	2	lơ lác	lơ lác
104	23	mẫu hê	mẫu hê
105	10	mướn định	nhuộm bịnh
—	17	toán dùng	toán dùng
—	18	xe	ra
—	20	không	đây
106	9	ô đọi	ôm đọi
—	16	cùng chông	cùng chông
—	20	ai say	ai hay
151	17	bằng... oanh	bền... oan
125	10	hương lớp...	Hương-giang lớp...

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN SAI	XIN SỬA LẠI
143	7	dần tia nóng	dầu tim nóng
—	15	bi thần	bi thêm
—	17	đường	tường
163	15	Tàng đao	Tùng đao
—	17	rủ hơ	rủ hoa
165	10	vén sủng	vác sủng
165	18	bài vẽ	bài vẽ
173	8	sét... vẩy	xát... vảy
175	17	cũng như ai	cũng là như ai
—	19	thề nào	khắc nào
181	7	đất khối	khối vắn
182	15	khôn thoát	khôn thoát
—	16	kêu côi	khêu nổi
190	20	Pháp văn	Pháp vắn
191	16	nuơng rử	nuơng tử
198	19	bạn	bạn
—	20	thề thần	thề thần
—	22	chích phủ	chích thủ
—	26	cự chồng	cố chồng
—	27	mấy	mấy
199	6	văn, thề	văn, thề
—	7	tướng sẵn	hướng sẵn
201	26	nhân có cái nhọn đức	nhân đó càng ơn đức
224	19	khăn	khăn
230	8	... vùn vụt	... vụt vụt
—	11	xanh	xao
—	12	thêm thêm	thêm thêm
236	6	cưu nhan	cưu nhan
245	13	sử sĩ	nữ sĩ
247	6	phi nhan	Thị nhân
250	15	ví còn	ví có
250	22	cầu	cầu
251	sau dòng 3 thiếu câu thơ: « muốn đem sơn phần nhuộm sơn hà »		
256	4	vùng lợi là chàng lướt	lòng lả, đồ chàng trượt
—	5	cư đàn	cử đàn
258	5	hạt ngọc	hạt ngọc
268	8	bóng vực	bích vực